

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẬP-CHÍ

TÂM-LÝ NGƯỜI PHÁP (1)

Nay ta thử chụp lấy cái ảnh chân-thực của người Pháp về đường tinh-tinh thể nào, xét xem có những tính tốt tính xấu thể nào và hiện nay có thay đổi đi đường nào.

Xét về phương-diện tinh-cảm thì đời xưa nhà làm sách La-mã tên là STRABON đã nói rằng người Pháp có tính dễ kích-thích, ngày nay thời người Đức vẫn thường chê người Pháp là có tính đa-cảm. Ấu cũng là cái thiên-tinh tự-nhiên dễ cảm-kích vậy. Lấy sinh-lý-học mà xét thời nguyên-nhân nó là ở cái thể-chất di truyền thịnh về đường thần-kinh cảm-động. Thể-chất này là thể-chất đa-huyết mà thịnh-kinh (*tempérament sanguin-nerveux*) cho nên hay ham những sự kích-thích vui-vẻ, mà hay sợ những sự cảm-động buồn-bã. Vậy thời trong tâm-lý người Pháp, phàm những tinh-cảm nó thúc-giục cho cái sinh-khí của người ta vẫn được thăng, còn những tinh-cảm nó ngăn-ngừa cho cái sinh-khí ấy không phấn-phát lên được, nó khiến cho người ta phải gắng-gỏi, phải khó-nhọc, phải trầm-trệ uất-ức, những tinh-cảm ấy thời phải phần thua vậy. Cũng bởi lẽ đó nên người Pháp ngày nay cũng như người Pháp đời xưa, vẫn hay ham những sự vui-chơi khoái-lạc, thứ nhất là những cái khoái-lạc tự-nhiên dễ-

dàng hơn cả. Đại-dễ người Pháp ham cái gì không ham một cách trầm-trọng chuyên-nhất mà ham một cách khoái-hoạt hăng-hái, nghĩa là chịu ảnh-hưởng một cái ý-tưởng hay, một cái cảm-tinh tốt, đột-nhiên bị kích-thích, phấn-phát lên một lúc mà không bền vậy. Nếu đổi cái ý-tưởng đi, dùng cách lý-luận khác mà chuyển thần-trí về một phương-hướng khác, thời tự-nhiên tinh-cảm cũng chuyển-dịch ngay, vì không phải do trong thâm-tâm mà ra, chính là bởi cái phong-trào thẳng-lai ở bên ngoài mà tới vậy.

Đó là cái đặc-tính thứ nhất trong tinh-cảm của người Pháp.

Cái đặc-tính thứ nhì là cái tinh hay bành-trướng phát-tiết ra ngoài, xưa cũng vậy mà nay cũng vậy; tính đó là tính di-truyền của giống *Celtique* đời xưa. Vả lại tính-cách đó cũng là thông-thường ở những giống có tính chất đa-huyết thịnh-kinh, là tính chất không có ủy-xúc trầm-trọng mà hay tản-mạ phát-lộ ra ngoài. Nhân đó có thể suy ra một điều quan-trọng, là những người có cái tinh-cảm mãn-tiếp và bành-trướng như vậy, thời dễ hợp đồng lại với nhau, tất là cái cách hành-động và phản-động vừa mau và vừa mạnh, nghĩa là cái cảm-tinh nó dễ bén và dễ khiến cho người ta đồng-thanh

(1) Lược dịch một chương trong sách « Tâm-lý dân-tộc Pháp » (*Psychologie du peuple français*) của nhà triết-học ALFRED FOUILLEE, xuất-bản tại hiệu sách Félix Alcan ở Paris.

tương-ứng, đồng-khi tương-cầu. Cái bản-năng xã-giao của người Pháp phát-đạt được tới một trình-độ cao như vậy, chắc cũng còn vì những nguyên nhân về trí-thức, về lịch-sử nữa, nhưng xét ra thì cái mầm thứ nhất của nó là ở như tình-cảm dễ bành-trướng, cái sức cảm-dỗ của người ta rất mạnh, truyền-nhiệm rất mau vậy. Thật thế, không có dân-tộc nào mà cái đời công-cộng lại có ảnh-hưởng trong dân gian sâu-xa bằng dân tộc Pháp, vì người Pháp bao giờ cũng cần phải chung cùng xum-hợp với nhau thì mới lấy làm sung-sướng. Người Pháp lấy sự cô-độc làm khổ lắm, ngạn-ngữ có câu : « Có xum-hợp mới có sức mạnh », đối với người Pháp thì không những thế, mà lại có xum-hợp mới có hạnh-phúc vậy. Người Pháp không thể tự-cam tư-tưởng một mình, cảm-giác một mình, hưởng-thụ một mình được ; không thể phân-biệt sự khoái-lạc của mình với sự khoái-lạc của người vậy. Bởi thế nên thường có cái tính thật-thà tưởng rằng cái gì làm cho mình sung-sướng tất cũng làm cho cả thế-giới được sung-sướng, và suốt nhân-loại đều phải tự-tưởng cảm-giác như người Pháp cả mới được. Vì vậy nên người Pháp vẫn hay có cái tính tuyên-truyền cổ-động, và tinh-thần của nước Pháp hay muốn truyền-nhiệm bành-trướng ra ngoài, nhiều khi khiến cho các dân-tộc khác cũng như bị cuốn vào phong-trào mà phải đi theo, dù có dân có cái tính tự-nhiên lãnh-đạm hay có cái tinh-ý thiên không phục mặc lòng. Cái tâm-lý đó vẫn là tốt, nhưng cũng có một cái phương-diện không hay, là thiệt-tình muốn làm tốt cho người mà thành ra có ý chuyên-chế người ta, muốn cho ai ai cũng phải tự-tưởng cảm-giác như mình hết thấy. Lại cũng thường khi không muốn chuyên ép người ta thời tự mình chọn lấy con đường tắt cho gần với người, nghĩa là cũng cảm-giác,

cũng tư-tưởng như người ta, không xem xét sâu-xa gì nữa. Phàm những dân-tộc có cái tính-chất đa-huyết đa-cân (*tempérament sanguin-musculaire*) hay là ở nơi khí-hậu tốt, cảnh-vật tươi cười, thời vẫn có cái tính lạc-quan, không hay nghĩ-ngợi đến chuyện tương-lai, chỉ biết cái thời-khắc hiện-tại vui-vẻ mà thôi. Những cái khuynh-hướng đó, trong dân-tộc Pháp vẫn từng nghiệm thấy. Người Pháp có tính vui-vẻ, dễ hi-vọng, dễ tin mình, tin người, tin hết thấy. Người Pháp ưa cười-cợt vui-vẻ. Sự vui-vẻ vẫn là có cái tính-cách xã-giao ở đó. Trong cái tính tươi-cười vui-vẻ là hàm có hai điều : điều thứ nhất là cái tính khuynh-hướng ra ngoài mạnh hơn cái tính tri-trọng ở trong, như người Anh, người Đức có tính trầm-trọng không hay cười-cợt bao giờ ; điều thứ nhì là cái tính vui-cười đã là tính tự-nhiên thời dù có cười-cợt kẻ khác cũng không sợ người ta giận mình, oán mình hay muốn thù lại mình, nếu không thì có câu nói đùa lắm khi thành ra cái va lớn : cho nên người Tây-ban-nha, người Ý-đại-lợi có tính hay hiềm-thù thời không thể cười-cợt vui-vẻ được.

Còn như cái ý-chí của dân-tộc Pháp thời ngày nay cũng như về thời-dại người *Gaulois* ngày xưa, thường hay phát-biểu ra một cách mãnh-liệt, như một cái sức mạnh tự nơi trung-tâm-điểm phát ra mà cứ đi một đường thẳng vậy. Giá một nhà sinh-lý-học thì nói rằng : ở dân-tộc Pháp cái sức phát-động ra bao giờ cũng mạnh hơn là cái sức cầm giữ lại. Người Pháp ngày nay cũng như người *Gaulois* ngày xưa, tinh can-đảm nhiều khi quá đến thành ra táo-bạo, ham tự-do nhiều khi quá đến thành ra vô-kỷ-luật, nhưng cái ý-chí đó nhiều khi nó sâu-phát chứ nó không có tiếm-tiến, thành ra chóng ham mà cũng chóng chán, rồi rút-cục lại cũng thành ra lại theo cái qui-củ cũ, lại

phục cái lẽ-lối xưa mà thôi. Phàm người có cái ý-chí tự-nhiên sâu-phát thời hay quả-quyết mau và hay định-đoạt chóng. Bởi thế nên thiên-hạ có khi trách người Pháp là nhẹ-nhàng khinh-suất. Nhưng trái lại, phàm ý-chí tự-nhiên sâu-phát thời có cái hay, là học-trực ngay-thẳng. Vì rằng muốn trí-trá thì phải suy-nghĩ, phải hồi-hộ, tức là phải ngăn cái ý-chí tự-nhiên lại; muốn lập mưu lập kế, thời phải tính-toán xa-xôi, phải dự-bị lâu và phải kiên-nhẫn lắm: người Pháp vốn không có cái thiên-tính đó. Người Pháp theo cái kiểu-mẫu cổ-điền thời bôn-tinh vẫn thành-thực dễ-dàng. Chẳng-hoặc có nói hay làm sai sự thực, chỉ là vì cái trí-tưởng-tượng mạnh, hay là cái lòng ham muốn huyễn-diệu người ta mà thôi, bấy giờ mới sửa-sang thêm-dệt thêm cho nó sai cái chân-tượng đi. Thường không phải là dụng-tâm mưu-tính, chẳng qua là khí-chất dồi-dào mà thôi. Ngạn-tây có câu: « Khoác-lác như người *Gascon* »; người Pháp dù gốc-tích ở giống *Celte* hay giống *Franc* cũng vậy, vẫn thời - thường có cái tính-cách *Gascon* đó.

Phàm những người có cái cảm-giác tinh-nhuệ, cái ý-chí bông-bột như vậy, thời trí-tuệ cũng là mãn-tiếp mà phát ra như cái tia sáng cứ chạy thẳng, không có nhìn trở lại hay chiếu chung quanh nữa. Cho nên sự dung-dị, tức là cái thiên-tài đệ-nhất của người Pháp. Sự dung-dị có điều lợi, nhưng cũng có điều hại; có lợi là thấu-thái cái gì cũng mau chóng, am-hiểu cái gì cũng dễ-dàng, nhưng mau mà không được bền, dễ mà không được chắc; vả lại dễ quá thời mềm quá, mềm quá thời cứ uốn theo cái cơ-hội bên ngoài mà thay đổi, thay đổi luôn thời thành ra bất-thường bất-định. Cũng có khi cai-quát được cái toàn-thể mau quá mà không kịp xét kỹ sâu-xa đến những nơi tế-mật. Văn-sĩ SAINT-EVREMONT

xưa đã có câu nói rằng: « Trí-tuệ người Pháp không gì là không làm được, duy phải chịu khó suy-nghĩ mới được » Cái công chịu khó đó, thời người Pháp ít khi hứng-lắm; tin ở cái tính uyển-chuyển tự-nhiên của mình, bao giờ cũng vội cho đạt tới mục-đích, nên phán-đoán thường mau quá. Sự phán-đoán đó vẫn không phải là hoàn-toàn sai cả, nhưng thường là khuyết-điểm, chỉ khu về một phương-diện mà không xét đến các phương-diện khác. Thường cái phương-diện con mắt mình xét tới ngay, lại là cái biểu-diện bề ngoài, vậy thời trách sao cái trí-tuệ trung-bình của người Pháp lại không thường thường thiên-cận một đôi chút? Tuy-nhiên đã có con mắt sáng-suốt thời xét vẫn mau và vẫn đúng, còn hơn là kẻ đầu óc nặng-nề, nhìn mãi mà không trông rõ vậy.

Phàm người có trí-tuệ mau chóng, cảm-giác linh-lợi, thời cố-nhiên là ưa sự rõ-ràng sáng sủa; lấy sự tối-tăm mờ ám là một cái trở-lực cho không tự-nhiên hành-động ra được; bởi thế nên cái gì khó-khẩn mờ tối thời rất là không ưa. Cũng bởi thế nên phàm tư-tưởng có trật-tự, có manh-mối, khiến cho người ta dễ lý-hội được, thế là người Pháp ưng-lắm. Tính tự-nhiên của người Pháp là ưa những cái gì giản-dị. Cho nên những tư-tưởng đại-đồng, những tư-tưởng thuộc về trừ-tượng, là những tư-tưởng có thể truyền-bá cho nhiều người được, có cái tính-cách xã-hội hơn cả, ấy là những tư-tưởng người Pháp sở-thích hơn cả. Người Pháp ưa sự sáng-sủa cho đến nỗi phàm cái gì hơi ám-chỉ xa-xôi cũng không chịu, muốn cho phải phân-minh rạch-ròi mới nghe. Một cái quan-niệm gì mà phảng-phất mơ-màng, dù chan-chứa những tinh-y sâu-xa mặc lòng, người Pháp cũng cho là không có giá-trị. PASCAL đã có câu nói rằng: « Chân-lý là một cái mũi nhọn rất sắc ». HỀ

không phải là cái mũi nhọn đó, thì người Pháp khinh-thường cả. Nếu bao giờ cũng chắc là tìm đúng được cái mũi nhọn đó, thì còn gì hay bằng nữa, nhưng thần-trí người ta bao giờ cũng có khuyết-điểm, không mong tìm đúng ngay được cái mũi nhọn tinh-lý đó, cho nên một cái tư-tưởng mơ-màng man-mác có khi lại bao-hàm được nhiều chân-lý hơn là một cái tư-tưởng nhỏ-hẹp đích-xác.

Phàm cảm-giác thế nào, thời tưởng-tượng cũng in như thế; như người Pháp thời tưởng tượng không có mạnh lắm bao giờ. Cái sức tưởng-tượng ấy không có mãnh-liệt thâm-trầm, cũng không có dồi-dào chan-chứa như người Đức hay người Anh: thường là lấy trí-tuệ mà quan-cảm về sự-vật, hơn là lấy tinh-tinh mà trực-tiếp với sự-vật. Cái trí người Pháp vẫn khéo lý luận, khéo kết-cấu, cho nên không có cái tài hình-dung những sự-vật hiển-nhiên mà lại có cái tài liên-lạc những sự-vật trong lý-tưởng kết-cấu ra. Nói tóm lại thời cái trí tưởng-tượng của người Pháp là thuộc về lý-luận, về kết-cấu sở-trường ở cái nét vẽ phác họa về sự đời. Trong văn-học-sử nước Pháp mà có những nhà văn có tưởng-tượng dồi-dào như CHATEAU BRIAND, HUGO, FLAUBERT, ZOLA, là những nhân-vật phi-thường đặc-biệt cả. Chứ thường-thường thì người Pháp lý-luận nhiều hơn là tưởng-tượng, mà trong khi tưởng-tượng cũng không phải là sở-trường ở sự tưởng-tượng về cái ngoại-cảnh, ngoại-giới dẫu, mà chính là sở-trường ở sự tưởng-tượng về cái nội-giới, tâm-giới, là cõi tinh-cảm cùng tư-tưởng của người ta.

Phàm ham lý-luận quá thời nhiều khi quên cả sự quan-sát. Nhà triết-học Anh STUART MILL bình-phẩm về nhà triết-học Pháp AUGUSTE COMTE có nói một câu như sau này, giá khái-luận nói cả về dân-tộc Pháp cũng được: « Ông lý-luận một cách chặt-chẽ cho đến nỗi

người ta phải phục cái cách lý-luận của ông mà cho là chân-lý hiển-nhiên rồi. Cái tài kết-cấu cho thành thống-hệ, do một cái nguyên-tắc mà suy-diễn cho đến cùng, lại khéo phô-diễn một cách sáng-sủa vô-cùng, tài đó là cái tài đặc-biệt của hết thầy các nhà văn có tiếng ở nước Pháp. Nhưng có cái tài như vậy, mà tài ấy lại liền với một sự khuyết-điểm như sau này: là người Pháp lý-luận một cách sáng-sủa quá, tiền-đề thế nọ thì hậu-kết phải thế kia, coi nó chính-đốn lấy làm khoái-lắm, đến quên hẳn không đem câu kết luận mà đối-chiếu với sự thực xem có đúng không. Theo ý tôi thời chính vì cái khuyết-điểm đó nó khiến cho AUGUSTE COMTE có cái sức lý-luận một cách chặt-chẽ như vậy, dựng thành một cái thuyết-hệ coi ra vẻ nghiêm-trang vững-vàng lắm, cứ bề ngoài thì có thể cho là một cái nền thực-học tuyệt-đối vậy.»

Cảm-giác cùng ý-chí thế nào không những là định được hình-thể cùng cách-thức của trí-tuệ mà thôi; lại có quan-hệ đến cả cách kén chọn những sự-vật của tư-tưởng nữa; cho nên có thể dự đoán rằng phàm những tư-tưởng có tính cách về xã-hội, về nhân-loại, là những tư-tưởng thích-hợp với thần-trí người Pháp hơn cả. Những tư-tưởng đại-đồng mà đem ứng-dụng về xã-hội thì tiện-thị thành những tư-tưởng quảng-đại, chính những tư-tưởng đó là dễ lưu-hành ở nước Pháp hơn cả. Những nhà chuyên-trị về tâm-lý-học các dân-tộc, như GEIST, LAZARUS, đã từng nghiệm thấy người Pháp có cái khuynh-hướng quên mình đi để chủ-trương một cái tư-tưởng gì, có khi để thờ một cái chủ-nghĩa thuần-túy. Phàm người Pháp quan-niệm hay ý-nguyện, dẫu không được giống như lời SPINOZA đã nói, là nhất-thiết theo về phương-diện vĩnh-viễn tuyệt-đối cả, nhưng cũng là nhất-thiết theo về phương-diện thế-giới đại-đồng cả. Nhân

đó mà phạm tư-tưởng của người Pháp là qua ba cái trình-độ như sau này : thứ nhất là hễ tư-tưởng phát-niệm ra, là thành hình hiển-hiện ngay, theo cái nguyên-tắc của DESCARTES đã xướng lên rằng phạm cái gì quan-niệm sáng-sủa là chân-lý hiển-nhiên ; thứ nhì là phạm đã gọi là chân-lý thì phải phổ-cập đại-đồng, tư-tưởng đã sáng-sủa mà hợp với chân-lý, thì tiện thì phải đặt thành phép-tắc chung cho vũ-trụ ; thứ ba là đã gọi là phép-tắc chung của vũ-trụ, thì phải bao-gồm cả các hiện-tượng, vậy nên tư-tưởng phải diễn thành việc làm. Tư-tưởng với hành-vi phải liên nhau, đối với người Pháp thời đó là một sự yếu-cần khẩn-cấp : trí-tuệ người Pháp vẫn là nóng-nảy không chịu trì-hoãn được. Người Pháp không bao giờ chịu chỉ quan-niệm suông về lý-tưởng mà thôi : mỗi người đều có cái tính độc-đoán về lý-tưởng mà cấp-tốc về thực-hành. Nếu lý-tưởng độc-đoán mà trúng, thì còn gì hay bằng ; bấy giờ làm nên những sự-nghiệp lớn dễ như chơi. Nhưng nếu chẳng may độc-đoán mà sai-lầm, thì cũng cứ nhắm mắt theo cho đến cùng, rồi bị sự thực ngăn-trở, đến đặng đầu bươu trán mới tỉnh-ngộ.

Dân-tộc Pháp đã có những cái bản-tính như vậy, lại thêm chịu văn-hóa của La-mã, thế-tất phải tôn-sùng cái chủ-nghĩa duy-lý. Người La-mã đời xưa cũng đã lấy lý-tưởng làm trọng lắm, pháp-luật của La-mã đều muốn đặt thành phép-tắc chung cho cả nhân-loại, nhưng đối với người La-mã thời đó chẳng qua là vì cái mục-đích muốn làm chúa tể cả thế-giới mà thôi : cái thế-giới chủ-nghĩa của La-mã là muốn cho cả thế-giới phụng-sự La-mã, chứ không phải là La-mã phụng-sự thế-giới. Kịp đến đạo Cơ-đốc thời đã tiến lên một tầng cao hơn mà muốn bao gồm cả nhân-loại. Nay nước Pháp thừa cả hai cái ảnh-hưởng của phép

La-mã và của đạo Cơ-đốc, tất là đủ tư-cách để suy-diễn cái chủ-nghĩa duy-lý (*rationalisme*) đến cực-điểm, thoát ra ngoài vòng chính-trị tôn-giáo mà khiến cho có một cái ý-nghĩa triết-lý cao-xa. Chủ-nghĩa duy-lý cùng với chủ-nghĩa duy-trí cũng là một : chủ-nghĩa duy-trí (*intellectualisme*) của nước Pháp là căn-cứ ở sự tin rằng trong vạn-vật bao-la không gì là thần-trí người ta không lý-hội được, dù sự-học còn khuyết-điểm chưa thể hiểu thấu hết, nhưng đến ngày sự học hoàn-toàn thì chi chi cũng hiểu hết. Trái lại với người Pháp thời người Đức lại cho rằng vạn vật đều có một phần cao-thâm bí-hiềm, trí-tuệ người ta không hiểu được hoặc phải dụng cảm-tình hay ý chí mới có thể đạt tới ; cho rằng trong cõi chân-tượng có phần sâu hơn lý-luận hay vượt qua lý-luận nữa. Có phần thuộc về « lý-nhi-hạ », mà lại thiết-tha thâm-trầm hơn lý-trí, đó là phần tự-nhiên (*nature*), và đó tức là cái chủ-nghĩa tự-nhiên (*naturalisme*) của người Đức ; lại có phần thuộc về « lý-nhi-thượng » tức là phần thần-bí (*divinité*), và đó chính là cái chủ-nghĩa thần-bí (*mysticisme*) của người Đức. Vả lại « lý-nhi-thượng » cùng « lý-nhi-hạ » đều là u-âm man-mác cả, cho nên chủ-nghĩa tự-nhiên cùng với chủ-nghĩa thần-bí là hỗn-hợp cả trong thần-trí người Đức. Thần-trí người Pháp thời trái hẳn lại, không ưa chủ-nghĩa tự-nhiên cũng không ưa chủ-nghĩa thần-bí ; không ưa cái sự thực mộc-mạc tối-tăm, cũng không ưa lòng tin-ngưỡng mơ-màng phảng-phất, chỉ ham có cái « lý » rõ ràng mà thôi, ham lý-trí, tiện thì là ưa lý-sự. Người Đức cùng người Anh đều chê người Pháp là quá tin ở lý-tưởng, tin rằng có thể lấy « lý » mà tổ-chức xã-hội được, quá ham tư-tưởng, nhất là những tư-tưởng rõ-ràng khúc-chiết. Những lời chê-trách đó, RENAN và TAINE đã từng truyền lại cho người nước biết. Hai

nhà triết-học đó cho là người ta mà chỉ có những tư-tưởng khúc-chiết, thời không bao giờ khám-phá được điều gì, nhất là trong cõi sinh-hoạt và trong vòng xã-hội, là những nơi mà mọi sự biến-hóa thường u-âm ngầm-ngấm, việc phải làm nhiều khi không thể lấy lẽ mà chứng-minh ra được. Vẫn biết thế, nhưng trong sự học hay việc làm, khu-khu giữ lấy mấy cái tư-tưởng sáng-sủa đã thu-hoạch được, không tìm rộng ra ngoài nữa, đó là một cách; còn như cố theo đuổi lấy cái ánh-sáng ở trong đám tối, muốn cho nhất-thiết được sáng-sủa rõ ràng cả, đó lại là một cách khác. Cái giản-dị không phải là ở ngay trên mặt, thường ở tận dưới đáy sâu-xa, mà giản-dị tức là sáng-sủa đó, cho nên sự sáng-sủa cũng có hai đường, có cái « sáng thiệt », thời bao giờ cũng phải cầu lấy cho được, còn cái « sáng giả » thời chớ nên mắc lằm. Nay xét ra thì người Pháp thường khi mắc lằm cái sáng giả mà quên cái sáng thiệt. Thí-dụ một vấn-đề chi, có cách giải-quyết nửa chừng, người Pháp ưa hơn là giải-quyết một cách trọn- vẹn, vì cho là sáng-sủa khúc-chiết hơn; lại có việc toàn-thể chưa lý-hội mà đã tưởng rằng hiểu rõ các bộ-phận rồi: đó cũng là do cái tính nóng-nảy mà sinh ra sai-lầm như vậy, rất là nguy-hiểm về đường xã-hội. Nhà hiền-triết nước Đức Goethe có câu nói rằng: « Xin cho được sáng sủa, cho sáng-sủa thêm lên! » Câu đó giá vào người Pháp nói thì mới thật là đúng.

PLATON xưa kia, đã nghiệm rằng phạm duy-lý tất khuynh-hướng về duy-nhất (*unité*). Người Pháp ham sự duy-nhất, cái đó cũng giống với cõn-nhân và nhất là giống người La-mã đã truyền cái tâm-lý đó cho người Pháp. Nhân ham sự duy-nhất, cho nên phạm cái gì trái với dư-luận hiện-hành cũng là không dung cả, có khi trái với ý-kiến riêng của mình cũng

không dung, vì tự cho ý-kiến đó mới là hợp lẽ. Cho nên thần-trí người Pháp là tự-nhiên thiên về đường độc-đoán (*dogmatisme*). Nhưng cũng may được một điều, là người Pháp lại hay có cái tình muốn đẹp lòng kẻ khác, cho nên cũng vẫn sẵn lòng nhường-nhịn với người.

Bấy nhiêu tư-cách của thần-trí người Pháp, nay đem lên đến cực-điểm, thời thành ra cái tài phân-tích sự-vật (*faculté d'analyse*), vạn-sự vạn-vật rồi như bong-bong mà cái trí người Pháp tinh-nhuệ gỡ ra được cả, tìm ra manh-mối, xếp lại chỉnh-đốn, khiến cho có trật-tự, có phép-tắc hẳn-hoi. Người Pháp lại có cái tài suy-diễn (*faculté de déduction*) nữa, trong khi lý-luận đã nắm được cái đầu mối, thời quan-h-co bối-rối thế nào cũng cứ lần theo mà đi mãi được, cái giây lý-luận liên-tiếp không gián-đoạn một khúc nào; cách đó cũng giống cách biện-luận (*dialectiquer*) của người Hi-lạp xưa, nhưng hợp với chính-lý hơn và không có cái vẻ lộng-xảo vậy. Lại có cái tài làm cho sự-vật phiền-tạp mà thành ra giản-dị được, tức cũng như nhà số-học rút lại mấy con số cốt-yếu, đủ hình-dung được sự-vật một cách trừu-tượng, nhưng cũng sáng sủa cho trí người hiểu được. Đã có cái tài giải-thích phân-tích như vậy, lại có cái tài quý hơn nữa, là đoán biết lẽ phải đương-nhiên tức là cái tài sáng-kiến về số-học, về lý-luận, người nước Pháp thường sở-trường lắm. Nước Pháp từ xưa đến giờ, mà hiện nay cũng vậy, vẫn nổi danh về khoa số-học, Phái kỹ-hà-học của Pháp ngày nay là đứng đầu cả thế-giới. Nhưng mà cái trí khúc-chiết (*esprit de géométrie*) của người Pháp không hề ngăn trở mất cái trí tinh-nhuệ (*esprit de finesse*) những bậc như DESCARTES, như PASCAL, chẳng phải là những tay số-học rất đích-xác, lại vừa kiêm triết-học rất

trinh-thâm dư? Cái đặc-sắc của thần-trí người Pháp là khéo biết gỡ ra mà nhả-mối các sự-vật, cho nên người Pháp có cái khoái-lạc đặc-biệt, là hay ưa lấy tư-tưởng mà lộng-xảo, dùng tư-tưởng như quân cờ để tha-hồ mà sắp-dặt, khi thì đi ngược, khi thì đánh xuôi, lấy thể làm khoái-trá. Nếu khám-phá được đúng cái mối quan-hệ của sự-vật, lý-hội được chỗ khó-khẩn mà diễn ra một cách ly-kỳ, thời đó chính là cái tài riêng mà thiên-hạ gọi là cái trí đỉnh-ngộ của người Pháp (*l'esprit français*). Trí đỉnh-ngộ này không giống cái trí hoạt-kê (*humour*) của người Anh hay người Đức: trí hoạt-kê thường chua-cay khốc-liệt, là tỏ ra cái cảm-giác ý-chí của một người đối với người khác, tức là một cuộc xung-đột về nhân-cách, đến như trí đỉnh-ngộ của người Pháp thì thuộc về trí-tuệ hơn là về nhân-cách, là tư-tưởng chọi nhau mà bất thành tia sáng, chứ không phải nhân-cách chọi nhau mà gây nên hiềm-khích vậy. Dù cá-nhân có can-thiệp vào cũng là can-thiệp về phương-diện xã-giao mà thôi, lấy cách bỡn-cợt để cho đẹp lòng kẻ khác vậy.

Trí-tuệ người Pháp ở bậc thượng-lưu vừa rộng-rãi mà vừa sâu-xa; nhưng đến bậc trung-lưu, hạ-lưu, đều không được rộng được sâu bằng, nhưng vẫn biết xét đoán một cách sáng-suốt và ngay thẳng: đó tức là cái « lương-trí » (*le bon sens*) của kẻ bình-dân, cái lương-trí đó cũng có dân-tộc thì khai-thông, mà cũng có dân-tộc còn bế-tắc. Xem ra thì cái lương-trí đó nó không ưa những sự hoang-đường mà cũng không ưa những sự thấp-hẹp, thường những dân-tộc thuộc về giống *Celte* hay giống *Slave* có nhiều hơn là những dân-tộc về giống *Scandinave* hay giống *Germanique*, hay những dân-tộc ở duyên bờ Địa-trung-hải; bởi thế nên kẻ bình-

dân ở nước Pháp, dù là dân quê hay dân chợ, cũng vẫn thường thấy có cái lương-trí đó, nghĩa là cái tính tự-nhiên biết điều phải lẽ chẳng, biết sự lợi, sự hại. Cái lương-trí đó nó thường không lợi cho những sự phi-thường đặc-biệt. Goethe đã có câu nói rằng: « Ở nước Pháp người nào dám tư-tưởng hành-vi một cách khác mọi người, thì người ấy can-dảm thực. Không có dân-tộc nào hay sợ thiên-hạ cười bằng dân-tộc Pháp; nhất-cử nhất-dộng, hơi trái với lệ thường, lạ tai lạ mắt người ta, là người ta không dung. » Thật thế, cái tính người Pháp là tính thiên về đường xã-hội, cho nên phạm sự gì không hợp với thói thường của xã-hội, thời tựa-hồ như là một cách của cá-nhân phản-đối với xã-hội, xã-hội không dung vậy.

Về văn-chương cùng mỹ-thuật, sự cảm-giác của người ta đã lấy lý mà chế-ngự, thời tức gọi là sự thưởng-thức (*le goût*), có thưởng-thức tất-nhiên có phê-bình (*critique*). Cho nên cái tài phê-bình của người Pháp thì thật là sáng-suốt vô-cùng, đem một cái tác-phẩm về văn-chương mỹ-thuật mà phân-tích ra một cách rạch-ròi, phô-bày ra cái hay cái dở, không căn-cứ ở cái sở-thích riêng của mỗi người mà căn-cứ ở cái lẽ phải chung của xã-hội hiện-thời.

Ấy những đặc-tính của tâm-lý người Pháp như vậy. Người Pháp hay theo cái « một » lưu-hành, khi thì hứng bắt chước người Bắc-phương, khi thì hứng bắt chước người Đông-phương, khi thì ưa người Anh. Khi thì ham người Mỹ, nhưng rút cục, cái tâm-lý cố-hữu vẫn không ngoại mấy tính cách vừa lược-thuật trên đó.

T.-C. dịch

CÁI BỆNH CỦA THANH-NIÊN NƯỚC ĐỨC

Xem các nhật-báo Đức gần đây thấy nói hiện nay trong nước ấy có tới bốn vạn đến sáu vạn người vào hạng học-thức mà không có nghề-nghiệp sinh-nhai; số đó tính ra có lẽ mỗi năm còn tăng lên từ hai vạn đến hai vạn rưỡi người nữa. Coi một việc đó cũng đủ tỏ-rạng được một phần cái tâm-lý của các lớp thanh-niên nước Đức, tức là một vấn-đề hiện nay chính ở Đức và ở Pháp đương thảo-luận nhiều lắm.

Hai nhà trước-thuật trừ-danh nước Đức, có khuynh-hướng về chủ-nghĩa tự-do dân-chủ, là ông SIEBURG và giáo-sư BONN mới rồi có đăng trong báo nước Pháp mấy bài nói về vấn-đề đó. Ông SIEBURG thì nói riêng về thái-độ thanh-niên nước Đức đối với nước Pháp, thái-độ ấy theo ý ông không phải là căm giận hay phản-đối chi, nhưng chính là thần-nhiên lãnh-dạ vậy. Còn ông BONN thì giải cái tâm-lý của bọn thanh-niên đó có tính cực-đoan quá-khích, không thiết gì đến lẽ phải lẽ trái, sự thiệt sự hơn, cho nên đưa nhau mà theo về những phái bạo-động như phái HITLER.

Ý-kiến của hai nhà trước-thuật Đức đó, đại-khái cũng đúng lắm, nhưng nên giải-thích cho rõ hơn. Trước hết cái phái thanh-niên mà hai nhà trước-thuật bàn-luận đó, phần nhiều là phái học-sinh, nghĩa là hạng thanh-niên còn đương học-tập để dự-bị ra làm các chức-nghiệp ở nước Pháp gọi là « chức nghiệp tự-do » (*professions libérales*), mà ở Đức thì gọi là « các chức-nghiệp văn-học » (*professions académiques*), nghĩa là phải có tốt-nghiệp ở các trường Đại-học ra thì mới đương được, hoặc dự-bị để làm các quan-chức cao trong nước. Ông SIEBURG thì quả-quyết rằng những kẻ thanh-niên nước Đức đó trách nước Pháp và trách hòa-trước *Versaille* đã làm cho các nghề-nghiệp

đó bị eo-hẹp, không có chỗ dung thân. Còn ông BONN thời lại qui-cửu về cái tình-hình kinh-tế quẩn-bách tự sau khi chiến-tranh cùng cái tình-trạng hóa-vật phá-giá làm cho các giai-cấp trung-lưu là hạng người chuyên về các nghề-nghiệp đó đến sa-sút khốn-đốn.

Xét cho kỹ ra thì các lẽ đó chưa chắc đã là chánh-đáng. Nói rằng vì cái chính-sách nghiêm-khắc của nước Pháp đối với nước Đức mà các nhà học-thức Đức không có nghề-nghiệp làm thầy thuốc không có khách thăm, thầy giáo không có học-trò, thầy nghề không có xưởng thợ, thời thử nghĩ kỹ, hai việc đó phỏng có liên-can gì với nhau không? Còn như phái trung-lưu mà phải đến thất-nghiệp thời cũng như phái thợ-thuyền mà có lẽ lại thêm hơn nữa, chính là bởi số người nhiều quá đó mà thôi. Nếu đem so-sánh những số người thất-nghiệp với số học-sinh các trường thời thấy rằng ngày nay số học-sinh nhiều hơn gấp đôi năm 1913 (hồi ấy có năm vạn người, mà hiện nay tới 10 vạn). Đó là cái hiện-tượng hiển-nhiên như vậy, chẳng phải tại việc ngoại-giao nước Pháp với nước Đức hay việc nội-chính của nước Đức về đảng BRÜNING, đảng VON PAPPEN hay đảng HITLER mà thành ra được, Dân-số nước Đức ngày nay cũng ngang bằng với dân-số trước khi chiến-tranh, vậy thời không thể dùng gấp hai số thầy thuốc, thầy kiện, quan-lại, nhà ngoại-giao hay nhà công-nghệ hơn trước được.

Có lẽ hiện nay và trong mấy năm về sau nữa lại cần dùng đến ít hơn là vì hồi trước chiến-tranh, nước Đức đương vào thời-kỳ phát-đạt, dân-số đương tăng lên nhiều, cần phải làm nhà, làm trường, làm công-sở, làm xưởng thợ, làm đường xe-lửa xe-điện thật nhiều mới đủ dùng được. Sau

năm 1919, nhất là trong khoảng từ 1924 đến 1929, bấy giờ các công-việc trong nước đương khuếch-trương to-tát lắm, dễ chỉnh-lý và cải-tân các khí-cụ cùng máy-móc về công-nghệ, làm gấp cho kéo lại mười năm trước phải đình-dốn cả. Nhưng hiện nay, thời nước Đức đã thừa đủ máy-móc, tăng nhiều công-nghệ lắm rồi, số thầy thuốc, số quan-lại cũng nhiều quá rồi, mà số dân-dinh thời đã đến cực-diêm, không thấy tấn-tới nữa, như thành *Berlin* trong khoảng một năm nay sút kém đi mỗi tháng 10.000 người, nhà trọ không có khách ở nữa. Như vậy thời những kiến-trúc kỹ-sư, ngoại-khoa bác-sĩ, nào là thầy chữa răng, nào là thầy hóa-học, nào là những tiến-sĩ khoa nọ, tốt-nghiệp trường kia, đầy dưng ra đó, dùng để làm gì? Thiệt không có việc chi mà làm nữa, đến một nửa phải chịu cái thàn-phận sống một cách bần-cùng eo hẹp. Thành ra một hạng người « thực-giả lao-động » (*prolétaires intellectuels*), một hạng người bất-dắc-chí, rất nguy-hiểm cho sự hòa-bình trật-tự trong xã-hội.

Những người ấy từ trước đến nay, tự mình cũng chưa hiểu rõ cái nguyên-nhân của tình-cảnh khốn-nạn của mình, phần nhiều thì cho là tại cái chính-thể hiện-hành trong nước tự 13 năm nay mà sinh ra như thế, và tưởng rằng giả thay đổi hẳn cái chính-thể ấy đi thì tình-cảnh mình sẽ được khá hơn bây giờ. Bởi thế nên đua nhau mà theo về các đảng cực-doan, như đảng cộng-sản, và nhất là đảng quốc-gia xã-hội (*nazi*). Họ tin ở những cái danh-hiệu kịch-liệt đó, không biết rằng tin như vậy là xuẩn quá, vì trong phạm-vi kinh-tế, chỉ có sự thực hiện-nhiên, con số trước mắt là chúa-tể mà thôi, chứ nói đến chính-sách nọ hay chính-thể kia, có tài gì mà thay đổi được cái tình-cảnh khốc-liệt: thí dụ số người bệnh chỉ cần đến hai thầy thuốc thôi mà dùng đến bốn thầy thuốc, thì tất

hai người trước phải giảm mất một nửa khách đi, hay là hai người thu được 90% khách bệnh, còn hai người chỉ được có 10% mà thôi, thành ra hai người sau đó tất đến thất-nghiệp.

Nay nếu không xét về nguyên-nhân cái tình-cảnh khốn-nạn đó mà chỉ lấy cái tình-cảnh ấy làm một cái hiện-tượng nhỡn-tiền mà thôi, thời lời phán-đoán của ông *SIEBURG* cho cái thái-độ của thanh-niên nước Đức đối với nước Pháp là lãnh-đạm thản-nhiên cũng là phải. Thanh-niên đã không có hi-vọng gì nữa, coi cái tiền-dồ trước mắt như mờ ám bí tắc cả, đến cái kế sinh-nhai cho bản-thân mình cũng còn lúng-túng không biết nghĩ sao, thời nói chuyện văn chương, triết-lý, văn-hóa, lịch-sử một nước láng giềng, tất cho là câu chuyện thừa không mắng nghĩ tới. Phàm những chuyện tinh-thần nghệ-thuật, là những cái sở-chí sở-sự của con người học-thức xưa nay, đến lúc này cũng gác bỏ một bên hết thảy. Thanh-niên nước Đức ngày nay (mà há phải một thanh-niên nước Đức mà thôi!) chỉ thấy tri-trục về đường lợi-lộc nhỡn-tiền, mà cái kế no đủ càng khó khăn thời cái lòng ham muốn lại càng hăng hái. Lại thấy khinh-bí những điều nghĩa-lý, những thói phong-nhã, mà công-nhiên theo những chủ-nghĩa cấp-tốc bạo-động, muốn đem thực-hiện ngay trong phạm-vi xã-hội.

Trong phái học-sinh, thời tự-trung cũng có một phần tập-tục từ xưa đến giờ. Mới rồi một cái tạp-chí Đức nọ có thuật chuyện một ông giáo bị học-trò hành-hạ đủ điều, không những trong khi dạy học ở nhà trường, mà đến tận khi về nhà riêng nữa. Đọc chuyện đó, tưởng là một câu chuyện thường hàng ngày, các báo vẫn thuật luôn. Không phải thế: Chính là chuyện ông *Fichte* ngày xưa, là một nhà giáo-dục trụ danh của nước Đức, một tay soạn ra biết bao nhiêu những bài hiệu-

dụ thiết-tha cho quốc-dân Đức, tưởng cả phái thanh-niên học-sinh trong nước đáng thờ như một bậc quốc-sư mới phải! Câu chuyện đó là câu chuyện cũ tới hơn một thế-kỷ, mà nghe như chuyện ngày nay vậy. Thế thì ra cái tâm-lý của người học-sinh Đức từ xưa đến nay vẫn không thay đổi hay sao? Nhất là bọn học-sinh đã lập thành đoàn-thể, thì thật là: nhất quỷ, nhì ma, thứ ba học trò; Họ cho là cái danh-dự của họ phải thường đánh lộn nhau đến vỡ đầu sứt tai mới cam. Họ tưởng làm thân học-trò không gì danh-giá bằng, tự đời trung-cổ đến giờ, kẻ sĩ-tử vẫn có quyền-lợi riêng ở trong nước. Thành ra một cái tinh-thần giai-cấp, khiến cho kẻ học-sinh trông thấy những người nhờ cái chính-thể dân-chủ mới mà đột-khởi, chiếm quyền nọ vị kia, có kẻ trước còn làm thư-ký cho nghiệp-đoàn nọ, nay đã lên chức quận-trưởng, huyện-trưởng, sảnh-trưởng trong các bộ, có khi đến cả chức quốc-vụ-khan nữa: thấy vậy có ý khinh, căm tức rằng những kẻ ấy chiếm-đoạt mất địa-vị của mình, cho rằng cái đường tiến-thân của mình ngày nay khó-khăn, chính là bởi bọn đó thắng-thế, bây giờ phải làm thế nào trừ-khử được họ đi, kẻ đi buôn thì về bán hàng, người làm công thì về xưởng thợ, dù phải dùng đến những phương-cách tàn-bạo cũng cam!

Song bọn học-sinh không phải là cả thanh-niên nước Đức. Có lẽ thiên-hạ cho bọn đó một cái giá-trị quá đáng, mà nói rằng học-sinh ngày nay tức là giai-cấp chủ-trương (*classe dirigeante*) sau này. Có thật như vậy chăng? Chử chắc. Nước Pháp là một nước dân-chủ mà phần nhiều nhà chính-trị là những tay thầy kiện, tay giáo học cả; ta không nên lấy gương nước Pháp mà xét nước Đức. Những tay cầm-quyền chủ-trương ở nước Đức tự năm 1919 đến giờ thời hoặc là những nhà công-nghệ lớn, như STINNES, RATHENAU, hoặc

là những tay thợ-thuyền cũ như EBERT, BRAUN, SEVERING, hoặc là người trong phái quân-nhân như HINDENBURG, SCHLEICHER. Chử như HITLER cũng không phải là nhà trí-thức, chưa từng có cái bằng bác-sĩ nào cả: thừa hàn-vi làm thợ sơn cửa, mà nay nghiêm-nhiên làm lãnh-tụ một đảng lớn nhất trong nước!

Nước Đức xưa nay vẫn có tiếng là nước trọng khoa-bảng, vậy mà ngày nay cái văn-bằng cử-nghiệp đã sụt kém giá-trị đi nhiều lắm. Đó cũng là một duyên-cớ khiến cho những kẻ dư bị về các nghề tự-do, đến khủng-hoảng thất-vọng. Còn những kẻ thanh-niên làm công làm thợ, thời cái nạn thất-nghiệp cũng làm cho tâm-lý biến-đổi đi.

Nào là diễn-kịch, nào là tiểu-thuyết, nào là báo chí, nào là vô-tuyến-diện cùng *cinéma*, đâu đâu cũng thấy tả cái cảnh khốn-nạn trong gia-dình kẻ thất-nghiệp. Nào là con phản-đối với cha mẹ, ăn ở chui-giúc trong một nơi chật-hẹp, tranh nhau miếng rau miếng cháo, căm-tức lẫn nhau mà oán-giận xã-hội. Nhiều khi không chịu được cái đời khốn-cực đó, phải bỏ nhà mà đi. Tức như cái cảnh những kẻ thanh-niên phiêu-lưu ở nước Nga trong hồi loạn-li mấy năm trước mà lang-thang những nơi đầu đường sọ chợ, sống như cái đời dã-man con vật yáy. Tuy ở Đức chưa đến nỗi thạm-tệ như vậy, nhưng cũng đã phảng-phất có cái phong-vị đó rồi. Tuy ở Đức cũng còn có nhiều cách kiếm ăn. Trong một nơi đô-thành lớn như Berlin, có nhiều nghề cũng lạ lùng: sở cảnh-sát tính ra ước có 30.000 kẻ thanh-niên vô-nghề-nghiệp, làm nghề nuôi gái kiếm ăn; lại có những kẻ họp nhau lại thành tốp tự 10 đến 50 người có khi cả con gái cũng tùng-đàng nữa, để đi lữ-hành nơi nọ đến nơi kia, hoặc cùng nhau ăn trộm, hoặc cùng nhau phóng-túng chơi bời; ở Berlin ước được

600 tốp như vậy, có tốp thiệt là những đảng ăn-cướp công-nhiên.

Cứ theo số thống-kế về mùa đông vừa rồi, thời có 900.000 kẻ thanh-niên từ 14 đến 21 tuổi không có công-việc làm, và tự đó đến nay ước 120.000 đến 130.000 kẻ thiếu-niên bỏ học, mà trong số đó thì chỉ được 40% là kiếm được nơi tập nghề mà thôi, còn ngoại-giả thời lại qui vào số thất-nghiệp hết. Trong bọn thất-nghiệp, thời có một số ít (là những kẻ trước đã từng có việc làm ít lâu) thời được lĩnh một số tiền trợ-cấp thất-nghiệp mỗi tuần-lẽ là 8 mã-khắc 15. Còn những kẻ khác thời là ăn báo cha mẹ cả, mà cha mẹ lắm khi cũng thất-nghiệp, hoặc ăn báo xã-hội, làm nghề hành-khất, hay những nghề nghiệp bất-lương như trên kia đã nói.

Tình-cảnh thanh-niên như vậy, thời lạ chi không làm tai nghe những kẻ cô-động theo các đảng cực-đoan, nào là theo đội tiên-phong nọ, phát cho mỗi người một cái áo dẫu với một miếng bánh mì, nào là theo đoàn xích-quân kia, phải ra trường biểu-tình, để đấu-võ với đảng HITLER. Phần nhiều thời chẳng phải là ủng-chủ-nghĩa HITLER hay chủ-nghĩa cộng-sản gì cả, chủ-nghĩa nào cũng được, mà muốn đổi bên nọ sang bên kia cũng được (hằng ngày thường thấy vậy); chẳng qua là những kẻ thất-cước, lơ-láo bông-lông, bị trôi giạt ra ngoài cái đời ngay-thẳng nghiêm-chính, thành ra liều-lĩnh, sẵn lòng làm những thủ-đoạn bạo-động, dù thuộc về đời công hay thuộc về riêng cũng vậy.

Lại thêm cái họa chính-trị ngày nay, nó diên man ra khắp mọi nơi, không những ở trường Đại-học, mà đến trường tiểu-học cũng thấy can-thiệp vào, khiến cho cái dục-tinh ái-ố của người ta càng ngày càng xung-đột, càng ngày càng kịch-liệt, lại càng thêm cho cái bệnh loạn-óc trong phái thanh-niên đó nặng hơn lên, tạo thành

ra trong quốc-dân một cái tâm-ly nội-loạn (*une mentalité de guerre civile*).

Nói tóm lại thời sau cái loạn chiến-tranh, đến cái loạn tiền-tệ, hết khủng-hoảng nọ đến khủng hoảng kia, nền kinh-tế đạo-đức trong nước đảo-diên cả, đến nay thời lại tiếp đến cái nạn thất-nghiệp, thật là cái nguyên-nhân lớn làm cho nhân-tâm ly-tán, làm cho thể nước chệnh-vênh. Cái nạn mới đó lại càng rõ rệt những cái khuynh-hướng tiềm-tàng trong phái thanh-niên nước Đức, khuynh-hướng này không phải riêng gì một nước Đức, nhiều nước khác cũng thấy như vậy, tức là cái khuynh-hướng muốn thả rông cho cái phần vật-dục ở trong người nó tha-hồ mà túng-sính, chẳng-quản gì danh-nghĩa, trật-tự cùng lễ-phép nữa. Trong một phần phái thanh-niên đó (nhưng chỉ có một phần mà thôi) thời cũng có cái lòng phẫn-uất vì quốc-thê thấy tình-cảnh thất-bại của nước mình mà đau đớn, muốn ra công khôi-phục cho nước nhà.

Cái công khôi-phục đó, bắt đầu đã lâu rồi, thế tất rồi cũng có ngày thành công. Duy có cái vấn-đề chính-đốn nền kinh-tế thế nào cho thủ-tiêu được cái số thất-nghiệp đi, thì xem ra khó khăn lắm, không biết có thành công kết-quả không. Còn như các chức-nghiệp tự-do, hiện nay việc ít người nhiều, thời cũng có cách giải-quyết được, là dùng những kế-hoạch cương-quyết để tuyển trạch các học-sinh: Chính-phủ Đức sắp tuyên-bố một đạo luật về việc đó.

Nói tóm lại, nếu cái nạn kinh-tế trừ dẫu được mà cái nạn chính-trị giảm đi được mấy độ, thời những sự-tệ-lạm của phái thanh-niên nước Đức cũng lần lần bớt đi, chỉ còn lại cái khí hăng-hái của tuổi trẻ, cái lòng mạo-hiêm cùng cái chí tiến-thủ, là những tính hay tính tốt, cần cho thời-đại hoạt-động cạnh-tranh này.

HỒNG-NHÂN *biên dịch*

VẤN-ĐỀ QUỐC-VĂN

A) Ý-kiến người nước ngoài

1.— Cho người Việt-Nam nói và học tiếng Việt-Nam được thâu-đáo, và cũng học chữ nho là thứ chữ của ông cha đã yêu qui, cho người mọi được nói tiếng mọi, chúng tôi thật biểu-đồng-tình, mỗi người đều giữ-gìn các di-tích về cuộc dĩ-vãng và cái món tôi không biết tả làm sao nó ẩn trong tiếng tổ-quốc.

Nếu chúng ta muốn cho các giống dân ấy có một thứ tiếng chung, có một thứ tiếng để dùng trong việc giao-thiệp về hai phương-diện tinh-thần, kinh-tế, thì cứ sao lại chọn tiếng Nam? có sao lại không chọn tiếng Pháp?

G. MIGNON

l'Impartial Août 1924

2. — Khi tôi yết-kiến ông TAGORE xong rồi, ông giáo-sư SUNITI có nói rằng ông đã ở bên Pháp tại Paris, nhưng không có dịp giao-thiệp với học-sinh Việt-Nam.

Ông đã xem một bản dịch quyền vận-văn có tiếng nhất ở nước ta, quyền *Kim-Vân-Kiều* và đã thưởng-thức ít nhiều cái thú văn-chương, cái thú tâm-lý.

HOÀNG TÍCH-CHU

l'Echo annamite, 2-8-27

3. — Các học-sinh học tiếng Việt-Nam đã được phương-pháp nào để giữ-gìn tiếng tổ-quốc của mình? Nhờ cách nói chuyện với nhau không? Tiếng nói thông-thường có phải là tiếng văn-chương không và có thể thay thế cho tiếng văn-chương không?..

Các học-sinh ấy có thể dùng sách bằng tiếng riêng của xứ họ không?

Hãy hỏi họ thử xem. Họ sẽ trả lời rằng : chúng tôi để sách ấy bên Đông-dương.

Sự thật hiển-nhiên nó buộc mình phải kết-luận thế nào? Là xin mở một khoa tiếng Việt-Nam ở các trường Pháp nào có thể tiện dùng về việc ấy, cũng như các cuộc đã thi-hành hay mới dự-định để dạy tiếng Ả-rập tại *Marseille, Bordeaux, Lyon, Paris*.

Đó là một bằng-cớ sự lo-lắng đối với dân bảo-hộ Đông-dương, đó là thi-hành sự bảo-hộ, sự kinh-vị tư-tướng quốc-gia, và lễ-lối cũ-kỹ trong nước ấy.

Luôn một thể, đó cũng việc lợi cho sự cộng-tác của hai nước Nam-Pháp. Biết tiếng dân bầu-xử, và thường thường là biết tiếng của một xứ nào, tức là thâu-hiểu tâm-lý dân ấy.

GASTON VALRAN

l'Echo annamite, 2-5-1928

4. — Một người học-sinh Việt-Nam, vừa mới học thuốc bên Pháp, ngày nọ có viết một bài ở báo *l'Europe nouvelle* về các điều cải-cách, ông ước-ao cho thi-hành ở xứ ông, và ông bày vẽ cái chương-trình như sau, ông nói chắc rằng lời ông tỏ ra là điều mong-mỏi chung của phần nhiều đồng-bào ông.

1^o Lập ra việc giáo-dục cưỡng-bách. Việc ấy dễ-dàng và không tốn kém, nếu kẻ chuyên-trách chỉ dùng tiếng Việt-Nam làm tiếng cơ-quan, và tuyển thầy dạy trong bọn thầy giáo ở ngay mỗi làng và huấn-luyện rất chóng bằng tiếng Việt-Nam mà thôi.

LE G. C

le Courrier d'Haiphong, Septembre 1928

5. — Muốn cho người Ba-lan yên bề « dịch chủ tái-nô », anh Nga cho họ

vài cái tự-do « con con » như cho họ làm việc trong các công-sở, cho họ được dùng chữ của họ trong công-văn, v. v..

LÝ CHI-NAM

Đuốc-nhà-nam, 22-8-29

6. — (Ở hội-nghị thủy-binh tại *Londres*) — Khi ông GRANDI, thượng thư bộ ngoại-giao nước Ý, đứng dậy nói, thì công-chúng lấy làm lạ vì ông nói tiếng Anh rất đúng và có ý rắng lăm. Ở *Washington*, các đại-biểu nước Ý nói tiếng nước Ý về phiên hội khai-mạc; ở *Genève* họ thường dùng một thứ tiếng la-tinh đã được công-nhận vào hàng hai thứ tiếng chính-thức, là tiếng Pháp; nay ở *Londres*, muốn bày một việc mới mà dân *Anglosaxons* lấy làm lạ-lùng hơn là cảm-động, nên ông GRANDI nói tiếng Anh.

... Ông WAKATSUKI, chánh đại-biểu Nhật-bản, tuy đủ tư-cách biện-luận bằng tiếng Anh, nhưng trái với ông GRANDI, buổi hội thứ nhất này ông định dùng tiếng quốc-ngữ của ông.

Le Matin, 22-1-30

7. — Trong số báo ra ngày thứ sáu 25 *Septembre*, bạn đồng-nghiệp « *Aube nouvelle* » trong *Sài-gòn* có đăng tin rằng hiện nay ở trong ấy có một số ít nhà có nhiệt-tâm với chữ quốc-ngữ, đang cùng nhau trù-tính lập một hội gọi là : « *Ligne des amis de la langue annamite* ». Mục-đích hội này là để hội-hiệp những người chuyên về nghề cầm bút viết văn và có tư-cách xứng-đáng để làm nghề ấy, ngõ-hầu đồng lòng hiệp sức cùng nhau nghiên-cứu điều-tra về những phương-pháp để làm cho văn-tự nước nhà được ngày thêm tốt-đẹp.

Ngo-báo, 4-10-31

8. — Quan giáo-sư CHARLES RICHER, năm dài tuổi cao không làm cho nguội chí hăng-hái và mất cái tinh-thần trai trẻ, đã đăng trong báo này một bài tán-dương quốc-văn Pháp và đã chứng-

minh sự hữu-ích cho nước Pháp, cho thể-lực tinh-thần nước Pháp và cho khắp cả nhân-loại về sự khuếch-trương truyền-bá tiếng Pháp trong thế-giới. Hình như về một vấn-đề hiển-nhiên như thế cả thầy người Pháp phải đồng-ý nhau ! Nhưng cái danh-vọng tinh-thần nước Pháp, cái thanh-thể nước Pháp ở thế-giới, khi chiến-thắng đã chiếm được cái địa-vị cao-quí dường ấy, có vài người Pháp không cho vào đầu, họ đã mờ-ám vì những chuyện ganh-ghét cũ, chuyện ganh-ghét này trận chiến-tranh vừa rồi lẽ phải quét sạch hết, khác nào trận cuồng-phong dứt lia mấy cành mục-nát ở các cỏ-thụ trên rừng !

Mấy người Pháp ấy, mình đã biết chắc như sau đây thì vừa đau-đớn vừa thẹn-thùng, mấy người ấy là các nghị-viên về phần đại-đa-số ở Thượng-nghị-viện.

(Tác-giả nói sao không kịp ửng-chuân đạo luật cho các giáo-sĩ đạo Giatô dạy tiếng Pháp ở Nam-Mĩ-châu, rồi kết như sau này).

Trong khi ấy, các ông các bà giáo-sĩ là mấy nhà truyền bá tiếng Pháp cả thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, là những người gìn-giữ quốc-túy nước ta đều tạ thế lần lần. Rồi cũng lần lần mấy kẻ ngoại-quốc vào thay !

Chừng vài năm nữa chỉ còn lại tình hoài-vọng các giáo-sĩ và thương tiếc trong tâm mấy kẻ biết họ.

Tiếng của ta và thể-lực của ta sẽ giảm bớt mỗi ngày mỗi nhiều, và hoặc có ngày sẽ tiêu-trầm luôn ! Và là các người thượng-nghị-viên nước Pháp đã vui lòng làm cho tổ-quốc suy-đồi.

(*Notre langue et notre influence démineront de plus en plus et quelque jour s'effaceront. Et ce sont les sénateurs de la France qui travaillent d'un cœur léger à la décadence de la patrie!*)

Bác-sĩ JEAN-LOUIS FAURE

Le Matin, 30-1-32

9. — Quan thủy-sư đô-đốc NAGANO, tôi đã đi thăm hôm nay, là người ít nói.

Quan trả lời với tôi bằng tiếng Nhật-bản, chằm-rải, đàng-hoàng, nhờ quan tư Ko thông-ngôn, ông này nói tiếng Pháp rất thạo.

HENRY DE KORAB

Le Matin, 21-5-32

10. — Ông được cái danh-vọng đặc-biệt vì thảo bài luận-văn bằng tiếng Pháp, và trong khi biện-luận đã tỏ ra là người học tiếng chúng tôi rất thấu-đạo.

(Lời ông giáo sư EMILE BOREL, nguyên tổng-trưởng nói với ông BADRI NATH PRASAD, quê quán ở Allahabad).

La Tribune indochinoise, 5-8-32

11. — Nơi đó, các vị giáo-sư nghiêm-khắc và hay làm khó, vâng theo lệnh cay-nghiệt của METTERNICH, rần sức làm cho Ngài (công-tước DE REICHS-TADT) quên cái gốc-gác Pháp-quốc của mình đi, và xóa trong trí nhớ các dấu vết về đức Tiên-đế. Các điều ước-ao nọ vô-ích, việc cố ý kia chẳng có kết-quả gì.

OCTAVE AUBRY

Revue des deux mondes, 1932

12. — Chính-phủ vừa xem xét xong các điều phê-bình về tờ trình Lytton ở hội Quốc-liên, và phản-đối các điều sai lầm ở tờ trình ấy. Mấy điều phê-bình viết bằng tiếng Anh và tiếng Pháp.

Tin Arip, Tokio 14-10-32

13. — Nhờ quyền bảo-trợ của hội Pháp-quốc liên-hiệp (chi ngành Manille và nhờ tấm lòng hạ-cổ của ông PALME, quản-đốc trường Đại học Philippines, của cô FLAGG đốc-học Central School và của quan năm MARTIN, nguyên giáo-sư dạy Pháp-văn ở trường võ bị Westpoint, khoa Pháp-văn mới mở ở trường Đại-học, về quan công-sứ Pháp rất miễn-cán là ông DE WILLOQUET quản-

đốc. Sự thành-công của việc mới này đã quá hơn điều dự-định trước. Hơn trăm học-sinh xin ghi tên. Giáo-sư là các ông DE WILLOQUET, PEYRONNET phó công-sứ Pháp và ZIALCITA, cc văn-bằng Đại-học Paris. Cuộc mới bày đây sẽ giúp một phần lớn trong việc truyền-bá tiếng Pháp ở quần-đảo Philippines và giúp sự giao-thiệp của Đông-dương với quần-đảo ấy.

Le Courrier, Octobre 1932

14. — Thơ tập thơ Calendal) viết bằng tiếng Provence, dường như thi-sĩ cố ý soạn ra đề cho mọi người đều đọc bằng tiếng ấy và biết cho cái công khó-nhọc của người thợ có tài. . . Than ôi ! Chính nên đem lời nói của MONTAIGNE mà tặng cho ông MISTRAL, nhà thi-nhân cao-thượng ấy :

« Anh có nhớ cái người cứ thường chịu khó-nhọc chuyên tâm về một việc ít ai biết đến, hoặc có kẻ hỏi chịu khó như thế để làm gì thì người ấy lại trả lời rằng : « Có ít người biết đến đã đủ rồi. Một người biết cũng đủ, mà dấu không ai biết cả cũng đủ vậy. »

. . . Trong lúc ông MISTRAL đọc thơ, ông viết bằng tiếng Provence phong-phú kia, hơn ba phần tư là tiếng Lamã, ngày xưa là tiếng nói của bậc công-nương hoàng-hậu mà bây giờ họa chẳng chỉ có lũ mục-đồng là còn hiểu biết đến thôi, tôi lặng ngắm ông mà lấy làm thán-phục, rồi lại nghĩ đến cảnh điêu-tàn của tiếng mẹ đẻ trong lúc ông ra tay chấn-chỉnh, chẳng khác nào tình-cảnh một chốn vương-phủ xưa ở đất Baux như người ta trông thấy ở vùng Alpilles bây giờ : mái đồ, tường xiêu, câu lơn, cửa kính, cửa cuốn, cái gì cũng tan-nát cả, rong bám trên cửa, gà bơi trong sân, heo vùi dưới cột, chỗ giáo-đường cỏ mọc lên, lừa vào ăn, bình nước thành đầy tràn nước mưa để cho bồ-câu uống, lại có

vải ba cái gia-đình của người nhà quê che chòi ngay giữa chốn cổ-phủ đó mà ở.

Một hôm trong bọn người kia, có một kẻ con trai nhìn thấy tình-cảnh điêu-tàn nọ mà động lòng liền ra tay tu-bỏ lại, đuổi đàn thú ra ngoài, sửa thang, gác tường, xây đài, lót kiến, sơn thếp lại rực-rỡ thành ra một chốn cung-đền trang-nghiêm thê-thế như ngày xưa.

Cái vương-phủ trùng-tu ấy chính là tiếng *Provence*.

Chàng con trai nhà quê ấy là thi-sĩ *MISTRAL* vậy.

Nguyên Pháp-văn của A. DAUDET

bản dịch của TRÚC-HÀ

Phụ-nữ tân-văn, 20-10-32

15. — Bàn hội trung-ương của hội Hoa-Ý vừa mới thành-lập, có nhóm hội, chủ-tọa là ông *BODRERE* hội-trưởng hội liên-hiệp các nhà trí-thức Quốc-gia Pha-xi. — Bữa hội ấy quyết-nghị nhiều điều. Nhất là đã quyết-nghị mở tại *Rome* một khoa dạy công-chúng về tiếng nói và văn-hóa nước Tàu ai ai cũng có thể vào học, và thiết-lập tại *Rome* và các thành-phố khác nước Ý những cuộc diễn-thuyết về văn-hóa Hoa-Ý. . .

Tin Arip, Rome, 19-11-32

16 — Không có sự học cao-đẳng thời cái văn-minh của ta ngày nay sẽ chìm-dắm vào trong đêm tối. Phải học sử, phải lấy sử làm gương, không phải là để giúp cho phái thủ-cựu, nhưng để làm cái chứng-cứ cho sự tiến-bộ chân-chính. Khoa-học dù quan-hệ thế nào mặc lòng, không có cò-học cũng không làm ra văn-minh được.

CALVIN COOLIDGE

Bản dịch báo *Nam-Phong* số 39

17. — Trong tinh-xá (tinh-xá *Santiniketan*) cũng có học chữ Pháp, các ngài nghe điều đó chắc lấy làm mừng; và

tiếng Pháp dạy có lẽ lại xuất-sắc hơn tiếng Anh.—Tôi xin nói ngay để các ngài biết rằng được như vậy cũng là nhờ được ở nước Pháp ta đây có nhiều người giúp cho ông *TAGORE* đặc-lực lắm. Người Ấn-độ kiều-cư ở *Paris* có tặng ông ba vạn quan để mua sách Pháp. Bộ Ngoại-giao Pháp cũng hiểu rõ sự ích-^lợi của việc ông làm đó và trợ-cấp cho cũng nhiều. Lại năm 1921, ông có qua thành *Strasbourg*, thành này muốn kỷ-niệm sự ông qua chơi đó, có tặng ông một vạn hai nghìn quan để mua một bộ sách danh-văn Pháp. Thành ra cái thư-viện chữ Pháp ở *Santiniketan* là một kho sách Pháp quý nhất ở Á-đông.

SYLVAIN LÉVI

Bản dịch báo *Nam-Phong* số 94

18. — Trường Đại học này (trường ở nước *Népal*), không những lập ra để dạy học cao-đẳng cho các con nhà quý-phái *Gourkhas* mà thôi. Lại chuyên-chủ mở-mang cho tiếng quốc-âm được phát-đạt nữa, đó là một cái tư-tưởng mới, ông *TAGORE* cũng đã thấy nhóm lên ở *Bengale*. Những dân-tộc ấy từ trước kia không ngờ, nay đột-nhiên mới hiểu rằng tiếng nói tức là tiêu-biểu cho sinh-mệnh, cho sự độc-lập, sự danh-dự của mình. Sẽ lập ra trường Đại-học, vì mong rằng có thể dạy bằng tiếng *Gourkhas* được, tiếng này ba trăm năm về trước còn là thứ tiếng man-mọi, bất-quá đủ cho sự nhất-dụng thường-đàm, chứ chưa thể diễn được những tư tưởng cao, thế mà ngày nay nhờ có một hội của ông *MAHARADJA* khởi-xương ra, gia công rèn-tập đã thấy biến-cải đi nhiều. Hội này lập ra để truyền-bá tiếng *Gourkhas*, in những sách giáo-khoa, những kinh-sách cũ, những bản chú-thích. Hiện đã in những bản dịch từng hồi các đại-anh-hùng-ca của Ấn-độ, những sách tỉnh, sách tập đọc, sách vệ-sinh,

một bộ giáo-khoa về nông-học. Làm chăm-chỉ dụng-công, mà người ngoài tuyệt nhiên không biết đến.

SYLVAIN LÉVI

Bản dịch báo Nam-Phong số 95

19. — Nói về dân-tộc, thì không lấy sức mạnh mà phá đi được, cũng không lấy sức mạnh mà tạo ra được.

Như hai châu *Alsace, Lorraine*, nước *Pologne*, nước *Bohême* chết rồi mà còn khôi-phục lại được, vì cái hồn nó vẫn sống.

ANDRÉ TARDIEU

Bản dịch Nam-Phong số 169

20. — Đó là mấy nhà bác-sĩ theo đạo Thần-học; họ tiêu-biểu sự phấn-đấu rất cố-nhiên của tính bảo-thủ trong nước, phấn-đấu với việc áp-chế lâu dài của các ý-kiến, các việc tin-tưởng ở ngoại-quốc, phấn-đấu với văn-chương, triết-học, thể-lực bọn quan-liêu Tàu, phấn-đấu với thể-lực lấp-lấp của tôn-giáo ngoại-quốc là Phật-giáo trong việc giáo-dục. Đối với các môn đó, họ biểu-dương cái văn-chương căn-bản xưa của nước Nhật, thơ-phủ xưa, lễ-giáo xưa, các lễ-thói và các cách cùng-kiến ban sơ trong đạo Thần-học.

LAFCADIO HEDRN

Le Japon, p. 350

21. — Cái tai-họa của chính-sách đồng-hóa lâu nay có người nói rõ, và nước Pháp đã bỏ chính-sách ấy ước được mười lăm năm nay.

Về phương-diện giáo-huấn, sự dùng các tiếng bản-xứ làm bằng cho cuộc thay đổi kia thay vì ráng dạy trẻ con bản-xứ học tiếng Pháp đôi ba năm mà không được kết-quả chi, thì nay lại dùng tiếng chúng nó mà dạy cho nó biết những điều tri-thức cần-kíp, không thể sao học bằng tiếng Pháp được.

LA PAROLE

Bản sao lục l'Echo Annamite, 27-10-25

22. — Tôi đang trù-nghĩ mấy việc cải-cách quan-trọng hơn. Về cách dạy dỗ tôi không vừa ý chút nào cả. Đó là vấn-đề khó giải. Cứ thật mà nói, tôi tưởng nước Pháp vì quá nhiệt-thành mà phải lầm-lỡ, vì muốn đem đủ cả các cách thức dạy-dỗ bên Pháp thay vào việc dạy-dỗ ở bản-xứ. Nước Pháp chưa kiên-thiết chi mà đã vội phá-hoại rất nhiều.

Lời quan Toàn-quyền A. VARENNE

23. — Ta nên dạy môn nào cho con em bản-xứ? Có nên dạy in hết như dạy con em bên Pháp không? Quyết hẳn là không. Có lẽ phải dạy cho bọn này biết đến nước Pháp, dạy cho biết cái sự-nghiệp đối với nhân-loại ngày trước và đối với liệt-cường ngày nay của một nước tự-nhận cảnh-tình dân Đông-dương cho tiến-bộ theo văn-hóa Tây-phương. Nhưng nói thế không phải là dạy cho thật đúng theo bên Pháp. Bọn học-sinh này trước nhất là phải biết xứ sở chúng nó, phải biết lịch-sử, luân-lý phải biết cái nền-tảng cuộc đời chính-trị và kinh-tế. Chúng nó phải học cho biết cái hoàn-cảnh đất Đông-dương đang sinh-hoạt, ít nữa là biết cái đại-cương lịch-sử cõi đại-lục Á-châu mà xứ này là một bộ-phận, phải cho thông rõ các việc xảy ra chung quanh đây.

Dịch lời diễn-thuyết của quan Toàn-quyền

A. VARENNE ở Hội-đồng chính-phủ

(l'Echo Annamite, 30-12-1925)

24. — Tôi dám quyết rằng phần đông nhà chí-sĩ Việt-Nam ấy không thể kể được tên các tỉnh Trung-Bắc-kỳ, còn về bên Pháp huyện nào ở tại tỉnh nào thì họ có thể nói cho tôi nghe, không hề lẫn-lộn.

Nay đã đến cơ-hội cải-cách thật sâu-xa việc học ở Đông-Pháp, không thể thì người Việt-Nam sẽ mất hẳn cái nhân-cách cố-hữu.

C. N.

l'Impartial, 23-10-26

25. — Tôi có thể nói quyết rằng đem dùng các phương-pháp dạy người Tây-phương sang dạy người Đông-phương thì thật sai lầm. Muốn thưởng ý-vị cái kiệt-tác nào trong văn-hóa Tây-phương, tất phải sành về cổ-điển-học và biết khá-khá về Cơ-đốc-giáo. Ông cũng đã rõ sự thưởng-thức kia buộc người Á-châu phải phí bao nhiêu công khó.

Đành phải bãi cách dạy-đỗ đó, ít ra là trong cõi đất Xiêm-la.

Còn lại vấn-đề tiếng «La-Hi cố-hữu» của chúng tôi : tiếng *Lâhi* đối với chúng tôi rõ là bằng-đẳng với tiếng *Latin* trong Pháp-văn.

Đó là cỗi-rễ nửa phần các tiếng thông-dụng lại là tiếng cơ-quan trong tôn-giáo chúng tôi, là Phật-giáo.

Văn-chương *Sanserit* được phong-phú, được nhiều điệu có thể sánh với rừng học tuyệt xảo nước Hi-lạp.

G. M. thuật lời quan Thượng-thư bộ Học nước Xiêm-la, hoàng-tử DHANI.

L'Impartial, 1-12-26

26. — Trong các điện-tin ngợi khen gửi về cung *Vatican*, theo dịp thập-chu-niên kỷ-niệm việc bầu-cử đức Giáo-hoàng PIE XI, có nhiều bức viết bằng tiếng Pháp. Chúng tôi xin kể mấy bức các vua nước *Belgique*, *Yougoslavie*, *Roumanie*, *Bulgarie*, mấy bức các chính-phủ nước *Pologne*, *Portugal*, *Tchécoslovaquie*, *Haïti*, *Lettonie*, *Luxembourg*, và một bức của sứ-đoàn ở *Rome*. Xem thế thì tiếng ta vẫn còn giữ trọn thế-lực trong trường quốc-tế.

Le Matin, 3-4-32

27. — Cô AMÉLIA EARHART người Bắc-Mĩ) được ban phi-thuyền ở Thượng-nghị-viện tiếp kiến buổi trưa hôm qua, tại cung *Luxembourg*, khách-phòng *de Brosse*.

Trưởng-ban, ông GASTON MENIER chúc mừng, ai nấy vỗ tay, còn nhà nữ-

phi-công can-đảm ấy trả lời vài câu tiếng Anh rất cảm-động.

Le Matin, 8-6-32

28. — Nhân cuộc đại-hội-nghị các văn-sĩ Pháp - hội tại *Lille* —, có điều yêu-cầu rất hay do nhà văn-sĩ là M. WILMOTÉ nước *Belgique* khởi-xướng lên; yêu-cầu lập một cơ-quan tụ-hợp cả các nhà văn-sĩ viết tiếng Pháp, bất-luận là thuộc về nòi giống nào.

Le Matin, 31-7-32

29. — Bên Pháp ít người nhớ đến cái xứ tốt đẹp, rộng lớn và khả-ái kia, mà huyết-hãn công-phu dân Pháp tầm-tươi vun-bồi. Chính tôi cũng không nhớ gì, nên vừa mới đây sang sông *Mississippi*, nghe kể làm công ở các đò chở xe hỏa trả lời các câu hỏi của tôi bằng tiếng Pháp và nói chuyện không ngập-ngừng chút nào, tôi lấy làm ngạc-nhiên và cảm động lắm.

Có kẻ nói lại rằng: một triệu dân *Louisiane*, có lẽ còn đông hơn nữa, còn dùng tiếng Pháp. Và ngoài cõi *Louisiane*, ở *Texas*, ở bắc-bộ nước *Mexique*, mỗi độ đường chúng tôi đi qua đều có gặp dân *Cajuns*. Bên ấy gọi như thế là nói trại chữ *Acadiens*, dòng giống các nông-dân ở *Canada* ngày trước, đến ngày nay còn nói tiếng ta.

Tuy-nhiên, hại thay, ở góc trời ấy tiếng ta sắp phải tiêu-diệt.

ANDRÉ MALVIL

Le Temps, Août 1932

B) Ý-kiến người trong nước

20^{bis} — Sách vở phần nhiều là thuộc về khoa triết-học, đại-khái như tâm-lý-học, luân-lý-học, như xã-hội-học của DURKHEIM, sự-phạm khoa của FRÉBÉL và COMPAYRÉ, vân-vân, và dễ thường đủ những bộ tân-tiêu-thuyết trứ-danh của BARRÈS và BOURGET.

Bạn tôi thích riêng về các khoa ấy mà cũng đã nổi tiếng trong học-đường, hi-vọng của bạn tôi muốn đem những khoa ấy mà so-sánh và tham-bác với lý-tưởng Á-đông rồi lấy quốc-văn mà diễn ra một thứ luân-lý, sư-phạm... thích-hợp với tính-tình người Nam-Việt.

Về khoa quốc-văn thì Đạm-thủy lại có biệt-tài, trong học-đường ngoài xã-hội đã nhiều phen đắc-thắng.

Song-an HOÀNG NGỌC-PHÁCH
(Tố-lâm)

21 bis. — Một dân tộc không có thứ tiếng riêng để dùng là một hạng tử-dân-tộc.

VŨ ĐÌNH-HẢI và EUG. CONTI
Dictionnaire des lettrés

22 bis. — Lại nên nhận rằng sự đào-tạo một hạng thượng-lưu trí-thức chân-chính ở nước Việt-Nam không phải là bỏ hẳn nền sơ-đẳng-học, nghĩa là sự học theo bề ngang (*plan horizontal*). Trái lại, nên mong mỗi cho nền sơ-học được khuếch-trương một cách mạnh-bạo trong dân-chúng. Mà phải ban-bố như thế nào?

Đến đây, chúng tôi theo lời yêu-cầu của ông PHẠM QUYNH, quản-lý báo *Nam-Phong* ở Hà-nội. Sự học sơ-đẳng sẽ dùng toàn chữ quốc-ngữ, có thì một cái văn-bảng về bậc ấy. Mong cho người nhà quê Việt-Nam sẽ về cây ruộng, khi đã tập nói được thông-thạo tiếng tổ-quốc và nhớ tiếng này mà học được một ít điều tri-thức thông-thường.

Trong sách sắp-đặt việc học tôi đã bày vẽ, chỉ hạng giỏi nhất mới được cho vào học tiếng Pháp là thĩa-khóa mở cho họ cái phạm-vi tư-trưởng và khoa-học thế-giới, nơi ấy những kẻ non-nớt và không đủ tư-cách chắc phải lạc lằm.

ĐỖ TIỀN-SINH
L'Écho annamite, 25-7-24

23 bis Cái công-cuộc mới-mẻ đó (ban tu thư thành lập do nghị-định quan Toàn-quyền ngày 14-10-1924) muốn đạt ba mục đích như sau :

Trước hết theo lời chúng tôi đã nói ở trên, là sắm cho các học-trò những sách giáo-khoa bằng quốc-ngữ có những bài nói về bản-xứ (phong-tục, lịch-sử, ca-dao, tục-ngữ, những chuyện đặt theo các việc xảy đến hằng ngày) và có thể làm cho chúng nó ưa-thích một cách đặc-biệt.

Thứ hai là cho các sách giáo-khoa đó là một cái tinh-cách chung, một cái tinh-cách về Đông-dương, được đến đâu hay đến đó. Bởi thế nên vừa có bài về Nam-kỳ, Trung Bắc-kỳ, lại có bài về Miên, Lào. Làm như vậy, các xứ ở đoàn-thể Đông-dương từ hồi nào chỉ muốn không biết nhau, thì từ nay sẽ biết nhau rõ-ràng hơn.

Thứ ba là bán sách ấy giá thật rẻ, ai cũng có thể mua được; giá đắt làm trở-ngại cho sự phổ-thông nhiều quyển sách học. Muốn đạt mục-đích đó, nên Chính-phủ tính bán cho học trò và cho công-chúng theo giá tồn-phi mà thôi, không lấy lời chi hết. Có thể mong-mỏi rằng sách này sẽ được tràn lan ở nhà quê, sẽ đi đến cái chòi lá hèn mọn hơn hết và giúp cho phổ-thông trong dân Bảo-hộ các điều tri-thức về sơ-đẳng-học.

THẦY ĐỒ

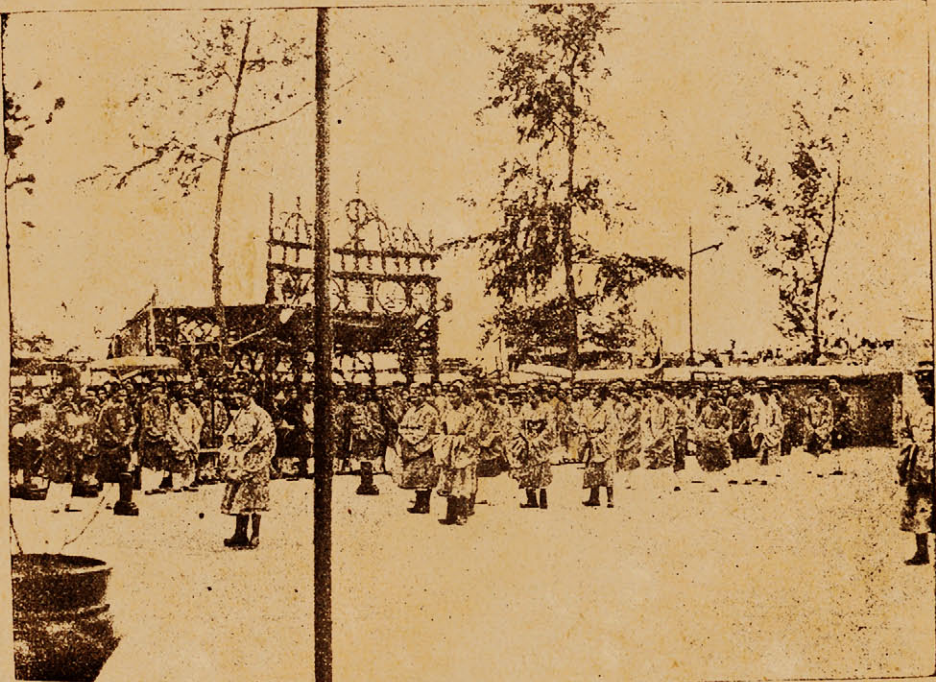
L'Indépendance tonkinoise, Juin 1925

24 bis Lớp ấu-học ở ta hiện nay đương thi-hành cái chương-trình dạy bằng quốc-văn. Cái chương-trình ấy đã làm cho đàn ngôn-luận sôi nổi lên một cái phong-trào. Kẻ khen cũng lắm, người bác cũng nhiều, tựu-trung cũng bất-ngoại hai cái ý-kiến như ý-kiến của PHAN CHÂU-TRINH và ông HUYNH VĂN-CHÍNH, mới đây có bày tỏ ở trong báo-giới Nam-kỳ.

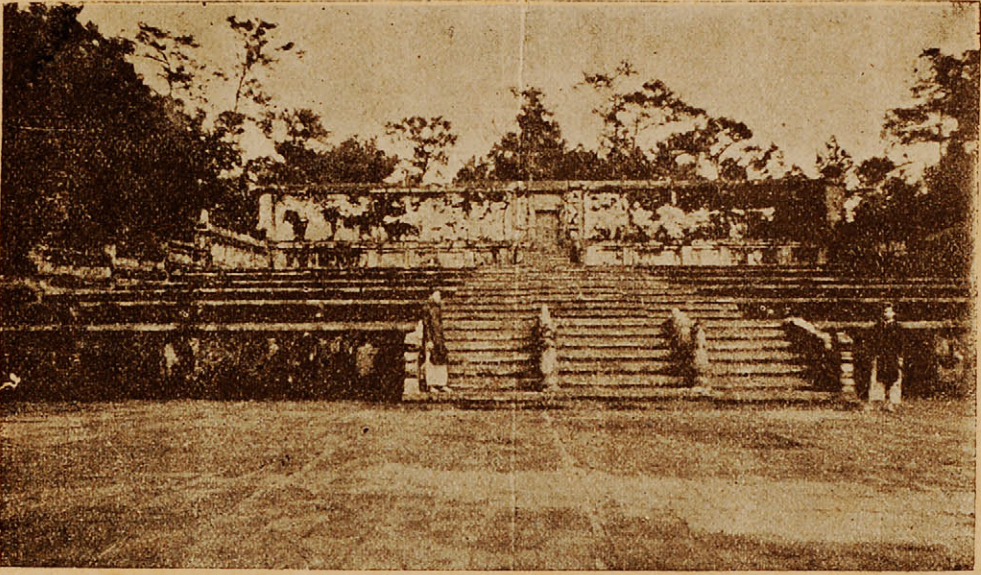
... Ông PHAN là cánh chề. Ý ông nói: chữ quốc-ngữ là thứ chữ học ba



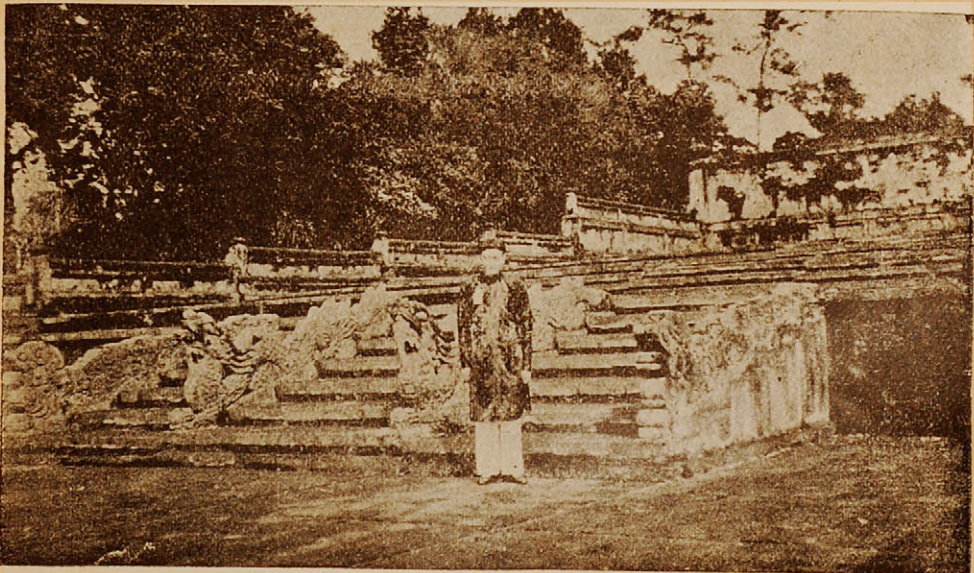
Cuộc ngự-giá miền Bắc Trung-kỳ
Hoàng-thượng cùng các quan đi thăm « Lũy Thầy »



Cuộc ngự-giá miền Bắc Trung-kỳ
Các quan làm lễ bái khải trước hành-cung Quảng-bình
Kinh ảnh Nguyễn Hữu-Tiền



Trước lăng đức Gia-Long



Trước lăng đức Gia-Long

Kinh ảnh Selleger

tháng đã thông, cần gì phải bắt con trẻ phi cái quang-âm trong ba bốn năm trời để học một thứ tiếng không học cũng hay, mà làm thêm chậm cái bước đường học chữ Pháp của chúng nó. Ông HUỖNH là cánh khen, ý ông nói: ông PHAN nói thế thì quá! Tôi mọi điều thì biểu-đồng-tình, chứ điều ấy không dám biểu-đồng-tình với ông. Tiếng một nước đối với dân một nước nó cũng có một cái quan-hệ thế nào đấy, nếu bọn dân con mà quên tiếng mẹ đẻ thì còn ra làm sao? Dân-tộc ta còn là dân-tộc ta, thì tiếng nói ta phải thành ra tiếng nói ta mới được.

.. Cứ như ý ông PHAN thì cho cái chương-trình này là có hại. Hại cho cái Pháp-học của học-sinh. Cái nền Pháp-học ở dân ta có hay, có rộng thì người mình mới nhiều người biết đến tinh-tinh, ý-chí, học-thuật, chính-trị nước Pháp, ... sẽ hiểu rõ quyền-lợi, thấu biết tình-hình để vì nước nhà lo bênh-vực, lo yêu-cầu mà định cái vận-mệnh lớn. Cứ lẽ đó thì người mình ai ai cũng nên trước học chữ Pháp cho đến nơi đến chốn, còn cái chữ mình thì học lúc nào nên lúc ấy; của nhà đã sẵn, đi đâu mà vội mà vàng? Lý-thuyết thì thế, song sự-thực thì xa. Ông dựa vào lý-thuyết nên ông phản-đối cái chương-trình ấu-học này, song kỹ-thực thì đàn con em ta kia có phải rằng toàn-thể đều có cái hoàn-cảnh, cái tình-thế, cái thông-minh và có cái hi-vọng học chữ Pháp cho đến nơi đến chốn cả đâu. Trường thì thiếu, nhà thì nghèo, phần nhiều con em ta ở chỗ thôn-quê, và phần ít con em ta ở chỗ tỉnh-thành chỉ có thể cầu lấy cái trí-thức phổ-thông trong một cái hạn học ngắn.

Cứ như ý ông HUỖNH, thì cái chương-trình này có lợi cho nền quốc-văn, song tôi thì cho là có lợi chỉ lợi cho cái trí-thức phổ-thông thôi, chứ về phần quốc-văn thì chưa dám chắc... chữ quốc-ngữ để đến đâu đi nữa, song

đã là một thứ văn-tự, dù văn-tự bản-quốc, cũng không có thể học trong ba năm mà sành.

NHUỘNG-TỔNG

Thực-nghiệp dân-báo, 22-9-1925

25 bis. — Những mong các trường chỗ thôn-quê niên-hạn học chia ra làm năm năm, mà ra lệnh cưỡng-bách giáo-dục, dạy toàn quốc-văn, trẻ con học từ lúc vỡ lòng cho đến năm thứ ba là thi bằng sơ-học yếu-lược, rồi kén xem người nào có thể học được nữa thì cho lên các trường phủ, trường huyện mà theo đòi chữ Pháp.

CẢNH-VIỆM

Thực-nghiệp dân-báo, 12-9-25

26 bis — Bộ Kim-Vân-Kiều là một bộ văn-chương kiệt-tác khác nào một cây cột cái trong nền quốc-văn. Ấy là nói về phương-diện văn-chương, biết bao nhiêu lời than như khóc, bao nhiêu câu như giọng thở dài, bao nhiêu câu hùng-hồn siêu-thoát; chỉ như câu chuyện thì cũng không phải ly-kỳ.

TRANG-TỬ

Đông-Pháp thời-báo tháng 10, 1925

27 bis — Bẩm quan Toàn-quyền, chúng tôi còn mong ở mỗi làng trong nước Việt-Nam này đều có một thầy đồ dạy chữ nho...

Chúng tôi không đồng - ý với vài người đồng-bào ngoài Bắc xin Ngài giúp chúng tôi giữ-gìn tiếng nói của chúng tôi, giúp chúng tôi làm cho tiếng ấy được phong-phú và làm cho tiếng ấy chuyển-di theo khoa-học tân-thời và các việc cần dùng mới mẻ. Tiếng chúng tôi đã có nhiều kiệt-tác đáng qui-trọng; chúng tôi qui yêu lắm và chúng tôi tự có sức giữ-gìn để làm tiếng văn-chương của chúng tôi. . .

PHẠM NGỌC-THUẦN

La Tribune Indochinoise, 13-8-26

28^{bis} — Rốt lại, mấy bài khảo-cứu chẳng phải chuyên về nước Pháp mà thôi, mà cũng thuộc về bản-xứ, vừa giúp khai-trí, vừa giúp tiến-dức.

L. K. VAN

L'Echo Annamite, 5-11-26

29^{bis} — Ta mà học chữ Tàu chữ Pháp tưởng là sự bất-đắc-dĩ đó mà thôi, nay ta có một thứ quốc-văn riêng, ta há lại không yêu chữ nước nhà hơn hai thứ chữ kia sao ?

Nói rằng chữ Pháp hay, rồi bảo người Anh bỏ chữ Anh để học chữ Pháp, hoặc nói chữ Tàu hay, rồi bảo người Cao-miên bỏ quốc-văn họ để học chữ Tàu, nếu trừ cái cường-quyền nó áp-chế thì không kể, còn thì thử coi người Anh hay người Cao-miên họ có chịu hay không thì biết. Lấy đó mà suy thì biết cái khổ-tâm của người Nam ta học chữ Hán, chữ Pháp vậy.

May sao gần đây, cái rừng học Âu-tây lại nảy cho ta một chồi quốc-ngữ, ta xin lấy đó, rồi vun-quén làm cây quốc-văn của ta. Biết rằng cái chồi đó dẫu non, song nhờ cái khí-bẩm của cây cái của nó là chữ Pháp rất mạnh khỏe, lại nhờ ta trồng nó xuống miếng đất Việt này, nhờ món phân Hán-văn, lâu nay đã nổi tiếng là miếng đất tốt, nên chi nó sinh-trưởng rất là sồn-sơ. Vậy ta há không lấy đó làm vinh-diệu sao ? Nay kẻ nao cho rằng người mình không thể nào ý-lại vào chữ quốc-ngữ mà mong cho được khai-phóng hoặc về đường tinh-thần hoặc về đường chính-trị sau này thì có ai tin lời nói đó không ?

PHẠM HUẤN-CHƯƠNG

Đông-Pháp thời-báo, 11-3-27

30^{bis} — Cái chương-trình quốc-dân giáo-dục bao-hàm cả sự giáo-dục phổ-thông, mà muốn cho sự giáo-dục được phổ-thông tất phải có trường sơ-đẳng cho nhiều và buộc mỗi người dân, đàn

ông hay đàn bà cũng vậy, hễ đúng mấy tuổi phải có học tới bậc sơ-đẳng cả.

... Sự giáo-dục quốc-dân là một vấn-đề khẩn-yếu nhất bây giờ, bỏ qua không đặng. Trong một nước dẫu những bậc thánh-nhân chí-sĩ như GANDHI, TÔN-VĂN, PHAN CHÂU-TRINH, PHAN BỘI-CHÂU có ít, mà cả quốc-dân đều là người có học, có biết bồn-phận công-dân thì cũng làm nên đại-sự đặng, chớ như cả quốc-dân đều là hạng ù-ù li-li thì dẫu có trăm ngàn ông GANDHI, TÔN-VĂN, PHAN CHÂU-TRINH, PHAN BỘI-CHÂU đi nữa cũng phải khoanh tay bó gối, tắc lưỡi than thảm mà thôi, vậy.

V. N.

Đông-pháp thời-báo, 20-4-27

31^{bis} — Tiếng nói thông-thường đã sống như cây cỏ ở đất hoang. Nó cũng vững-vàng, không hề chi. Nó lại trở sinh nhiều hoa đẹp như ca-dao, tục-ngữ, thi-ca, tiểu-thuyết lưu-truyền đến hậu-thế, và chứng rằng tiếng kia cũng đủ dùng cho người khó tinh hơn nhất, đủ dùng cho việc nhu-yếu hơn nhất, miên là, và điều đó là cố-nhiên, người ta khéo dùng, và người ta rần thưởng-thức các cái tinh-anh, người ta rần tìm các cái hay đã ẩn trong đó.

... Tiếng ấy sẽ có một cái tiền-dò quan-trọng, tiếng ấy đương dự bị đó.

... Phải làm thế nào cho tiếng ấy bớt què-hèn, cho tiếng ấy được văn-minh, được đúng phép lịch sự, phải dạy dỗ, phải giáo-hóa, phải giúp cho tiếng ấy được phong-phú.

H. H.

L'Echo annamite, 22-4-27

32. -- Trần (Trần Hữu-Nbân) dẫu làm bộ-trưởng ngoại-giao, mà vẫn thuần-nhiên là một nhà ngoại-giao ngoại-quốc, vì chữ Trung-hoa Trần vẫn chưa thông-hiểu, các công-văn cứ phải dịch ra chữ Anh đưa Trần phủ-duyet, ký tên thì dùng bút sắt ký tên chữ Anh,

các nhân-viên trong bộ ngoại-giao đều lấy làm khỗ,

Thực-nghiệp dân-báo, 10-6-27

33. — Một cô thầy kiện, nữ-đồng-nghiệp của ông (ông Georges Garros) đã có nói : « Trong bao nhiêu ý-tưởng trần-trề, điều-đinh cuộc hành-vi của loài người, có thứ làm cho ta phải dũa da trán, phải cặm-cui rán công tìm kiếm một mình, có thứ đẹp vui làm cho say mê sức tưởng-tượng ta mà lại có thứ dường bắt dè ta ngay nơi cuống họng làm vầy-vùng la vang ». Thứ ý-tưởng sau này « dè ta ngay nơi cuống họng » buộc phải tính cho xong có thể nói là ý-tưởng này : « Người An-Nam nên bỏ tiếng An-Nam, theo tiếng ngoại-quốc nào hay là nên chấn-chỉnh tiếng mình, văn-minh cho khỏi muôn việc đều ỷ-lại ở người, đến cách tỏ những tư-tưởng, tình-cảm mình cũng phải mượn của người nữa ? » Vấn-đề « Ngôn-ngữ văn-tự Việt-Nam » cũng quan-trọng lắm, không thua chi các vấn-đề kinh-tế, chính-trị khác.

NGUYỄN MỤC-TIỀN

Đông-pháp thời-báo, 13-6-1927

34. — Ông Lưu Văn-Chắc tức Charles Van Leo vui lòng hứa với chúng tôi rằng ông sẽ viết nhiều bài về cuộc tiến-hóa ở phương-diện xã-hội, chính-trị ở xứ ông vừa tạm-biệt, ở xứ ông đã ở lâu.

Nhưng có điều này ; ông viết bằng tiếng Anh.

... Sự khó-khăn đó không phải không giải-quyết được. Hoặc có người sẽ hỏi : sao ông Van Leo lại không viết quốc-ngữ ?

Chúng tôi cũng đã nghĩ thế ; nhưng ông ấy ít nói tiếng Việt-Nam, và viết tiếng Việt-Nam càng ít hơn nữa. Bởi quá thâm-nhiễm tiếng Anh, nên ông hơi nhãng quên tiếng tổ-quốc. Điều

này cũng đã trông thấy ở một số đồng người học tiếng Pháp.

l'Echo Annamite, 22-6-1927

35. — Đại-đề thời tiếng An-Nam ngoài Bắc-kỳ vào cho tới Nam-kỳ trừ ra một vài tiếng hai xứ nói khác nhau, như dủ với ô, một người ở Moncay một người ở mũi Cà-mau viết thơ cho nhau cũng hiểu được nhau ; mà gặp nhau nói chuyện cũng hiểu được nhau nữa. Tiếng An-Nam như thế cũng là hiệp-nhất lắm rồi. Song le tiếng An-Nam tự-trung cũng có chỗ sai-biệt (? Hai chữ này ở báo cũ, chữ lu-lờ, kể sao-lục không nhận được rõ). Có một điều đáng nói, là người Nghệ-an Hà-tĩnh nói tiếng An-Nam có lẽ đúng hơn các chỗ khác trong nước Nam này.

... Tóm lại mà nói, chữ quốc-ngữ ngày nay có hai điều khuyết điểm :

1^o Chưa thật hiệp-nhất vì giọng nói chưa thật hiệp-nhất, Bắc làm thủ-tự mà Nam làm vĩ-tự. Chủ mẫu-âm lại cũng thấy có biến đổi ít nhiều, như chữ ê và i trong vần ênh, inh, lệnh lịnh.

2^o Khi dịch âm chữ Tàu thời làm cho « dính ba chân gãy mất một chân ». Nếu điều khuyết-điểm thứ hai này mà lại có gồm điều khuyết-điểm thứ nhất vào nữa, thời cái dính ấy còn được một chân là may vì rằng chữ quốc-ngữ là chữ dịch âm, mà nếu dịch-âm còn sai nữa, thời chữ Tàu đem qua chữ quốc-ngữ, có còn làm sao mà hiểu được nữa.

... Cứ như chữ quốc-ngữ viết thuở nay, thời quyết là không thể ma ; sau này dùng làm lợi-khí để đạt đến sự quốc-dân giáo-dục được ; chữ quốc-ngữ thuở nay, thật là hỗn-độn vô-cùng.

... Ngoài Bắc được Nam-Phong tạp-chí, Trung-Bắc tân-văn và một vài thư-xã đại-tể viết quốc-ngữ đúng theo Paulus Của và Génibrel ; còn thời là thủ tự không đâu viết đúng.

PHAN VĂN-HÙM

Đông-pháp thời-báo, thượng-tuần tháng 5, 1928

36. — Nước Tàu trước hồi Cách-mệnh đã dịch gần hết các sách có tiếng của các nước Thái-tây, nhất là các sách của VOLTAIRE, MONTESQUIEUR, ROUSSEAU, DARWIN, KANT, mấy cuốn sử-liệt-quốc Âu-Mĩ. Những tư tưởng về tự-do, bình-dẳng, dân-chủ, dân-quyền đã nhờ các bản dịch ấy và nhờ những văn-cổ-động triết-thiết trăm-dinh của mấy nhà văn-hào như Lương Khải-Siêu và Khang Hữu-Vi mà tràn khắp trong nước.

NHƯ-NGỌC

Thần-chung, 7-6-1928

37. — Thương hại cho tôi đến ngoài hai mươi tuổi mới biết học tiếng mẹ đẻ ! Tôi cũng biết sự khốn-nạn ấy, chẳng lẽ phần riêng một mình tôi, con nhà Việt-Nam chắc cũng có lắm người cảm biết cái cảnh khốn-nạn ấy như tôi.

TÂN-DÂN

Đông-pháp thời-báo 12-7-1928

38. — Cứ lấy lịch-sử cận-thời mà xét, tôi chưa hề thấy nước nào trọng sự học của người hơn sự học của mình bao giờ. Ông MUSTAPHA KEMAL lên thống-trị nước Thổ-nhĩ-kỳ đối với văn-học, khoa-học Âu-Mĩ ông rất hoan-ngheh song không quên hẳn tiếng Thổ bao giờ nên sai các bác-sĩ đi khắp các nơi có người Thổ ở mà lượm lặt những tiếng xưa tích cũ để làm tự-điển dạy khắp cả dân-gian. Ông GANDHI đối với văn-học, khoa-học ngoại quốc, nhất là nước Anh, vui lòng mở rộng cửa sổ nước mình cho gió đầm-ấm ở ngoài lọt vào, song ông cũng không quên hẳn dân mình là dân Ấn-độ. Đó là việc gần đây. Nếu trở lên một chút nữa, thì năm 1868, nếu Nhật-bản mà quên mình thì đâu có nước Nhật-bản ngày nay.

VÂN-TRÌNH

Kỳ-lân-báo, 16-8-28

39. — Các trường tư và trường công-giáo ngoại-quốc (ở nước *Turquie*, Thổ-nhĩ-kỳ) đều được dạy dỗ tự-do. Có

một điều cấm truyền-bá tư-tưởng gì trái hẳn với tư-tưởng cộng-hòa, nhất là truyền-bá đạo-giáo và phải tuân theo chương-trình chính-phủ đã định, nghĩa là dạy tiếng Thổ, và dùng tiếng Thổ mà dạy địa-dư sử-ký nước Thổ-nhĩ-kỳ.

... Học trường riêng xong, mới qua học trường trung-học. Tới lớp thi tú-tài, chia ra hai môn khoa-học và văn-học. Nhà nước buộc phải dạy một thứ tiếng ngoại-quốc (Pháp, Đức, Anh). Tiếng La-tinh và tiếng Hi-lạp thì đổi, để dạy tiếng Ba-tư và tiếng *Arabe* là tiếng hợp-thời thích-dụng hơn.

TRANG-NGỌC

Kỳ-lân báo, 16-8-28

40. — Trong bọn đồng-bào ta, đã cho nước Nhật-bản là một cái kiểu mẫu và là một môn thêm-thuồng, nhưng thường quên rằng thần-dân của Nhật-hoàng tiến-hóa được rõ-ràng như thế, không phải nhờ bỏ ngang và bỏ tuyệt cái văn-hóa bản-xứ, cũng không phải nhờ bắt chước người Âu-châu một cách hèn-hạ, mà là nhờ một cái học-vấn nghiêm-trang, cái khoa-học tân-thời sắp lớp theo, mà chẳng lẫn lộn, cái căn-bản cũ của nước Nhật.

NGUYỄN PHAN-LONG

l'Echo Annamite, 12-9-28

41. — Lớp trung học (ở Nhật-bản). Mỗi một năm, trong 1.200.000 trẻ nhỏ ở lớp sơ-học, thời 950.000 đưa vào lớp trung-học. Các môn học như sau này : 1^o Quốc-văn, 2^o Hán-văn, 3^o Tiếng ngoại-quốc, 4^o Lịch-sử, 5^o Địa-dư, 6^o Toán-pháp.

Về tiếng ngoại-quốc thì có ba thứ : tiếng Anh, tiếng Đức và tiếng Pháp.

TAM-ĐIỆP

Đuốc-nhà-Nam, 11-5-1929

42. — Tối lại, đúng 9 giờ (ngày 2-16-1929), tại rạp hát tây có một cuộc hội-diện cực kỳ trọng thể. Tuy ban phải-viên định bán giấy vào cửa để lấy tiền

gửi qua Ấn-độ giúp cho học-đường của văn-sĩ (ông RABINDRA NATH TAGORE) lập tại *Shantiniketan*, song công-chúng hoan-nghênh văn-sĩ cho đến nổi trong rạp không còn trống một ghế nào, khi ban phái-viên, có ông đốc-lý BÉZIAT chủ-tịch, đưa văn-sĩ ra giữa sân khấu để chào công-chúng, tiếng vỗ tay vang rầm.

Ông BUI QUANG-CHIÊU đứng dạy trình diện văn-sĩ và thuật sự-nghiệp của ngài trong làng văn hoân-cầu. Kế đó một người Ấn-độ, qui danh MUTHUKARUPPENS CHETTIAR đọc một bài chúc bằng tiếng *tamoul*, rồi dịch ra tiếng Anh-lê. Bên phía An-Nam, ông DƯƠNG VĂN-GIÁO đọc một bài chúc bằng tiếng An-Nam, bài chúc có dịch ra tiếng Anh-lê và dâng cho văn-sĩ.

Đ. N. N.

(Đuốc-nhà Nam, 25-6-29. Ba ngày thi-sĩ
Rabindra Nath Tagore ở Sài-gòn)

43. -- Người An-Nam nói tiếng An-Nam, viết chữ quốc-ngữ. Ấy là một câu nói chẳng ai dám chê rằng sai lầm.

Đã định-ninh như vậy, thì muốn xưng mình là An-Nam tất phải nói được tiếng An-Nam, viết được chữ quốc-ngữ.

Vì cái lẽ ấy mà xưa nay dư-luận chung thường khích-bác những người phò rằng mình quen tiếng An-Nam, giao thiệp với đồng-bào mà dùng tiếng nước khác. Cũng vì cái lẽ ấy mà mấy người thật máu huyết An-Nam, muốn cho con cháu nói được tiếng An-Nam viết chữ quốc-ngữ, đặng ngày sau không hóa ra một dân tộc khác.

HỒ VĂN-NGUỒN

Đuốc-nhà-nam 18-7-29

44. -- Nhờ bọn đánh thức ấy (ở nước Tchecoslovaquie) mà văn-chương mĩ-thuật nầy nở ra, nhắc nhở cho bọn bình-dân biết những sự vinh-quang

của lịch-sử mình và những kẻ anh-tài vì nước quỳên-sinh liên-tiếp.

Họ dùng sách-vở, nhật-báo và hát xướng mà hô-hào cổ-động. Cần nhất là phải giữ tiếng nói của mình cho được y-nguyên. Cái cơ tồn-vong của nước nhà mình phần nhiều đều ở chỗ này. Nước dần mất nhưng tiếng nói vẫn còn, tức là còn ngày mong mỗi nhiều.

Vi thế mà năm 1771 họ thử hát một thứ tuồng bằng tiếng *tchèque* trước nhất tại thành *Prague*.

Năm 1779, họ lập ra một gánh hát tiếng *tchèque*, do những nhà tài-tử chủ trương gây dựng. Bắt đầu từ năm 1789, họ mới có một cái nhà in thứ nhất để xuất bản sách vở, và một tờ Quốc-dân nhật-báo.

Năm 1918, thì họ lập ra một cái kho sách để cho bình-dân tới đọc trước nhất, Họ cho rằng sự lập kho sách ấy là một phương-thế rất cần kíp để thức tỉnh dân-trí; bao nhiêu người lớn tuổi, bao nhiêu bọn thanh-niên học hỏi chưa được hoân-toàn nhờ nó mà gây mình có cái nhân cách người học-thức hoân-toàn và người quốc-dân xứng-đáng. Ông CHARLES HAYLIK (1821-1856) là một nhà làm báo tân-tiến trong cuộc vận-động phục-sinh của người *Tchèques*, cho rằng bình-dân thơ-viện thật là một cái trường-học chung, thầy dạy rất nhiều, ai ai cũng kính mến.

VĂN-TRÌNH

Thần-Chung, 10-12-1929

45. -- Nước Pháp bảo-hộ biết cái nghĩa-vụ là vừa phải khai-hóa nước này lại vừa phải duy-trì cho ta một cái nhân-cách riêng, đã bênh cái quyền-lợi chánh-đáng cho ta mà đề kháng lại không cho tiếng nhà tiêu-diệt đi trong phái học-sinh du-học bèn Pháp. Theo cái quảng-ý ấy, chính-phủ đã công-nhận tiếng Nam vào chương-trình thi

tú-tài tây, cũng như các tiếng Anh, Đức, Ý, Tây-ban-nha, Ả-rập vậy.

T. H.

Lục-tỉnh tân-văn, 28-2-1930

46. — Nền văn-học của ta, tuy là ngày nay nhờ có khí-cụ rất tiện-lợi, quốc-ngữ rất phổ-thông, nhưng mà vẫn chưa xây dựng lên được là vì còn nhiều sự ngăn trở khó khăn lắm.

HỒNG-TIÊU

Đuốc-nhà-nam 3-5-1930

47. — Người Tàu đem chữ nghĩa và văn-minh của họ qua, bắt ta phải theo, đặng làm cho ta mất quốc-tịch của ta đi, rồi cũng hóa làm người họ, song ta đã biết tỏ cách mềm mỏng lạ lùng, lợi-dụng những cái dã-tâm của họ trở lại làm có ích cho ta. Người mình biết hóa văn-tự của người Tàu đi, từ thể-thức bề ngoài cho tới tinh-túy bề trong, làm thành ra một nền văn-tự của mình.

NGUYỄN PHAN-LONG

Đuốc-nhà-nam 5-5-30

48. — Ông (ông Phạm Quỳnh) muốn bảo-tồn lấy những cái đặc-sắc trong văn-hóa Đông-phương, mà ông biết rằng cái văn-hóa ấy cần phải dung-hòa với cái văn-minh Tây-phương mới có thể sống được ở cái đời khoa-học này.

Nên chỉ những công-trình về văn-học triết-học của Âu-châu và nhất là của nước Pháp, ông diễn-dịch ra quốc-văn rất nhiều mà dịch thật đúng, thật hay, vừa biết tôn-trọng cái nguyên-ý của tác-giả lại vừa hay lựa theo cái giọng điệu của quốc-văn.

Bởi muốn mưu một cái công-cuộc mới-mẻ đó, mà cái tiếng nói bản-quốc còn nghèo-nàn túng thiếu quá, nên ông lại phải lo tài-bồi cho quốc-văn, mượn những danh-từ triết-học của tiếng Tàu tiếng Nhật cho nhập-tích vào quốc-ngữ

để có thể diễn thuật được những cái mà tiếng nôm ta không đủ để gọi nó ra.

THIẾU-SƠN

Phụ-nữ tân-văn, 30-7-31

49. — Phải, tiếng An-Nam là thứ tiếng nói, mà có phải là thứ tiếng nói hèn hạ gì đâu.

Không hèn, cho nên mới có cái lịch-sử trải mấy ngàn năm đó, mấy chục triệu người dùng nó, nói nó, để hiểu biết ăn-ở với nhau.

Không hèn, cho nên mới có một kho tục-ngữ một nền văn-chương, tuy so sánh với người ta thì chưa vào đâu, nhưng cũng có cuốn sách nọ, tập văn kia, như là *Tân-cung-oán, Chinh-phụ-ngâm, Kim-Vân-Kiều, Lục Vân-Tiến*, v. v. là một áng văn-chương vừa tốt-đẹp, vừa thâm-thúy,

Không hèn, cho nên bây giờ người nào thiệt là người Việt-Nam, đều phải nhận rằng cái tương-lai hay dở của dân-tộc ta quan-hệ ở quốc-văn rất nhiều, ngày nay phải lo điếm-tổ bồi-đắp cho nó thành một nền văn-học riêng.

Phụ-nữ tân-văn, 24-9-31

50. — Sự dịch thành-ngữ, tục-ngữ ngoại-quốc cho nhập-tích tiếng ta là sự ích-lợi nên làm. Có điều phải dịch cho hay mà đừng làm hại tiếng ta mới được.

C. Đ.

Phụ-nữ tân-văn, số 99

51. — Tiếng An-Nam không phải là hạng thô-ngữ vô-dụng mà cũng là một thứ tiếng nói (une langue) có giá-trị như các thứ tiếng nói khác.

NGUYỄN PHAN-LONG

Lời diễn-thuyết ở Quán-hạt Nghị-viện Nam-kỳ ngày 10-9-31 (Bản dịch Phụ-nữ tân-văn, 24-9-31)

52. — Người đồng-bương, không có chi vui bằng được gặp nhau đồng như

vày mà lại nói chuyện với nhau bằng tiếng nước nhà.

Ông N. V. B. thuật lời diễn-thuyết của bác-sĩ Nguyễn Văn-Nhã (Công-luận báo, 1932)

53. --- Học-thuật của dân-tộc nước Pháp thành-lập mới độ ba trăm năm nay. Trước kia, người Pháp cũng mượn học-thuật của La-mã Hi-lạp. Từ khi họ đặt được chữ quốc-văn mới bắt đầu dịch sách soạn sách bằng tiếng mẹ đẻ, rồi làm cho sáng tỏ rộng lớn mãi ra. Nhờ đó những bản-năng của dân-tộc được phát-siển ra hết, tân-thuyết tân-ngệ kế-tiếp ra đời, đến nay nhất-thiết học-thuật từ hình-thượng, đến hình-hạ đều đổi một cái tinh-cách của dân-tộc là tinh-cách Pháp-lan-tây (française) tự-do hoạt-bát.

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

Đông-thanh tạp-chí, số 1

54. — Ta hãy xét nguyên về tiếng nói, thì thấy những cách kết-cấu và lập-thành của tiếng ta thật là tinh-vi và thần-diệu. Tiếng nghe bằng tai mà hiểu bằng tưởng-tượng, trong tiếng có đủ tượng-hình, tượng-thanh, tượng-ý. Lại nhờ có tiếng Tàu thấu-nhập vào đến bảy, tám phân mười, làm cho cái kho văn-liệu của tiếng ta một ngày một giàu thêm. Một thứ tiếng không có chữ viết mà vẫn sinh-tồn, vẫn phồn-tu mãi, thật là một thứ tiếng hay.

Quốc-văn phối-thai ở đời Trần, các nhà văn-sĩ mới mượn chữ Tàu đặt ra chữ nôm, để phiên-dịch những khúc ca-ngâm. Đến Lê, Nguyễn, quốc-văn một ngày một thịnh, tuy chữ nôm đặt chưa đủ, song các nhà văn-sĩ cố tìm hết cách chép chữ ra tiếng để lưu-truyền lại bao nhiêu áng văn-chương về sau này.

Nay nhờ có chữ quốc-ngữ, cả nước thông-dụng, dầu cách đặt chữ chưa chắc đã được hoàn-toàn, song ta hãy

có thể lợi-dụng làm một thứ chữ viết của ta. Vậy ta bây giờ có đủ cả tiếng cả chữ, chắc không còn cái gì làm trở-lực cho quốc-văn nữa.

BÙI KỶ

Đông-thanh tạp-chí, số 1

55. — Học hay chưa chắc đã viết giỏi, huống chi ngày nay các bạn trẻ lo học Pháp-văn hơn là quốc-ngữ, thì sự viết quốc-văn của các bạn, thế nào cũng phải khó-khăn lắm. Không luyện-tập quyết không thế nào viết hay, viết rành cái thứ văn cần nhất, cái thứ tiếng mẹ đẻ của mình được.

Tôi chắc các bạn đã thấy đôi ba ông du-học bên Pháp đỗ bằng Tiến-sĩ, Cử-nhơn viết bài bằng quốc-văn đăng vào báo rồi chớ.

...Tôi lại cho các bạn biết rằng lâu nay trong báo-giới có một vài ông viết Pháp-văn giỏi lắm, nhưng đến lúc viết bài đăng vào báo quốc-âm, các ông lại phải viết bằng chữ Lang-sa rồi nhờ người ta dịch lại ..

HÀM-TIỂU

Phụ-nữ tân-văn, 1932

56. — Người đi học Tây bây giờ khác nào như thầy Đường Tam Tạng sang Tây-trúc lấy kinh thuở trước; gian-nan nguy-hiểm biết bao mới lấy được cái hay về; nhưng lấy về mà không truyền ra thì có ích gì; mà truyền ra được thì đó là cái công rút ngắn đường dài, đỡ gánh nặng cho bao nhiêu người muốn biết.

Chẳng nói ai lại không biết lẽ phải ấy. Nhưng muốn cầm đến quản bút, mà viết thì nó mới khó-khăn làm sao chớ! Cũng quản bút ấy mà viết chữ Tây thì nó nhẹ-nhàng biết là chừng nào, cũng tờ giấy ấy mà viết tiếng Tây thì nó nặng-ngỏi là chừng nào, mà viết tiếng An-Nam thì thiệt là :

*Tay cầm quản bút ngàn cân nặng,
Mắt ngắm tờ hoa vạn thước dài.*

Đừng nói viết sách nữa, cứ hỏi anh em học Tây mà xem, độ trăm người chưa chắc có lấy ba-mươi người hiểu tiếng An-Nam nữa. Kỳ thi tú-tai vừa rồi ở Montpellier có bài sau này để dịch ra tiếng Tây :

« Không hàng bánh, bánh ăn sao có ?
Không chú tiều, gỗ nọ lấy đâu.

Làm nhà kẻ khó, người giàu ?

Chớ kia cũng chẳng củi đâu mà nằm ! »

Bài này của ông Nguyễn Ngọc-Uyển, làm theo ý bài « Các nghề » của ông Jean Aicard... Có ông dịch mấy chữ « kẻ khó, người giàu » là « bois-de-khó, bois de giàu », nghĩa là « gỗ khó » và « gỗ giàu ».

...Xem báo *Phụ-nữ* số 107 có bài : « Tiếng nói của loài vật » của ông, V. H. đoạn cuối có nói rằng : « Mình đã có một thứ tiếng riêng của tổ-quốc để lại rất quý-báu, rất thâm-trầm, mà có người xui bỏ nó đi, học theo tiếng người khác, thì thật là tạ-lùng quái-dị. »

NGUYỄN DUY-THANH

Điện máy chuyên nghề - Paris
Phụ-nữ tân-văn, 18-2-1932

57. -- Ấy ta học chữ Hán đã lâu, theo phong-hóa Tàu đã lắm, nên muốn biết ý-tưởng cùng sự-tích của các bậc tiên-nhân tất phải xem nguyên-văn của các cụ di-truyền lại, thời mới hiểu được đại-ý, mà cho được xem hiểu đại-ý của nguyên-văn, tuờ cái vấn-đề Hán-học lại chẳng phải cái vấn-đề có thể dễ nhặng qua được.

NGOC-SON

An-nam tạp-chí, 27-2-32

58. — Học-sinh ta bên Pháp đã từng trở mặt đối với một tiếng không phải tiếng nước mình...

— Nếu người du-học-sinh không kiểm học thêm, nếu người học dở-dang không lo học hỏi thêm, thì nguy mất cho tiền-dồ ! Nếu cứ dụng ngày giờ dư để thỏa-thích cái lòng vật-dục

của mình mãi, còn ngoài ra việc nhà, việc nước không hiểu gì hết, có ai hỏi đến thuyết Khổng, Mạnh, Lão, Thích, văn-chương cũng là lịch-sử nước nhà, thì ngần-ngợ, ngợ-ngần, thì sao gọi có học-thức ?

Đồng-nai, 1-3-32

59. — Theo ý riêng của người viết bài này, thì trong khi viết văn Quốc-ngữ có lập ra một cái nguyên-tắc rồi cứ đó mà theo ; cho nên lúc nào nghe ai nói về sự dùng chữ trong văn ta mà không trùng với cái nguyên-tắc ấy thì không biểu-dồng-tình được. Cái nguyên-tắc ấy như vậy :

Phạm chữ nào nói tiếng ta được thì cứ nói tiếng ta ; phạm chữ nào nói tiếng ta không được, hoặc nói tiếng ta không ngộ, không hết ý, không gọn... thì dùng tiếng Tàu ; tiếng Tàu không mãn-nguyên thì cũng dám dùng với tiếng Pháp hoặc tiếng ngoại-quốc nào khác nữa.

...Tôi phải nói thiệt-thà rằng tiếng ta có thể độc-lập và thành-văn được, nhưng ấy là về sau kia, chớ ngày nay thì nó đang thiếu-thốn lắm. Sự thiếu-thốn đó là tại lâu nay dân-tộc ta không lo trau-dồi nó, thì nó đây-dở sao được ? mà cũng có tại một lẽ nữa, là bởi cái trình-độ trí-thức của người mình còn kém lắm, cho nên phần nhiều những tiếng hơi khó một chút, người mình không dùng mấy, là vì không cần. Theo công-lệ của âm-ngữ-học, dân-tộc nào đã văn-minh, cái triết-ly đã phổ-thông trong xã-hội họ, họ mới cần có nhiều tiếng để phân-biệt ý-tưởng của mình trong khi phổ-diễn nó ra ; những dân-tộc nào mà trí-thức còn đơn-giản, các ý-tưởng của họ không cần phân-biệt lắm, thì họ cũng không cần có nhiều chữ. Tôi e cho dân-tộc ta đây còn nằm về cái hạng sau đó.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 3-3-1932

60. — Tôi không dám bảo rằng đọc sách Pháp-văn là vô-bổ, nhưng tôi không công-nhận sự nguội lạnh đối với sách quốc-văn.

Nói làm chi đến mấy câu học-sinh sức còn thấp, lấy ngay mấy ông giáo ra, thử hỏi các ông khi cầm đọc một cuốn sách, một tờ Nhật-báo, một tờ tạp-chí Pháp-văn luận về xã-hội, chính-trị, kinh-tế, v. v., các ông có thông-hiểu bằng khi đọc một cuốn sách, một tờ nhật-báo, một tờ tạp-chí quốc-văn cũng luận về một vấn-đề đó không? chắc các ông sẽ trả lời rằng không thông bằng!

Biết rằng quốc-văn giúp ích cho đường tri-thức của các ông lắm lắm, thì các ông chớ có tự-phụ rằng thông-hiểu Pháp-văn là đủ ra tay học-vấn uyên-thâm, rồi ra chiều mặt-sát quốc-văn.

Hướng-đạo là các ông, các ông có quan-tâm đến quốc-văn, trẻ em mới biết mà chú-ý đến nó, bằng trái lại, trẻ em cũng sai lối lạc đường như các ông, chừng đó chính các ông đập nát cả hi-vọng của đám đầu xanh tuổi trẻ kia.

TRƯƠNG LẬP-TẠO

Đuốc-nhà-nam, 14-3-32

61 — Có một điều tôi rất lấy làm đê ý, là vấn-đề dạy-dỗ cho những đàn bà con gái nghèo-khò, thất-học từ hồi nhỏ.

TRINH DỤC-TÚ

S. T. dịch — Phụ-nữ tân-văn, 17-3-32

62 — Đồi chục năm nay sĩ-phu ta có một cái sĩ-nhục khó chịu là một thứ tiếng nói hơn 20 triệu người mà không có tự-diễn của người bản-quốc làm ra cho thật đứng-đắc. Nhiều khi có người ngoại-quốc nào hỏi ta điều ấy thì ta hay bị lúng-túng với họ quá, mà trả lời bề nào cũng không xuôi. Nhờ hội Khai-trí tiến-đức, may ra về sau khỏi bị cái sĩ-nhục này, cũng đỡ lắm.

PHAN KHÔI

Phụ-nữ tân-văn, 17-3-32

63 — Nước Tàu lâu nay văn với tiếng nói khác nhau. Tiếng nói thì là tiếng nói đời nay mà văn thì viết theo đời xưa trên hai ba ngàn năm. Tuy cũng có những tiểu-thuyết viết bằng tiếng nói đời nay, tức kêu là bạch-thoại, nhưng các thứ văn khác đứng-đắn thì buộc phải viết theo lối đời xưa cả, kêu là « văn-ngôn ».

Tiếng nói với văn khác nhau thật là một sự bất-tiện lắm. Trong một nước, nếu muốn giáo-dục cho phổ-cập, hết thấy mọi người đều biết chữ, mà văn và tiếng lại chia ra như vậy thì rõ là một cái trở lực đến con đường tân-hóa.

Phụ-nữ tân-văn, 7-4-32

64 — Phải sao cho rèn đúc được đề tân quốc-văn có một cái hồn cứng mạnh, có một cái sức-lực cổ-vô phấn-khởi lòng người, giục cho ai nấy đều nuôi cái chí cá-nhân phải có tiến-bộ về đường tinh-thần, chẳng là « thượng-nhân », « người trên », như chủ-nghĩa của nhà triết-học NIETZSCHE, thì cũng phải là « thi-sai » cái địa-vị bề trên; — nhiên-hậu xã-hội mới có ngày đổi mới một cách mau chóng và rực-rỡ.

... Muốn có cái sức *nhường ấy*, cảm-tình và tư-tưởng của nhà văn phải mượn lời mà phát ra, lại phải mượn cái đẹp cái hay của lời mà bắt người ta phải để ý đến. ANATOLE FRANCE có nói: Vô-phúc thay cho nhà văn nào mà dám khinh lời văn! Văn sở-dĩ lưu-truyền thiên-cổ, là nhờ về cái lời văn hay mà thôi. Tư-tưởng được thêm giá-trị cũng nhờ về cái lời khéo đem diễn-giải ra. Dem lời mới mà diễn giải một cái ý-tưởng cũ, đó chính là mĩ-thuật gồm cả ở đây! » (*Malheur à qui méprise la forme! On ne dure que par elle. Une idée ne vaut que par la forme. Donner une forme nouvelle à une vieille idée, c'est tout l'art...*)

Tuy câu chuyện « quốc-văn mới » này, không phải là một câu chuyện mĩ.

thuật, mà là một câu chuyện có quan hệ đến vận nước, nhưng văn-chương muốn có ích cho nước cũng phải có vẻ đẹp, vì không đẹp thì ai chuộng (1).

NGUYỄN TIẾN-LÃNG

An-nam tạp-chí, 19-3-32

(1) nên so với câu :

Ảnh-hưởng của ROUSSEAU không phải là chỉ thuộc về đường văn-học mà thôi, xem như trên đó thì biết, nhưng cũng là nhờ cái văn-chương tuyệt-bút của ông mà những tư-tưởng ông truyền bá ra được rộng và được sâu như thế.

Nam-Phong, quyển thứ XVIII, trang 225

65 — Mặc dầu ai khinh rẻ tiếng Việt-Nam cho mấy đi nữa, là cái giá-trị của nó cũng vẫn cứ càng ngày càng quý, cái địa-vị của nó cũng vẫn cứ càng ngày càng cao. Ấy là cái xu-thế tự-nhiên, người ta chỉ có thể hòa theo cái xu-thế ấy làm cho tiếng Việt-Nam phát-đạt hoàn-toàn mau hơn thì được, chớ muốn cầm chừng nó, ngăn cản nó, bay muốn làm cho nó tiêu-diệt đi là không được vậy.

... Chiều thứ bảy trước, 19 Mars, nhân làm lễ khách-thành cuộc chợ phiên, ban trị-sự có mở tiệc trong một phòng ở phủ Toàn-quyền, mời quan Thống-đốc đến chứng-kiến. Mãn tiệc rồi, ngài có đọc một bài diễn-văn bằng tiếng Việt-Nam. Ấy là một việc mới lạ lắm.

...Chúng tôi xin đề lời kính khen quan Thống-đốc vì ngài đã làm một việc đề khuyến-khích người Tây cố-nhiên, mà cũng tỏ ra cái lòng ngài không khinh-rẻ tiếng chúng tôi, là thứ tiếng rất có thể-lực từ trước đến nay và từ nay về sau.

Phụ-nữ tân-văn, 31-3-1932

66. — Trong nước, bọn nhà văn, nhà báo chúng tôi vẫn gia-công đắp móng xây nền, dù thường mỗi người làm

một lối, mà đều lo giúp một phần gây-dựng, tô-điêm, mở-mang cho tiếng An-Nam thêm giàu, thêm mạnh.

HOÀNG TÍCH-CHU

Đông-lây, 9-4-1932

67. — Thuở trước, ta lấy chữ Hán làm quốc-văn, là một điều rất bất-liện. Bởi thứ chữ ấy khác với tiếng nói của ta, học nó mà cho đến bậc xem sách được cũng phải mất công-phu trên mười năm. Như vậy, chép sách bằng chữ Hán lại là điều khó cho độc-giả nữa. Không trách được, trong xã-hội ta từ xưa ít có sách-vở lưu-hành là phải lắm.

P. K.

Phụ-nữ tân-văn, 14-4-1932

68. — Một dân-tộc mà rẻ-rúng tiếng nói của mình tưởng không còn đâu hơn thứ dân-tộc này nữa hết. Dễ thường người nước nào thì nói tiếng nước ấy, thế mà bọn tân-học nước mình lại ít chịu nói tiếng nước mình.

Đông-nai, 15-4-32

69. — Số người An-Nam đọc chữ Tây được thì không bao nhiêu. Biết chữ Tàu lại còn ít hơn nữa. Nhất là ở Nam-kỳ. Phải chi chính-phủ để cho chúng tôi thông-thả dịch sách Tây ra quốc-văn, cho người An-Nam thấy biết thêm một chút, tưởng cũng không có chỗ chi hại.

H. X. C.

Đông-nai, 15-4-32

70. — Hán-tự là chữ của Tàu mà nước ta mượn dùng lâu nay, chữ quốc-ngữ thiệt là chữ dùng hiện-thời. Lại phần nhiều bách-tính không hiểu chữ Hán, nếu không dịch ra quốc-văn thì làm sao phổ-thông dặng đạo-lý.

Từ-bi-âm, 15-4-1932

71. — Ta không nên quên cái mục-dịch của ta khi luyện-tập quốc-văn, chỉ cốt sao cho quốc-văn càng ngày

càng thêm gầy-gọn, sáng-sủa, không những chữ nọ không được lẫn với chữ kia, mà ý-tưởng này ta không nên để cho ai lẫn với ý-tưởng khác.

..Người ta thường nói: « Xét văn-chương có thể biết được dân-tộc ». Điều đó, có lẽ cứ xét riêng về cái quan-niệm dùng chữ cũng đủ chứng-nghiệm được một phần. Một dân-tộc dùng chữ một cách lơ-mờ tối-tăm quả-nhiên tối-tăm, quả-nhiên tối-tăm lơ-mờ thật! óc của dân-chúng đại-da số mập-mờ, ý-tưởng trừu-tượng một chút là khó hiểu cho đến nơi, mà có hiểu cũng khó đạt ra cho rõ-ràng được.

Dân-tộc ta chính đang là một dân-tộc đó. Cho đến khi nào, mỗi tiếng không coi là một chữ, trong óc dân-chúng, nghĩa tiếng ăn chẳng hạn, không vừa là cái ăn, sự ăn, thức ăn, v. v . nghĩa là có cái quan-niệm về từng nghĩa tiếng ăn cho rành mạch, cho đến ngày ấy, óc dân ta còn phải lung-tung, rối-rít, mập-mờ, mà tiếng Việt-Nam ta còn phải ở vào các địa-vị thấp-kém vậy.

Muốn chữa cái óc mập-mờ ấy, về phần cá-nhân, cố-nhiên là phải ra công hàm-súc, nhưng về phần dân-chúng, tất phải có một quyền tự-điền giải-thích từng chữ một cho vừa kỹ-càng vừa rành mạch, để giúp sự học quốc-văn.

NGUYỄN CÁT-NGẠC

An-nam tạp-chí 30-4-32

72. — Lấy riêng về phương-diện văn-học mà nói thì cái phong-trào này (phong-trào nam-hóa) chính là một cái chứng-triệu về sự tân-hóa của nữ-lưu ở trên đường văn-học.

Sự tiến-hóa đó ta chưa thấy được mạnh-mẽ, vì trong xã-hội, ngoài những trường-học công, tư, theo chương-trình của nhà-nước, thiết chưa có cái cơ-quan văn-học nào của nữ-lưu.

Đó là một sự thiếu-sót mà chúng ta đều lấy làm phàn-nàn, và chính cũng

là một lẽ khiến cho chúng ta trông-đợi có một vài nữ-lưu học-hội mở ra trong xã-hội Việt-Nam này.

Lời diễn-thuyết của cô

NGUYỄN THỊ-KIỀM

Phụ-nữ tân-văn, 26-5-32

73. — Mỗi một dân-tộc có một thứ tiếng nói riêng, rồi dùng một thứ phù-hiệu hoặc tượng-hình, hoặc hội-ý, hoặc tiêu-âm để ghi-chép lấy cái tiếng nói ấy thì tức là văn-tự riêng của một dân-tộc nói thứ tiếng nói ấy. Chỉ có thứ tiếng nói ấy thì mới đạt-đạt được hết tinh, hết lẽ cái tư-tưởng, cái tâm-linh, cái ý-chi của dân-tộc mình, mới có thể truyền báo được hết điều hơn điều thiệt, điều hay điều dở trong dân-tộc mình với nhau, quốc-hồn ở đấy, quốc-túy ở đấy, mà quốc-hoa cũng là ở đấy.

...Văn-học của các dân-tộc khác, dù hay ho tốt đẹp đến bậc nào, mình chỉ có thể thu-thái lấy, lượm-nhặt lấy, mô-phỏng lấy, mượn mỗ lấy cái hay cái tốt của người để sáp-nhập làm thêm cái hay cái tốt cho văn-học mình, chứ không thể bỏ của mình mà lấy tất cả của người làm của mình được. Chẳng những thế, lại dù muốn học của người để hòng có thái-thái được, lượm nhặt được, mô phỏng được, mượn mỗ được cái hay cái tốt của người, cũng phải có căn-bản của mình cho vững-chắc trước đã rồi mới có đất mà tiếp-thụ được cái ở ngoài tăng-phụ vào sau.

Văn-học tạp-chí số 1, mai 1932

74. — Ta đừng tưởng lầm rằng Es-pérants sẽ thay tất cả các « quốc-ngữ », đó chỉ là một thứ tiếng phụ quốc-tế (*langue auxiliaire internationale*) trung lập, mà ai ai cũng nên học thêm vào tiếng mẹ đẻ của mình.

N. M.

An-nam tạp-chí, 1er-6-32

75. — Người An-Nam nói tiếng Pháp ở giữa công-chúng An-Nam. Điều ấy ta thường thấy hằng ngày.

HỒNG HOA-TỬ

Đông-tây, 25-6-32

76. — Chữ Việt-Nam sở dĩ chưa có thể-lực lan rộng ra ngoài thế-giới là bởi nước Việt-Nam chưa có thể-lực, bởi quốc-dân Việt-Nam chưa có thể-lực đó thôi. . .

Có sách hay tất có người muốn học; người nước khác muốn học tất phải dịch ra chữ nước họ. Xem như Phạn-kinh của Ấn-độ, ngũ-kinh tứ-thư của Tàu cũng đã thấy dịch hầu khắp các thứ chữ thế-giới. Truyện Kim-Vân-Kiều của Việt-Nam ta nay cũng đã có người Pháp dịch, người nước khác cũng đã có đọc đến mà cũng đều phải xưng-tụng tác-giả quyền văn-chương Việt-Nam kia là « thần thơ ».

ĐÔNG-HỒ

Văn-học tạp-chí số 2, Juin 1932

77. — Nay ta đã biết lấy quốc-văn làm trọng, thì hẳn có cách gì phát-huy sự đẹp cái hay cái đẹp trong quốc-văn, ta cũng nên để ý đến, mà một cách phát-huy cái hay của văn-chương tức là cách dùng điển, vì làm cho người ta phải nghĩ-ngợi nhắc-nhớ đến câu thơ câu văn xưa mà chứng-giải rằng văn-chương nước mình có điển-cổ.

HẢI-LƯỢNG

Văn-học tạp-chí số 2, Juin 1932

78. — Nước Nhật-bản theo nhiều phương-pháp Âu-châu mà được phú-cường, nhưng muốn đắc-thắng cho quyết, cho trọn thì phải giữ sao cho mình còn là nước Nhật-bản hay là khi quá mê võ-lực mà phải một hồi không được đúng là nước Nhật-bản nữa thì cũng phải trở lại làm nước Nhật-bản như trước. Nước Tàu đã hóa theo Âu-châu, nếu chẳng quên cái tinh-hoa của

mình, cái nền móng chân-chính của sức mạnh và sức lâu bền của mình, thì sẽ là một xứ hỗn-độn mà thôi.

Vậy thì người Việt-Nam phải giữ cốt-cách người Việt-Nam, nếu muốn mong nhờ các việc hay ở văn-hóa Âu-châu mà nước Pháp đã đem đến đây. Họ phải tiêm-nhiễm lần-lượt và theo chừng mực đã định riêng cho các món ấy, tiêm-nhiễm phương-pháp và tư-tưởng Âu-châu; họ phải giữ cái văn-hóa nghìn năm đã tạo nên cái sức mạnh của họ, đã khiến cho khác với thế-giới mình đã sáp-nhập khi xưa và khiến cho có cái hình-trạng, cái tinh-thần đặc-biệt.

Nói giữ cốt - cách người Việt-Nam, không phải là cố công cùng sức giữ gìn một vài điều vật-vĩnh về cách ăn mặc, về phong-tục, về những dáng-diệu lễ-lối bề ngoài mình đã quen dùng về một vài cơ-hội nào đó.

Giữ cốt-cách người Việt-Nam ta, trước nhất, tạo nên một cách đoàn-luyện giáo-hóa riêng cho người Việt-Nam, là nuôi dạy con trẻ Việt-Nam cho thành người Việt-Nam biết tiếp-tục, biết giữ-gìn mãi mãi mấy tính-chất riêng đã làm sức mạnh, sức lâu bền của giống dân này, khi kinh-qua các cuộc biến-thiên dữ-dội trong lịch-sử.

NGUYỄN VĂN-VĨNH

L'Annam nouveau, Juin 1932

79. — Đối với văn-hóa Đông-phương chúng tôi cho là có nhiều điều rất hay, rất tốt, dù chẳng hay gì ắt tốt với ai, nhưng cũng hay cũng tốt với mình, vì nó thích-hợp với hoàn-cảnh mình, chỉ vì trải qua mấy nghìn năm dâu bể, văn-hóa ấy cũng bị sai-lạc đi nhiều. Vậy nay cũng cần phải biết kén chọn..

Đông-thanh tạp-chí số 1, 1-7-32

80. — Luôn hai tháng nay, anh có đăng mấy cái thơ của em Mà mấy cái

thơ này lại viết một cách rất khác hẳn với những thơ trước kia ; em viết pha lẫn tiếng Tây trong thơ rất nhiều. Tại sao vậy ? Tiếng Việt-Nam thiếu cho em dùng chẳng ?

TRƯƠNG LỤC-KIỆT

Phụ-nữ tân-văn số 158 ; 7-7-32

81. — Không ai ước-ao việc thống-nhất tiếng Việt-Nam cho hơn tác-giả bài này ; nhưng phải nhận rằng cuộc thống-nhất hiện đang tiến hành hằng ngày, chưa có thể hoàn-toàn được.

La Tribune indochinoise, 11-7-32

NGUYỄN VĂN-KIỆM sao và dịch

SO-SÁNH TIẾNG AN-NAM VÀ TIẾNG PHÁP (1)

Vấn-đề « vay chữ » là một cái cấp-vụ hiện-thời cho dân-tộc ta. Vậy ta nên vay chữ của dân tộc nào ? Tất ai cũng trả lời rằng : Ta nên vay chữ của người Tàu và của người Pháp, vì chữ Tàu và chữ Pháp ảnh-hưởng chữ An-Nam ta, là một lẽ hiển-nhiên. Vay chữ Tàu chúng tôi không cần bàn nữa, vì ta học chữ Tàu mà đọc theo tiếng ta, nên bao nhiêu chữ Tàu đều viết ra chữ ta được cả. Nhưng vay chữ Tàu cũng không đủ, vì Tàu là một nước văn-minh cũ, bao nhiêu danh-từ về triết-học, nhất là về khoa-học, về kỹ-nghệ, về cơ-khi, tuy người Nhật đã phiên-dịch ra rất nhiều, nhưng thiết-tượng cũng chưa được sung-túc lắm. Vả lại ta đã đi vay thời nên vay một cách trực-tiếp, tột-tình gì mà vay cách gián-tiếp để không khỏi thác-tạp phân-vân?

Hiện-thời ta lại giao-thông với người Pháp, về phương-diện chính-trị, về phương-diện kinh-lế, về phương-diện tính-lhân... Chữ Pháp rất là phong-thịm đích-xát rõ-ràng, ai cũng công-nhận như vậy. Vì bao nhiêu lẽ đó ta nên mượn chữ Pháp để làm cho chữ ta thêm giàu, thêm đích-xác, thêm rõ-ràng.

Nhưng trước khi bàn phải vay những thứ chữ nào, phải vay cách nào, đứng về phương-diện nào mà vay, ta nên so-

sánh tiếng ta với tiếng Pháp cho biết hiện-trạng tiếng ta hơn tiếng Pháp về phương diện nào, kém tiếng Pháp về phương-diện nào, cái gì ta thiếu, nên bắt-chước của người Pháp mà bổ-khuyết, cái gì ta khuyết-diểm ta nên mô-phỏng theo tiếng Pháp mà cải-bổ, đĩnh-chỉnh kỳ cho được hoàn-bị phân-minh.

Vậy trước hết ta phải biết tiếng một dân-tộc là cái gì ? Theo thiển-ý chúng tôi thì tiếng một dân-tộc nào là tất cả các tiếng mà dân-tộc ấy dùng để mà giao thông với nhau ; hoặc trong đơn-tự 單字 hay trong phức-tự 複字 của họ.

Ví-dụ tiếng An-Nam : Non, sông, nào, phải, buổi bình-thời.

Những tiếng : Non, sông, nào, phải, buổi là những tiếng dùng trong đơn-tự của An-nam ; còn những tiếng bình-thời thì dùng trong phức-tự.

Tiếng Pháp : La-va-lơ nát-tăng poang lơ nông-bờ-rờ để đan-nê, (La valeur n'attend point le nombre des années).

Những tiếng : la, poang, lơ, đề thì dùng về đơn-tự, còn những tiếng : va, lơ, nát, tăng, nông, bờ, rờ, đan, nê thì dùng về phức-tự.

Vậy ta hãy so các tiếng mà người An-Nam dùng với các tiếng mà người Pháp dùng.

(1) Bài này tác-giả trước đã cho đăng ở một tạp-chí khác, nhưng chưa đăng được trọn bài. Nay gởi cả toàn-cảo cho bản-chí, xét ra lời bàn cũng có nhiều điều khám-phá, vậy đăng cả toàn-văn ra đây, để công-đồng-lãm.

Thanh-âm tiếng Nam so với thanh-âm tiếng Pháp

THANH

ÂM

	Trường-bình	Đoản-bình	Trường-khư	Đoản-khư	Trường-thương	Đoản-thương	Trường-nhập	Đoản-nhập
Hầu 喉	a ha ga qua gia nga a ga la ya	à hà gà quâ giã ngâ	á há gá quá giá ngá	ã hã gã quã giã ngã	ả hả gả quả giả ngả	a ha ga qua gia nga	ét hét ghét quét giét nghét	et hét ghét quét giét nghét
Thiệt thương 舌 上	Tha ra Ra xa cha Sa	thả rả O xả chà O	thả rả O xả chà O	thả rả O xả chà O	thả rả O xả chà O	thả rả O xả chà O	thét rét Rat rex xét chét Sax sex	thét rét O xét chét O
Chỉnh xỉ 正 齒	La nha Gua La	Lả nhả O	Lả nhả O	Lả nhả O	Lả nhả O	Lả chà O	Lét nhét Lat	Lét nhét O
Bản xỉ 半 齒	ta da da sa	tả dả dả sả	tả dả dả sả	tả dả dả sả	tả dả dả sả	ta da da sa	tét dét dết sét	tét dét dết sét
Xỉ-dầu 齒 頭	ta sa Zada cha	O	O	O	O	O	tal. chat....	O
Nha 牙	ca kha kha	cả khả O	cả khả O	cả khả O	cả khả O	cả khả O	két khét cat	két khét O
Khinh thân 輕 唇	pha va Fa va Wa	phả vả O	phả vả O	phả vả O	phả vả O	pha va O	phét vét Fat. vat....	phét vét O
Trọng thân 重 唇	ba ma Pa Ba Ma	bả mã O	bả mã O	bả mã O	bả mã O	bả mã O	bét mét Pat, Bat, mat	bét mét O

I.— Tiếng và giọng

A. Tiếng.— Khi ta xét một tiếng nào, tiếng « non » hay là tiếng « la », thì ta phải xét hai mặt, mặt âm và mặt thanh. Xét mặt âm là xét giống (nature) của tiếng, nghĩa là tìm cho biết cái tiếng đó phát-xuất từ cơ-quan nào trong bộ máy thanh-âm (appareil-vocal) của người. Xét thanh là xét cái độ (degré) của tiếng, nghĩa là tìm cho biết tiếng đó cao, thấp, nặng, nhẹ, dài, vẫn thế nào. Hãy so âm, thanh tiếng An-nam cùng âm-thanh tiếng Pháp.

Xét trong cái đồ thanh-âm này, tiếng An-Nam ở trên điểm-tuyến (pointillé) tiếng Pháp ở dưới điểm-tuyến, thì ta không có những âm Ja và Pa. (Tiếng « Za » của Pháp cũng na-ná như tiếng « Da » của ta). Còn tiếng Pháp chỉ có thanh-trường-bình và trường-nhập còn bao nhiêu thanh khác : đoản-bình, trường-thượng, đoản-thượng, trường-khứ, đoản-khứ, đoản nhập thời tiếng Pháp không có. Về phương-diện âm, ta chỉ thua Pháp những âm Sa, Pa mà lại hơn tiếng Pháp những âm Nga, tra, tha, kha. Về phương-diện thanh thời tiếng ta hơn tiếng Pháp đến sáu thanh. Cái số tiếng mà người An-Nam ta dùng trong ngôn-ngữ và văn-tự của ta độ chừng trên dưới 15.000 tiếng; còn số tiếng của người Pháp dùng trong ngôn-ngữ, văn-tự của họ chỉ có trên dưới 2.000 tiếng mà thôi; thế là tiếng An-Nam phong chừng 8 lần nhiều hơn tiếng Pháp, (ta có thể chiếu theo « xi-láp » mà biết số tiếng của ta hay của người một cách đích-xác, nhưng chuyện đó là chuyện giải-trí, chưa cần-thiết cho cái vấn-đề này bao nhiêu).

B. Giọng.— Giọng là cái kết-quả của sự biến-hóa của tiếng. Một tiếng có thể biến-hóa ra nhiều giọng. Chúng tôi không phải là một nhà âm-nhạc-học, nên không biết số giọng của tiếng là vô-cùng hay hữu-hạn. Chúng tôi chỉ

biết một tiếng có thể biến-hóa ra được nhiều giọng mà thôi; hiện-thời tiếng An-Nam ta có những giọng sau này :

1^o Giọng ca : Ca nam-bằng, ca nam-ai, ca kim-tiền, ca tứ-đại-cảnh, vãn-vãn.

2^o Giọng hát : Hát ru con, hát già-gạo, hát chèo đò, hát bội, hát xẩm, hát chèo, v. v ..

3^o Giọng thày : thày bát-dật, v. v...

4^o Giọng lý : lý hoa-tình, lý nam-xang, v. v...

5^o Giọng bình : Bình văn, bình sách...

6^o Giọng ngâm : Ngâm Kiều, ngâm sa-mạc, ngâm cái-lương, v. v...

7^o Giọng đọc chúc : Đọc văn tế, đọc vãn ai, v. v...

8^o Giọng xưng : Xưng cát-sự, xưng hung-sự, v. v...

9^o Giọng bạch.

10^o Giọng lán.

11^o Giọng tụng.

12^o Giọng nghinh-linh.

13^o Giọng diễn-thuyết.

14^o Giọng tụng kinh, vãn vãn ..

Tiếng Pháp thì có những giọng :

1^o Giọng hát.

2^o Giọng diễn-thuyết.

3^o Giọng đọc kinh, sám-hối, vãn vãn..

Chúng tôi không biết được nhiều giọng tiếng Pháp. Nhưng tiếng An-Nam nhiều hơn tiếng Pháp, chúng tôi có thể chắc rằng giọng tiếng An-Nam cũng nhiều hơn giọng tiếng Pháp, vì tiếng biến-hóa thành ra giọng như đã nói trên kia. Tiếng An-Nam phong-phú hơn, thanh-âm An-Nam cũng phong-phú hơn. Giọng An-Nam lại cũng phong-phú hơn, nên thơ ca An-Nam cũng có nhiều phần đặc-sắc hơn thơ ca Pháp.

Người ta dùng « xi-láp » để hình-dung một tiếng. Người Pháp hình-dung tiếng họ, có khi họ dùng một « lét » âm hay là nhiều « lét » âm, ví-dụ : O, Ai. . .

Khi thì họ dùng một « lét » câm, ví dụ : France (« lét » F. hình-dung tiếng « phờ » cũng như là một « xi-láp »).

Khi thì họ dùng một « lét » âm với một « lét » câm hoặc với nhiều « lét » câm, ví dụ : At. Art...

Khi thì họ dùng một « lét » câm với một « lét » âm hay nhiều « lét » âm, ví dụ : ta, tôi, vân-vân...

Người An-Nam ta hình-dung tiếng ta thì dùng « lét » âm, « lét » câm và 5 dấu tiếng.

Vậy An-Nam ta không khi nào dùng một « lét » câm làm một « xi-láp », mà trong tiếng Pháp thời mấy dấu tiếng không thấy dùng khi nào.

Người An-Nam cũng như người Pháp đều dùng tiêu-diểm (ponctuation) để hình-dung các giọng :

Chấm hỏi (?) dùng để hình-dung giọng hỏi

Chấm phát-linh (!) dùng để hình-dung giọng kinh-ngạc, giọng kỳ-di, giọng đặc-ý, vân-vân...

Hai ngoặc (...) dùng để đổi giọng.

Chấm qua hàng dùng để phân-triệt.

Chấm cuối cùng (point final) dùng để dứt lời.

Vì giọng quá nhiều nên người ta không thể hình-dung hết được.

II.— Chữ và sự thay-đổi của chữ

A. Chữ.— Tiếng và chữ khác nhau, có tiếng không thành chữ như là : buyên, lưuu.

Có khi một tiếng thành một chữ như là :

a) Đầu, cổ, bụng, ngực.. (chữ An-Nam).

b) Cou, œil, nez, dent... (chữ Pháp).

Có khi hai tiếng thành một chữ :

c) Lặt-lẻo, lặng-lẽ, êm-dềm, thông-thả, thẩn-lẩn, bờ-cạp, v. v .. (chữ An-Nam).

d) Marcher, pied, cheval, bateau content... (chữ Pháp).

Có khi ba tiếng thành một chữ :

đ) Tửng-tưng-tưng, tảnh-tảnh-tanh, sạch-sánh-sanh, bắt-đắc-dĩ, võ-dur-luong, vị thuốc (chữ An-Nam).

e) Pharmacie, pantalon, mangoustan, vêtement (chữ Pháp).

Có khi bốn tiếng thành một chữ :

g) Lặt-la lặt-lẻo, ngất-nga-ngất-nghèo, vương-bất-lưu-hành (chữ An-Nam).

h) Monovalent, habillement, rapide-ment (chữ Pháp).

Có khi năm tiếng thành một chữ :

i) Thễ-tỗ-cao-hoàng-đế, Công-tôn-nữ-cầm-xuân (chữ An-Nam).

j) Tétravalent, momentanément, hospitalité, malheureusement (chữ Pháp).

Chữ An-Nam không có chữ nào đến sáu tiếng, nhưng chữ Pháp có khi đến mười một tiếng, như là : anticonstitutionnellement.

Chữ Pháp thời chữ phức-vận nhiều mà chữ đơn-vận ít. Còn chữ An-Nam thời chữ đơn-vận nhiều mà chữ phức-vận ít. Có lẽ vì tiếng Pháp ít nên một chữ phải nhiều tiếng để chữ này phân-biệt với chữ kia; như nói rằng tiếng An-Nam là một thứ tiếng đơn-vận (langue monosyllabique) chúng tôi xin quyết rằng nói sai.

B. Sự thay-đổi của chữ — Chữ Pháp có những thứ chữ hay thay hình đổi dạng như những chữ : danh-từ, quán-tự, chỉ-minh (adjectif), thế-đại (pronom) động-từ.

Chữ An-Nam thời không có thứ chữ nào thay đổi cả; lại có khi một chữ mà khi thì danh-từ, khi thì quán-tự, khi thì chỉ-minh, khi thì thế-đại, khi thì động-từ, khi thì tăng-phụ (adverbe), khi thì thán-từ (interjection), ví dụ : Những người làm việc thiện là thầy của chúng ta (thầy = danh-từ).

Thầy Tăng. Từ mỗi ngày xét lỗi mình
ba lần (T hầy = quán-tự).

Học trò nên siêng học để đẹp lòng
thầy (thầy = chỉ-minh).

Thầy ở lại đây, mấy trò không hiểu
điều gì cần phải hỏi thầy (thầy = thế-đại).

Tấm lòng có nhân nghĩa, nói phỏ cho
hóa-nhã, ăn ở cho thủy-chung mới có
thể làm thầy bạn thanh-niên anh-tuấn
được (thầy = động-từ).

Còn chữ Pháp thì danh-từ cứ danh-
từ, chỉ-minh cứ chỉ-minh, thế-đại cứ thế-
đại, động-từ cứ động-từ, vân vân... (1).

Những chữ Pháp lại hay thay đổi
theo giống đực giống cái, số ít số nhiều
ngôi thứ nhất, ngôi thứ nhì, ngôi thứ
ba, vân vân...

Chữ An-Nam tá thời không thay đổi
như vậy, nhưng ta có thể thêm những
chữ chỉ-minh hoặc những chữ tăng-
phụ... thời ý nghĩa cũng tự-nhiên rõ-
ràng. Vậy « không thay đổi như thế »
cũng là không phải là một điều bất-lợi.
Những chữ động-từ Pháp lại hay thay
đổi theo thời-gian, ví dụ : Je vais, J'al-
lais, vân vân...

Thiết-tưởng sự đó cũng một sự
phiền ; như chữ An-Nam ta muốn nhất-
định về phương-diện thời-gian cứ thêm
một vài chữ vào thời-ý-nghĩa thời-gian
cũng đoán-định. Và lại thời-gian là
vô cùng, vô-lận chỉ có tám thì (8 temps)
cũng nọ đủ vào đâu. Vậy tiếng An-Nam
ta không chia « ve-bờ » lại cũng không
phải là một sự bất-lợi.

Trong động-từ Pháp lại có trực-trần-
trạng (mode indicatif), nghi-nghị-trạng
(mode conditionnel)... có ngôi thứ
nhất, thứ nhì... ; chữ An-nam tuy
không đổi theo trạng, theo ngôi, nhưng
biết dùng chữ mà đặt rõ-ràng thì cũng
có thể chỉ trạng, chỉ ngôn một cách
phân-minh đích-xác được. Nói tóm lại

sự đổi theo giống đực, giống cái, số ít,
số nhiều, trạng, thời gian, ngôi thứ nhất,
ngôi thứ nhì, vân-vân... tưởng chữ An-
Nam không cần gì mô-phỏng hết như
chữ Pháp.

Tự-thể (Morphologie)

Duy tự-thể chữ An-Nam thì thác-
tạp phần nhiều. Như trên đã nói, chữ
An-Nam không phải là một thứ chữ
đơn-vân, vì có chữ hai tiếng, có chữ
ba tiếng, có chữ bốn tiếng, có chữ năm
tiếng, nên câu sau này, ta có thể viết
như vậy cũng có ý nghĩa : Một ngày
kia, cô Công-tôn-nữ Thị-Hoa bảo người
bạn rằng : « Ngủ dậy ngắc-nga-ngắc-
ngheo, ăn rồi cứ từng-từng-tưng, nghỉ,
hiện-thời, đàn-bà An-Nam ta, phần
nhiều, thật là vô-dụng ».

Nhưng có khi bất-liện ! Khi nào « lét »
cuối chữ trước và « lét » đầu chữ sau
đều là « lét » âm thời ta có thể đọc lộn
chữ này qua chữ kia, ví-dụ hai chữ
« thụ » « ăn », mà viết lại một chữ thì
tất phải đọc « thuận » ; thế nên ta không
có thể bất-chước chữ Pháp mà viết
như câu trên đây được. Tuy vậy mà ta
có thể dùng cái « dấu-nối » để làm cho
tự-thể chữ ta được phân-minh xác-
thực hơn. Vậy cái dấu-nối là một cái
dấu rất quan-hệ trong sự viết quốc-văn
ta.

Chữ ta vẫn nhiều chữ « ô-mô-nim »,
vì phần nhiều chữ ta từ chữ Hán mà
ra, ví-dụ :

Thi = thi-ca (詩).

Thi = thi-đua (試).

Thi = thi-thẻ, thầy (尸).

Thi = thi-hành (施).

Thi = cỗ-thi vân-vân...

Bao nhiêu chữ Hán đó thì đọc in
nhau, mà tự-thể khác nhau. Còn chữ

(1) Loại chữ danh-từ không khi nào dùng như các loại chữ khác. Nhưng tất cả
các loại chữ khác đều có thể dùng như danh-từ được cả.

ta thì đọc in nhau mà tự-thể cũng in nhau.

Nhiều « ô-mô-nim » như vậy cũng là sự bất-tiện. Nên có người bảo rằng những chữ « ô-mô-nim » trong quốc-văn ta cần phải sửa tự-thể để chữ này phân-biệt với chữ kia. Thiết-tưởng sự sửa đổi như vậy là một sự phiền phức vô-cùng, khó-khăn vô-cùng! Một cái tập-quán gần 300 năm, ảnh-hưởng đến gần 20 triệu người, không có thể sửa-sang canh-cải dễ-dàng như lời nói được! Và chẳng có bất-tiện nữa cũng bất-tiện cho người ngoại-quốc, chớ người An-Nam ta, học tiếng mẹ đẻ, sự nhiều « ô-mô-nim » cũng không bất-tiện bao nhiêu

Chúng tôi hãy nhắc lại một lần thứ hai, ta không nên khi nào so-hốt cái đầu nói được.

Mẹo

Có chữ thì phải có mẹo ; mẹo dạy về nghĩa chữ, tánh chất của chữ, tự-thể của chữ, vị-trí của chữ ở trong câu. Muốn đặt câu văn cho rõ-ràng, tất phải học mẹo. Có người bảo rằng : học chữ An-Nam không cần học mẹo, thậm-chí bảo rằng quyền mẹo của nhà nọ là một quái-vật trong làng văn. Nói như vậy là mô-hồ và vô-lý, bàn về mẹo mà không biết mẹo là giống gì! Mới đây vì phân-biệt ba chữ : « những, các, mấy », mà cụ Huỳnh với ông Phan tranh-biến cùng nhau ; mấy bài tranh-biến đó không phải những bài bàn về mẹo hay sao? Ước-ao rằng Nguyễn Cát-Ngạc tiên-sinh sẽ ấn-hành một quyển sách mẹo tiếng An-Nam rất có giá-trị.

Tự-vị

Có chữ phải có tự-vị ; tự-vị dùng để định tự-thể của chữ, định nghĩa của chữ, để người Nam viết gì người Bắc cũng hiểu, người Bắc nói gì người Nam cũng không lầm, để kẻ ham-mộ quốc-

văn có phương-châm mà nghiên-cầu tra-cứu. Mấy lâu nay nhiều người bảo rằng trong quốc-văn không nên dùng chữ Hán nhiều, vì dùng chữ Hán nhiều khó hiểu khó nhớ, vân-vân.

Có người lại bàn rằng : « Nói như thế thì thất-ư-quá trong tiếng Nam ». Có người lại bàn rằng : « Người dốt tiếng Nam cũng là người nhác học, mà người không ưng dùng chữ Hán cũng là người nhác học ». Nhưng xét ra cho kỹ có người không nhác học mà cũng không làm sao giỏi được quốc-văn. Là tại chưa có quyền tự-vị! Ví-dụ đọc gặp chữ khái-niệm mà không hiểu nghĩa là gì, không biết tra-cứu vào đâu, mà cũng không biết hỏi ai, thế thì làm sao cho giỏi quốc-văn được? Thế thì làm sao mà hâm-mộ quốc-văn được?

Người ham đọc sách đến đâu, nếu gặp ba chữ mà không hiểu cả ba, thì chi cũng tắt đèn ngủ quách!

Theo ý-kiến chúng tôi sách cần cho sự học quốc-văn ta bây giờ ta phải kể đầu-tiên là quyền tự-vị. Có tự-vị tất số người hâm-mộ quốc-văn sẽ tăng thêm không biết bao nhiêu.

Kết

Ta so tiếng An-Nam với tiếng Pháp như vậy thì ta thấy :

1) Ta thua tiếng Pháp 2 âm : âm Ja và âm Pa.

2) Chữ ta không gồm nhiều tiếng bằng chữ Pháp.

3) Ta chưa có quyền mẹo và quyền tự-vị.

4) Chữ Pháp nhiều hơn chữ ta. Theo quyền tự-vị Hán-lâm của Pháp thời người Pháp hiện thời có hơn 32.000 chữ. Chữ An-Nam ta chưa có tự-vị chưa biết số chữ được bao nhiêu, nhưng ta có thể chắc rằng số chữ An-Nam cũng thua số chữ Pháp. Vậy thì ta phải vay chữ Pháp. Mà muốn vay chữ Pháp

thời phải thêm hai vần vào «an-pha-bê» ta, là :

Ja jä jâ je jê ji jo jô jơ ju jư.

Pa pã pâ pe pê pi po pô pơ pu pư.

Những chữ Pháp gồm có 5 tiếng, 4 tiếng, nhất là 3 tiếng, 2 tiếng, 1 tiếng đều sẽ nhập-tịch chữ ta được cả ; vi-dụ : bôc (boxe), xi-măn (ciment), vi-ta-minh (vitamine), vân vân...

Chữ ta cũng có thể mô-phỏng theo chữ Pháp mà liệt ra chính-loại, là : danh-từ, quán-tự, chỉ-minh, thể-đại, động-từ, tăng-phụ, tiếp-tục, giới-từ và thân-từ. Những loại chữ quán-tự, thể-đại, giới-từ, tiếp-tục, thân-từ thì ta đã có đủ dùng. Duy phải vay những loại chữ danh-từ, chỉ-minh, động-từ và tăng-phụ vì thuộc về những loại chữ đó thời quốc-văn ta vẫn thiếu nhiều, nhất là về loại danh-từ.

Nhưng, như chúng tôi đã nói trên, một chữ danh-từ, hoặc một chữ chỉ-minh đều dùng như một chữ động-từ hay một chữ tăng-phụ. Vậy ta phải vay chữ Pháp chỉ vay về những loại danh-từ và chỉ-minh mà thôi.

Vả chẳng vấn-đề văn-tự và ngôn-ngữ là một vấn-đề tập-quán (question d'usage ; người Nhật họ đã dùng chữ Tàu mà dịch chữ Pháp ra đã nhiều, những chữ họ đã dịch mà dùng đã trở lại Tàu và truyền sang ta cũng đã nhiều. Vậy ta không có thể nhất-nhất toàn vay chữ Pháp hết cả được, vì nhiều danh-từ mới dịch bằng chữ Tàu đã nhập-tịch quốc-âm ta và vì thanh-âm chữ Tàu giống hệt như thanh-âm chữ ta. Nên ta vay trực-tiếp mặc lòng ta cũng phải giữ đạo trung-dụng.

Những chữ dùng về địa-dư và lịch-sử, chữ nào phát-xuất từ một khu đất đã chịu ảnh-hưởng văn-hóa Tàu như là : Mãn-châu, Mông-cổ, Nhật-bản, Cao-ly, thì ta cứ dùng danh-từ chữ. Như Mông-cổ thời cứ nói Mông-cổ, Thượng-hải cứ nói Thượng-hải, Hốt-tát-liệt cứ

nói Hốt-tát-liệt ; không nên nói Mông-gô-ly, Sang gay, Cu-bi-lai. Những chữ phát-xuất từ những khu đất không chịu ảnh hưởng văn-hóa Tàu bao nhiêu như là phía Bắc và phía Tây châu Á và tất cả bốn châu kia Âu, Phi, Mỹ, Úc, ta nên mượn trực-tiếp chữ Tây như Moscou thì nói Mốt-cu, không nên nói Mạc-tư-khoa, Maroc thì nói Ma-rốc không nên nói Ma-lạc-kha, Voltaire thì nói Vôn-te không nên nói Phúc-lập-đặc-nhĩ, Guillaume thì nói Guy-giôm không nên nói Ly-liêm vân vân... Nếu đọc và viết như ý-kiến chúng tôi thì đọc nghe cũng đồng-giống như tiếng Tây mà viết ra tự-dạng cũng na-ná như chữ Tây vậy. Trừ ra những chữ ta đã dùng quen lắm rồi như là Nã-phá-luân, Hoa-thịnh-đốn, v. v... thì ta cứ dùng như vậy cũng không hại.

Những chữ thuộc về khoa-học nhất là về hóa-học thì ta cứ mượn trực-tiếp chữ Pháp. Ta cứ nói « phốt-phát, a-xít, ôc-xít, pect-mân-ga-nát, hy-pô-suynli-phit » v. v. Còn « xem-bôn » (symbole) những chất hóa-học thì cứ bắt chước như chữ Pháp ; cũng như người Pháp dùng Hg. làm « xem-bôn » cho chất mercure, dùng « lét » K. làm « xem-bôn » cho chất potassium ; những « lét » H. và g. không dính-liu gì với chữ mercure, « lét » K. không dính-liu gì với chữ potassium. Trừ ra những chất mà ta đã có tên rồi như là diêm-sinh, lân-tinh vàng, bạc, đồng, chì, than, kẽm, v. v... ta cứ dùng chữ ta mà cũng cứ dùng « xem-bôn » của chữ Pháp, vì các « xem-bôn » đó đã thông-dụng cho các nhà bác-học trong hoàn-cầu.

Dùng như vậy cũng có điều bất-tiện vì « xem-bôn » không dính-liu gì với chữ, nhưng theo ý-kiến chúng tôi không có dùng cách nào hơn. Nhưng bất-tiện mặc lòng, chỉ bất-tiện về phương-diện hóa-học mà thôi, tưởng cũng không quan-hệ gì lắm.

Còn bao nhiêu danh-từ và chỉ-minh khác, chữ nào người Nhật đã dịch ra chữ Tàu thì ta cứ bắt-chước theo chữ Tàu; chữ nào họ chưa dịch ra thì ta cứ vay trực-tiếp chữ Pháp.

Muốn đạt mục-dịch ấy thì ta phải xử-trí như thế này :

Ta phải mua phần mỗi người :

1 quyển Pháp-tự tự-điển đại-loàn (ví dụ : dictionnaire Larousse du ving-tième siècle, 1 bộ sáu quyển)

1 quyển Pháp-tự tự-điển về triết-học.

1 quyển Pháp-tự tự-điển về khoa-học.

1 quyển Pháp-tự tự-điển về kỹ-nghệ.

1 quyển Pháp-Việt tự-điển.

1 quyển Pháp-Hoa tự-điển.

1 quyển Pháp Nhật tự-điển.

1 quyển Trung-hoa tân-tự-điển.

1 tập giấy trắng rất dày.

Dịch thì phải lấy « Pháp-tự tự-điển đại-loàn » làm gốc, trước khi dịch một chữ nào, phải xét cho rõ ý-nghĩa của chữ, thế phải dùng tự-điển triết-học, cách-trí, kỹ-nghệ, v. v... mà tham-làm cho tường-minh.

1^o Nếu chữ đó chỉ một vật, một sự, v. v... mà An-Nam ta đã có tên cứ viết chữ An-Nam mà thích nghĩa rõ-ràng : gốc chữ An-Nam, đoạn cắt-nghĩa, rồi làm một câu, ví-dụ chữ ta. Thế là phải xét trong quyển Pháp-Việt tự-điển.

2^o Nếu chữ đó chỉ một sự, một vật mà An-Nam ta chưa có tên thì cứ xem tự-điển Pháp-Hoa, coi người Tàu họ dịch chữ gì, lấy chữ Tàu mà viết ra quốc-ngữ, đoạn giảng-giải và làm một câu ví-dụ như trên.

3^o Nếu chữ đó mà trong tự-điển Pháp-hoa không có thì ta phải xem tự-điển Pháp-Nhật, xem người Nhật họ dịch ra chữ gì, (người Nhật cũng dùng chữ Hán) lấy chữ đó mà viết sang chữ quốc-ngữ, đoạn cũng giải-thích và ví-dụ như vậy.

4^o Khi cả ta, cả Tàu, cả Nhật cũng chưa có tên để chỉ sự đó vật đó thì ta cứ viết tiếng Pháp sang tiếng quốc-ngữ, rồi cũng giải-thích và ví-dụ như vậy.

Đại loại làm như thế này :

P.

Pierre. — Đá (A) — Một chất đặc và cứng dùng để lát cột xây vách, lát đường...

Vi dụ : Xứ nào đất núi thường có đá nhiều.

Phosphore. — Lân-linh (T. 磷精) — Một chất trong lánh như gương, như hồ - phách, nhạy lửa, bỏ chỗ tối thì tự nhiên thấy sáng như đom-dóm.

Vi dụ : Lân-linh có hai thứ : thứ đỏ và thứ trắng, (xem-bôn = P).

Phare. — Pha (Ph) — Đèn xây trên một cái gò hay là trên một cái tháp gần bờ biển để chỉ đường cho tàu đi.

Vi dụ : Cửa Qui-nhon có hai cái pha.

Khi nào gặp chữ nho thì phải tra tự-điển Trung-hóa cho hiểu nghĩa.

Khi gặp chữ Pháp cuối cùng có vần cam, nếu phải viết sang chữ quốc-ngữ thì nên bỏ vần cuối cùng ấy đi, vì chữ ta thường có nhiều chữ đơn-âm, nên vẫn-tất chừng nào thì nghe êm tai, đọc điệu-dàng chừng ấy

Vi dụ : Mètre = Mét.

Phare = Pha.

Lisbomu = Lit-bôn. vân vân.

Mục-dịch ta làm quyển tự-điển này, cốt để dịch sách Pháp nên phải dịch cả nghĩa đen, nghĩa bóng từng chữ, mà lại phải dịch cả mấy « thành-ngữ » (expressions) vì công dụng một « thành-ngữ » cũng như công-dụng một chữ vậy.

Làm như vậy thì dịch sách Pháp, sách nào dịch cũng được, mà cũng có thể nói rằng người nào có chút học-thức phiên-dịch đều được. Hiện bây giờ có người đương biên-tập quyển Việt-Nam tự-điển, cũng có người đương toàn-tu quyển Hoa-Việt tự-điển. May mà quyển Pháp-Việt tự-điển này cáo-thành được sớm thì không lo gì không có bộ Việt-Nam tự-điển đại-toàn. Vì ngày sau ta có thể góp nhặt lựa chọn (khi mà ta đã có viện Hàn-lâm) chữ trong ba bộ tự-điển ấy mà làm thành ra một bộ đại-toàn. Chữ Việt lúc bấy giờ chẳng những giàu bằng chữ Pháp mà lại có lẽ nhiều hơn chữ Pháp nữa: vì có cả chữ Tàu, chữ Pháp và chữ ta.

Nước Tàu là một nước văn hóa xưa rất thịnh ở Đông-Á, mà nước Pháp là một nước văn-minh mới rất mực ở Tây-Âu. Ta được học hai nước này, thì cũng như học cả mấy nước trên hoàn-cầu vậy.

Có người bảo rằng số chữ tăng thêm theo trình-độ văn-minh của từng dân-lộc, dân càng văn-minh thời văn-tự càng nhiều; nói vậy rất là hiệp-lý: vì có tư-tưởng mới có văn-lự.

Song-le văn-tự cũng có ảnh-hưởng cho tư-tưởng, nên ta có thể đi ngược lại, nghĩa là đặt cho nhiều văn-tự để tư-tưởng ta cho rộng thêm, để kiến-thức ta cho xa thêm.

Một việc to-tát như thế này một người không thể kham được. Ít nữa cũng phải sáu người, đủ nghị-lực, có nhiệt-thành đối với quốc-văn, chia nhau mỗi quyển mỗi người, nghị-luận và thương-lượng cùng nhau đặt ra một cái chương-trình, hè nhau mà lẫn-lóc trong mười năm mới có thể trông mong thành hiệu.

TRẦN KỶ-Ý

VIỆT-NAM TÔ-QUỐC TÚY-NGÔN

越 南 祖 國 粹 言

X

433— Miệng thon-thót, dạ ớt ngấm (1).

434— Một mặt người bằng mười mặt của (2).

435— Mưu cao chẳng bằng chí dầy (3).

436— Mất lòng trước mà được lòng sau (4).

437— Một câu nhin là chín câu lành (5).

438— Muốn làm ông cái lòng không muốn mất (6).

439— Nói mười voi không được một bát nước sáo (7).

440— Miếng ngon nhớ lâu, điều đau nhớ đời (8).

441— Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa (9).

442— Một ngày nên nghĩa, chuyển đờ nên quen (10).

1) Thon-thót là cách nói ra ý dễ-dàng vui-vẻ. Dạ ớt ngấm là như ngấm ớt ở trong lòng cay một cách ngấm-ngấm. Đó là nói kẻ giả đạo-đức, ngoài miệng thì ngọt-ngào mà trong lòng thì cay độc.

2) Người đạo-đức là người biết giữ cái thể-diện của mình, không bao giờ vì tài-lợi mà lật cái mặt trái ra được. Thế cho nên ai tin giao cái của gì cho, phải coi quý cái mặt của mình bằng mười cái mặt của cái của ấy, không

khi nào đổi khác cái mặt mình đi mà giờ-giáo để lấy của ấy được. Bởi vậy kẻ bội-ước, thất-tín cũng gọi là « *lật mặt* », « *muối mặt* ».

3) Mưu cao là lập ra những mưu mẹo cao sâu, quỷ-quái để lừa người. Chí dày là giữ được chí cho bền dai không biến đổi. Mưu cao là gian-ác, chí dày là đạo-đức thực-thà. Mưu cao đấu với chí dày, kỳ-thủy thì tựa hồ mưu cao hơn. Nhưng mưu thì gian, gian thì có lúc bại-lộ, mà phải cùng. Còn như chí thế nào cứ thế mà theo mãi, đến khi mưu cao đổ thì là chí dày thẳng.

4) Khi mới hợp nhau cùng bàn định làm việc gì, phải trực-trần hết mọi nỗi khó-khăn ra trước để cho nhau liệu mà tránh trước. Không nên nể-nang chỉ nói cái dễ cái hay mà không nói rõ cái khó cái dở cho nhau liệu trước thì rồi tất không lâu dai được với nhau. Cho nên những lúc đó, cứ thực nói ra, người nghe có mất lòng, nhưng sau khỏi hối. Còn hơn là miên-cưỡng cho được lòng lúc bấy giờ mà không nói rõ, đến sau vì đó không nên việc, thành ra mất lòng nhau mãi. Thế là mất lòng trước mà được lòng sau, hơn là được lòng trước mà sau lại mất lòng vậy.

5) Đây là nói về đối với trong nhà. Trong nhà tình thân cốt-nhục, anh em chị em với nhau lấy nhường làm trọng. Có điều gì bất-bình cũng nên nhịn nhau, nhường nhau, không đi đâu mà thiệt. (Cho nên cổ-ngữ Tàu cũng có câu « *Bách-nhân đường trung hữu thái-hòa* », nghĩa là trong nhà trăm điều đều nhịn được thì rất vui-vẻ hòa-bình. Còn như đối với ngoài thì lấy công-bình làm chuẩn cho sự giao-tế. Nhịn tùy từng điều, nếu cái gì cũng nhịn cho được yên lành, thì kẻ ác càng thêm ác mà mình vị-tất đã được yên lành.

6) Đời Chiến-quốc bên Tàu có « đạo Dương » của Dương Chu xưng lên.

Chủ-nghĩa là « *Bạt nhất mao nhi lợi thiên-hạ bất vi dã* 拔一毛而利天下不爲也 », nghĩa là nhổ một cái lông ra mà làm lợi được cho đời cũng không làm. Đời gọi là đạo « *Vị-ngã* ». Đây nói kẻ hiền-lận tham-lam, muốn làm bậc « ông » là bậc có địa-vị trong xã-hội, người ta phải tôn-kính. Nhưng không chịu tổn công thiệt của chút nào, một cái lông cũng không muốn mất, chính là tin-dò của đạo « *Vị-ngã* », vô-ích cho đời muốn đời tôn-kính thì làm sao được.

7) Kẻ giả đạo-đức đối với việc nghĩa nào cũng quả-cảm nhận làm, lại tự bày đặt ra những phương này cách khác để cho chúng khen là giỏi. Đến nơi chẳng làm được một việc gì. Chẳng khác như kẻ nói định mổ đến mười con voi để làm cỗ, mà rút cục chẳng thấy được một bát sáo voi nào. Thật là kẻ « nói khoác », kẻ « đại-ngôn ».

8) Đây là nói làm người phải biết ơn và biết oán. Ai cho mình ăn miếng gì ngon phải nhớ mãi, mà ai xử với mình điều gì đau lòng thì suốt đời không quên được. Trái lại kẻ đã dễ quên ơn thì tức cũng dễ quên oán, sao là phùng đạo-đức.

9) Không cứ học thành một đạo-nghệ ở ai thì người ấy mới là thầy, không cứ ăn ở với ai lâu năm mới là nghĩa. Thầy ấy nghĩa ấy đã cố-nhiên đi rồi. Nhưng nếu mình hỏi ai bảo cho mình một chữ một nghĩa nào cho mình biết thêm ra cũng nên kính người ấy là thầy. Mình ăn ở với ai trong một ngày cũng là tình nghĩa với nhau không quên được.

10) Cũng giống như nghĩa câu trên.

443 -- Một miếng khi đói bằng gói khi no (1).

444 Mặt đỏ như lửa, thấy đàn bà chữa cũng tránh (2).

- 445— *Mặc ai chác lợi mua danh,
Miễn ta học được đạo lành thì thôi*
446— *Mất trâu thì lại tậu trâu, [3].
Những quân cướp nợ có giàu hơn*
447— *Mụ gia, ba bảy mụ gia, [ai (4).
Mụ thì tiền rưỡi, mụ ba mươi đồng*
448— « *Muôn vắn* » *chờ cấy kẻ La, [5].
Cái tương thì thổi, cái cà thì thâm*
449— *Năng nói, năng lời 7. [(6).
440— Ném đất giấu tay (8)
451 - Nói như khướu bách thanh (9).
452— Nói như dao chém đá (10).*

1) Đối với lúc nguy-cấp thì ai cứu cho miễn được lúc ấy là ơn, dù nhỏ mà thực to. Lúc kẻ bị đói mà người ta cho được một miếng cho khỏi khổ cũng là thâm-ân lắm rồi. Nó thực quý hơn một gói thức ăn mà người ta tặng cho lúc no vậy. Thế thì cái ơn đáng nhớ là ở sự cần-cấp chứ không phải ở của ít nhiều.

2) *Mặt đỏ* là chỉ về kẻ hung-bạo, mặt đỏ như lửa là kẻ đang nổi cơn hung-bạo. Đây là nói dù hung-bạo hay là giận-dữ thế nào thì gặp sự đáng thương đáng cảm cũng phải động lòng mà thư tâm cứu giúp mới là người. Cho nên kẻ hung-bạo mặt đang bốc lên đỏ như lửa đi đánh giết ai kia, mà giữa đường gặp người đàn bà chữa là người mềm-yếu lại đang mang thai nặng nề, thì kẻ hung-bạo ấy cũng phải tránh. Xem thế thì biết cái lòng nhân, ai cũng đều có sẵn.

3) Đây là nói trọng đạo lành hơn danh-lợi.

4) Vay nợ mà dùng cách võ trắng không trả là cướp nợ. Kẻ giàu mới có trâu, cho nên dù có bị mất con trâu ấy lại có con trâu khác. Kẻ túng thiếu mới phải đi vay, thế mà cướp nợ, thì không ai tin nữa, sẽ nguy-hiểm cho sự làm ăn của mình, còn giàu sao được.

5) *Mụ gia* là người dàu-da với mình, cũng gọi là mẹ chồng. — *Ba bảy* là nhiều hạng nhiều bậc — *Cổ tiền* cứ 60

đồng là một tiền qui — *Rưỡi* là nửa. — Đây là chê cách đối-đãi với các bà dàu-da không công-bằng. Bà thì coi qui, bà thì coi khinh, mà qui đến gấp ba thì thực là thói xấu. Thói xấu ấy tất có vì thế-vị, tài-lợi mà ra.

6) *Kẻ La* là một làng ở Hà-đông. Cổ tục bạc-đãi những người thợ cấy thợ ở các làng khác đến làm thuê. Cho ăn uống những đồ không ngon lành. Thực là tục bạc-ác không biết xét công cho người vất-vả giúp việc. Nên những người thợ cấy này thề không đến làm thuê cho làng ấy nữa.

7) Đây là răn những nết hay nói nhiều mà nói quá sự-thực. Cho nên càng nói nhiều càng sinh lỗi.

8) Đối với sự bất-bình, với kẻ bất-nhân, thì cứ công-nhiên ra mặt mà công-kích, mà tố-cáo mới là trọng-phu. Nay đi xui ngầm kẻ khác làm mà mình thì chối cãi không dám nhận là mình xui, hoặc giả-cách làm ra như là không biết đến, hoặc lại đến nịnh kẻ cường-bạo kia để kẻ ấy khỏi thù mình, đó là kẻ hèn. Thế cũng như người cầm đất ném rồi liền giấu tay vào bọc để tỏ ra không ném. Người thực đạo-đức không khi nào làm ám-muội như thế.

9) *Chim khướu* hót một lúc giờ đủ trăm thứ giọng thì là khướu hay Người mà nói liến-thoảng, đang giọng, này giờ ngay ra giọng khác, cùng một việc vừa mới khen lại quay ra chê ngay thì là người xấu.

10) *Dao chém* vào đá thì có vết ngay không lau sạch được nữa. Lời nói của người quân tử đã nói ra khỏi miệng thì giữ y như lời, chứ không chối cãi hoặc thay đổi đi được, không khác gì nhát dao đã chém vào đá vậy.

- 453— *Na-mô một bồ lấy bốn,
Người ta đã khấn lại còn na-mô (1)*
454 - *Na-mô một bồ dao găm (2).*

- 455 - Nói như danh đóng cột (3).
 456 Nói con rắn trong lỗ bò ra (4).
 457— Nói lời phải giữ lấy lời,
 Đừng như con bướm đậu rồi lại bay (5).
 458— Nói người chẳng ngẫm đến ta,
 Cái gương tay liếp để mà ai soi (6).
 459— Nói người chẳng ngẫm đến thân,
 T hử sờ lên gáy xem gần hay xa (7).
 460 - Nước đầy rót đĩa khôn bùng,
 Dù ai vinh-hiền ta mừng cho nhau
 461— Ngổ cửa cho gió lọt vào (9). [(8).
 462— Ngoài anh em trong cờ bạc (10).

1) Đây là nói về cách đạo-đức của miệng của các bà nhà giàu cho vay lãi. Lúc nào bà cũng đọc lời « na-mô » để niệm Phật, tỏ ra mình mẫn đạo từ-bi thương người. Thế mà bà cho người ta vay một bồ thóc, bà đã lấy thành bốn bồ cả vốn lãi rồi. Lãi lấy đến một thành bốn là cực ác cực nghiệt, kẻ trả nợ khốn-đốn không biết chừng nào, thế mà bà cứ niệm Phật bừa đi ra điều bà vẫn có lòng thương kẻ nghèo phải đi vay, phải trả nợ ấy.

2) Kẻ bạc-ác gian-trá ngoài miệng thì làm mặt giả-đạo-đức mà trong lòng vẫn chứa-chất những mưu độc-ác giết người. Cho nên nói là một bồ dao găm.

3) Đó là chỉ về lời nói nhất-dịnh bất-dịch.

4) Chê kẻ khéo nói. Rắn là giống vật ẩn ở trong lỗ, bị lời nói khéo dỗ-dành còn phải mê mà bò ra, phương-chi là người. Coi đó biết cái ma-lực của lời nói khéo là dường nào. Cho nên lời nói đã khéo là có mẹo ở trong.

5) Đây là dặn kẻ đã hứa lời giao-ước với nhau thì phải giữ. Xem con bướm kia nó đi tìm chất ngọt trong nhị hoa, đậu xuống bông nào mút vội-vàng hết chất ngọt rồi thì lại phải bay sang bông khác, không đâu yên được một chỗ. Vay lời nói mà lại chập-chờn

như thế, thì sao phải là người có đạo-đức biết giữ tín-nghĩa.

6) Đây là bảo kẻ hay bài-bác chê-giễu người ta, thì trước hết phải soi vào cái gương của mình nó to bằng cái liếp ấy, thiếu gì là chỗ nhọn-nhem ở mặt, sao không lau sạch đi đã. Nghĩa là phải tự xét lại mình thiếu gì là sự xấu thì hãy tu thân lại đã, rồi sẽ nói xấu người.

7) Cũng giống nghĩa câu trên.

8) Đây là khuyên kẻ thấy bà-con bạn-hữu khá lên thì nên mừng cho nhau mà không nên đố-ky nói xấu. Phải biết rằng cái lượng của cái đĩa thì chưa được có ngần mà thôi. Nếu rót nước vào đến tràn lên miệng đĩa thì khó bùng đi bùng lại được. Cũng như cái tao-tế của mình chỉ làm được cho mình hưởng-thụ có ngần ấy thôi. Nếu cứ cái tao-tế nòng-cạn như lòng đĩa ấy mà muốn sờ-dắt hơn lên thì khó lắm. Vậy thì bà con bạn hữu có ai vinh-hiền lên thì tất kẻ ấy có chỗ may hơn mình. Mình nên mừng cho nhau mà không nên ghen-ghét mới phải.

9) Đây là dặn những người trong chỗ thân-tình với nhau, phải dung-thứ và che đậy những sự chẳng hay cho nhau. Nếu động một tí thì sinh ra hiềm-khích, tất người ngoài sẽ thừa cái khe hở ấy mà lấn vào làm hại dần cả trong cái đoàn-thể ấy được. Cũng như cái cửa cốt để che gió, nay vì mình có ngổ cái cửa ấy ra thì gió nó mới lọt vào.

10) Ngoài là khỏi chỗ cờ bạc trở ra, trong là ở giữa chỗ cờ bạc. Câu này ý nói đã vào trong chỗ cờ bạc là cái chỗ được thua bóc lột nhau đồng tiền thì không còn có tình gì anh với em, ruột thịt với nhường nhịn gì nữa. Coi đó đủ biết thói cờ bạc vô-đạo-đức là dường nào.

- 463— *Người là vàng, của là ngài (1).*
 464— *Người làm quan, nhất tự cách
 trùng (2).*
 465— *Người một quan khinh kẻ chín
 tiền (3).*
 466— *Người mà vô lễ, khác gì muông
 đê (4).*
 467— *Người ăn thì còn, con ăn thì
 lớn (5).*
 468— *Người làm nên của, của không
 làm nên người (6).*
 469— *Ngồi buồn kẻ ruốc nhau ra,
 Ruốc ông thì thối ruốc bà cũng
 chẳng thơm (7).*
 470— *Người trồng cây hạnh người chơi,
 Ta trồng cây đức để đời về sau (8).*
 471— *Nhờ gió bẻ măng (9).*
 472— *Lời nói là một gói vàng (10).*

1) Thế-tình thường quý vàng hơn người, đây thì coi người là vàng tức là quý người hơn vàng. Còn vàng thực thì là cái của để dùng mà xử với nhau cho tỏ ra tình nghĩa mà thôi. Người có vàng thì dùng mà xử, người không có thì thôi, không lấy đó làm so-sánh.

2) *Nhất tự* là một chữ tước-hiệu về quan-phẩm — *Cách-trùng* là cách-biệt mấy lần. Đây là chê những kẻ mới có quan-tước mà khinh rẻ bà con bạn hữu, không thêm xử bằng hàng như trước với nhau nữa. Thật là cái thói tệ-bạc hủ-lậu. Không biết rằng ở đời thực có công-đức thì người ta cảm mến ở trong bụng mà tự tôn-kính. Kẻ có công-đức bất tất cứ phải có quan-tước, mà kẻ có quan-tước vị-tất đều có công-đức. Vậy vì tao-tế mà có quan-tước là đắc thời để hành-đạo, đối với người ngoài cũng không nên cách-trùng nữa là với bà con bạn hữu trong luân-lý rất thân, mà mới nhất tự đã cách-trùng thì đáng bỉ là dường nào. Thế mà những kẻ tông-lý, những kẻ tước mua quan quyền cũng vội cách-trùng ngay với bà con, chúng bạn, thực là

cái thói giai-cấp hủ-lậu, đáng nên kip đổi.

3) Cổ tiền 60 đồng là một tiền quý, 10 tiền quý là một quan. Chê đời chỉ lấy tiền làm trọng, hơn nhau một chút là đã khinh nhau, đến như kẻ không có đồng nào thì còn kể vào đâu nữa.

4) Răn kẻ vô-lễ. Nếu ăn ở vô-lễ thì cũng như cầm thú vậy.

5) Đây là khuyên kẻ có của cho người nhờ-vả nên khoan-dong. Minh cấp cho người ta, người ta có ăn đi mất, nhưng người ta còn thì của mình còn, rồi có lúc người ta trả lại mình được. Cũng như của ấy để nuôi con thì con cũng ăn đi hết, nhưng được cái lãi là con mình nhớn lên để được trồng cây. Thế thì kẻ có của cho người nhờ-vả cũng nên dong-thứ.

6) Khuyên đừng coi của trọng hơn người. Bởi vì của là cái mà người ta làm nên nó, chứ nó không làm nên người được. Vậy thì người là quý.

7) Ruốc là sự xấu, dở ruốc. Lại ruốc là một thứ sinh-vật ở vùng sông Thái-bình Bắc-kỳ. Nó bé nhỏ như hạt cát, mỗi năm cứ đến mùa đông thì sản-xuất ra ở mặt nước, đi có từng đàn ở trong nước như vẩn bụi. Người thuyền chài phải lấy cái xăm may bằng lụa, trắng ngang sông mà lọc lấy. Nằm vào từng nắm đem bán để người ta mua mà nấu ăn. Ruốc vào lửa hoặc rượu thì đỏ ra như sắc tôm tép chín. Nó có chất ngon ngọt cũng như tôm tép, nên cũng dùng làm mắm gọi là mắm ruốc. Ruốc có tên nữa gọi là « thủy trần 水塵 ».

Đây là cách nhạo tiếng ruốc-dơ cũng như mắm ruốc thối. Chê cả hai ông bà cùng có nhiều cái ruốc, chẳng thơm gì mà còn cứ giở lẫn của nhau ra. Thực là đều không biết tự xét mình.

8) *Hạnh* là một thứ cây quả ngon hoa đẹp. Người ta trồng ở trong vườn làm cảnh chơi quý mà có lợi. *Đức* là

điều nhân-nghĩa, yêu người giúp chúng hăng làm sự phải.

Đây là nói người đời chỉ biết vun trồng cho cái cây vật-chất để cầu lấy cái lợi chơi hoa hái quả nhõn-tiền, mà không biết còn có cái cây tinh thần lợi ích lớn lao và lâu dài đáng nên vun trồng hơn.

9) Khi gió to thì những cây tre ngoài bờ lũy xô đập vào nhau, thành những tiếng kêu ồn-ào và lắc-rắc. Kẻ gian bèn nhân dịp ấy bẻ trộm măng thì người trong nhà có nghe tiếng măng gãy cũng cho là tiếng gió chuyển mà không ngờ, nên dễ làm được sự gian-phi. Đó là ví vởi lúc đời loạn-lạc, trật-tự luật-pháp đảo-điên. Kẻ gian dễ thừa-cơ mà làm bậy để cầu lấy phú-quí cho mình.

10) Nói về cái giá-trị to của lời nói thực.

473— *Nhời nói là đọi máu (1).*

474— *Quân-tử nhất ngôn (2).*

475— *Qua đò khinh sóng (3).*

476— *Rượu nhạt uống lắm cũng say,
Người khôn nói lắm dẫu hay cũng nhàm (4).*

477— *Sống chỉ mặt chết chỉ mồ (5).*

478— *Suy bụng ta ra bụng người (6).*

479— *Sợ hẹp lòng không sợ hẹp nhà (7).*

480— *Sống chết mặc bay tiền thầy; bỏ
lúi (8)*

481— *Sáng rửa cửa, trưa mài đục,
chừa tối đã giục nhau về (9).*

482— *Sinh không tử lại hoàn không,
Khó ta ta chịu đừng mong giàu
người (10).*

1) Đọi cũng là đĩa bát. Đó là chê những lời nói thâm-hiền độc-ác, để vu cho người ta. Mọi một lời có thể khiến cho người ta phải uất-ức mà thổ huyết ra. Kẻ có đạo-đức phải kiêng những lời nói ấy.

2) Quân-tử là người giữ được nhân-cách cao-thượng, tức là người chái-

đạo-đức. Nhất-ngôn là chỉ nói có một lần rồi giữ mãi mà không quên.

3) Đây là chê kẻ nhát gan mà lếu-láo. Lúc làm chỗ uy-quyền thì sợ hãi mê-toi, lúc ra ngoài thì lại nói lời ngạo-mạn. Cũng như kẻ ngồi đò thấy sóng to thì sợ chết, khấn vái rối-rit, đến khi qua đò thì lại coi sóng không ra gì. Thế là kẻ tiểu-nhân. Cho nên làm chỗ uy-quyền không sợ, ra ngoài không ghen ghét mới là quân-tử.

4) Đây là răn không nên nói đi nói lại mãi một câu chuyện gì.

5) Ở đời, thiện thì người ta nhớ mãi mà ác thì người ta cũng không bao giờ quên. Cho nên đối với kẻ ác kia, lúc y còn sống thì người ta chỉ vào mặt mà bảo nhau tránh. Lúc y chết rồi thì người ta thường chỉ vào mồ mà thuật lại những sự bất-nhân bất-nghĩa của y ra cho người sau biết.

6) Đây là một câu rất công-bình chính-trung bao-quát hết các phương-diện luân-lý đạo-đức. Người ta tuy có cổ kim đông tây khác nhau, nhưng trời kia bầm-thụ, cũng (*sentir*) tình cảm ấy há thiên-phú nào, nên cái bụng nghĩ không khác gì nhau vậy. Ta ưa sắc đẹp thì người khác thấy sắc đẹp cũng ưa. Ta ghét hơi thối thì người khác thấy hơi thối cũng ghét. Vậy thì cứ suy bụng ta ra thì biết được bụng người, đừng đem cái mình ghét đả người ta thì việc đời không bao giờ có tranh loạn. Khổng Phu-tử nói: «Cái gì mình không muốn chớ đem thi-hành cho người ta». Kinh đạo Thiên-chúa nói: «Yêu người ta bằng mình ta vậy». Cũng cùng một cái chuẩn-đích tối-cao về đạo-đức ấy cả.

7) Nếu có lòng dung nhau thì nhà hẹp cũng thu xếp gọn mà cho nhau ở nhờ vởi. Còn như không có lòng dung nhau thì nhà dẫu rộng hồ dễ đã cho nhau ở nhờ được dư. Cho nên chỉ sợ hẹp bụng mà thôi. Đây là đối với

những khi thân-thích từng nhờ không có nhà ở.

8) Đây là chê những thầy thuốc vô-đạo-đức. Ý thầy tự nghĩ: «Ta cứ đòi lấy tiền công mà bay đã nhờ ta đến chữa đê bỏ vào túi đã, còn bệnh bay sống hay chết mặc kệ, ta không cần». Ôi câu này thực là đúng được tâm-lý của các thầy thuốc vô đạo-đức ở đời. Như thế còn gọi là cứu-dân độ-thế thế nào được.

9) Đây là chê những bọn công-nhân vô-đạo-đức. Chỉ kèn-càng sửa-soạn cho hết ngày, thế mà cơm ăn tiền lấy, thật là vô-hạnh. Trái lại những nhà tài-chủ kẻ La cho thợ cấy ăn «cái tương thì thối, cái cà thì thâm», những hạng tư-bản với lao động như thế đều trái với nhân-đạo cả.

10) Thuyết Phật-giáo: Người ta cũng như vạn vật bầm-thụ khi-chất của tạo-hóa đang không mà sinh ra có, đến lúc chết khí-chất tiêu-tán đi hết lại về chốn không. Như thế thì tiền của, ruộng vườn, lâu đài, quyền-vị phông còn có ra chi. Vậy thì ta mà nghèo khó là tự ta muốn, hoặc tự tài-lực của ta chỉ có thế, thì ta yên tâm mà chịu. Há tất còn mong ở cái của của ai mà moi-cầu, mà lừa-đảo lấy cho khổ mà thất-đức.

...

- 483— *Sự đời mặc đời lo âu,
Nghiêng tai giả diếc, gặt đầu làm
ngor (1).*
- 484— *Thờ thầy mới được làm thầy (2).*
- 485— *Thương người lại khó đến thân
(3).*
- 486— *Thi một chén nước, phước chất
bằng non (4).*
- 487— *Thương con nhà bò-côi, đồng
đôi xóc cày (5).*
- 488— *Thương miệng thương môi, ai
có thương ôi đồng tiền (6).*
- 489— *Thật-thà là cha quý-quái, quý-
quái còn phải giái thực-thà (7).*

490— *Thức lâu mới biết đêm dài,*

Ở lâu mới biết con người có nhân

491— *Trọng nghĩa khinh tài (9) [(8).*

492— *Trẻ nhà người như trẻ nhà ta (10).*

493— *Xấu mặt no lòng (11).*

494— *Xấu mặt chặt nôi (12).*

1) Đây là lời của kẻ yếm-thế. Người này thấy việc đòi đảo-diên không ra gì, bèn gác bỏ việc đòi ra ngoài mái tai không nghe tới nữa. Lời nói ấy mới nghe tựa-hồ như có ý cao-thượng; song nghĩ kỹ thì là lời có hại cho đời. Bởi vì việc đòi mà hay, không phải là nó tự-nhiên mà hay, phải có nhiều người hay hết sức giúp nên mới được. Cũng như việc đòi mà dở không phải là nó tự-nhiên mà dở, phải có nhiều người dở hết sức phá đi mới nên. Vậy nếu sự đòi mà dở là tất vì đời không có người hay, hoặc cũng có mà thấy dở bèn lánh mình ra ngoài cầu lấy yên thân, phò mặc sự đòi cho kẻ dở phá-hoại, mặc người giữa cuộc phải lo, mà kẻ hay ấy không hết lòng lo giúp vào nữa, thế thì kẻ hay ấy cũng là dở mà có lỗi với đời. Một là túng-ác cho kẻ dở, một là chút gánh nặng cho đời, há không phải là phải vị-ngã dư?

2) Phàm đạo nghệ, cái gì cũng phải có thầy dạy mới nên. Cổ-ngữ có câu: «*Sư-đạo tôn thì nhiều người hay*». Vì thế sư đạo đời xưa rất là tôn-sùng, từ vua đến kẻ thứ-dân ai cũng có thầy riêng mà ai cũng hết bần-phận thờ thầy. Học thầy mà có tin thầy mới thấu được hết đạo-nghệ của thầy, khi đã tham-đắc rồi mình sẽ biến-hóa đi mà lập thành đạo-nghệ riêng của mình mà lam thầy cho kẻ khác. Coi đó thì biết sự tự-tưởng tự-do, phán-đoán tự-do, suy-tầm tự-do là nghĩa-vụ của sự học, thầy không có cấm học trò cứ phải tuân theo một cái tử-qui-cử của mình. Nhưng lễ thờ thầy là nghĩa-vụ ơn-huệ của kẻ chưa biết phải học thầy mới biết, phải giữ. Đó cũng là một

cách báo đền tự-nhiên. Nếu dãi kẻ dạy đạo-nghe cũng như dãi kẻ làm mướn, thì ai còn chịu vất-vả làm cái nghề quyền không lộc ít để đào-tạo cho thiếu-niên làm gì. Như nói rằng dạy người cũng là nghĩa-vụ của kẻ làm thầy đối xã-hội phải làm trọn. Song nghĩa-vụ phải có quyền-lợi thì người làm phận-sự mới phu lòng, bằng chỉ những nghĩa-vụ khô-khan nghiêm-ngặt, thì có lúc không đủ làm khuyến người vậy. Tuy-nhiên, lễ thờ thầy là ở tinh-thần đối-đãi, chứ làm như lối « bỏ môn-sinh » ngày xưa thì cũng là hủ.

3) Đó là lời của kẻ vị-kỷ thoái-thác. Cho rằng mình thương người nguy-nạn mà cứu thì thường xảy ra sự khó-khăn đến mình, có khi bị đa-lụy hoặc ngờ-vực nữa. Vậy chỉ thương thôi mà không dám cứu. Song xét kỹ ra thì là lời giả-dối không có bụng chân-tâm thương người. Nếu kẻ có bụng chân-tâm thương người thì thấy nguy-nạn phải cứu, còn kịp nghĩ đâu đến sự gì khó-khăn về sau nữa.

4) Lấy nghĩa tôn-giáo, cứu người được phúc để khuyến người thêm phát tâm làm thiện.

5) Lời trách những bà giả-đạo-đức thấy đứa trẻ con nhà bồ-côi không cho nường nhờ phải đi bán xóc cạy để nuôi thân. Giả cạy nó bán mỗi xóc một đồng trình, bà trông thấy bèn miệng nói vài câu tỏ lòng thương nó bị cảnh bồ-côi khốn-nạn, rồi liền trả nó cứ mỗi đồng trình là đòi xóc cạy.

6) Đây cũng là chê lối giả-đạo-đức, chỉ nói thương mà không bỏ tiền giúp.

7) Thực-thà thì bèn, bèn tức là có lợi mà là cái lợi tử-tê. Quỉ-quái định kiếm lợi ngay, nhưng quỉ-quái bao giờ rồi cũng bại-lộ, bại-lộ thì người chán mà phản thành hại. Thế cho nên mới đem quỉ-quái so với thực-thà thì

quỉ-quái hơn, nhưng về sau thực-thà vẫn nghiêm-nhiên bậc trên mà quỉ-quái phải sợ.

8) Người ta mới biết nhau, mới cư-xử với nhau, ban đầu thường khó phân-biệt hay dở. Kẻ bất-nhân hay cầu-kỳ tựa như tử-tê lắm, kẻ có nhân thì hồn-nhiên tựa như ơ-hờ. Song sự thực thì càng lâu càng rõ-rệt ra, nên ở lâu với nhau mới biết là người có nhân, cũng như kẻ có thức đêm không ngủ được mới biết là đêm dài.

9) Nghĩa là việc phải nên làm. Tài là của. Đem nghĩa đối tài thì nghĩa là trọng mà tài là khinh. Cho nên lúc làm việc nghĩa thì vất bỏ tài-hóa ra mà không tiếc. Đó là những độ-lượng của những bậc hào-hiệp, nhân-nhân, quân-tử, chí-sĩ mới có được.

10) Đây cũng là thuộc về cái đạo « Suy bụng ta ra bụng người ». Ta yêu trẻ nhà ta thế nào, thì người ta yêu trẻ nhà người ta thế. Vậy thì đối với trẻ nhà người cũng phải một lòng yêu thương như đối với trẻ nhà ta, thì mới phải là nhân-đạo, là công-bình, là mới không hổ với lương-tâm trời đã phú. Mạnh-tử nói : « Thấy đứa trẻ sắp ngã xuống giếng thì cái lòng thương-hại ai cũng tự-nhiên sinh ra ngay ». Đem cái lòng thương-hại ấy mà mở rộng ra thì còn phân-biệt gì trẻ nhà người với trẻ nhà ta nữa.

11) Đây là lời nói của đứa vô-sĩ, hoặc là lời để chê đứa vô-sĩ. Lăn vào chỗ ô-trọc, làm những việc trái đạo để chỉ cốt lấy miếng ăn cho no lòng. Còn cái mặt bị đời chửi-bới cũng không lấy làm xấu.

12) Chặt nời là dầy chặt nời com. Cũng giống nghĩa câu trên.

(Còn nữa)

HỒN AI ?

Đêm hôm ấy là đêm rằm tháng giêng năm qui-dậu (1933), sau khi tôi đi viếng má các tiên-nhân về. Đó là cái lễ thường khiến cho tôi mỗi năm được đem tâm-hồn giao-tiếp với người chết một lần. Lần này thì lòng tôi có cảm-xúc một cách rất nao-nùng thấm-thía hơn, nên trần-trọc đến khuya mà không ngủ được. Tôi bèn một mình lên thulâu ra đứng trước cái ban-công (*balcon*), lặng ngắm tứ bề cảnh-vật, thì quang-cảnh lúc bấy giờ, từ chỗ ban-công trở ra cho đến chung-quanh trời đất non-sông một vùng đó, đều một vẻ lơ-mờ mà không mờ hẳn, sang-sáng mà không sáng rõ, đâu đấy đều ần-ần có cái khí-sắc đạm-quang, là nhờ có vầng trăng vùi sâu vào trong tầng mây phủ dày một lượt ở trên không vậy.

Vũ-trụ của tôi lúc đó, uyên-nhiên thành một bức phong (*fond*) ám-đạm vi-mang, thiên-nhiên tuyệt-diệu. Cái nền của bức phong đó tức là tầng mây phủ dày trên không thu hẹp vũ-trụ lại, nó không để cho tầm mắt của người ta được chiếu suốt ra ngoài chân trời mặt đất tí-tấp mênh mang như những lúc trời quang mây tạnh khác. Tầng mây làm nền phong ấy nó đều một loạt, nhuộm một màu nhàn-nhật, không vết không gợn, tối-tối mà sang-sáng, bởi ánh mặt trăng trong chỗ kín thấu suốt ra, nó giống như nước mực nhạt phủ ở trên tấm giấy có tráng thuốc ngân-tiêu (*Nitrate d'argent*) của bức ảnh, nhưng nó còn sinh-hoạt và lộng-lẫy biết bao. Sắc ngân-quang của nó vầu cứ anh-ánh hâng-hẳng như muốn phá bung chỗ mây tối ấy mà ra, chỗ mây tối ấy như muốn cố che lấp nó đi mà không che lấp hết được.

Nay ngắm xuống đến phần dưới bức phong là phần cảnh-vật. Ngoài

nhất là những chỗ cánh đồng, vì cái nền phong nó đã chặn đi rồi không thấy hơn ra được nữa. Những cánh đồng đó tức là những nơi ruộng chiêm, trong có rải-rắc những bãi tha ma, những gò cao đồng lớn. Tức là cái nơi có những mồ mả lăng-phần của các tiên-nhân nhà tôi cùng các tiên-nhân nhà khác, ký-thác ở đó từ bao thuở bao thì, mà hồi trưa tôi vừa đi thăm viếng về đó. Bấy giờ thì ở đấy khí mờ sương ám, còn tỏ cho tôi nhận ra từng xúr-sở được là nhờ có một vài cái lốt sáng ma-trơi hay là đóm đuốc của những kẻ đi đêm, những kẻ làm đồng, rập-rờn khi lờ khi tắt.

Thứ đến một vài thôn xóm quanh đó, sắc cây cỏ-thụ cùng sắc những dãy tre thì lại vờn bằng màu mực tối-tối hơn sắc của nền phong. Vào gần hơn thì những muỗu những cây ở đấy đổi hẳn bằng một sắc mực tàu đen kịt.

Đến phần chính : Con sông nhỏ uốn khúc ở trước mé nam, ánh nước gợn mập-mờ, lác - đác đôi ba ngọn đèn thuyền le lói. Cái nghề cỏ bên đồng nọ, mấy cây si, ngoài thì ua-ua xanh xanh, trong thì tùm-bum mù-tối ; tiếng con cú già—vì nó kêu ở xóm tôi đã lâu, —đều đặn cứ từng lúc một lại ở trong bụi si bùm-tum mù-tối ấy khoan-thai đưa ra như tiếng trống khâu cầm canh mà thê lương rầu-rĩ.

Về mé nam, một dãy phố ở lẫn với làng, nhà gianh, nhà ngói, nhà gác cùng đình miếu thấp cao lở-nhổ. Chỗ thì như sắc đất hoe-hoe vàng, chỗ thì như sắc tro xám, sắc khói nhạt. Trong thấp-thoảng lại có một vài ánh đèn khuya lọt khe cửa mà chiếu ra, để cho cái vùng làng phố đêm thanh đó khỏi ủ-ê lạnh-nhật quá.

Lúc ấy nhìn xuống trước ban-công,

mấy khóm hoa hồng, mấy giò cúc trắng cúc vàng, mấy cây thủy-tùng non, trắc-bách-diệp nhỏ, cùng mấy cây « và-nước » bờ ao cao vóng, đều sắc không rõ sắc, hình không rõ hình, một vẻ lơ-mờ, thấp-thoảng một màu nhợt-nhạt như sắc bụi cây si cùng sắc nóc nhà gần đó cả, Trời thì cứ im phăng-phắc, không có chút gió đến lay động, lại càng tỏ thêm ra cái cảnh vắng-vẻ đìu-hiu hơn.

Thế rồi thì bỗng đâu tiếng trùng trong bụi, tiếng châu-chuộc, tiếng ếch ở bờ ao, khéo bảo nhau mà đóng-dả kéo lên, như những tiếng tơ tiếng trúc, tiếng đá tiếng vàng, hòa-hợp với nhau khi bỗng khi trầm, lúc dứt lúc nổi, hết nhất lại khoan. Lúc thì ồn-ào sôi-nổi như bão tuôn sóng vỗ bên bờ bể đại-dương. Lúc thì cấp bách rộn-ràng như bánh xe móng ngựa cùng grom sừng, xô đập nhau ở giữa bãi chiến-trường. Lại lúc thì ai-oán nỉ-non như điệu kèn lâm-khốc ở ngoài mộ-dịa. Ấy thế mà sắc ngân-quang trong tầng mây mờ của bức phòng giữa trời vẫn lóng-lánh đưa ánh sáng xuống. Tiếng con cú già nơi nghe cổ kia thì lại cứ theo đóng-một mà điềm xen vào để làm tiếng cầm châu giữ dịp cho đội âm-nhạc côn-trùng đang họa-vận.

Không-gian ấy, thời-gian ấy, cảnh ấy, sắc ấy, âm-nhạc ấy, vị khán-quan là tôi ấy, ôi thật là một cuộc thiên-nhiên thẩu-xảo, xứng hợp biết bao. Khen ai khéo lựa vận xếp trò, không khác gì cái quang-cảnh lúc Phật Quan-âm sắp xuống chơi Địa-phủ vậy.

Bề diện-tích cái ban-công ước độ năm thước vuông, tôi một mình hết đi đi lại lại, thì lại khoan tay và cúi khom-khom lưng vào bức lan-can mà trông ra. Hết dựa vào lan-can bên đông thì lại sang lan-can bên tây, rồi lại ra lan-can mé trước mà cúi và dựa để trông ra như thế. Trông ra như thế để mà ngắm cảnh, để mà trầm-ngâm đề mà nghĩ-ngợi.

Tôi nghĩ-ngợi chi chi, nghĩ cuộc tạo-hóa, nghĩ cơ vật-lý, nghĩ cõi nhân-sinh, nghĩ sự sống sự chết, sự hơn sự kém, sự mòn sự nở, sự bại sự thành ở trong nhân-thế. Nghĩ đòi-đoạn lặng đòi hồi, rồi bất-giác buột miệng đọc ra một câu rằng :

*Cỏ kim đằng dục đêm mờ mịt,
Đâu bề toang-hoang bóng lập-lòe.*

Bấy giờ rồi thì tôi lại ngẩng đầu trông-trọc trông ra mấy cảnh đồng giáp chân bức phòng là chỗ những gò, những đồng những bãi tha-ma, những mồ-mả lằng-phần của các tiên-nhân nhà tôi cùng các tiên-nhân nhà khác đã ký-thác từ bao thuở bao thì mà hồi ban trưa tôi mới qua thăm viếng. Mắt tôi đang ngắm-nghĩa, tai tôi đang lắng nghe, óc tôi đang suy tưởng, cảnh-sắc chung quanh vẫn một màu sáng mờ mà lạnh-lạnh. Âm-nhạc từ phía vẫn theo cung bậc điệu-bộ mà lên xuống đều. Bấy giờ tôi nhia lăm lăm mỗi mắt, nghĩ lăm mỗi óc, đi lại mãi mỗi cả chân tay. Tinh-thần cũng thấy mệt, mắt thấy lơ-đờ. Tôi nghĩ rằng ta đang mang một mối u-sầu, một niềm cảm-xúc, âm-ý ngấm ngấm ở giữa cái cảnh đêm tối trăng mờ, có chiều ủ-dột, có vẻ trầm-uất của bức phòng thiên-nhiên này. Ở giữa cái đám thanh-âm của vật-loại như giận như mừng, như cười như khóc này, thật là giữa chốn nhân-gian mà hầu như ở nơi âm giới nào vậy. Ta nghe bọn phù-thủy họ lợi-dụng cái bệnh mơ-màng của tâm-lý, dùng phép thôi-miên mà làm cho người sống gặp được người chết ở trong cơn ảo-mộng, thì chi cho bằng ta tự kết-cấu lấy ảo-cảnh, khiến cho trong chỗ linh-dải của ta tự phản-chiếu mà quay lấy cuốn phim thiên-cổ, cho tâm-hồn ta được tiếp-xúc với chân-tướng thì há chẳng thú hơn dư?

Quả-nhiên như ý tôi vừa nghĩ. Tôi bỗng thấy vô-số là người, âm-âm như

con gió ở từ những gò những đồng những bãi tha-ma ngoài mấy cánh đồng kia mà sầm-sập kéo vào một lũ dài. Vào đến chỗ cái ban-công tôi đứng, rồi đi giễu quanh cái thư-lâu ba vòng như đội quân của tướng NAPOLÉON đi giễu quanh cái tháp nước Ai-cập, như vòng quân vua Lê-Lợi vây thành Đông-quan vậy.

Trong đám người đông ấy, đi có phần ra từng đội ngũ hẳn-hoai. Tôi trông rõ bọn đi tiên-phong đều là những người cao lớn khỏe-mạnh, hoặc mũ da áo giáp, hoặc nón dẫu áo nẹp, kẻ thì cầm gươm cầm mộc, kẻ thì cầm giáo cầm cờ. Ý-giả là phái vũ-sĩ.

Kế đến một bọn nón lá áo tươi, có cả đàn ông đàn bà, hoặc vác cây bừa hoặc cầm liềm hái. Ý-giả là phái canh-nông.

Một bọn nữa thì ăn mặc chất-phác, mà gọn gàng, hoặc cầm bay cầm thước, vác cưa cầm tràng-đục. Đàn bà thì cầm gò cầm thoi, Ý-giả cho là phái công-nghệ.

Lại một bọn thì ăn mặc xem ra không đều có người áo ngắn, có người áo chùng, đàn ông đàn bà đủ cả. Hoặc cầm cân cầm dẫu, hoặc vác đòn-ống quang thừng, hoặc vác cái mái chèo gỗ cùng con sào tre. Ý-giả là phái buôn thỦy buôn vĩa.

Sau cùng thì một bọn nhiều đàn ông, loảng-thoảng mới có một vài người đàn-bà. Bọn này thì khô-ngô tuấn-tú mà ăn-vận thì lướt-thướt lắm. Hoặc nón chóp sơn áo nâu đi dép, hoặc nón dĩa áo the đi giày, hoặc mũ áo như lối quan-viên đi tế đình. Đàn bà thì nón thúng quai thao dép cong. Nhưng người nào cũng cắp sách cầm bút. Ý-giả là phái văn-nhân.

Bọn người đông lắm, đi giễu ba vòng xong thì đứng vây khắp cái ban-công chỗ tôi mà trông cả vào tôi và đứng im phăng-phắc, lơ-lửng ở giữa không-trung. Mắt đều trấp-trối, miệng đều tím-tím tỏ ý vui-vẻ muốn cười nói

với tôi. Thì một người đàn-ông đội cái mũ nho-quan bỏ hai dải ra sau lưng, mặc cặp áo giao-lĩnh thâm hàng nam mà tay thụng. Chân đi đôi hia may bằng thứ thung-thúc xứ Đoài. Người này tu-mi đạo-mạo, mắt sáng miệng tươi, có vẻ tiên-sinh, có ý hùng-biện, đứng ra trước mặt tôi mà cất tiếng nói:

« Khoác cái áo ba suy (*pardessus*) da bà-xò mà gọn-gàng ấm-áp, đi đôi giày tây bó sát chân bước nhẹ-nhàng nhanh-nhẹn, dạo qua cả những mả của chúng ta hồi trưa, há không phải nhà người dấy dư? Bây giờ đứng ở trên cái hiên gác cao mát mà trông ngắm rộng xa, lại há không phải là nhà người dấy dư? Vì nhà-người có cái tâm-hồn u-uất, có cái cảm-xúc ngấm-ngấm với người chết, nên chúng ta đến mà đáp ứng lại. Người chết há rằng mắt hết, tổ-tôn nào phải đâu xa, hề cảm-xúc đã sâu thì phản-xạ tất mạnh, mà tổ-tôn với người chết tự gặp-gỡ được ở nơi tâm-hồn.

« Ta biết nhà người là người cũng có biết suy-nghĩ. Ta chắc nhà-người không đến nỗi lấy rằng đã được mặc cái áo lối mới ấy, được đi đôi giày kiềm mới ấy, được đứng trên cái hiên gác tán-thức này, mà tự-phụ tự-đắc, tự lấy làm vẻ-vang rằng mình văn-minh hơn người trước. Song dù thế mặc lòng, phạm sự gì đã có nghĩ đến mà có nhắc đi nhắc lại thì lại càng thêm tin sâu mà nhớ mãi.

« Người ta sống ở đời là sống với thời-đại. Thì-giờ nó đi như nước chảy xuôi, như gió thổi mạnh. Ai hay lấp hết được nước ra bề, che hết được gió thổi mùa, thì sẽ ngăn-cản được thời-đại lại mà không cho lưu-hành, Thế cho nên thời-vận biến-thiên vô-cùng thì thời-thế cũng canh-cải bất-nhất. Gươm đoản giáo trường, hia rộng dép cong, đó là một thời. Súng đạn tàu xe, áo ba-suy, hia ban-công đó là một thời. Rồi sau này nó còn thay đổi biến hóa đi nhiều hình-dạng, thì đó cũng

là từng thời một về sau này vậy. Ở thời-đại ngày nay mà ngắm tại thời-đại ngày xưa, thì cũng như ở thời-đại sau này mà ngắm lại thời-đại ngày nay, mỗi lúc nó mỗi mới ra mỗi hơn lên, nhưng cũng không lấy gì làm lạ. Là vì nó thuộc về thời-đại mà thôi. Và thời-đại không đứt quãng, tiến-hóa không thốt-nhiên, cho nên có cũ mới có mới, muốn lên phải noi bậc, lẽ tất-nhiên như vậy.

« Chúng ta cũng chịu rằng cái văn-minh về thời-đại ngày nay, nó tinh-tân quảng-bác và hoạt-động hơn cái văn-minh già cỗi về thời-đại của chúng ta nhiều. Thời-đại nào, kỷ-cương ấy, theo là phải. Chúng ta cũng mừng cho các người đã biết theo. Chúng ta mong rằng các người không những theo, là còn phải đuổi cho hết thấy mọi cái về sự sống đều được kịp thời nữa, chứ không phải chỉ khoác cái áo ba-suy âm, đi đôi giày tây bóng, đứng trên ban-công cao mát như thế mà đã gọi là theo được thời-đau. Và theo thời là theo một cách có ý-chí, có chủ-trương có biến-hóa dù cảnh-ngộ thế nào mặc lòng. Cảnh-ngộ càng vất-vả treo-neo lại càng phải nên cẩn-thận và phải nên cần-kíp lắm. Nghĩa là mình phải đón lấy thời mà dùng lấy, chứ đừng thần-thờ lơ-lửng để cho thời nó xô lướt mình đi. Các người há chẳng thấy người mọi ở trung-bộ châu Phi với người mọi ở các gò Nam-dương, họ cũng biết khoác áo ba-suy, đi giày tây bóng, đứng gác ban công vô số ra đây. Ôn mưa móc văn-minh tưới khắp hoàn-hải nào có hẹp gì ai. Cũng theo thời cả, cũng phải theo thời cả, nhưng cái cơ hay dở chỉ khác nhau về có ý-chí, có chủ-trương, có biến-hóa hay là không mà thôi.

Nói tóm lại là sống ở thời-đại nào phải làm cho hết bổn-phận đối với sự sống của mình về thời-đại ấy. Phải làm cho cái sống của mình được dồi-dào, được tiện-lợi được ung-dung, được há-

hê, theo cái ý-chí, cái công-phu của mình. Một người phải như thế, một xã-hội, một dân-quần cũng phải như thế.

« Chúng ta đây cũng đã từng phải như thế. Nói đến thời-đại của chúng ta, thấy những hình-thức còn sót lại, tất có kẻ lấy làm trướng mắt, vì nó mộc-mạc đơn-sơ có khi vì đó mà con cháu với tổ-tiên đến phai-nhạt cả tình ân-ái. Song chúng ta đã nói đó là một thời rồi kia mà. Thế nhưng chỉ có bấy nhiêu mà chúng ta được sống một cách trọn bổn-phận đối với đất nước về thời-đại ấy đó. Chúng ta đây là những linh-hồn trên lịch-sử, không phải thuộc về một dòng một họ nào. Chúng ta đã từng được sống một cách dồi-dào, ung-dung hỉ-hả không phải hối-hận gì. Sống một cách rõ ràng ngay thẳng không phải giấu-giếm gì. Chúng ta đủ sức để tự sinh-hoạt ra mà tự thụ-lập lấy, tự chế-tạo sản-xuất ra mà dùng. Rồi tự hộ-vệ, tự hiển-dương và tự khai-thác lấy mà đối-phó với thời-thế lúc bấy giờ.

Nói cho rõ hơn, thì grom kia đã từng giữ vững ải bắc mà mở rộng miền nam; bút kia đã từng thảo thơ ở lầu Hoàng-lạc, viết sách ở nhà Quế-đường cùng viết « bịch » viết « cáo » ở thừa Trần Lê, mà phò-trương quốc-hoa quốc-uy với người đời; còn các khí-cụ thì cũng đủ để ứng-dụng cho sự sống được phát-đạt một thời. Chúng ta thực không hổ với cao dầy, không phụ-phàng với đất nước, không trái dịp với thời-thế. Song chúng ta không phải như người đi xem hội, tan đám thì rũ áo ra về mà không còn để chút công ơn, tình nghĩa gì với chỗ ghé ngồi ấy nữa. Chúng ta biết rằng sự sống ở đời, không những chỉ sống với hiện-tại mà còn phải sống với tương-lai. Cái sống phải có giống nòi, phải có dây duyên như cái dây chèo tam cố, bởi biết bao những sợi tơ nhỏ bện chấp lại, mà cũng chỉ gọi là một cái chèo mà thôi. Thế cũng như người xưa kia đã đem chúng ta đến đây, chúng ta lại

đem các người đến đây, rồi các người lại đem người sau các người đến đây, cứ như thế mãi mãi. Mà đở hay cũng chỉ gọi bằng một cái tên chung của nòi giống mà thôi. Cho nên trời sinh vạn-vật, vật nào cũng sẵn có cái tính thiên-phú là vừa vì đời mình và vừa vì đời sau, thế cho nên dẫu vô-tri cũng bắt đeo bông, nhờ có thế mà thế-giới mới vĩnh-viễn tồn-tại. Cho nên chúng ta không quản đem biết bao nước mắt mồ hôi, biết bao máu đào xương trắng, làm tan nát ra mà chộn mà hòa vào với đất với nước của xứ-sở này. Để mà vun mà tưới cho hoa màu cây cỏ, trừ bị có đủ đồ dưỡng-sinh, rồi đem tinh-thần khí-huyết mà truyền lại làm cái thân sau, tức là các người cả trai cả gái của chúng ta đây. Các người sinh ra rồi thì cứ ăn hưởng lấy những lợi-lộc lưu-truyền ấy mà sống với thời-dại mình. Vậy thì biết con cháu không những là thân sau của tổ-tiên, mà nuôi con cháu lại cũng vẫn lấy ở di-hài của tổ-tiên nát ra, như cái thai trong bụng mẹ, mẹ sinh ra mà ăn bằng huyết của mẹ đó.

«Tạm xem như đàn ong kia, cùng nhau kiếm phấn xây tằm, mút hoa chế mật, xong thì để mỗi lỗ một cái trứng vào. Ấy thế rồi đàn ong ấy già và chết, là hết bản-phận. Kể cái tâm cái chí của đàn ong ấy vì loài vì giống như thế, thiết-tha khổ-sở là dường nào! Vậy cái nghĩa-vụ của đàn ong lớp sau cũng chỉ là làm làm sao cho trọn cái việc xây tằm, chế mật và để trứng, cho cái sống hiện-tại với tương-lai theo thời-dại mà được vững-vàng và nảy-nở hơn lên. Còn phấn với mật lấy ở hoa thì phải theo mùa mà thay đổi cách thu-hoạch chế-hóa, chứ có câu-nệ cố-chấp một phép-tắc lẽ-lối nào được. Nay vì mà đàn ong ra sau đó, không đủ trí-lực, không trọn phận-sự đối với sự sống của mình và thân sau cho kịp với thời thế, thì phỏng có xứng-đáng với cái đạo thiên-phú của trời kia không?

« Người ta đã không sống lẽ-loi ra được, đất nước đã chung thì tổ-tôn với con cháu cũng là chung với nhau cả. Cái tên hiệu gọi họ họ kia về ngành trai, cũng là một lối tạm dùng cho có từng thống-thuộc nho-nhỏ một mà thôi. Thực thì giọt máu đã hòa lẫn đi với nhau cả rồi, không còn phân-biệt họ nào được nữa. Vậy chỉ khu-khu tính lợi-hại trong một nhà một họ là lầm. Đã nghĩ đến người chết là phải nghĩ đến tất cả mọi lớp người trong đất nước trên lịch-sử. Phải nhận lấy ơn, kể lấy chí, theo thời-dại mà biến đổi cho xứng-đáng với sự sống. Thì nên suy-nghĩ lấy đôi câu đối lâu nay các nhà văn viết để thờ ông vải rằng :

有生氣魄存天地

Hữu-sinh khí phách tồn thiên-địa,

不死精神在子孫

Bất tử tinh-thần tại tử-tôn.

«Nghĩa là phần khí-phách của tổ-tôn về thờ sống thì đã hòa tán ra với khí với đất với nước mà còn ở trong trời đất, không trông thấy được nữa. Duy có phần tinh-thần của tổ-tôn là không bao giờ chết được. Tinh-thần ấy đã truyền vào con cháu thì hệ con cháu còn là tinh-thần của tổ-tôn còn. Vậy thì đem tinh-thần ấy mà làm cho phát-đạt, hiển-dương lên ở thời đại mình, để bồi-bổ cho sự sống của mình, tức là cái đạo hiếu với người trước đó ».

Tôi vẫn còn muốn nghe, thì bỗng đầu bốn bề xào-xạc tiếng gà, tôi vùng một cái mở mắt ra, đứng ngay người lên, thì những hình ảnh bọn người thiên-cổ trong phim ngoài ban-công cũng biến đâu mất cả. Sắc ngân-quang của bức phòng giữa trời vẫn hanh-hanh soi xuống, cảnh-vật vẫn im ả và một vẻ u-âm, con cú bèn nghề cổ vẫn thông-thả điềm tiếng trống chầu, sáu bộ dưới đất vẫn họa trần khúc nhạc tiêu-tao. Tôi tự hỏi : Hồn ai?

NGUYỄN TRỌNG-THUẬT

QUẢNG-NGÃI TỈNH CHÍ (1)

廣 義 省 誌

Lời mở đầu

Tỉnh Quảng-ngãi cũng đã có biên chép vào lịch-sử và địa-dư của «các bậc tiền-bối», nhưng chưa có chí thặng riêng. Huống-chi cuộc đời mỗi ngày mỗi khác, cách trong một hạn mười năm thì đã thấy hình-thể, chính-trị và kinh-tế của một hạt thay đổi nhiều. Muốn cho biết tương-lai trong hạt cần phải xét dĩ-vãng và hiện-tại. Vậy chúng tôi xin kê-cứu trong lịch-sử và địa-dư có biên-chép về tỉnh Quảng-ngãi để chứng sự dĩ vãng; kê-cứu về các biểu thống-kê của các quan Thương-chánh cùng sổ kê-khai của các phủ huyện và phỏng-sát trong dân-gian, lược biên ra thành tập, đặt tên là «Quảng-ngãi tỉnh-chí».

Trong tập này chia làm ba mục:

Hình-thể.

Chính-trị.

Kinh-tế.

Sự kê-cứu của chúng tôi trong tập này không dám lấy làm đúng chắc, nhưng chúng tôi chỉ trông rằng không sai-lạc mấy, có thể gần với sự thực để giúp ích cho sự khảo-cứu.

HÌNH-THỂ

I. - Nói qua về lịch-sử

Lịch-sử của tỉnh Quảng-ngãi trong mục chính-trị sau này sẽ xin nói rõ, đây chúng tôi chỉ kê đại-lược mà thôi.

Tỉnh Quảng-ngãi cũng như các tỉnh khác miền nam Trung-kỳ, lịch-sử về «thượng-cổ» không được biết cho rõ, chỉ biết ngang đời «trung-cổ» trở lại; đất này do Chiêm-thành chiếm-cứ hiện còn di-

tích ít nhiều. Trung-gian người Chiêm-thành cùng dân-tộc người Việt-Nam tranh lẫn nhau, kết-cục Chiêm-thành không đương nổi, thành ra hoàn-toàn là một lãnh-thổ của dân-tộc Việt-Nam chiếm-cứ. Từ bản-triều sắp về trước thời chỉ có một phủ ở men về hải-ngạn, đến đời đức Thái-tổ Gia-dụ hoàng-đế vào trấn, về sau mới đặt thành Dinh, thành Trấn, thành tỉnh, mở thêm phủ, huyện, và dân-số càng ngày càng đông, đất ruộng càng ngày

(1) Khi Hoàng-thượng Nam-tuần qua tỉnh Quảng-ngãi, tỉnh-thần có dâng ngự-lãm một tập Quảng-ngãi tỉnh-chí 廣義省誌, nói về hình-thể, chính-trị, kinh-tế trong tỉnh, khảo-cứu tinh-tướng, theo như lối các «tỉnh-chí» đời xưa. Quan đầu tỉnh Quảng-ngãi chính là quan tuần Nguyễn Bá-Trác là một nhà sáng-lập ra bản-chí. Sau khi dâng ngự-lãm, có xin phép Hoàng-đế cho đăng báo đề công-dồng-lãm. Vậy bản-chí vui lòng đăng tập «Quảng-ngãi tỉnh-chí» và ước-ao rằng các tỉnh khác ở Trung-kỳ Bắc-kỳ đều mỗi tỉnh làm một tập «tỉnh-chí» như vậy, thì giúp cho việc học địa-dư trong nước không phải là ít vậy.

Sách «Quảng-ngãi tỉnh-chí» do quan Tuần Nguyễn Bá-Trác, quan Ân Nguyễn Đình-Chi chủ-trương, các ông Khiếu Hữu-Kiều Hàn-lâm-viện tu-soạn, có bằng tú-tài Tây, Nguyễn Trân và Phan Đình-Thị Hàn-lâm-viện cung-phụng biên-tập.

càng rộng ; bây giờ thành ra một tỉnh có bốn phủ hai huyện, bốn đồn Kiểm-ly, một đồn Bang-tá. Xem trong lịch-sử một đoạn ba trăm năm của bản-triều khai-thác ở tỉnh Quảng-ngãi thời thấy cái năng-lực của dân-tộc Việt-Nam phát-triển rất mau chóng, mà những núi sông hiểm-yếu, đất ruộng phì nhiêu, cũng nhờ có cái năng-lực của dân-tộc ấy ra công khai-thác mà thành ra một hình-thể có giá-trị trên mặt đất.

II. -- Giới-hạn

Tỉnh Quảng-ngãi ở vào trong khoảng kinh-tuyến bắc 14° 9» và 19° 9», vĩ-tuyến đông 106° 2» và 106° 11».

Tỉnh Quảng-ngãi bắc giáp Quảng-nam, đông giáp bề Trung-hoa, nam giáp tỉnh Bình-định, tây giáp tỉnh Kontoum và Quảng-nam. Hai tỉnh này giáp nhau trên dãy núi Hoành-sơn sau tỉnh Quảng-ngãi, thành ra tỉnh này không giáp Ai-lao và Cao-miền.

Tỉnh Quảng-ngãi hình chữ nhật 卍, bề dài ước phỏng được 90 cây-lô-mét, bề ngang ước phỏng được 50 đến 60 cây-lô-mét, bề ngang ấy ở miền bắc thì rộng, ở miền nam thì hẹp, nhưng từ Sa-huỳnh trở vào thì bề ngang ấy càng ngày càng hẹp lại mà nhất là vào tới Bình-định, đèo Bình-dê.

Diện-tích tổng-cộng là 4200 cây-lô-mét vuông. Nếu lấy diện-tích mà so với các tỉnh lớn xứ Trung-kỳ thì Quảng-ngãi là hẹp hơn. Diện-tích tỉnh này chỉ bằng một phần ba tỉnh Quảng-nam 12.100 cây-lô-mét vuông, nhưng xét về phần hiểm-yếu thì tỉnh Quảng-ngãi là một tỉnh rất hiểm, vì có nhiều sông núi.

Nếu đi qua tỉnh từ bắc chí nam trên con đường thiên-ly, thì ta sẽ thấy con đường ấy chạy quanh dưới chân núi như ở Bình-sơn, ở Đức-phổ. Khi đi khỏi nha Đức-phổ rồi thì núi càng ngày càng giáp bề thành ra đất đồng bằng càng ngày càng

hẹp đi, có nhiều đoạn đứng trên con đường thiên-ly cũng đã trông thấy bề..

III. -- Hình-thể đất

Cũng như các tỉnh khác, tỉnh Quảng-ngãi chia ra làm hai miền : Thượng-du và trung châu.

a) Miền thượng du ở về phía tây tỉnh, có dãy núi Hoành-sơn chạy qua, diện-tích ước rộng hơn 3000 cây-lô-mét vuông ; miền ấy nhiều núi cao thấp bất-thường, dưới chân núi thì có cánh đồng nhỏ hẹp.

Có nhiều núi cao hơn bốn năm trăm thước tây, như là :

Núi Truyền-tụng (Bình-sơn).

Núi An-dại-thập (Nghĩa-hành).

Hòn Kỳ-lân (Tur-nghĩa).

Còn núi cao hơn 1000 thước thì rất ít, như :

Núi Thạch-bích (Minh-long).

Nếu xét những núi kê theo từng hạt trong tỉnh Quảng-ngãi thì không có mấy nơi là không có núi, như là :

Phủ Bình-sơn : Núi Thịnh-thịnh.

Núi Phượng-hoàng.

Núi Nam-châm.

Núi Bà-lâu.

Núi Lão-voi.

Núi Cồ-ngựa.

Núi Bích-thành.

Núi Ba-tơ.

Núi Phồ-tịnh.

Phủ Sơn-tịnh : Núi Thiên-ấn (Phú-nhơn).

Núi Long-đâu (Phú-nhơn).

Núi Thiên-mã (Tur-cung-nam).

Phủ Tur-nghĩa : Núi Thiên-bút (Chánh-lộ).

Núi Phu-thọ (Phú-thọ).

Núi Hùm, tức là La-hà Thạch-trận (La-hà).

Núi Kỳ-lân (Cổ lũy).

Núi Ngũ-phước-sơn, tức là Trấn-công-sơn (Thu-phổ).

Phủ Mộ-đức : Núi Thiết-tràng (núi ấy có sắt và đá ong-ong).

Huyện Đức-phò: Núi Đại-lãnh (Vạn-lý).
Núi Cháp - giêng (An-thành).

Đồn Trà-bồng : Núi Răng-cưa
Núi Trà-quận Sơn-bồng .

Đồn Sơn-hà: Núi Bao-nâm.
Núi Chúa-sơn (trên đỉnh núi này có đất bằng rộng-rãi, có vườn cam quít và chuối rất xanh tốt. Người Mọi gọi chỗ ấy là vườn ông Trấn-bắc Bùi Tá-Hán).

Đồn Minh-long : Núi Cao-muôn.
Núi Thạch-bích.
Núi Hác-thạch-lãnh.
Núi Điều-lãnh.
Núi Hồ-lãnh.

b) Miền Trung-châu tỉnh Quảng-ngãi là một cánh đồng bằng nằm chen ở giữa dãy núi Hoành-sơn và bẻ Trung-hoa. Đồng ấy có chỗ thì rất hẹp như khối nha Đức-phò giáp-giới với Bình-dịnh, núi giáp liền với bẻ, nhưng cũng có chỗ rất rộng như đồng Thi-phồ Quit-lâm Tú-sơn và Mộ-đức.

So với mặt nước bẻ thì đồng bằng ấy cũng không cao mấy, chỉ cao từ một thước đến 12 thước tây mà thôi.

Đồng bằng tỉnh Quảng-ngãi có nhiều nơi có núi cồn tự-nhiên nổi lên như là :

Phủ Binh-sơn : Núi An-điêm.
Núi Phương hoàng.
Núi Phồ-tiên.
Núi Đa-oai.

Phủ Sơn-tịnh : Núi Thiên-ấn.
Núi Bình-ninh
Núi Long-dầu.

Huyện Nghĩa-hành : Núi Phát.
Núi Đá-phúc-hậu.
Núi Vam.

Phủ Mộ-đức : Núi Long-phụng.

Diện-tích miền Trung-châu ước được một phần tư diện-tích toàn tỉnh, nghĩa là

được 1000 cây-lô-mét vuông, nhưng trong miền ấy cũng còn nhiều đất chưa khai-khẩn tới, vì thứ đất ấy tuy đồng bằng, nhưng có xen cồn cát, chất đất xấu, canh-bả không dư được lợi nên tuy còn có chỗ để hoang mà dân ta phải lên cây phá Thượng-du, trên sườn núi ta thường thấy có dây trồng tía sắn, bắp và khoai, v. v. . . Đất khai-khẩn trên núi có phần nhiều hơn đất bỏ hoang dưới Trung-châu, thành ra xét về nghề canh-nông thì dân Quảng-ngãi có phần chuyên nghề hơn dân các tỉnh khác.

Thế đất tỉnh Quảng-ngãi có hơn các tỉnh là mực thủy-bình trên mặt đất rất xuôi, vì thế các ngọn sông nước chảy mạnh tiện-lợi cho nghề làm xe nước và tiện-lợi cho sự đắp đập thường có cái cánh đồng đến một hai nghìn mẫu rộng, nhờ nước đập trong một tuần-lễ thì chảy khắp hết, như là cánh đồng Thi-phồ, Quit-lâm và Trà-ninh chỉ nhờ có một cái đập « Bến-thóc » mở trong bảy ngày thì trở khắp cả các đồng ruộng. Vì vậy tỉnh Quảng-ngãi tuy ngộ-hạn mà cũng có một phần ruộng lúa nhờ xe, nhờ đập để cứu hạn.

Theo địa-thế của tỉnh Quảng-ngãi và hình-thế núi sông thì Quảng-ngãi có thể mở rộng được thêm nữa. Nếu như có con đường từ Quảng-ngãi đi Kontoum. thì dân-cư có thể noi theo con đường ấy mà mở-mang thêm những đất hoang trên miền núi. Các miền núi ấy, hiện bây giờ chỉ có dân Mọi chưa chịu thuế ở, nhưng sau này có đường thông-thương rồi thì những Mọi ấy cũng phải tùng-phục như Mọi mây đồn, và sau này có dân Trung-châu lên khai-khẩn đất, xen ở thì những Mọi ấy cũng sẽ là dân-cư nội-tịch như dân-cư An-Nam vậy ; mấy đồn trên thượng-du sẽ thành ra những địa-hạt có quan-trọng về đường chính-trị và đường kinh-tế như những phủ huyện hiện-thời.

IV.— Các sông ngòi

Tỉnh Quảng-ngãi có một bộ thủy-đạo rất sung túc và rất tiện-lợi cho sự giao-thông buôn-bán trong tỉnh.

Bộ thủy-đạo ấy gồm có ba con sông chính phát-nguyên từ núi Hoàng-sơn là sông Trà-khúc, sông Trà-bồng và sông Vệ.

1— *Sông Trà-khúc.* — Sông Trà-khúc phát-nguyên từ núi Trường-lũy ngoại-máng mà người ta thường gọi là xứ Lý-mang; lúc mới phát-nguyên ra thì gọi là sông Lõe.

Thượng-nguyên sông Trà-khúc chảy qua sách Bầu-rời tổng Sơn-bồng, sách Trà-cảnh tổng Sơn-thuận và sách Mang-xinh thuộc đất Sơn-hà và Sơn-tĩnh, hữu-ngạn sông ấy thì giáp đất Tư-nghĩa; sông Trà-khúc chảy xuống cửa Cồ-lũy rồi chảy ra biển.

Nước sông Trà-khúc chảy mạnh lại nhờ có cù đóng ngăn, nước càng chảy mạnh thêm, nhân-dân có thể lập hai bên bờ sông những xe nước có ích-lợi cho sự dẫn-thủy nhập-diễn.

Sông nhánh bên tả-ngạn. — Bên tả-ngạn thì có:

1. Sông Xã-diều.

2. Sông Giang.

Sông nhánh bên hữu-ngạn. — Bên hữu-ngạn thì có:

1. Sông Nước-lát } phát-nguyên từ

2. Sông Trà-riêng } Ta-gầm.

3. Sông Mùng.

4. Sông Tam-linh.

5. Sông Tam-ráp: { phát-nguyên từ núi

{ Đá-vách.

6. Sông Phước.

II— *Sông Trà-bồng.* — Sông Trà-bồng phát-nguyên từ dãy núi Trà-bồng gồm có hai chi:

a) Một chi phát-nguyên từ làng Mọi Ma-vang tên gọi là Bà-lâu.

b) Một chi nữa gọi là sông Trà-quận.

Hai chi ấy hợp thành con sông Trà-bồng chảy qua phủ Bình-sơn châu Ô rồi theo cửa Sơn-trà mà chảy ra biển, lòng sông ấy

thường có đá nổi, nên những thuyền bè to không thể đi lại được. Con sông ấy có một cái thác gọi là thác Mĩ-lộc.

Sông nhánh bên hữu-ngạn. — Bên hữu-ngạn sông Trà-bồng, thì có suối Tra-bi chảy xuống.

III— *Sông Vệ.* — Sông Vệ phát-nguyên từ dãy núi Giò-vút (Ba-tơ). Thượng-nguyên sông ấy thì gồm có ba con sông nhỏ hợp lại:

a) Con sông thứ nhất phát-nguyên tại Tô-sơn gọi là Tô-giang.

b) Con sông thứ nhì phát-nguyên tại Lý-sơn gọi là Lý-giang.

c) Con sông thứ ba là một cái suối chảy dưới đất gọi là Na-giang.

Ba con sông ấy tới Cao-muôn thì hợp lại thành một con sông lớn gọi là Bôn-giang; con sông ấy chảy về phía đông, chảy theo chân núi Hùng-nhĩ tới Hương-quán thì sông ấy gọi là sông Vệ.

Trên thượng-nguyên thì sông Vệ có nhiều ghềnh thác như là thác Đá-chất ngang tổng Hành-câu (Nghĩa-hành) và thác Quán-thơm « Vực-ba » ngang tổng Hành-thượng.

Thượng-nguyên sông Vệ chảy qua đồn Ba-tơ; trung-nguyên chảy qua Mộ-đức, Nghĩa-hành và hạ nguyên chảy qua Tư-nghĩa. Sông Vệ cũng như sông Trà-khúc chảy xuống cửa Cồ-lũy rồi chảy ra biển. Năm Khải-định thứ bảy sông Vệ mở thêm một cửa nữa ở làng An-chuẩn.

Sông Trà-câu. — Sông Trà-câu phát-nguyên từ núi Bàn-thạch, chảy qua hạt Đức-phổ, qua ngang cầu Trà-câu rồi chảy qua cửa Mĩ-á.

Những sông ngòi trong tỉnh Quảng-ngãi thì không thể đi lại suốt cả năm được, vì trên thượng-nguyên thì có nhiều thác ghềnh và vì cửa biển thì có cồn cát chặn ngang, thành ra tàu thủy và thuyền lớn không thể đi lại được.

V. — Bờ bể

Bờ bể phía bắc tỉnh Quảng-ngãi thì không được thẳng và bằng phẳng, vì có mấy cái núi doi ra bể như là núi An-hải và núi An-vĩnh. Ở đó có mấy cái mũi đất doi ra bể như là mũi Ba-tam ở Sơn-trà và mũi Sa-bằng ở Sa-kỳ. Lại cũng có mấy vịnh như vịnh Dung-quát cửa sông Trà-bồng và vịnh Biệt-thanh ở An-hòa.

Từ An-vĩnh trở vào thì bờ bể toàn cát và bằng phẳng chỉ thỉnh-thoảng có cửa sông cắt đứt bờ bể ấy ra mà thôi, những cửa sông ấy vì cũng có những cồn cát chặn ngang, nên tàu lớn không có thể vào núp được, chỉ có thuyền bè vào đậu mà thôi.

Ở ngoài bể tỉnh Quảng-ngãi lại có một hòn cù-lao gọi là Lý-sơn « Poulo Canton ».

Cù-lao Lý-sơn thì gồm có hai làng : An-hải-phường và An-vĩnh-phường.

Hai làng ấy cũng có dân ở đông-dúc, cù-lao ấy cách đất liền chừng nửa ngày thuyền trong lúc thuận buồm xuôi gió.

Trên cù-lao ấy nhà nước có lập một cây đèn viên-chiếu « Phare » để dẫn đường cho tàu thủy đi lại.

Tỉnh Quảng-ngãi có một hòn cù-lao nữa gọi là hòn Huỳnh-sa ở gần cù-lao Lý-sơn, từ cửa Sa-kỳ ra đi thuyền thuận gió ược ba bốn ngày. Trong cù-lao ấy có cái doi cát vàng khá dài, tục gọi là Vạn-lý trường-xa-châu. Trong doi cát ấy có giếng nước ngọt. Cù-lao ấy có nhiều thứ ốc tốt, hải-xâm, xà-cừ và đồi-mồi. Bản-triều có lập một đội lính ở đó, gọi là đội Huỳnh-sa. Lấy dân làng An-vĩnh điều lính ấy. Mỗi năm tháng ba lính ra lấy đồ hải-vật, đến tháng tám về cửa Tư-hiền nộp, về sau triệt bãi. Đời Minh-mệnh có sai quân thuyền đến xét hải-trình. Minh-mệnh thứ XVI có chở ngói gạch đến làm chùa trên cù-lao ấy. Trong cù-lao có cái chùa phật có hòn bia khắc bốn chữ « Vạn-lý ba-

bình », phía tây bắc cù-lao có hòn đá san-hò cao bằng đồng cát rộng, chu-vi ược 340 trượng, xem rất đẹp. Gần đây cù-lao ấy không có người ở mà cũng không kinh-lý đến.

VI. — Thời-tiết khí-hậu

Khí-hậu tỉnh Quảng-ngãi cũng lạnh. Nói về phần thời-tiết thì trong một năm có thể phân-biệt ba mùa.

1^o) Từ tháng chạp đến tháng ba, (đương-lich) thời-tiết cũng không nóng nực lắm. Hàn-thử-biểu không mấy khi xuống dưới 17 độ, mùa này ít mưa song thỉnh-thoảng có mưa phùn.

2^o) Từ tháng tư đến tháng chín thì là mùa nóng, hàn-thử-biểu thường chỉ khoảng 28 và 35 độ. Thỉnh thoảng hay có giông-tổ. Về mùa này nhờ có gió tây-nam nên khí-tiết có phần dịu hơn.

3^o) Từ tháng mười đến tháng chạp, khi trời có phần lạnh-lẽo, mùa này thường có mưa to làm cho ngập lụt, nhưng lụt cũng chóng lui và hay có giông-tổ ở bể Trung-hoa thổi vào sinh ra gió bão rất là hại cho mùa-màng ; ví như bão lụt ngày 16 tháng mười năm 1932 làm hại đến bốn phần mười ba-lợi, và sự thiệt-hại ấy đánh giá tới 2000.000 đồng, nhưng may thay năm nay mùa màng rất tốt, thành ra sự thiệt-hại đó chỉ qua là sự mất hưởng về sự được mùa mà thôi. Tuy mùa còn lại chỉ có sáu phần mười, nhưng cũng chẳng kém gì mùa tầm-thường mọi năm

Nếu ta xem xét về những trận bão ấy xảy ra trong khoảng năm 1911 và năm 1929 theo như bản đồ đính theo đây thì ta sẽ biết gió bão ấy mạnh và hay xảy ra vào khoảng tháng nào ; tháng mười nhiều bão nhất, đều-đồng trong khoảng 1911-1929 thì bể Trung-hoa mỗi năm có tới hai-mươi hai cái bão đi qua tỉnh Quảng-ngãi hoặc đi gần tới Quảng-ngãi.

Hãy xem bản-đồ gió bão này thì sẽ rõ.

TYPHONS

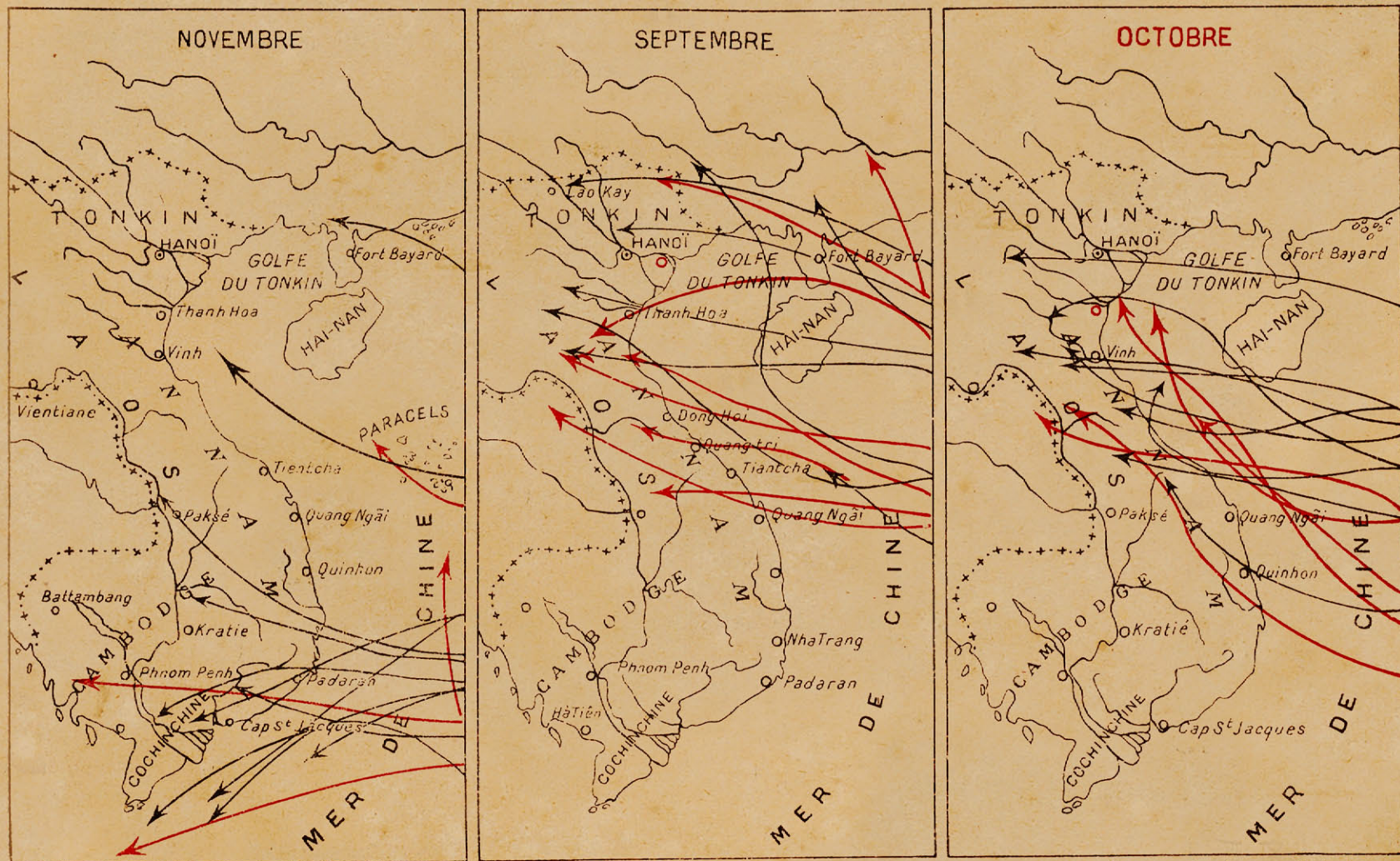
DE LA MER DE CHINE

1911-1929

—◆◆◆—

FRÉQUENCE PAR MOIS

Janvier	3
Février	〃
Mars	〃
Avril	〃
Mai	7
Juin	10
Juillet	33
Août	23
Septembre	20
Octobre	22
Novembre	21
Décembre	7
TOTAL	146



Le Typhon peut tomber sur Quảng Ngãi en Sept. Nov. & sur tout en Octobre

Còn như thường ngày thì gió bề thổi vào rất là mát-mẻ. Nếu ta xét bản kê biên về số ngày mưa thì ta thấy trời hay mưa nhất vào những tháng sau này :

a) Tháng 10, 31 ngày mưa hết 18 ngày 18/31.

b) Tháng 11, 30 ngày mưa hết 20 ngày 20/30.

c) Tháng 12, 31 ngày mưa hết 18 ngày 18/31.

Ta hãy xét bản kê thứ I thì rõ.

Bản kê thứ I

Nơi xem xét	Kinh-tuyến	Vĩ-tuyến	Cao khỏi mặt đất	j	f	m	a	m	j	j	a	s	o	n	d	Tổng-cộng
Sơn-trà.....	108°49	15°23	5 ^m 00	15	9	5	7	3	4	4	6	7	13	14	14	101
Quảng-ngãi	108°53	15°08	7 ^m 00	13	7	5	3	5	6	7	9	14	18	20	18	125
Cồ-lũy.....	108°53	15°08	2 ^m 40	11	7	3	2	1	4	3	4	7	14	12	11	79
Sa-huỳnh..	109°04	14°39	21 ^m 00	10	7	3	5	3	5	3	6	8	18	16	10	94

Nếu ta xét bản mưa được nhiều ít nước (thì ta sẽ thấy trời hay mưa to vào khoảng tháng 10 và tháng 11 tây.

Bản kê thứ II

Ta hãy xét bản thứ II thì rõ

Nơi xem xét	j	f	m	a	m	j	j	a	s	o	n	d	Tổng cộng	Xem xét năm nào	Trong mấy năm
Sơn-trà.....	193	98	43	84	22	19	34	88	169	332	385	145	1612	1927 - 1929	3
Quảng-ngãi ...	143	65	50	99	53	62	63	115	251	545	616	270	2262	1907 - 1929	23
Cồ-lũy... ..	126	64	14	49	10	41	45	91	117	298	315	141	1511	1927 - 1929	3
Sa huỳnh.....	142	76	16	70	40	33	40	79	94	544	379	174	1687	1927 - 1929	3

Nếu ta muốn biết khi-trời nóng nhất thì hàn-thử-biêu lên mấy độ, lạnh nhất thì xuống mấy độ, sự ẩm thấp nhiều ít thế

nào thì ta hãy xét bản kê thứ ba thì rõ. Theo bản kê ấy thì trời nóng nhất vào khoảng tháng sáu tây 40°, tháng bảy 39°6.

Bản kê thứ III

Về nóng lạnh ẩm thấp

Tháng (Dương-lịch)	Nóng lạnh đồng	Nóng nhất	Lạnh nhất	Ẩm thấp mấy phần trăm
Giêng.	22,3	22,6	13,5	82,5%
Hai.	23,2	33,3	14,8	81%
Ba.	24,7	35,7	15,0	78%
Tư.	27,1	39,0	17,3	74,5%
Năm.	29,0	39,1	19,6	71,5%
Sáu.	29,7	40,0	20,0	69,5%
Bảy.	29,7	39,6	21,1	69%
Tám.	29,8	39,9	20,0	69%
Chín.	29,9	39,0	21,0	78%
Mười.	25,9	34,6	18,2	83,2%
Một.	24,2	33,7	15,8	33, %
Chạp.	22,7	31,1	14,2	84,5 /.

Nếu ta muốn biết rõ về mùa nào gió thổi hướng nào thì hãy xem bản kê thứ IV về những luồng gió thổi.

Bản kê thứ IV

Tháng	Phương-hướng
Giêng.	Bắc
Hai.	Bắc
Ba.	Nam
Tư.	Bắc
Năm.	Đông-nam
Sáu.	Đông-nam
Bảy.	Đông-nam
Tám.	Tây-nam
Chín.	Tây-nam
Mười.	Tây-nam
Một.	Tây-nam
Chạp.	Tây-nam

Xét về phần khí-hậu thời-tiết thì tỉnh Quảng-ngãi là một tỉnh dễ ở.

Đất trung-châu lạnh, nước hiền và khí tiết cũng dễ chịu, còn miền thượng-du thì có vài nơi như Minh-long, Ba-tơ và Sơn-hà là độc mà thôi.

Tuy vậy càng ngày dân ở đồng-bằng lên khai-khẩn đất trên thượng-du càng đông, và buôn bán với Mọi càng nhiều, thì một ngày kia miền núi-non mà có nhiều người khai-khẩn làm ăn đông-đúc tất khí-hậu lam-phong và chướng-khi cũng lần lần nhẹ đi, và đất nước cũng lần lần bớt độc, vì có câu nói rằng :

«Chỗ nào mà người ta nhúng tay tới thì tạo-hóa cũng phải lui và nhường bước». Nếu ta xem qua lịch-sử Quảng-ngãi thì ta sẽ biết rằng lời nói ấy rất đúng.

VII. — CỒ-tích linh-từ

Về những di-tích Chiêm-thành ở trong tỉnh, thì nay chỉ còn rời-rạc một vài vết tích, không có giá-trị mấy. Cứ xét về thắng-cảnh, cồ-tích, linh-từ, thì ta có thể chia làm ba đoạn :

Thứ nhất, — Phong-cảnh tự-nhiên và nhân-tạo

a) Phong-cảnh tự-nhiên

1) Làng Thạch-bích phủ Bình-sơn và làng Thạch-nham phủ Sơn-tĩnh, làng Ôn-thủy phủ Tư-nghĩa và làng Thạch-trụ huyện Mộ-đức có suối nước nóng; gần Thạch-trụ lại có một cái suối nước mặn nóng.

2) Ta có thể kê vào chỗ phong-cảnh này mười-hai cảnh theo tư-tưởng nhà văn-sĩ phê-bình cho giang-sơn tỉnh Quảng-ngãi ấy là :

1. *Thiên-ấn niêm-hà*. — Chỉ núi Thiên-ấn làng Phú-nhơn. Nguyên hòn núi này hình tựa như một cái ấn, lại nằm ngang bên bờ sông Trà-khúc, nên mới đặt là Thiên-ấn niêm-hà.

2. *Thiên-bút phê-vân*. — Chỉ núi Thiên-bút ở làng Chánh-lộ. Nguyên hòn núi ấy giữa cánh đồng-bằng nổi lên hình như cái bút, nên mới gọi là Thiên-bút.

3. *Long-dầu hi-thủy*. — Ở làng Phú-nhơn bên kia sông Trà-khúc có núi hình như dầu rỗng, nước sông Trà-khúc ở trên chảy xuống tỏa vào hòn núi đó.

4. *La-hà thạch-trận*. — Là núi La-hà ở làng La-hà và An-hà gần đường thiên-lý. Nguyên chỗ ấy có ba hòn đá lớn đứng giùm lại rồi lại có đá rải-rác từ Cô-sơn tới La-hà, Điện-an, ở đó la-liệt những đá lồi-chồm, chổ hai ba hòn, chổ năm bảy hòn, hình như thiên-binh vạn mã đang giao-chiến với nhau, nên gọi là La-hà thạch-trận.

5. *Thạch-bích tà-dương*. — Là chỉ núi Thạch-bích ở gần núi Liệt-sơn về Đức-phổ bóng chiều dọi xuống thì ửng-ửng đỏ.

6. *Hà-nhai vãng-độ*. — Là chỉ bến dò Hà-nhai (Sơn-lĩnh) vì dân buổi chiều đi làm mía làng Xuân-phổ (Tư-nghĩa) về rất đông, nhưng bây giờ không còn được đông-đúc như xưa.

7. *An-hải sa-bàng*. — Là cái gò cát ở An-hải, phía nam cửa Sa-kỳ vì đứng xa trông thấy những đá cát vun lên nên người ta đặt tên ấy.

8. *Cồ-lũy cò-thôn*. — Là chỉ một làng nhỏ ở một mình bên cửa Cồ-lũy, nếu leo lên Thạch-sơn thì mới thấy phong-cảnh đẹp.

9. *Liên-tri dục-nguyệt*. — Là chỉ ao sen làng Liên-chiều, huyện Đức-phổ, ban đêm mặt trăng dọi rất đẹp.

10. *Vu-sơn lộc trường*. — Là trở hòn Vu-sơn về phần đất hướng tây phủ Bình-sơn và Sơn-tĩnh, hòn núi ấy phát mạch cho các núi ở về phủ ấy. Núi này cao, sau lưng núi có chổ sầm-uất, ngày xưa hươu nai ở rất đông, nên gọi là Vu-sơn-lộc-trường.

11. *Vân-phong túc-vũ*. — Là một cảnh trên miền Thượng-du.

12. *Thạch-cơ điều-tần*. — Ở về cửa Sa-kỳ (Bình-sơn) có một cái gành đá dò ra ngoài mé bờ ở xa xem như hình người, nên đặt tên ấy.

Khi trước ông Nguyễn Cư-Trình làm Tuần-vũ Quảng-ngãi nhân-cảnh tự-nhiên mà đặt tên chỉ có mười cảnh, sau thêm hai cảnh nữa, thành ra mười hai cảnh.

Mười hai cảnh của văn-sĩ phê-bình cho tỉnh Quảng-ngãi, tự-trung cũng có cảnh đặt tên để cho đẹp tai nghe, nay ta trừ ngoài mười-hai cảnh ấy mà du-lịch một lần nữa ở tỉnh Quảng-ngãi để tìm những phong-cảnh cho đẹp mắt thấy.

Bắt đầu từ địa-đầu tỉnh Quảng-ngãi đi vào địa-hạt Bình-sơn, ta queo lên con đường Long-giang, lên Trà-bồng xem những cảnh núi dọc đường có xen đồng ruộng nhỏ, dân-cư ở thì cũng vui mắt, trở về đèo Vĩnh-tuy tục gọi là đèo Thơm, đến mùa thơm thì hai bên đèo thấy những thơm ra trái, sắc lá xanh xen với sắc hồng-hồng ở trong vườn trên sườn núi, thỉnh-thoảng lại có vườn chè vườn cau xen lẫn, qua đèo Thơm rồi xuống chợ Ba-da, lên đồn Sơn-hà, từ Ba-da lên ước trên 20 cây

ô-mét, tới sách Lê-lang của mọi tức là li-sở của đồn ; chỗ ấy có núi có sông, phong-cảnh rất đẹp, qua khỏi đồn đi 5 cây lô-mét nữa tới nền cũ của đồn Làng-rí. Triều Thành-thái trước đây ba-mươi năm, nơi ấy cũng là cái trung-tâm-diêm đề cai-trị bọn mọi, nhưng không bao lâu triệt bãi. Bây giờ chỉ còn hai trụ cửa ngõ là di-tích của đồn mà thôi. Đến đó hết đường giao-thông bằng điện-xa, phải trở về con đường Phước-lộc để đi ra đường Thiên-ly, hai bên đường làng Phước-lộc khi lúa đã nặng hạt thơm chín, vun xún trên mặt ruộng như đơm mầm xôi. Đi về đến đường cái quan ra đến đường cầu Cháy xuống cửa Sơn-trà ta sẽ thấy cái đầm ở trong vũng nước biếc, ba mặt núi xanh, phong-cảnh rất là ngoạn-mục ; quay về bờ sông Trà-khúc đi thẳng con đường Mĩ-kê được vài cây-lô-mét leo lên núi Thiên-ấn mà xem xuống Mĩ-kê Tư-cung và Cồ-lũy, thì thấy các ngọn sông uyển-chuyền, các thôn-lạc rải-rác hoặc cụm dừa, hoặc bãi cát, hoặc gò núi đất diêm-xuyết thành màu trắng màu vàng màu xanh, ba sắc, ta dạy người lại mà ngó qua tỉnh-thành thì sẽ thấy một bức họa-đồ rất là ngoạn-mục, nếu muốn xem tận nơi Cồ-lũy ta sẽ đi qua sông Trà-khúc mà xuống hòn Thạch-sơn ở làng Phú-thọ xem chơi ; đứng trên hòn Thạch-sơn trông về hướng đông thì thấy một biển mênh-mông, sinh ra lòng người có bụng hùng-dũng ; ta quay lại xem cái cánh đồng Mộ-đức và cánh đồng Tư-nghĩa thì lỗ-nhổ nào nhà nào ruộng, nào đất mía nào đất lúa, thấy được cái quang-cảnh dân-cư trú-mật, thổ-địa phì-nhiều, khiến cho ta vừa thương vừa mến mà không còn nghĩ chi đến Cô-thôn của Cồ-lũy, đến Thiên-bút đã trông xa được hai cánh đồng của Tư-nghĩa Mộ-đức, rồi ta sẽ trở về do đường thiên-ly mà đi vào Mộ-đức, thì quả thực cánh đồng Thi-phổ là một cánh đồng lúa rất phì-nhiều, cánh đồng ấy gồm có cánh đồng Quất-lâm, Trà-ninh,

đất rộng hơn mấy nghìn mẫu ; sự làm ruộng ở đồng ấy có dễ-dàng hơn đồng Phước-lộc. Đồng Phước-lộc thì phải có xe nước mà tưới ruộng, đồng Thi-phổ thì nhờ có cái đập Bến-thóc trong một năm trở bảy ngày về kỳ tháng sáu, nên vườn hoa lúa ở làng Thi-phổ tươi-tốt đượm-nhuần. Ta sẽ vào Thạch-trụ lên con đường Ba-tơ, qua khỏi đồn Đức-phổ rồi thấy hai bên đường cây cối sâm-uất, con đường như rắn bò trong mấy cái nách núi khiến lòng u-trâm không hùng-dũng như khi đứng trên hòn Thạch-sơn Thiên-ấn nữa. Ta đi con đường ấy biết tỉnh Quảng-ngãi ngày sau sẽ rộng lớn, mà đất miền Thượng-du sẽ cung-cấp sự sinh-hoạt của dân Quảng-ngãi được nhiều, trong một ngày người Trung-châu đi lên Mọi buôn-bán ước được vài trăm người, mà người nào khi đi về cũng có một gánh lúa hay là một gánh thổ-sản gì của Mọi như bắp đậu, v. v. Nếu cầu sông Gia-vực không bị đở mà con đường lên Mọi đã thông thì ta do đường Ba-tơ mà qua Minh-long Sơn-hà và Trà-bồng, có lẽ trong ấy nhiều phong-cảnh đẹp lắm, hay là tắt ngang mà đi xe về hướng tây thì ta sẽ dời khỏi tỉnh Quảng-ngãi mà đến phần đất Kontoum. Nhưng vì chưa có đường nên phải quay lại trở về Mộ-đức vô Đức-phổ mà đi xem phong-cảnh của miền ấy. Nếu đi vô Sa-huỳnh hồi bốn giờ đêm ngày 30 ta trong liết mùa hạ, ngó về phía tay trái thấy một dải đèn xa-xa hình như đèn điện ước trên dưới trăm ngọn, ta ngỡ rằng ta sẽ tới một cái thành-phố nào nữa, nhưng lạ thay cái thành-phố ấy sao mà yên-lặng không có tiếng ồn-ào xe ngựa như trong những thành-phố lớn, lại thỉnh-thoảng có luồng gió thổi mát rười cả người, sau xét kỹ mới biết là một đoàn ngư-châu đánh cá các dầm gần cửa Sa-huỳnh, nếu có ông văn-sĩ chịu đi đêm xem thì ông sẽ đặt tên rằng « Sa-lấn ngư-dăng » nhập vào một thắng-cảnh nữa.

b) Phong-cảnh nhân-tạo

Phong-cảnh nhân-tạo thì ta có thể nói tới những xe nước đặt ở bên sông Trà-

khúc và sông Vệ ; nhưng xe nước ấy là những khi-cụ rất có ích cho nghề canh-nông về phương-diện dẫn-thủy nhập-điền (sẽ tường ở mục kinh-tế).

Thứ nhì. — Đền chùa và miếu mộ

1. Đền vua Quang-chiếu ở Xuân-quang. — Theo lời xưa truyền lại thì vua Quang-chiếu trước là một người học-trò nghèo ở đời nhà Lê mà sau làm mãi đền chức Trấn-nam Đô-tướng,

2. Miếu đình bà ở Thuận-an, đèo Ba-đào. — Theo lời xưa truyền lại thì miếu này để thờ một vị nữ-anh-hùng ngày xưa tử-trận tại nơi đó.

3. Đền Bùi-trấn-công ở Thu-phổ. — Đền này để thờ ông Trấn-công Bùi Tá-Hán.

4. Bạch-thạch-tự ở Trà-bông. — Chùa này chính là một cái hang đá trước để thờ một vị nữ-thần. lâu nay không ai dám tới, vì ở đó có nhiều rắn-rết.

5. Chùa Thiên-ẩn. — Chùa này ở trên núi Thiên-ẩn có sắc-tứ là Thiên-ẩn-tự, là một nơi chùa lớn của đạo Phật ở Quảng-ngãi.

6. Mộ vua Quang-chiếu. — Ở làng Phú-thọ phủ Tư-nghĩa.

7. Mộ ông Bùi Trấn-công. — Ở làng Thu-phổ phủ Tư-nghĩa.

8. Mộ ông Hoàng Đê-dốc. — Ông là Hoàng-Thiệu, đánh giặc Mọi bị chết, mộ chôn ở huyện Mộ-đức.

9. Đền ông Lê. — Thuở xưa có ông Lê làm quan coi Mọi và người An-Nam (ở chung với nhau phỏng đến năm đời) Ở tại sách Ca-la núi Bù-ru, mọi kêu là Hoán-ru, có đền ông Lê, có đồn ở, có giếng uống nước, có chỗ bán bia, nay di-tích hầy còn ; thuở ấy dân An-Nam và dân Mọi ở chung, ông Lê làm quan cai-trị đóng đồn ở đây.

10. Đền ông Bùi. — Đền ông Bùi ở Lê-lang, gần đó có lò hầm gạch, nay di-tích hầy còn lưu. Ông Bùi đây có lẽ là ông Bùi Trấn-bắc.

11. Đập Bà-bổ. — Bà Bổ này là người An-Nam rất giàu có, ăn ở rất có lòng bác-ái. xuất tiền của nuôi, dụ Mọi làm ruộng, vỡ đất tủa lúa, tủa bắp, làm chè cau và đi khắp cả Mọi huấn-dụ làm ăn, dân Mọi vỡ ruộng mà không làm sao có nước cấy cấy, lúc ấy bà xuất tiền thuê đắp đập để lấy nước mà cấy, sau có hoa-lợi bà thu một ít kêu là « lúa nước » mà thôi. Những nơi Bà-Bổ đã đến mà có huấn-dụ Mọi làm ăn là những nơi sau này :

Ở sách Ca-la xóm Bồ-định và Vọng-ký (tổng Sơn-tân) và sách Mang-kiều (tổng Sơn-thượng nay vẫn còn di-tích chút ít và tục hay xưng-hô là « Đập Bà Bổ ».

Về sau bà già cả rồi qua đời tại sách Lê-lang (làng Rê), hiện nay âm-phần vẫn còn an-táng tại nơi gần đó.

Thứ ba. — Dấu tích xưa để lại

1. Cồn Phú-thọ. — Ở về làng Phú-thọ và Cồ-lũy. Triều Tự-đức có đắp một cái thành để ngăn chặn giặc bề ; dấu tích về cái thành đó hiện giờ hầy còn.

2. Lũy Đoạn-trường. — Lũy này đi từ An-khang đến Phú-khang miền Tây-nam giáp đất Mọi Minh-long, do ông Tả-quân Lê Văn-Duyệt đắp năm Gia-long 18 để ngăn Mọi.

3. Thành Đại-la. — Thành này ở làng Châu-sa và làng Hòa-bản, tục truyền là thành của Chiêm-thành, đời nhà Lê có đóng quân ở đó.

4. Xuân-quang phế-thành. — Thành này ở làng Xuân-quang (Tư-nghĩa nhưng nay không còn, dân làng đã cây thành ruộng.

5. Bồ-dê miếu Phật. — Tượng ở làng Bồ-dê (Mộ-đức).

6. Dấu-tích Chiêm-thành. — Ở làng Chánh-lộ (Tư-nghĩa).

7. Hai giếng đá Chiêm-thành. — Ở Phú-thọ (Tư-nghĩa).

8. Hai Thạch-tượng. — Ở Đông-phước (Bình-sơn).

9. *Miếu Kim-thần-tượng*. — Theo dân truyền thì tượng còn gọi là tượng Bà-voi ở chùa Tây-hi tông Bình-hà (Bình-sơn).

10. *Thạch-bì của Chiêm-thành* — Bia này để lại ở làng Long-thạnh (Đức-phổ).

11. *Thạch-bì của Chiêm-hành*. — Ở làng Mỹ-thuận (Đức-phổ).

12. *Dấu tích Chiêm-thành*. — Ở làng Phong-niên (Sơn-tĩnh).

13. *Dấu-tích Chiêm-thành*. — Ở làng Trà-bình (Sơn-tĩnh).

VIII. — Kết-luận về hình-thế

Theo như địa-thế tỉnh Quảng-ngãi thì ta có thể tổng-luận được rằng dân An-Nam dưới đồng-bằng có thể lên miền Thượng-du tỉnh này mà ở dễ-dàng hơn các miền Thượng-du tỉnh khác. Càng ngày dân đồng-bằng lên khai-khẩn trên

miền núi càng đông thì khí-hậu càng ngày càng nhẹ đi và đỡ độc. Như vậy mấy đờn trước toàn Mọi, sau có người An-Nam lên ở rồi không bao lâu Mọi cũng hóa ra theo phong-tục An-Nam, vì Mọi Quảng-ngãi đã chịu phép-luật Triều-dinh và chỗ nào có Mọi ở thì đã có người An-Nam giao-dịch; trừ ra một đôi nơi Mọi hoang chưa chịu thuế thì sự giao-dịch chưa được tiện-lợi, có thể chắc rằng ngày sau dân Mọi cũng hỗn-hóa với dân-tộc An-Nam làm một. Nhưng muốn tự hỗn-hóa cho được mau chóng, thì tỉnh này cần phải mở-mang các con đường trên xứ Mọi cho nhiều; nhưng muốn biết rõ tương-lai tỉnh Quảng-ngãi thì nên xem xét về phương-diện chính-trị và kinh-tế.

(Còn: ữa)

SƯU TẬP THƠ-VĂN CỔ

VIII

Diễn bài «Ti-bà-hành» và tự (1)
(của Bạch Cư-Dị)

琵琶行并序
(白居易)

I

元和十年。余左遷九江郡司馬。明年秋送客湓浦口。聞舟中夜彈琵琶者。聽其音錚錚然有京都聲。

Niên-hiệu Nguyên-hòa thứ mười, ta phải thiển ra làm Tư-mã quận Cửu-giang. Mùa thu năm sau đi tiễn khách ở bến Bồn-phổ đêm nghe thấy người gảy đàn ti-bà ở trong một chiếc thuyền kia, những giọng đàn lanh-lảnh có tiếng ở Kinh-kỳ.

問其人本長安倡女。嘗學琵琶於穆曹二善才。年長色衰。委身爲賈人婦。

Hỏi ra mới biết là một người xướng-nữ ở Tràng-an, thường học đàn ở hai nhà tài tử Mục và Tào, đến khi tuổi cả sắc suy, mới gửi thân vào ảnh lái buôn.

遂命酒使快彈數曲。曲罷憫然自叙。少小時歡樂事。今漂淪憔悴。轉徙於江湖間。

Ta mời gọi sang khiến hầu rượu và gảy mấy khúc đàn chơi. Gảy xong, nàng phàn nàn kể khi trẻ-trung thì vui thú chường nào, nay phải phiêu-lưu tiều-tụy hết chốn nọ đến chốn kia.

(1) Bài này nguyên-văn chữ nho của ông Bạch Cư-Dị Tiên-sĩ đời Đường Nguyên-hòa bên Tàu. Dịch ra quốc-âm (văn song-thất lục-bát) là ông Phan Huy-Vịnh 潘輝泳 cử-nhân đời vua Minh-mệnh triều Nguyên ta.

余出官二年。恬然自安。感斯人長言。出是夕始覺有六言。命曰琵琶行。

Ta làm quan ra đây đã hai năm, vẫn thường lảng-lặng tự dưng, đêm ấy nghe mấy lời nàng nói mới cảm giác đến nông-nổi mình, nhân làm bài ca tràng-thiên đề tặng, cả bài sáu trăm mười sáu chữ, đặt tên là Tì bà-hành.

潯陽江頭夜送客
楓葉荻花秋瑟瑟

Bến Tầm - dương canh khuya đưa khách,

Quanh hơi thu lau lách đìu-hiu ;

主人下馬客在船
舉酒欲飲無管絃

Người xuống ngựa khách dừng chèo, Chén quỳnh mong cạn nhớ chiều trúc tỉ.

醉不成歡慘將別
別時茫茫江浸月

Say những luống ngại khi hầy rẽ, Nước menh-mông đượm vẻ gương trong ;

忽聞水上琵琶聲
主人忘歸客不發

Tiếng tì nghe vẳng bên sông.

Chủ khuấy-khỏa lại khách dưng-dăng xuôi.

尋聲暗問彈者誰
琵琶聲停欲語遲

Lần liếng sẽ hỏi ai đàn tá? Lửng liếng đàn nần-ná làm thỉnh;

移船相近邀相見
添酒攜燈重開宴

Dời thuyền nẻo hỏi thăm tình, Chong đèn thêm rượu con dành tiệc vui.

千呼萬喚始出來
猶抱琵琶半遮面

Mời-mọc mãi thấy người bờ ngõ, Tay ôm đàn che nửa mặt hoa ;

轉軸撥絃三兩聲
未成曲調先有情

Vặn đàn dạo tiếng năm ba, Tuy chưa trọn khúc tình đã thoảng hay.

絃絃掩抑聲聲思
似訴平生不得志

Nghe não-nuột mấy dây rất mực, Dường nôi-niềm tâm tức bấy lâu ;

低眉信手續續彈
說盡心中無限事

Mày chau tay gảy khúc sầu, Dãi bày hết nỗi trước sau muôn vản.

輕攏慢撥抹復挑
初爲覓裳後六么

Ngón buông bắt khoan khoan diu-dặt, Trước Nghê-thường sau thoát Lục yểu ;

大絃嘈嘈如急雨
小絃切切如私語

Dây to dường đổ mưa rào, Nỉ non dây nhỏ như chiều chuyện riêng.

嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤

Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gảy, Mâm ngọc châu bông nảy hạt châu ;

間關鶯語花底滑
幽咽流泉水下灘

Trong hoa oanh riu-rít nhau, Nước tuôn róc-rách chảy mau xuống doanh.

水泉冷澀絃凝絕
凝絕不通聲暫歇

Nước suối lạnh dây mảnh ngừng dứt, Ngừng dứt nên phút bật tiếng tơ ;

別有幽情暗恨生
此時無聲勝有聲

Tâm thần dường có ngân-ngợ, So ra lặng lẽ bấy giờ càng hay.

銀瓶乍破水漿迸
鐵騎突出刀鎗鳴

Bình bạc vỡ tuôn đầy mạch nước, Ngựa sắt giông thét ngược tiếng đao ;

曲終抽撥當心畫
四絃一聲如裂帛

Cung đàn trọn khúc thanh-tao, Tiếng buông xé lụa lụa vào bốn dây.

東船西舫悄無言
惟見江心秋月白

Thuyền mấy lá đóng tây lặng ngắt, Một vầng trăng trong vắt lòng sông ;

沉吟收撥插絃中容
整頓衣裳起歛容

Ngâm ngùi đàn bát xệp xong,
Áo xiêm khệp nép hầu mong dải lời.

自家言本是京城女
住在蝦蟆陵下住

Rằng xưa vốn là người kẻ chợ,
Cồn Hà-mô thú ở lân-la ;

十名在三學得琵琶成
名在教坊弟一部

Học đàn từ thuở mười-ba,
Giáo-phường đệ nhất sỏ đã chép tên.

曲罷曾教善才服
妝成每被秋娘妬

Gā Thiên-tài sợ phen dừng khúc,
Ả Thu-nương ghen lúc điếm-tố ;

五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數

Ngũ-lăng chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuộc mua tiếng đàn.

鈿頭銀篋擊節碎
血色羅裙翻酒污

Vành lược bạc gây tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ở rượu rơi ;

今年歡笑復明年
秋月春風等閒度

Năm năm lần lửa vui cười,
Mãi gió trăng chẳng đoái hoài xuân
thâu.

弟走從軍阿姨死
暮去朝來顏色故

Buồn em trảy lại sầu di thác,
Lần hôm mai đổi khác hình-dung ;

門前冷落鞍馬稀
老大嫁作商人婦

Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết đôi cùng khách-
thương.

商人重利輕別離
前月浮梁買茶去

Khách trọng lợi khinh đường ly-cách,
Mãi buồn chề sớm tịch miền khơi ;

去來江口守空船
繞船明月江水寒

Thuyền không đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dải nước trời lạnh-
lùng.

夜深忽憶少年事
夢啼妝淚紅闌干

Đêm khuya sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Lại mơ-màng quện về phần-son ;

我聞琵琶已歎息
又聞此語重唧唧

Nghe đàn ta đã chạnh buồn,
Lại rầu nghe nỗi nỉ-non mấy lời.

同是天涯淪落人
相逢何必曾相識

Cũng một lứa bên trời lận-đận,
Gặp gỡ nhau lọ sắn quen nhau ;

我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城

Từ xa Kinh khuyết bấy lâu,
Tầm-dương đất trích gổ sầu hôm mai.

潯陽地僻無音樂
終歲不聞絲竹聲

Chốn cùng tịch lầy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm ;

住在湓江地低濕
黃蘆苦竹繞宅生

Sông Bồn gần chốn cát làm,
Lau vàng trúc võ nảy mầm quanh hiên.

其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴

Tiếng chi đó nghe liền sớm tối,
Quốc kêu sầu vượn nói nỉ-non ;

春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾

Hoa xuân nở nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chước chén son riêng nghiêng.

豈無山歌與村笛
嘔啞嘲哳難爲聽

Bà chẳng có ca rừng địch nội,
Giọng liú-lo nhiều nỗi khó nghe ;

今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明

Ti-bà nghe dạo canh khuya,
Đường như tiên-nhạc gần kề bên tai.

莫辭更坐彈一曲
爲君翻作琵琶行

Khuyên ngồi lại gảy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca.

感我此言良久立
却坐促絃絃轉急

Đừng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phẩm đàn đã kịp dây.

淒淒不似向前聲
滿座聞之皆掩泣

Nghe nã-nuột khác tay đàn trước,
Khấp liệp hoa tuôn nước lệ rơi.

座中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Lệ ai chan-chứa hơn ai ?
Giang-châu Tư-mã đượm mùi áo xanh.

II

Bến lằm-dương đêm chầy đưa khách,
Giò kim-phong hoa địch chồi bông ;
Người vó ngựa khách thuyền lừng,
Muốn đưa liệp rượu mà không tiếng đàn.
Vui chẳng đã sầu toan bẻ liễu,
Trong doanh sông leo-lẻo vàng trăng ;
Đàn ai vắng vắng bên giang,
Thần-thơ kể lại dùng-dằng người đi.

Khúc tuyết-diệu ai rầy xớm hỏi,
Đã dùng tay muốn nói còn e ;
Chèo ngay một mái thuyền kè,
Chén quỳnh thêm đặt đước huê thêm
Gọi lại gọi hỏi rồi lại hỏi, [bày.
Tay nâng đàn tay hỡi còn che ;
Gảy vài ba tiếng đàn ti,
Chưa rồi khúc điệu đã mê-mệt tình.

Dây với tiếng ra hình âm-ỹ,
Dường kêu van nổi bấy nhiêu lâu ;
Sa mà buông ngón thuộc lâu,
Nổi niềm ngổ hết mấy câu đàn này
Khêu lại vuốt bắt buông mấy khúc,
Trước Nghe-thường nổi Lục-yêu sau ;
Dây to như trận mưa rào,

Nỉ-non dây nhỏ như câu chuyện thăm.
Dây vẫn vũ bông trầm đưa đợt,
Trên ngọc-bàn lạc-đạc châu tuôn ;
Tình u một khúc một buồn,
Oanh kêu đầu ngọn nước tuôn dưới
doanh.

Doanh lạnh ngắt tơ mảnh như đứt,
Đứt chẳng thông tạm ngọt cung tơ ;

Như sầu như ngẩn như ngờ,
Tứ riêng hay gấp tiếng tơ muôn phần.

Áo như tiếng ngân-bình tuôn nước,
Tốt như người lên ngựa tốt đao ;
Trọn cung một tiếng kịp sao.

Hình như xé lụa luôn vào bốn dây.

Thuyền khách đỗ đông tây lặng ngắt,
Một doanh sông với mặt gương thâu ;
Buồn sao buồn rĩ buồn rầu,

Quấn dây sóc áo dấy râu sự mình.

Xưa kia cũng kinh-thành phận gái,
Chốn non Chàng hang Nhái là nhà ;
Nghề riêng quen thuở mười-ba,
Giáo-phường mấy bộ tên ra đứng đầu.

Tài với sắc mỗi màu mỗi đủ,

Vụng Thiện-tài lại xấu Thu-nương ;

Xui người khuyển ngọc các vàng,

Một cung chưa biết mấy vắn hồng-tiêu.

Đem trăm lược thay chiều kích tiết,

Sắc la-quần chi biệt rượu chè ;

Trận cười đã mấy năm chờ,

Thay gương thu nguyệt đổi cờ xuân-
phong.

Kiếp người thiếu-tráng dễ không,

Sớm qua tối lại còn hồng nhan đầu.

Khách xe ngựa ai hầu trông lại,

Chút xuân già gửi lại thương-quán ;

Một tình một lợi nào cân,

Buồn chè tháng trước đã lần bè xuôi.

Minh thê-bạc bên trời một chiếc,

Lạnh-lùng thay với nước cùng trăng ;

Ngày xuân còn nhớ tơ giăng,

Nỉ non phẩm trúc nước ngưng lệ hồng.

Say cầm sắt bên lòng đã rồi,

Lại lời than lăm nổi nòng nòng ;

Rằng trong một kiếp bình-bồng,

Chẳng tương-tri cũng tương-phùng từ
đây.

Ta những thuở từ nơi phượng-khuyết,

Cũng xa-xôi ra đến nẻo này ;

Băng chừng nước quanh non khơi,

Tuần trăng đã đủ cầm-đài nào nghe.

Gian thảo-xá ở cùng thủy-khúc,

Những chòm lan khóm trúc rả-rã ;

Sớm khuya những tiếng chỉ là,

Quyên gầy kêu hạ vượn già gào đống.

Hoa xuân lốt trắng thu trong,
 Nghiêng bầu rót rượu luống không ai
 Dấu ca địch vang-lừng thôn-đ, [cùng
 Những lu-lo cũng khó vào tai ;
 Một hôm nghe tiếng đàn ai,
 Nhạc Thiền giảng giải bên ai ngọt-ngào.
 Gảy khúc nữa tiệc đào cho trót,

Cùng vì nhau mượn bút làm ghi ;
 Nặng lòng cảm nỗi tương-tri,
 Gót hoa nương chiếu đàn tì lên cung.
 ão-nùng hồi nã-nùng thay bấy,
 Khách nhàn-du những sái giao-châu;
 Nực cười có kẻ riêng sầu ;
 Áo lam Tư-mã còn màu gì xanh

HÁT CHÈO

BÍCH-CÂU KỶ-NGỘ (1)

(Truyện Tú-Uyên)

III

CẢNH THỨ V. — Nhà giàu Phong lâu-dài, vườn hoa

Tú-Uyên mặc bộ công-tử ra nói ngoài, nói lối

Hừ nghĩ như mình : vẫn không đến
 nổi văn tục, vợ thì lấy được vợ tiên;
 muốn tiêu sẵn có bạc tiền; làm phép
 gây nên nhà cửa. Vậy thì mình nếu
 không chơi cũng rứa, mà không chén
 cũng hoài. Chẳng thà mình rượu uống
 say nghiêng dốc bầu trời; ngủ mê tít
 xoay hoài chiếu đất, có sướng không?

Giốc bầu rượu uống say rồi ngắt-ngưỡng
 than nói lối tiếp :

Than ôi, thối đời ngậy-ngất; cuộc
 thế đảo-diên. Hễ có tiền thì sướng
 bằng tiên; mà kém chữ thì liền bất-cú.
 Tội gì chẳng chén aù chén chú; kẻ chi
 là đời cô đời nay. Vậy có câu rằng :

Via: Đất say đất cũng phải xoay, trời
 say trời cũng đổ gay mặt hồng.

Hát lão say: Áng bề trần sóng võ
 long-bong, kia ai khe Thái-Thạch lặn
 dòng mò trắng; phải là ông Lý Bạch
 hay chăng, thần hồn lảng-vãng vớt
 trắng trên mặt lán; tưởng như ông

sướng nhất cõi doanh-hoàn, nước đời
 xoay giở mấy cuộc tàn ra sao; trò đời
 như giấc chiêm bao, không say say tít
 nữa nào thấy ai; ông như tiên như
 thánh như trời, vượt qua bề khổ ra
 ngoài bến mê; mặc đời say rượu tiết
 dè.

Gọi: A đồng ra đi chơi với cậu đây.

Đồng nói:

Dạ thưa cậu, cậu say lắm rồi, cậu
 còn đi chơi đâu?

Tú-Uyên nói :

Cậu say lắm à? Mày cứ vác cái mai
 mỳ đi với cậu, hễ thấy cậu ngã xuống
 đâu, mỳ cứ đào lỗ mà chôn ngay a
 đồng. (cúc hạ)

Dáng-Kiều ra ngồi than sử :

Ơi thương ơi, tôi từ khi với chàng
 kết bạn; rút ruột tằm nhả đoạn dây tơ.
 Vén vun nên sản-nghiệp tư-cơ; thu xếp
 cả giang-sơn vừa một quảy. Ngày cơm
 nước bữa thường dẫu vậy; nướm rượu
 bầu nịch dầy túi thơ. Hay đâu chàng
 say lĩnh gặt gờ; đành phải lựa thì giờ
 mà khuyên nhủ.

(1) Xem Nam-Phong số 179.

Nói tán : Rõ khốn quá, tôi từ khi kết bạn với cậu nó, mình cũng tưởng chiều chồng lấy con, nên ngoài bữa cơm thường ra vẫn sắp đủ rượu bầu thơ túi cho chồng, không ngờ giờ cậu nó quen nết đi, ngày nào cũng say ngắt-ngã ngắt nguồng, giờ lại bắt thẳng đồng vác mai đi theo bảo hễ ngã xuống đâu thì đào lỗ chôn, vậy giờ mình phải đợi khi nào về có hơi tỉnh mình sẽ can mới được.

Ca nam-thương : Thương thay ruột rời tơ vò, tơ vò con nhện, quyến-quyện dây tơ, đứt đoạn mối tơ, sao có nữ thờ-ơ, vì chồng tính nết say-sưa. Ơ sao dặng mà ơ, những là chừa mong chừa; nhớ xưa duyên nợ tương-cờ, tương cờ tương-ngờ, vẽ lá đề thơ, gửi gió đưa thơ, bức tranh bức tranh tỏ mờ, nét trai-ơ, người ngẩn-ngờ, khi thần-thờ, càng vẩn-vơ, biết đâu say mờ, khi say mờ, gât gờ hời bạn, khôn xiết nỗi mần ngờ, khéo là những sự say sưa, xui nên dạ thờ-ơ, trăm năm duyên vờ.

Nói : Quái không biết cậu nó hễ say lên là đi, không biết đi đâu thế, mà mãi không thấy về ?

Ngâm :

Trách chàng quá nổi say-sưa,
Đề cho dạ thiệp vò tơ trăm vòng.

Tú-Uyên cùng đồng về.

Dáng-Kiều đứng dậy chạy ra đón nói :

Ấy kia cậu đã về, cậu đã bớt say chưa? A-hoàn đi pha nước cậu uống cho đỡ say.

Tú-Uyên nói :

È ai say cóc gì, cứ bảo người ta say.
(*ngồi xuống ghé uống nước*)

Ngâm :

Thế-gian vèng đỏ đen lòng,
Sao bằng rượu trắng đỏ hồng mặt ai.

Dáng-Kiều nói :

À này cậu, vẫn cậu uống rượu thì tiên-tửu lắm, nhưng tôi sợ uống nhiều

quá thì say suốt ngày và mê-mệt, còn có thú gì, nên tôi có bài khuyên can cậu, xin đọc cho cậu nghe.

Tú-Uyên nói :

Ừ thì mợ thử đọc xem, nhưng cấm không được bảo tôi là ma men và anh nhè đó, ề.

Dáng-Kiều ca vọng-phu can chồng :

Này anh ơi anh lắng nghe đây, đề thiệp can rằng: Kia ai khuấy nước mờ trắng, nước trong trắng lũng dặng chãng mà mờ; thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hời hời hời, anh hời hời hời, rượu quá ông chồng ơi !

Rượu say choàng vì duyên chi hời, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà rượu lảm chàng, chi mà mệt mà mệt lảm chàng, thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hời hời hời, anh lắng nghe đây, anh hời hời hời, anh hời hời hời, rượu lảm ông chồng ơi !

Chàng say chi mần rứa, biển non thề, biển hẹn non thề, chàng phụ tôi chàng ới chàng chàng ơi !

Đêm năm canh bóng lụi dầu hao, thiệp năm bông chiêm-bao, chàng tới động-đào, chàng uống rượu tiên, ới chàng chàng ơi !

Nhấp lảm chi rượu tí a h hời, nay anh còn mệt mãi chừa đi, ới chàng chàng ơi !

Anh nằm xuống đây kéo nữa say mệt lảm, hay anh còn chìm đắm ao men, ới chàng chàng ơi, ới chàng chàng ơi, chi mà rượu lảm chàng, chi mà mệt mà mệt lảm chàng, thôi anh lắng lắng nghe đây, anh hời hời hời, anh lắng nghe đây, anh hời hời hời, rượu quá ông chồng ơi !

Tú-Uyên làm mặt giận tiết lộ :

Ừ này tiên-châu ; sao mà tục-nhồn; Minh uống rượu có mắt chi nghìn vạn . nằng can lời nghe chán cả một hai. Nói chi thêm nổi rác tai ; trông thấy rõ mà ghét mặt. Thôi thì đi phứt ; ai ngắt

cầu gì. Bước ngay đi, đừng nói nữa.
(*Đáp bàn đáp ghế đuổi*)

Dáng-Kiều than sử :

Ơi thương ơi ! tôi xót phận mỏng
manh hồ-liêu ; nên rấn mình nương
bóng tùng-quân. Tưởng kết duyên
tài-tử giai-nhân ; ngờ đâu thói tục-trần
phụ bạc.

Tú-Uyên nói :

À lại dám bảo mình là thói tục-trần
phụ bạc à ! thói bước bước, tục chẳng
độ chi với tiên, tiên di di, kẻ tục lại
giã cho đó.

Đồng chạy ra can :

Thôi thôi van cầu, cầu nghĩ lại thế
nào. Kẻo mợ tôi biến lên tiên thật, thì
tục lại chỉ ốm tương-cà quá ngày nào
ấy.

Hát trống-quân :

Cậu ơi tục chẳng độ tiên, rồi mai lại
ốm nằm rên tương cà. Máu ma-men ai
lạ chi mà, rượu tiết-dê xoi dấy hễ vắng
đàn bà rồi nguy. Mợ ơi mợ cứ lánh đi,
ông nhè đã đuổi mợ tiếc chi ông nhè.

Tú-Uyên nói :

A mà lại dám bảo ông là ma-men
với ông nhè à ? (*Đuổi đánh đồng chạy.*
Dáng-Kiều biến mất).

Tú-Uyên quay lại không thấy Dáng-Kiều,
dừng ngẩn ra. Đồng đứng trong cửa mở sách
đọc :

Tam hoàng ngũ đế chi thư, có ông
mất vợ đứng thư mặt ra.

Tú-Uyên nghĩ hồi lại ngồi than sử :

Than ôi, mình lâu bị ma-men rắc-
rối ; khi tỉnh ra biết hồi đã chầy. Nhớ
từ ngày được lá thơ bay ; vì duyên-
kiếp những rối vầy tơ nhện. Đền Bạch-
mã chiêm-bao mộng-hiện ; nẻo cầu
Đông qua bến mua tranh. Trãi tung
phen canh ngọt cơm lạnh ; người tiên
bồng hiện hình ra kết bạn. Gây nên có
tư-cơ d ền-sản ; gồng giang-sơn không
quần nặng-nề. Trách nay mình say

quá nên mê ; để nằng tủi lại về động
bích. Nghĩ càng ngẩn-liếc ; xiết nỗi
đeo sầu. Biết tìm đâu biết gọi nơi đâu ;
xui khúc dạ đưa đầu mà muối xót.

Hà-sinh lại hỏi thăm :

Dạ thưa bác, chả biết bữa nay bác
có sự gì mà buồn-bã thế a bác ? Bác
sẽ ngỏ cho em được biết.

Ngâm :

Nguồn cơn ngộ với cố-nhân,
Họa may sẽ bớt được ngàn nào chẳng.

Tú-Uyên :

Em nói giầu gì bác, em lấy được
mợ nó, thì là người ở trong tranh
biện ra, làm cho em nêu nhà nêu
cửa, nhưng tính em thì hay chén rượu
chén chè, mợ nó can ngăn, em giận
em mắng, rồi ra mợ nó lại biến mất,
thế mới rõ chiều người thì dễ, chiều
ma thì khó, giờ em biết tìm đâu được,
lại đâm ra bệnh ốm đây, a bác.

Ngâm :

Nou tiên khuất bóng ả Hằng.
Nhìn mây ngao-ngầu nom trắng thân-
thờ.

Hà-sinh :

Tôi vẫn biết cái tính rượu của bác
hay gàn toẹt, lúc chưa lấy được vợ, thì
ốm tương-cà tương-cá, khi lấy được
rồi thì đá bằng chân, bây giờ vợ đi
mất, lại ngầy-ngắt thương thần, coi lờ
ra ốm mà chết, thì người ta lại cười
cho là tính ma-men đó, a bác.

Ca hành-vân :

Bạn nên chừa, bạn nên chừa, nết
rượu ngày xưa, ngày ao-ước rượu nước
say-sưa, sớm trưa gàn toẹt, nhà nho
kiết, song mua tiên, gái chuộng thuyên-
quyên, tiền cóc tiền cóc tiền sinh bệnh.
Trời kia định, vợ trong tranh, chợt biến
hình, kết tình phu-phụ, lại đành hanh,
đành hanh. Chừ say quá đá tung trời,
vợ lánh đi hoài, khóc trời ơi trời ơi.
Bệnh tương cà bớt rượu hồ voi, kéo
thời ốm chết, người cười cái nết con
giời.

Nói: Thôi bác hãy nên đành lòng khuấy khỏa đi vậy, và chừa bớt cái tính rượu gàn toẹt ấy đi, họa may bác gái có về chăng, chứ bác cứ thương nhớ mãi, lỡ ra thì khốn a bác.

Tú-Uyên nói:

Nghĩa vợ chồng đầu gối má kề, bác bảo không thương nhớ sao đành, thôi tôi chết thì chết, mà ai cười thì cười, hễ mợ nó quả không trở về nữa, thì tôi cũng đành chết đây thôi.

Ca tam-thất:

Mong (a) em, mong (a) em, chứ em tôi (ú ư ừ) bao bao bao bao bao về, em tôi bao về, (tinh bằng) bao về, (ơ ơ ơ), (tinh bằng) bao về (ơ ơ ơ); nghìn (ơ) vàng, nghìn vàng anh chẳng tiếc (ơ ơ ơ) tiếc kè, (ơ ơ ơ) (tinh bằng) tiếc kè (ơ ơ ơ) tiếc kè má son (ơ ơ ơ).

Hà-sinh nói:

Thôi tôi can bác không được, thì tôi cũng xin cáo bác tôi về xin chào bác.

Tú-Uyên nói:

A đồng, cậu say quá, cậu chột mắt đuổi mợ mày, bây giờ mợ mày giận cậu bỏ đi mất, cậu tìm đâu cũng không thấy bác Hà-sinh bác ấy lại can cậu đừng nên thương nhớ nữa, tôi cậu đừng thế nào được, cậu đành vào màn, cậu nằm cậu thiếp đi cậu chết đây, a đồng.

Ngám:

Màn là rủ sẵn bên mình, Cũng liều trắng nợ phàm-tình xem sao.

Đồng nói:

Chết bây giờ cậu đuổi mợ đi, cậu không thấy mợ, cậu lại toan chết à? Chớ chớ, cậu cứ chừa hết cái tính ma-men đi, rồi cậu vào ngủ khoèo đây một giấc, khắc mợ tôi lại về đó, a cậu.

Ca hành-vân:

Cậu ơi hời, cậu ơi hời, chết dặng dặng hoài hời, rầy rượu nước mời rước

ai xoi, dễ ma-men chết thật; về ăn đất, khôn tim tiên, hễ chết là thôi, trời ơi trời hời trời có thấu.

Tú-Uyên nói:

A đồng, rầy cậu đã xin chừa rượu rồi, nhưng cậu vào đây cậu nằm, nếu mợ mày không về, thì cậu đành chết thật đó.

Ca tiếp hành-vân: Chứ đây cậu rượu không be, mợ không về, cậu đành chết thật, ngủ bò mé bò mé.

Đồng nói:

Cậu có ngủ thì ngủ, chứ đừng chết nữa hoài.

Ca tiếp hành-vân: Này ai đó, nợ ông nè, sự chết chi hề, họ cười chê cười chê, ở trong nhà sẵn rượu đầy be, uống mà ngủ tốt, mợ về chớ dức be be.

Tú-Uyên vào nằm ngủ. Đồng coi nhà.

Đồng n. âm:

Làm trai một vợ thêm hao,
Vợ đi rồi lại chiêm bao năm mòng.

Biết rằng có chết được không,
Hay là làm một giấc nồng cho tỉnh hơi men.

Ông nè ơi ông cũng sinh phiền,
Hễ ông chừa thói tục rồi tiên lại về.

Dáng-Kiền về hỏi:

Chớ cậu đâu hử đồng?

Đồng nói:

Ồ mợ đã về! Ấy từ hôm mợ đi, cậu tôi tìm mãi không được, giờ đã chừa bớt tính bết rượu, bảo vào màn nằm, rồi hễ mợ không về, thì cắn lưỡi chết đây, a mợ.

Dáng-Kiền nói:

Thế kia à! Vậy này vào đánh thức cậu dậy bảo mợ đã về nhé.

Đồng vâng vào đánh thức.

Tú-Uyên chạy vội ra:

A mợ nó đã về đó à, gồm tôi tưởng mợ mày không về, thì dễ tôi chết thật, thôi rầy tôi đã chừa được hết cái tính

ma-men rồi, tôi chẳng dám nói động đến vợ mày nữa.

Dáng-Kiều nói :

Nếu cậu bỏ được cái nét anh nhè đi thì khá lắm, tôi khuyên cậu giữ lấy tính tiên-tửu, chứ có phải tôi bảo cậu chừa rượu đừng uống đâu, có uống vừa vừa thôi thì tốt a cậu.

Cùng ngồi ca kim-tiền :

Khéo duyên tại vì duyên, bởi kiếp xưa kia chót nặng nguyên, mà xe buộc dây huyền, bởi vì duyên, ấy là tiên-duyên, khi tranh nền khi dâng rượu, khi kêu đèn, sự gia-nghiệp làm nên, ấy mà gây nên, chứ nay dám khuyên cùng bạn, chớ đoạn tơ mảnh, chớ đoạn tơ mảnh, trông chừng tơ liễu còn xanh, trông trông chừng tơ liễu còn xanh, én anh duyên nợ, ngãi chồng vợ chồng vợ ngang vai, ấy ai duyên nợ chồng vợ.

Đồng nói :

Dạ thưa cậu vợ, rày cậu vợ đã hòa-hợp với nhau, thì cậu nên chừa bớt cái tính ma-men đi, mà vợ cũng đừng nên biến-hiện lập-lòe như ma-trơi nữa, kéo lắm bận đánh cãi nhau lục-đục, làm nhỏ-nhỉnh như ma-lem, rồi mang tiếng là nhà có ma-xó, thưa cậu vợ.

Hát trống-quân :

Chữ này tôi xin cậu, ma men đừng dức be-be, tôi van cả vợ chớ lập-lòe ma-trơi; kéo rồi mang tiếng đến trời, rằng nhà n a-xó mấy trò đời họ chề; bằng đồng tôi nghĩ mà ề, tuồng chừng nhỏ-nhỉnh hơn chú hề ma-lem.

(*Hạ màn*)

CẢNH THỨ VI.— Vườn hoa

Tú-Uyên Dáng-Kiều với con là Trần Ngu và Đồng với a-hoàn cùng ra vườn hoa ăn tiệc.
Dáng-Kiều ngồi nói :

A này cậu, nay gặp buổi phong-quang tạnh-tễ; cảnh vườn hoa mát-mẻ

thanh-thời. Nhân khi ếm-ả chiều trời; tiện đó đặt bày tiệc cỗ. Trước là đề tự-tính phu-phụ, sau nữa cùng vui-thú gia-đình đó a cậu.

Ngâm bông-mạc sa-mạc

Này ời ai ơi bừ bừ, chén son nguyên với trắng già, bông dâu tà, bông hoa nở, ngãi mậu-mà, duyên gặp-gỡ, trẻ thơ chớm chớm, dựng một nhà vui chung. (*Sa-mạc*) : Trăm năm nặng nghĩa đeo bông, ngắm hoa còn đượm má hồng xuân xanh.

Tú-Uyên nói lối tiếp :

À này vợ, còn cảnh chi thú bằng gia-đình, mà tình chi nặng bằng tình phu-phụ. Minh từ thuở kết-duyên kỳ-ngộ; nhà gây nên riêng thú tuyệt-phàm. Nay đã mừng ngọc nẩy cầu Lam; ngày mển cảnh hoa chớm động bích. Nhà coi cũng lịch; cảnh lại thêm vui. Sánh vợ chồng din-dặt chén mỗi; đất con trẻ cùng ngồi chen tiệc ngọc đó a vợ.

Ngâm tiếp sa-mạc :

Trên đào từ mách tin oanh, gốc hờ sớm đã nẩy cành quế Yên; khắp so trông cõi ba nghìn, yên-hà riêng nửa lam-tuyền chia đôi.

Cùng ca kim-tiền :

Thú vui dựng mà vui, kia thử xem hoa cợt hoa cười, kia hoa cợt hoa cười, dựng mà tươi, ấy mà thêm tươi, kia duyên trời, kia tơ nguyệt, xe cho người, việc duyên nợ hòa hai, đó mà ăn chơi, chứ may con trai sinh hạ, nét lạ trong đời, nét lạ trên đời, theo dõi nghiên bút làm trai, theo theo dõi nghiên-bút làm trai, kém ai danh-dự, ấy danh-dự lịch-sự mai sau, kém đầu danh-dự lịch-sự.

Trần-Ngu nói lối :

Dạ thưa thầy mẹ, con Trần-Ngu nay còn trẻ nít; cùng mẹ cha điu-dít tiệc đào. Máng nghe oanh nói hoa chao; còn rắp bay cao nhảy mạnh.

Tán : Vây con chỉ muốn đi học thôi, đạ thừa thầy mẹ.

Tú-Uyên Dáng-Kiều nói :

Ừ thì rồi thầy mẹ cho con đi học chứ sao.

Trần-Ngư ngâm :

Hoa cười oanh nói nhớn-nhờ,
Cả mong nhầy sóng rồng chờ vượt
mây.

Đồng :

Đạ thừa cậu mợ, xem cảnh gia-đình nhà ta rầy vui quá, hay là cậu mợ gả con Hoàn cho con, để vợ chồng con ở bầu cậu mợ mãi mãi thì hay lắm, thừa cậu mợ.

Hát trống-quân :

Xem như phong-cảnh nhà này, vợ chồng con cái xum-vầy trúc mai ; thặng đồng ở mấy năm trời, thì xin cậu mợ gả cho tôi con Hoàn.

Con Hoàn hát tiếp trống-quân :

Anh đồng rõ khéo khôn-ngoan, lẽ n-
le muốn lấy a-hoàn này chẳng ? A-
hoàn là gái cung trăng, chúa tiên sèo
gả cho thặng cuội con ?

Dáng-Kiều :

A đồng, mày cứ chịu khó hầu cậu mợ và trông coi anh Trần Ngư, rồi mợ gả con Hoàn cho mày đó.

Đồng thích quá :

Vâng vâng. *Bảo Hoàn :* Đấy mợ chẳng gả cho tôi là gì đấy, còn chối nữa thôi.

Ngâm :

Cuội này mà bảo cuội con,
Rõ rắn như đá lại non như đồng.

A-hoàn ngâm tiếp :

A-hoàn chưa muốn lấy chồng,
Cậu mợ ép gả lấy anh đồng phải
có xu.

Đồng nói :

Tôi vạy xu, nhưng mình phải có
trình mới được, à ra tiên cũng thích
tiền nhỉ ?

Ca hành-vân :

Sự lu-bù sự lu-bù, tôi vạy vạy
là xu, lời non nước thệ ước ba thu,
có chẳng là bạc vạy.

A-hoàn :

Anh Đồng sẵn tiền thế kia à, người ta bảo có tiền mua tiên cũng được, tiên lại chẳng thích tiền thì sao ?

Ca tiếp hành-vân :

Đời nay hách, duy tiền thôi, chớ phụ tiền-duyên, tiền sẵn tiền tiên thần cũng vj.

Đồng :

Hê có đồng thì đúc ra xu ra trình được, đồng lại chả sẵn tiền thì sao ?

Ca tiếp hành-vân :

Người ta lụy vì đồng tiền, thậm chưng hiền thấy tiền cũng mặn, nữa là tiên là tiên.

A-hoàn :

Anh phải biết tiên tức là xu, người ta vẫn nói tam tứ tiên nghĩa là ba bốn xu, nên sẵn xu thì là nhiều tiên đấy, tiên chỉ cốt xu thôi.

Ca tiếp hành-vân :

Tiền đâu tá, lạ anh Đồng, chỉ nói phô sòng, thiệt là ngông là ngông, nghĩa vợ chồng anh hay nói bông, không đồng xu nhỏ, cóc chi cho việc anh xong.

Tú-Uyên thét :

Chi những đũa kia, sao bay đũa-đũa thế, a Đồng ?

Đồng Hoàn cùng sợ chạy.

Dáng-Kiều :

Cậu để mặc chúng nó trò-chuyện cho vui nhà chứ sao.

Vừa nói xong thl có trận gió bay chiếc lá rụng đến trước mặt: Dáng-Kiều đứng dậy nhặt lấy xem, rồi ngăn người ra.

Tú-Uyên hỏi :

Chớ này sao đang tiệc vui, mà mợ chợt có ý buồn rầu thế hử ?

Dáng-Kiều cầm lá thơ đưa cho chồng, rồi nói than sử từ tạ lên tiên :

Thương ơi, thiệp với chàng xe tơ kết

tóc ; trái bao năm đặn ngọc thề hoa. Chàng bút nghiên nối dõi nghiệp nhà ; thiếp gồng quải giang-sơn mà đỡ vực. Nay oanh én vườn hồng nô-nức ; vui chồng con thồn-thức xem hoa. Phút bông đầu trận gió à à ; bay lá rụng gửi thư nhà bích-động. Thôi từ đó cõi trần khuất bóng ; cách bao ngàn non bỗng che mây. Rồi ruột tấm dứt đoạn tơ dây ; vì duyên-kiếp có ngàn này ngăn-ngủi.

Nói tán : Thôi bây giờ cái kiếp trần của tôi đã hết, tôi bắt được lá thư của tiên-cung, lại gọi tôi về nơi động-phủ. Ấu thì cậu ở lại cho con nó học-hành a cậu.

Tú-Uyên :

Mợ lên tiên về trời, thì tôi còn ở dưới trần này với ai, thôi con thì nó giống tiên, rồi sau nó cũng là tiên nó học-hành thế nào thì nó học, chứ con nuôi cha, cũng chẳng bằng bà nuôi ông, mợ lên trời thì tôi cũng lên với mợ, chớ tôi chẳng rời mợ ra được một bước nào.

Ngâm :

Con tiên rồi nó giống tiên,
Chứ chồng tiên thì quyết theo tiên tận
Con nuôi cha ở trong đời, [trời.
Sao bằng bà sẵn cơm trời nuôi ông.

Nói :

Thôi thế để cho con nó ở dưới này, còn tôi thì tôi quyết lên trời với mợ, thằng Đổng có lên trời với cậu thì lên a Đổng.

Đổng :

Thưa cậu mợ :

Nếu cậu mợ có gả con Hoàn cho con, thì để vợ chồng con ở lại với anh Trần Ngự dưới này, chứ cái sự bước lên trời thì con không dám, lỡ chượt

chân ngã một cái lại chạt mắt ra, và xương ra cốm cả.

Hát trống-quân :

Không không, thằng Đổng xin quyết không không, lên trời lộn xuống mấy xương đồng cũng tan ; chỉ xin cậu mợ con Hoàn, với Đổng ở cõi trần-gian vợ chồng.

Dáng-Kiều :

Ừ thì cho con Hoàn với thằng Đổng ở lại hầu-hạ anh Trần Ngự, chỉ tôi với cậu lên thôi

Trần Ngự và Đổng với Hoàn ca nam-thương tiễn biệt :

Biết đâu chấp cánh bay tìm, bay tìm nguyệt-diện ; con nhện vương tơ, con nhạn đưa thơ, cùng trông lại vãn-vơ, trên ngành con én thoi đưa, xui nên dạ ngẩn-ngờ đề mà chờ mong chờ. Xa trông muôn dặm trời mờ trời mờ tuyết ủ, núi nọ tuôn mây, non nọ sa mưa, xui nên xui nên thân-thờ, ngắm lâu thơ, tựa song thưa, biết bao giờ, gặp người xưa, ông xanh xoay lửa, chi xoay lửa lọc lửa vận-hội, cho trúc vợi lia măng, ngập-ngừng xa cõi cung trăng, chẳng có thấu tình chẳng, biển non sao bằng.

Hai con hạc xuống đón. Hai vợ chồng cưỡi hạc lên trời, cùng ca đồng-thanh bài đàn Tàu điệu khác :

Dải đồng-tâm, dải đồng-tâm, trái rằm trăng khuyết, hoa đóa hoa mím cười, mím cười tươi-tốt, ngắm càng xinh tốt, trót với nhau nặng lời, đôi mình nay yêu-mến, bay sẵn lên tận trời lên trời.

(Ca lại hai lượt).

(Hết)

NGUYỄN THỨC-KHIÊM

VĂN-UYÊN

Họa bài thơ Ngũ-thập-lục tự-thuật

(Của cụ Tú ĐÔNG-CHÂU đăng số báo 179)

Tóc thưa râu bạc bụng chưa già,
Còn mái làng nho bọn chúng ta;
Mùi thể chua cay từng nếm thử,
Bước đường gian-hiềm đã xông-pha;
Hát hay êm giọng tai nào điếc,
Đầu trẻ kẻ bên mắt dễ lừa;
Có lẽ sống lâu trăm tuổi chắc,
Đã qua bốn-chín lại năm-ba.

Qua chùa Trầm thăm động Long-tiên hoài cổ

Bước tới chùa Trầm nhận dấu xưa,
Long-tiên động cũ cảnh bây giờ;
Hương thơm đèn sáng rằm tòa phật,
Gió táp mưa sa một vách thơ;
Nét bút bia Lê còn ngấn cũ,
Vết xe cung Trịnh đã rêu mờ;
Non sông tô-điêm nhờ ai đó,
Nào khách qua chơi đã biết chưa?

Loa-thành hoài cổ

Mỗi câu dùng một con giống đề chơi mùi
chữ Loa là ốc)

Nghe tiếng quyên kêu lưỡng ngậm-ngùi,
Non sông thực-đế nở rùa ai?
Bờ thành trông vẫn xoay tròn ốc,
Nước giếng còn đâu sáng ngọc trai;
Trừ nạn ma gà nhờ có phép,
Mắc mưu lông ngỗng bởi thương người;
Bề nam sóng gió mé đờng ngựa,
Đà-cuống tin chi hối chậm rồi!

Bài ca vịnh cảnh chơi chùa Hương-tích

Tranh niêm nhớ cảnh chùa Hương,
Cầm thư nhẹ gánh lên đường qua chơi.
Thanh-minh gặp buổi êm trời,
Thuyền lan thuận gió đón người du-
Châu giang một dải kề gần, [xuân.
Mái chèo tam-bản lần-lần xa đưa.

Cung đàn bầu rượu túi thơ,
Trước bướm Ngư-phủ lưng hồ phong-
quang.

Suối khe trong vắt lồng gương,
Núi phó vẻ gấm hai hàng lô-nhố.
Thiên-nhiên một bức dư-đồ.
Đào-nguyên khi trước dễ hồ là đây.
Càng trông phong-cảnh càng hay,
Non xanh nước biếc cỏ cây tươi màu.
Lạ cho vừa đến tiên-châu,
Lòng trần ai cũng sạch lâu như không.
Chùa ngoài bước tới chùa trong,
Biết bao cảnh-trí non Bồng xinh thay!
Hỏi thăm những gió cùng mây,
Nam-thiên đệ-nhất động này phải chăng?
Thang mây ai khéo chỉ đường,
Gót chân du-khách nhẹ-nhàng lên cao.
Một mình đỉnh núi treo-leo,
Bốn bên sơn-thủy thu vào mắt ta.

Tiêu-dao trong thú yên-hà,
Chim kêu vượn hót đều là tri-âm.
Chuông trưa mõ sớm rậm-rậm,
Tang thương chợt tỉnh khách nằm
chiêm-bao.

Chùa Tiên hương khói ngọt-ngào,
Thập phương tử-đệ ra vào na-mô.
Núi đầu tên gọi cậu cô,
Võng đầu rủ xuống cửa chùa thướt-tha.
Đèo đầu tên gọi xôi gà,
Giếng đàn ai đặt hiệu là Giải-oan.
Thợ trời sao khéo đa-đoan,
Xui người trần tục mê-man cảnh thiền.
Non xanh kia vẫn là quen,
Rừng mai khe Yến phi-nguyên chơi
Kiếp tu đã biết mấy lần, [xuân.
Mai sau hoặc có hóa-thân chẵn, là.
Rêu phong vách đá lở-mờ,
Mấy thiên đề vịnh dấu xưa hãy còn.
Vùng trăng soi tỏ đầu non,
Bóng in đáy nước gương tròn long-lanh.
Con thuyền xuân thủy lênh-dềnh,
Nhắc chân chợt tưởng như mình cưỡi
Thú đầu bằng cái thú này, [mây.

Tranh nào ai vẽ được tày cho chưa ?
 Hóa-công như vẫn đợi chờ,
 Mà đưa những khách giang-hồ qua
 Mấy phen vật đổi sao dời, [chơi.
 Dấu thiêng về qui muốn đời còn đây.
 Non non nước nước mây mây,
 Nghìn năm phải lấy chốn này làm vui.
 Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

..

Năm mới

Năm mới trông xem mới những gì ?
 Kia nơi thành-thị chốn thôn-quê ;
 Vui xuân lũ lượt bàn quay đất,
 Chơi tết năm ba đám ít-xì ;
 Quần áo không thi mà mới mãi,
 Ốc khôn chẳng rửa để cùn đi ;
 Thế mà nô-nức sang năm mới,
 Năm mới như ai nghĩ cũng kỳ.

Ngày xuân nhớ bạn sông Hương
 Xuân sang thêm nỗi nhớ người xa,
 Xuân có vui gì ta với ta ;
 Hoa nở khôn nguôi lòng tưởng vọng,
 Chim kêu như nhắc cảnh vừa qua ;
 Sông Hương hồ hẹn ta đành đợi,
 Núi Ngọc mong chờ khách lại ra ;
 Xuân đến tri-âm xa cách nẻo,
 Cảnh xuân còn thú với ai mà ?

Hỏi thăm bạn sông Hương

I

Non nước xa-xôi cách mấy trùng,
 Ai về xứ Huế nhớ ai không ?
 Gặp nhau chưa thỏa tình khao-khát,
 Trung Bắc thêm mang một tấm lòng

II

Trung Bắc thêm mang một tấm lòng,
 Những là rày tưởng lại mai mong ;
 Sông Hương nhắn hỏi người tr.-kỹ,
 Bao lại qua chơi cảnh Nhi, Nùng ?

Họa nguyên-vận bài

« Đêm hè chơi thuyền hồ Gươm »

(Của một Nữ-thi-sĩ)

Nghiêng-ngả tàu sen gió thổi veo,
 Hồ xanh sóng bạc một con chèo ;

Gươm thần theo với tấm rùa lặn,
 Bút tháp còn in ngấn nước reo ;
 Hoa nở quanh mình hương sức-nức,
 Gương lồng đáy nước bóng lần theo ;
 Mây bay trắng tỏ trời cao ngất,
 Một tiếng chuông chùa ngõ hạc kêu.

Chơi chợ Trời

(Họa vần bài của một ông bạn)

Phong-cảnh Sài-son có chợ Trời,
 Vạch cây lán đá thử lên chơi ;
 Nhạc trông dây lá còn mê mãi,
 Đạo gót hàng hoa chẳng muốn đời ;
 Giá cả hỏi chi tiền đắt rẻ,
 Bán đông mặc quách sự dày voi ;
 Chợ Trời vì được người tiền hợp,
 Khách đến chơi đây hẳn rước mồi.

Bài bát

(Đưa cho người quen khi gặp
 ở xóm Bình-khang)

Biết nhau chưa được bao lâu,
 Bỗng the lớp trước hồng-lâu bây giờ.
 Cuộc đời xem tựa bàn cờ,
 Nghi người mà lại vẫn-vơ nổi mình.

Nghĩ quen biết mới vừa ngày nọ,
 mối tình riêng chưa tỏ hết lời ; vì đâu
 mà xa vắng đôi nơi, lúc gặp gỡ đã
 thấy người trên chiếu rượu. Sơn phần
 thêm thương người yếu-điều, văn-
 chương còn ngăn mặt tài-hoa, giận vì
 tình hay bởi số xui ra, mà đành chịu
 phong-ba là thế ấy. Cuộc dẫu bề đã bày
 ra đấy, gương nhân-tình ai hãy soi
 qua. Lòng này ai tỏ cho ta ?

DƯƠNG THIỆU-CƯƠNG

**Đưa thầy Trọng-Toàn về tạm
 nghỉ ở quê nhà**

(Mấy bài đọc ở các tiệc trà ngày
 30-7, 2-8 và 4 tháng 8 năm 1931)

1

Ghén đưa nhớ bữa hôm nay,
 Chén mừng biết có ngày này năm sau ?

Rừng phong thu đã nhuộm màu,
Bước đường xẻ nửa, mỗi sào chia đôi.

NGUYỄN THỊ-SANH

2

Tri-kỷ xưa nay dễ mấy người,
Mảnh tình phút bỗng xẻ làm đôi ;
Trông tranh chia rẽ càng ngo-ngẩn,
Rót chén mời khuyên những ngậm-ngùi;
Non nước Phương-thành màu quế-
Gió trắng Tân-trụ vẻ mừng vui; [tuyệt,
Chuyện thường tan họp đành là thế,
Mà lúc cầm tay muốn ghen lời.

TRẦN THIÊN-TRƯỜNG

3

Một bước ra đi một bước sâu,
Tri-âm ới hỡi thấu lòng nhau ;
Bó đây chớ phụ lòng nhau nhé,
Hội-ngộ tương-phùng cũng chẳng tâu.

NGUYỄN VĨ-KHANH

4

Hạnh-đường quen biết mấy năm trời,
Nay bỗng xa nhau luống ngậm-ngùi ;
Dạy dỗ sớm chiều con cháu Lạc,
Và-y-vai ngày tháng nước non người ;
Trước tôi, bác đã về quê bác,
Sau bác, tôi chờ lại xứ tôi ;
Mười một năm trời thành Trúc nhỏ,
Xiết bao tình-tử lúc chia phôi.

QUANG-ĐẦU

5

Mình bác ngày nay được thanh-thời,
Vườn xưa cảnh cũ mặc vui cười ;
Một năm bác đã lòng không bận,
Riêng để anh em cái nợ đời.

NGUYỄN-PHỦ

6

(Bài này đọc ngày 20 tháng 6 năm tân-vị)

Mười năm lại có bây giờ,
Rõ ràng mở mắt còn ngờ chiêm bao.
Những là rầy ước mai ao,
Thầy xưa bạn cũ biết bao nhiêu tình !
Nay nhìn dưới bóng đèn tỏ rõ,
Tập bài xưa khuyên dỗ vẫn còn in ;

Du mười năm đã biết mấy công-trình,
Hao tâm-huyết bởi hết tình vì hậu-giác.

Đưa trẻ thơ khỏi đường gai góc,
Đạo thánh-hiền sớm tối khuyên răn;
Giàu nghèo cũng một tấm lòng bằng,
Ân dạy dỗ đã bằng ân sinh-dưỡng.

Biết ân cha, ân thầy phải tưởng,
Giữa hôm nay mà tưởng-tượng buổi
hôm qua.

Huệ lan sức-nức một nhà,
Nhìn cảnh cũ biết bao quang cảnh mới.
« Quả đẹp hoa tươi nhờ nước Tân-an
nhuận tưới,
Trời quang mây tạnh nhìn sao Bắc-đẩu
cao soi ».

Ngày giờ qua thắm thoát như thoi,
Nay họp mặt mai rồi xa cách mặt.

Mùi hương xưa nghe dân phảng-phất,
Từ đây còn chung-đức lăm anh-tài.
Ân thầy từ thuở một lai.

LÊ QUANG-PHẤN

7

Mây chiều phủ non Tô như gội,
Nước hồ Đông trắng tối mờ soi ;
Điêu-hiu mây nước một trời,
Cao-dinh vội giục chia đôi nhân-linh.

Lòng tử-đệ buồn-tênh mọi nỗi,
Những nhớ-nhung còn mới ngày nào;
Cùng thầy, cùng bạn ra vào,
Hạnh-dân ngày tháng biết bao nhiêu

Nền-nếp cũ văn-minh lối mới, [tình.
Dung-hòa đối, vun-tưới chồi tơ ;
Khi giảng sách, khi ngậm thơ.

Khi chơi bài lục, khi chờ trăng lên.
Quanh non nước mấy lần nhân-hưng,

Tiếng nói cười còn vắng bên tai ;
Thần ôi ! ngày tháng đổi thay,
Ngày thơ nào đã biết ngày biệt-ly.

Rồi bỗng phải người đi kẻ ở,
Cảnh nắng mưa lần lựa mấy niên ;
Còn người may lại còn duyên,

Năm năm còn được vài phen trùng-
phùng.

Thế cũng thỏa chút lòng tưởng nhớ,
Biết bao nhiêu ân cũ tình xưa ;
Bây giờ đàn Hạnh vội đưa,

Chút duyên gặp-gỡ đã thừa từ rày.
 Nơi cổ-lý háy-háy tóc bạc,
 Buổi đoàn-viên hoan-lạc nhà lan ;
 Thầy về thầy được cái nhân,
 Đêm ngày thần tỉnh mộ khan cam lòng.
 Cảnh lương-hằng trắng trong gió mát,
 Đường tình-thần lúa biếc tre xanh ;
 Thầy về xin chúc mọi lành,
 Dặm phần cục nở như dành riêng ai.
 Trăm năm hi-vọng còn dài

BẠCH-NHƯ bài-phụng

8

Mấy năm chẵn thầy trò đan-đtu,
 Tam về quê phải chịu phân tay ;
 Ân thầy giáo-hóa rất dày,
 Sao đời vật đổi dạ này dám quên.
 Vun nền đức giúp tiền lộ-phí,
 Học-trò nghèo ứng-thí khoa-tràng ;
 Ân-cần dạy-dỗ mọi đàng,
 Ân kia nghĩa nợ sông trường non cao.
 Cuộc ngày tháng xuân thâu đắp đổi,
 Bấm đốt tay đã ngoại mười năm ;
 Mười năm bổng phải xa-xăm,
 Trông tranh tan họp khôn cầm đau
 thương.
 Từ đây nhĩ bước đường chia rẽ,
 Cảnh hợp-hoan đã xẻ làm đôi ;
 Nhưng dầu mây nước xa-xôi,
 Hạnh-đường chốn cũ dám hồi nào quên.
 Hạ sắp mãn, hoa sen tàn-tạ,
 Chốn quê nhà, cục đã gió sương ;
 Tình quê trăm giấu nghìn thương,
 Dặm quê kinh chúc mọi đường bình-an.

VƯƠNG MINH-THẦN kính bài

9

Trông bóng nguyệt năm đà hầu nửa,
 Hoa sen tàn, cục chữa đám bông ;
 Phong đình tiếng địch nã-nùng.
 Nghẹn lời tan-hợp, đau lòng biệt-ly.
 Bứt-rứt nhẽ! người đi kẻ ở,
 Rồi từ đây trắng gió chia đôi ;
 Thành Phương mây nước ngậm ngùi,
 Ân cần trân-trọng đưa người về quê.
 Lòng tử-đệ ngại khi hầu rẽ,
 Buổi tiễn đưa rầu-rĩ trăm chiều ;

Nhớ khi hội họp năm nào,
 Học-đường ngày tháng ra vào cùng
 nhau.

Khi đọc sách, giời-trau kinh-sử,
 Khi lắng tai dạy-dỗ khuyên răn ;
 Tập-tành khi lễ khi văn,
 Biết bao ý vị tình-thần trước sau.
 Cũng có lúc lưng đeo đầu núi,
 Dắt-diu nhau lặn lội cùng qua ;
 Bền trời buông mắt trông xa,
 Bức tranh non nước đậm-dà đường
 Tình non nước bắt đầu từ đấy, [bao.
 Mùi văn-chương rồi thấy càng hay ;
 Tôi-bời về gió màu mây,
 Trăm khôn nghìn khéo là tay thợ trời.
 Nay hồi-tưởng cuộc đời lúc trước,
 Dầu nghìn vàng để chuộc được vay ;
 Bao nhiêu những cuộc xum-vày,
 Bóng hoàng-hôn thoáng một ngày là
 Rồi lữ trẻ chung cùng lúc nợ, [xong.
 Cũng chia nhau mỗi kẻ một nơi ;
 Hạnh-đường chốn cũ xa-xôi,
 Xa lời đạo-lý, xa mùi văn-chương.
 Bằng nay lại, đôi phương trời nước,
 Cả non Tô thành Trúc cùng xa ;
 Nhưng mà ân cũ tình xưa,
 Dầu xa-xôi mặt, dám thừa thốt lòng.
 Giữa tiệc ngọc, đông-nam đôi về,
 Mượn lời văn, tả về tình thương ;
 Tiễn-đưa luống ngẩn-ngơ đường,
 Chén trà chưa cạn, bước đường như
 chia.

TRẦN THIÊM-THỜI cung-liễn

Ngày xuân năm quý-dậu (1933)

T.-T. sao-lục

Mừng bạn Nguyễn Trọng-Toàn

I

Cận xuân bạn gói-ghém hồi hương,
 Cách mặt xa-xôi nổi khúc đường ;
 Xin nhắn châu xuân nơi qui-phủ,
 Thề nhau chúc thọ lễ xuân-đường.

Gò-công, NGUYỄN THÀNH-GIÁO

II

Cây nẩy chồi xanh, củ liêng ngang,
 Một trời Nam-Việt gió mây quang ;

Xuân về mang cả ngày vui lại,
Rót chén hoàng-hoa chúc Trọng-Toàn.
Mĩ-tho, CAO VĂN-HAI

III

Tạ bạn làng xuân

Từ vui phong-cảnh Tết-hòa,
Tháng ngày thắm-thoắt nay đã nửa
năm.

Văn-chương duyên kết đồng-tâm,
Thơ xuân gửi tặng càng thêm cảm-hoài.

Trời Nam chung một góc trời,
Gió Nam (1) đưa-đầy cho người quen
nhau.

TRỌNG-TOÀN

Mừng quan huyện thăng tri-phủ (2)

Mưỡu

Tung mây muôn dặm cánh bằng,
Cầm-đường mừng đã giai-thăng Hoàng-
đường.

Thềm băng còn dấu Cam-đường,
Thành Tiên họp lại tuần-lương một nhà.

Hát nói

Xuân-phong đặc ý, cánh chim bằng
nhè-nhẹ bước thang mây; ngắm thành
Tiên hồi lại cổ cùng cây, ơn trạch thắm
bấy nay đã khắp chửa?

Băng-thất âm lưu đường-bạt sứ,
Phượng-mao tú-xuất hồ-thần gia;

Khúc ly-ca chen lẫn tiếng dư-ca,
bước vân-lộ một xa là một nhớ. Tích
hỉ quân chi lai, kim tư quân chi khứ,
tình khứ lưu chan-chứa chén đầy vui,
giai-thăng xin chúc một lời!

Câu đối mừng ông Phạm Tá (3)
tục-huyện

Nhà dựng vinh-hoa, cây đức vun
trồng, mới biết có nhân thì có quả;

Duyên mong đảm-thắm, sợi hồng
chấp nối, từ đây càng nhuộm lại càng
tươi.

Hải-nam, ĐOÀN NHƯ-KHUE

THỜI-ĐÀM

Việc thế-giới

HẢI-NGOẠI CHÍNH-ĐÀM

Nhật-bản với thế-giới

Việc Nhật-bản đem võ-lực chiếm
mất ba tỉnh Mãn-châu của Tàu, lúc ban
đầu thế-giới liệt-cường còn có chỗ vì-
nê làm lơ; lại nhìn nhận rằng Nhật
làm vậy cũng cò ít nhiều lý phải của
họ trong đó. Nhưng sau thấy Nhật càng
ngày càng được trớn làm già, nhất là
việc chiếm-cứ Sơn-hải-quan và mưu
đoạt Nhiệt-hà bây giờ đây, đã thay đổi

cái không-khi bình-hòa của liệt-cường
đối với Nhật di nhiều lắm. Độc-giả xem
tin mỗi ngày, có lẽ cũng dư thấy.

Nào là ở Genève, thì hội ủy-viên 19
nước xét việc Hoa-Nhật, đều công-kích
cái việc Nhật-bản xâm-lược đất Tàu
và nhất-định không khi nào nhìn nhận
Mãn-châu-quốc; nào là dư-luận hai
nước Anh, Mỹ đã đòi cái giọng dè-dặt
lúc xưa, mà cho là Nhật có dã-tâm
không tốt; nào là Mã Chiếm-Sơn, Tô
Bình-Văn thua chạy qua đất Nga. Nhật

(1) Báo Nam-Phong.

(2) Ông Nguyễn Ngọc-Đĩnh, tri-huyện Tiên-lữ, thăng tri-phủ Ân-thị. Khi trước
đăng-đường là cụ tuần Cao-Dương cũng tri-huyện Tiên-lữ.

(3) Chủ hiệu nhuộm ở bờ hồ Hoàn-kiểm.

xin Nga bắt giải giao cho mình mà Nga không chịu (1). Thứ nhất dung-chế cho Nhật là nước Pháp, thế mà mới đây theo lời quan sứ-thần DE MARTEL, thì ngài vâng lệnh chính-phủ Pháp qua Đông-kinh ngỏ ý đề chính-phủ Nhật biết rằng Nhật làm quá tay lắm rồi đó.

Xem sơ mấy việc thế ấy, đủ thấy rõ ở giữa liệt-cường Âu Mỹ và Nhật-bản, cái cảm-tình đã có chỗ nặng-nề không tốt lắm rồi. Không phải là Nhật không thấy chỗ ấy đâu. Họ tự biết rằng họ tự châm lửa vào ngòi pháo rồi, dầu cái ngòi có dài mấy cũng phải tới lúc cháy bén thuốc pháo, thì nổ lên một cuộc đại-chiến ở giữa Nhật-bản với một hai liệt-cường nào, hay là với cả thế-giới như nước Đức hồi năm 1914 không chừng.

Tuy vậy, họ đã có cái hùng-tâm muốn chinh-phục cả thế-giới, cho nên công việc xâm-lược Trung-hoa họ đã ra tay làm thì cứ làm tới hoài, không lùi bước hay là sợ ai chút nào. Dầu cho đánh với liệt-cường và thế-giới thì cũng đánh.

Coi cái thái-độ của họ ở hội Quốc-liên hết sức cương-ngạnh cứng-cỏi, hăm-he ra hội hoai, không cần chơi với ai hết; và coi ở Mãn-châu, họ lo sửa-sang đường-sá dinh trại từ Tề-tề-cấp-nhĩ lên Mãn châu-lý, lại gấp lấy tỉnh Nhiệt-hà, để cho rộng đường đất làm căn bản, phòng đánh nhau với Nga, ở trong nước thì lo bố-trí chung quanh bờ biển, phòng đánh nhau với Mỹ, ấy đều là những chứng-cớ rằng họ dư biết mình không khỏi một phen độ sức với thiên-hạ, cho nên họ đã lo dự-bị hẩn-hồi lắm.

Tôi muốn độc-giả xem qua hai việc này càng thấy rõ-ràng hơn: Một là phong-trào chính-trị Nhật-bản năm nay biến đổi to, có lẽ phải võ-nhân lên nắm quyền độc-tài, hai là thêm khoản

chi-phi để mở-mang binh-lực võ-bị rất nhiều.

Quân-phiệt (*les militaristes*) Nhật-bản, từ khi Nhật thắng Nga, họ đã được nước mạnh thế rồi; lại từ hồi xâm-lược Mãn-châu đến giờ, càng thêm mạnh thế hơn nhiều nữa. Các ông tướng đã chiếm được Mãn châu như Bản-Trang, Đa-Mộc, đều được nhân-dân hoan-hô sùng-bái như thần như thánh. Trong Chính-phủ thì ông Lục - quân Thượng-thư (bây giờ là Hoang-Mộc đại-trưởng) có thế-lực rất lớn đến nỗi mọi việc chính-trị ngoại-giao chưa được bộ Lục-quân đồng-ý thì dầu tòa Nội-các có nhóm bàn cũng vô-ích. Trong nghị-viện thì đảng Chánh-hữu-hội giúp sức cho phái quân-nhân, thêm phe thanh-niên ái-quốc lập lên đoàn-thể Pha-xít, đông người mạnh thế, càng đắp thêm vây cánh vào cho quân-phiệt nữa.

Quân-phiệt chính là phe có cái hùng-tâm « chinh-phục cả hoàn-cầu, đối-địch với thế-giới » họ nói rằng muốn làm được việc tây trời ấy, thì chính quyền phải về tay nhà binh cầm mới được, chớ để cho bọn quan văn xen vào không xong. Nay thấy tình-thế Nhật-bản càng ngày càng rõ cái sự cần phải đánh nhau với liệt-cường, cho nên quân-phiệt càng hăng-hái về việc đoạt-thủ chính-quyền. Đảng chánh-hữu và phe Pha-xít đương ra sức vận-động đánh đổ Nội-các Trai-đăng bây giờ đi, mà lập nên chính-phủ « quân-phiệt độc-tài ». Xem cái làn sóng chính-trị nước Nhật người ta e rằng cuộc biến-đổi lớn lao ấy sao cũng xuất-hiện trong phần nửa đầu năm nay.

Đến lúc quân-phiệt lên cầm trọn quyền, chính là lúc Nhật-bản khai-chiến với thế-giới vậy, khó tránh đâu khỏi.

(1) Theo tin báo bên Tàu mới qua, thì Mã Chiếm-Son, Tô Bình-Văn đã đi vòng ngả Hải-sâm-uy đáp tàu về tới Thượng-hải rồi.

Công-nhu dự-toán của Nhật - bản trong năm 1933 này, tuy bên thâu vào có một, bên chi-xuất gấp hai, thế mà người ta thấy có khoản gọi là tiền « sửa sang binh-bị » tới số 435 903.000 đồng. đủ biết năm nay Nhật-bản dự-bị về việc chiến-tranh gấp lắm. Nếu không thì trong khi thế-giới đương tính việc giảm binh, mà Nhật dự-bị tiền sai việc binh gì dữ vậy ?

Khoản ấy chia ra :

Lục-quân 247 triệu 370 ngàn ;

Hải-quân 88 triệu 533 ngàn.

Thấy cái chương - trình sửa-sang binh-bị, nào là luyện-tập lính mới, nào là chế thêm súng đạn, đóng thêm phi-cơ, nào là mở-mang bồi đắp các nơi đồn binh trữ lương ở trong nước Nhật, cùng là ở Cao-ly, ở Đài-loan ở Mãn-châu, v. v., bao nhiêu công-việc thi-hành, tiếng gọi là sửa sang binh-bị, nhưng không có một việc sửa-sang nào mà không có ý là lo phòng chiến-tranh với ngoại-quốc. Đến nỗi lương-thực cũng trữ thêm nhiều, hơi độc cũng chế thêm dữ, cho tới các công-xưởng lớn nhỏ trong nước, của nhà nước hay của tư-nhân mặc dầu, họ đều đã sắp đặt một cách rất khôn-khéo để làm khi chiếu-tránh có thể trong giây lát mà biến-hóa thành ra công-xưởng việc quân được hết. Ví-dụ xưởng làm đồng-hồ biến ra làm xưởng đúc súng, xưởng nấu cao-su biến ra làm sở chế-tạo khí-cầu. Thợ thuyền cũng vậy mặc ý ngày thường làm nghề riêng gì, đến hồi chiến-tranh cũng có thể biến thành ra tay thợ rèn đồ chế-tạo dùng vào quân-sự hết thảy.

Còn về ngạch lính thì chương-trình mới định rằng khi bắt đầu khai-chiến, nhà-nước kêu lên một tiếng, liền có một triệu lính tiên-phong, rồi đánh nhau lâu thì kêu số lính lên đến 10 triệu. Dân thường hằng ngày, như kẻ làm ruộng, người đi học, dân làm thợ,

hết thảy đều có luyện-tập việc binh, khi cần dùng họ đều là lính đi trận được cả.

Tóm lại công-nhu dự-toán của Nhật năm nay, mục-dịch chỉ cốt ở việc chiến-tranh. Hình như họ định chắc rằng làm sao năm nay họ cũng phải đối-chiến với một hay là năm bảy nước nào hiệp lại, nên chi nào là phe quân-nhân dưng-được như sắp ra trận, nào là nhà nước sắp đặt khí-giới lương-thực sẵn-sàng, chỉ có việc chờ ai đánh là họ đánh với mà thôi.

Thấy vậy thì ra tuần trước tôi e năm nay thế-giới đa - sự là hữu-lý chăng ?

NGUYỄN KỶ-PHÙNG

(Đuốc-nhà-nam)

Thời-cục nước Tàu

Tình-hình miền Hoa-bắc. — Quân Nhật từ khi chiếm lấy Sơn-hải-quan rồi, lại tiến đánh quân Tàu ở Cửu-môn-khâu, Thạch-môn-trại, làm rối-loạn cả phía trong Vạn-ly-trường-thành, chực chen đường quân Tàu ra cứu-viện đề mà đánh lấy Nhiệt-hà. Tình-thế nguy-cấp, làm cho miền Hoa-bắc nao-động cả lên. Trương Học-Lương đã cùng Tống Tử-Văn lên Nhiệt-hà. Trương có cùng Trương Tác-Tướng, Thang Ngọc-Lân liên-danh điện đi các nơi trong nước, nói Trung-quốc cần ần-nhân cần hòa, cần khiến cho Nhật-bản cần tàn-bạo không chán, chúng ta không thể lại cứ nhân-nhục cầu-toàn được mãi, chỉ còn có một đường là đem thực-lực giữ nước. Cái địa-vị tỉnh Nhiệt-hà về quân-sự rất trọng-yếu, cho nên phải đem lực-lượng cả nước mà cố giữ. Chúng tôi có cái trách-nhiệm giữ đất, dầu đánh đến còn một tên lính cũng quyết kể-tiếp ra sức franh-dấu vậy

Trương Học-Lương và Tống Tử-Văn lần này đi Nhiệt-hà, hội Quốc-liên và các phương đều chú-trọng lắm, cho rằng Trung-quốc đã tỏ lòng quả-quyết kháng Nhật.

Tống Tử-Văn có làm một bài khích-lệ tướng-sĩ chừng hơn bốn nghìn chữ, in ra hơn 10 vạn tờ để phát cho các tướng-sĩ ở mặt trận. Đầu dùng lời bạch-thoại, điều cốt-yếu nói: Ngày nay quân Nhật cướp Sơn-hải-quan lại đánh Nhiệt-hà, cả nước căm giận chỉ có liều mạng là cầu sống được. Người Nhật chế-tạo ra nguy-quốc (nước Mãn-châu) và đem cả Nhiệt-hà liệt vào, khinh-nhục nước ta quá lắm, chỉ có dùng máu để rửa nhục mới được, quân nghĩa-dũng huyết-chiến một năm nay rửa bỏ cái dơ-bẩn đã nhiều, hiện nay đợi anh em làm xong cái công lớn ấy. Quân Nhật quen bày ra những lời li-gián khiêu-bát, hiện nay nước ta trên dưới một lòng, quyết không trúng kế quân Nhật. Xin anh em chớ lo sự tiếp-tế, không những chính-phủ chịu trách-nhiệm tru-hoạch, các phương trong nước cũng đều bôn-tầu tru-hoạch, mong các nước vì Trung-quốc tranh nhân-cách, vì thế-giới đánh đổ cường-quyền.

Tống Tử-Văn lại tuyên-bố như sau này:

1° Người Nhật phao tin rằng các tướng Trung-hoa ở miền bắc và Nhật-bản hai bên đã điều-định với nhau xong, làm cho các đại-biểu ngoại-quốc cũng đến ngoại-giao-bộ hỏi tin về việc ấy. Chắc là có sự hiểu lầm, mà nhân-dân cũng không hiểu cái ý của chính-phủ. Từ khi Tống Tử-Văn đi công-cán ở Nhiệt-hà cùng với Trương Học-Lương, thì nhân-dân lại có lòng tin cậy. Nhân-dân miền bắc cũng sẵn lòng giúp chính-phủ như nhân-dân miền nam.

2° Tiền-tài hiện có thể chi binh-phí được ba tháng.

3° Quân lính khi-phách rất tốt, chỉ xin được đủ lương-thực để chống cự với địch-quân mà thôi.

4° Chính-phủ được phép mộ-thải 20 triệu *dollars mexicans* để dùng vào việc quốc-phòng.

5° Việc phân-tranh Trung Nhật không biết thế nào mà đoán trước được, nhưng chính-phủ Trung-hoa quyết-chí chống-cự đến kỳ-cùng.

La Văn Cán tổng-trưởng bộ ngoại-giao Nam-kinh có nói rằng: Việc ngoại-giao ngày nay chỉ có hai đường, một như nước Pháp cắt hai châu để cầu hòa, một như nước Bỉ quyết hi-sinh để chiến-dấu. Còn như cầu hòa sợ thóa-mạ, muốn chiến-dấu sợ hi-sinh, cây đong nhờ tây, tất làm hại nước. Nhưng xét đại-thế, khó mong lấy lại đất đã mất, sẽ đến phải duyệt vong, đối với hội Quốc-liên, nên theo ý ấy để quyết-định cái thái-độ tất-yếu ».

Chính-phủ Trung-hoa đã lập ra một Hội-dồng quốc-phòng có Tưởng Giới-Thạch, các quan tổng trưởng bộ chiến-tranh, bộ hải-quân, bộ nội-vụ, các ông chủ-tịch năm viện và các hội-viên hội-dồng thường-trực của quốc-dân-đảng, đã họp ở Nam-kinh.

Chính phủ sẽ cử Đoàn Kỳ-Thụy một chức rất quan-trọng trong hội-nghị quốc-phòng. Đoàn sẽ có chức-trách đối-phó với quân địch ở ngoài và cả việc trừ tiệt nạn nội-chiến và bọn thổ-phỉ.

Theo tin của ngoại-giao giới thì chính-phủ Đông-kinh đã hạ tối-hậu-thư cho Nam-kinh bắt buộc phải rút hết quân Tàu ra khỏi Nhiệt-hà. Bức thư tối-hậu ấy do Võ-Đặng toàn-quyền đại-sứ Mãn-châu đưa cho Trương Học-Lương và chính-phủ Mãn-châu-quốc đưa cho Thang Ngọc-Lân.

Trung-hoa trả lời không chịu nhận tối-hậu-thư của Nhật-bản. Nên Nhật đã phái quan Tổng-trưởng bộ chiến-tranh

là vũ-tướng Trương Hải-Bằng thống-suất các đạo quân của Mãn-châu-quốc, đã bắt đầu tiến quân đánh các đồn Trung-hoa ở mặt trận Nhiệt-hà.

Bên Trung-hoa thì Trương Học-Lương thống-nhất toàn-quân ở miền bắc, định dùng quân chế tập-đoàn, chính-bị quân-dung, ra sức chống Nhật. Trương tự giữ chức tư-lệnh tập-đoàn quân thứ nhất, thống-suất các quân ở trong Sơn-hải-quan, cử Trương Tác-Trương làm tư-lệnh tập-đoàn quân thứ hai, thống-suất quân Thang Ngọc-Lân và quân chính-thức, quân nghĩa-dũng vào Nhiệt-hà để chống đánh quân Nhật.

Trương lại cử Ông Chiêu-Viên tức là Ông Đăng-Huy là một kiện-tướng trong đạo quân 19 đã nổi tiếng trong cuộc chiến-tranh ở Thượng-hải, đi lên biên-cảnh Nhiệt-hà làm chức trọng-yếu ở mặt trận. Các đạo quân nghĩa-dũng ở biên-cảnh Nhiệt-hà như các bộ Phùng Chiếm-Hải, Vương Thận-Lư và Trịnh Quế-Lâm đều xin cử Ông làm tổng-tư-lệnh, xin chịu quyền chỉ-huy.

Quân Nhật đối với phía tây Sơn-hải-quan và Nhiệt-hà quyết cùng thời hoạt-động. Hiện quân Nhật ở Mãn-châu có 7 sư-đoàn, định lấy một sư-đoàn lưu ở Cát-lâm, Trường-xuân, một sư-đoàn giữ đường Trung-đông, một sư-đoàn lưu ở Sơn-hải-quan chỉ-huy các quân tiến lên phía tây, còn đem 4 sư-đoàn đánh Nhiệt-hà.

Quân Nhật đánh Nhiệt-hà, xếp đặt như sau này: 1^{er} Đường Cẩm-triều có sư-đoàn thứ 8, sư-đoàn thứ hai và bộ-binh, pháo-binh cộng hơn 23.000 người, bốn đại-đội máy bay; 2^e Mặt Tuy lãng là sư-đoàn 17, sư-đoàn 11 và 2 lữ-đoàn cộng 35.000 người, hai đại-đội máy bay; 3^e Quân « Mãn-châu-quốc » là hai bộ Trương Hải-Bằng, Vũ Chỉ-Sơn giữ mặt Lãng-nam, quân Trịnh Quốc-Thụy giữ mặt Nam-lĩnh; 4^e Cùng thời tiến đánh Nam-lĩnh và Lãng-nam, Khai-lô

tạm không công kích; 5^e Lữ-đoàn Linh-mộc do phía tây Sơn-hải-quan tiến bách quân Trung-hoa, định dồn về Loan-hà.

Nhật lại đem thêm đại-đội không-quân đến Cẩm-châu, Thông-liêu sẽ chia đi ném bom phá các thành trấn Nhiệt-hà, trước khi đại-cử đánh Nhiệt-hà hãy làm việc phá-hoại. Mục-dịch quân Nhật là muốn trước ngày kỷ-niệm một chu-niên nước Mãn-châu, (ngày 1er Mars) lấy được Nhiệt-hà, để hoàn toàn thống-nhất bốn lĩnh.

Chính-phủ Nhật đã bí-mật ủy Võ-Đặng làm lục không-quân tổng-tư-lệnh đánh Nhiệt-hà. Đêm ngày 20 quân Nhật đã bắt đầu tổng-công-kích. Ba đạo quân Nhật đánh Nhiệt-hà đều phát-động. Tại Lãng-nam cũng đã đánh nhau to. Quân Nhật ở Triều-dương đánh dữ vào Nam-lĩnh, đêm 21, đánh càng dữ, quân Nhật xung-phong 4 lần đều bị đánh lui. Sớm ngày 22, quân Nhật thêm trọng-binh, dùng xe phá-lũy và máy bay kèm bộ-binh xông liều vào. Quân Trung-hoa cũng thêm viện, lữ-tướng Đồng Phúc-Đình hạ lệnh chỉ có tiến không có lui. Ở một giải Khai-lô, Đông-đạo, Đài-doanh-tử quân Nhật cùng quân nghĩa-dũng là hai bộ Lý Hải-Thanh, Phùng Chiếm-Hải đánh nhau dữ-đội.

Ngày 23, quân Nhật đại-cử đến biên-cảnh Nhiệt-hà, mục-dịch cốt đánh phá phòng-tuyến thứ nhất, thẳng bách Triều-dương và Bắc-phiếu, các nơi ấy đều bị máy bay Nhật ném bom bắn phá rất tàn-hại. Quân Trung-hoa thừa dịp phản-công, hăng-hải nhất là đội đại-đao xung-phong, cùng quân Nhật đánh giáp lá-cà, tiếng reo hò và tiếng gươm đao làm vang động cả lên, thấy người nằm ngổn-ngang. Kế đó lại có một đội kỵ-binh Trung-hoa vượt qua đường sắt vây đánh phía bên cạnh quân Nhật. Quân Nhật vì thấy quân

Tàu đã quyết lòng đề-kháng, nên việc tổng-công-kích Nhật hà cốt lấy máy bay làm chủ-lực.

Sau buổi sớm ngày 28, việc chiến-tranh ở Nhật-hà dồn cả về hai đường Kiến-binh, Lăng-nam. Trưa 28, đại-bộ sư-đoàn quân Nhật hai lần xông đánh Đại-miêu và núi Lão-hồ đều bị quân Trung-hoa đánh dữ.

Quân Nhật thay đổi đôi chút về cái kế-hoạch tiến đánh Nhật-hà, lúc bắt đầu tiến đánh, lấy quân « Mãn-châu-quốc » làm tiên-phong, sau thì mang về hậu-phương.

Quân Mãn-châu-quốc và quân Nhật bản khai thế công được tám ngày, thì sang ngày 4 Mars đã chiếm được Thừa-đức-phủ là kinh-thành Nhật-hà. Một toán quân khác của Nhật Mãn lại tiến đến Lâm-khẩu ở Vạn-lý-trường-thành, đánh đuổi quân phản-đối Mãn-châu-quốc ra cách xa Vạn-lý-trường-thành.

Một đại-đội do tướng HATTORI chỉ-huy đã chiếm lấy đèo Linh-khẩu, để phòng quân Trung-hoa quay lại chực cướp lại Nhật-hà chẳng. Viên phóng-sự ở Bắc-binh của báo *Nichi Nichi* báo tin rằng sau khi Thừa-đức-phủ thất-thủ, thì Trương Học-Lương dự-bị để trốn đi ngoại-quốc.

Quân Trung-hoa đã lui về Cổ-bắc-khẩu. Quân Trung-hoa ở mặt Lăng-nguyên lui về Hỉ-phong-khẩu.

Thế là nước Tàu lại mất nốt Nhật-hà, cái chương-trình kháng Nhật của Trương Học-Lương đã tan ra khỏi mây cả.

Vũ-tướng Hà Ứng-Khâm tổng-trưởng bộ chiến-tranh, đi công-cán ở miền bắc có điện về, xin cách-chức Thang Ngọc-Lân, chủ-tịch Nhật-hà.

Quân Nhật tiến-hành ở Nhật-hà lần này không được dễ-dàng như trước. Xem như quân Nhật bị thất-bại ở đèo Bái-thế-độ thì biết.

Tin tức về chiến-sự mỗi lúc một khác. Theo như tin-tức của Nhật, thì quân Trung-hoa rút khỏi thành Linh-uyên, sau quân Trung-hoa đóng ở Triều-dương lại kéo đến Linh-uyên định đóng đồn thủ-hiêm ở đấy.

Cứ như tin-tức ở *Londres* gửi đến thì đất Triều-dương đã bị quân Nhật hạ được ngày 25 février. Đường trận của Trung-hoa hiện nay như sau này :

Đường trận thứ nhất, do 80.000 quân giữ, chạy dài từ Trịnh-phương đến Trình-binh, và từ Ngô-kinh-phủ đến Vạn-lý-trường-thành, vào miền Trịnh-kế-giang.

Đường trận thứ hai, do 34.000 quân giữ, chạy dài từ Đường-sơn đến Bình-thuận, và cũng đến Vạn-lý-trường-thành thì hết.

Cứ như lời của các quan Nhật hứa với chính-phủ Anh, thì quân Nhật đóng ở Nhật-hà không định vào các tỉnh khác của Trung-hoa, và không vượt khỏi Vạn-lý-trường-thành. Nhật sẽ có nhiều quân lính giữ miền Sơn-hải-quan, và mấy nơi khác tại Vạn-lý-trường-thành. Hiện đã tính-toán việc xếp đặt tỉnh Nhật-hà, và có tin rằng trước tiên chính-phủ Mãn-châu-quốc sẽ đặt một đường hỏa-xa qua các núi Nhật-hà. Trong độ hai tháng nữa sẽ sửa-sang đường mới từ Cát-lâm đến Khố-luân và đến miền duyên-hải Cao-ly cho tiện đường của Nhật vào Mãn-châu.

Nhật tốn kém bao nhiêu về quân-phi ở Mãn.— Hiện chính-phủ đang xin trừ thêm 40.400.000 hoa-viên để dùng về việc quân-phi ở Mãn trong hai tháng *Février* và *Mars* 1933 này. Số tiền ấy thì 27.800.000 hoa-viên dùng vào lục-quân và 8.900.000 dùng vào thủy-quân. Từ trước đến giờ số tiền quân-phi ở Mãn trừ mất tới 573 triệu hoa-viên chia như sau này :

Từ *Septembre* 1931 đến *Mars* 1932 : 88.900.000 hoa-viên.

Ngân-sách 1932-1933 : 293.200.000 hoa-viên.

Ngân-sách 1933-1934 : 190.800.000 hoa-viên.

Tổng-cộng 572 900.000 hoa-viên.

Số tiền này riêng về việc quân-phí ở Mãn-châu thôi, chứ chưa kể đến tiền chi-phí vào đạn-dược, khí-giới trữ ở Nhật, phòng để dùng bên Trung-hoa.

Việc phân-tranh Trung Nhật tại Hội Vạn-quốc. — Đại-hội đồng 19 viên đồng-thanh ưng-chuẩn bản tờ trình và các điều-khoản quyết nghị của ban trị-sự. Chỉ trừ có một phiếu không ưng-thuận, và nước Xiêm thì không bỏ phiếu.

Sáng ngày 25 *Février* đại-hội-dồng Hội Vạn-quốc họp kỳ bất-thường đã nghe M. Nhan Huệ-Khánh đại-biểu Trung-hoa và M. Tùng-Cương đại-biểu nước Nhật, hai bên lần lượt bày tỏ mọi lẽ.

M. Nhan đại-biểu Trung-hoa có nói nước Trung-hoa lấy làm yên-ủi và vui lòng về bản tờ trình của hội-dồng trị-sự đệ-trình đại-hội-dồng. Ông sốt-sắng khen-ngợi đại-hội-dồng, và hội-dồng 19 viên. Rồi ông bình-phẩm các phần trong tờ trình, ông có nói Mãn-châu thực là một phần của địa-hạt Trung-hoa, và có nhắc lại rằng theo như lời lẽ trong tờ trình, thì việc đề-chế từ nay Trung-hoa có thể cho là một phương-sách của Trung-hoa được phép dùng để đối-phó với Nhật-bản : Nhật-bản không chịu để liệt-quốc đặt cuộc trọng-lài mà tự-tiện dụng-binh, thế là phạm vào điều thứ 12 trong hiệp-ước của Hội Vạn-quốc ; Hội Vạn-quốc công-nhận cho là Trung-hoa có chủ-quyền ở Mãn-châu và Đông-tam-tĩnh ; các nước có chân trong Hội Vạn-quốc cam đoan không công-nhận sự độc-lập của Mãn-châu-quốc. M. Nhan nói đại-biểu

Trung-hoa sẽ bỏ phiếu ưng-thuận tất cả các điều-khoản trong tờ trình.

M. Tùng-Cương đại-biểu của Nhật lên diễn-đàn, bày tỏ mọi lẽ rằng Trung-hoa không thể so-sánh với một nước có trật-tự được, và cái tình-thế ở Trung-hoa ngày nay là nguồn gốc sinh ra sự rối-loạn ở Viễn-dông. Nước Nhật có quyền-lợi quan-hệ mật-thiết ở Mãn-châu, đã hết sức tìm cách hiệp-tác với Trung-hoa mà không được, vậy cái nghĩa-vụ của Nhật là phải bảo-hộ bình-an, trật-tự và sự tiến-bộ ở Viễn-dông. Ông nói trong tờ trình của hội-dồng 19 viên, có ý thiên về Trung-hoa, và không thấy nói cái công-lao ích-lợi của Nhật. Ông nói : nay liệt-quốc cần phải đặt cuộc quản-dốc nước Trung-hoa một cách nghiêm-nghị mới phải mà không biết Trung-hoa có biết điều mà ưng để cho liệt-quốc kiểm-dốc cho không. Ông nói đại-hội-dồng ưng-chuẩn bản tờ trình, thì thực là làm tổn-hại cho cuộc hòa-bình. Sau cùng ông chỉ-nghị việc trong tờ trình bản nên đặt các viên-chức liệt-quốc để xem xét mọi việc ở Mãn-châu.

Sau đại-hội-dồng bỏ phiếu ưng-chuẩn bản tờ trình, thì M. Tùng-Cương đứng lên lui ra ngoài hội-dồng. Cả các phái-viên Nhật-bản cùng ra theo.

Buổi chiều đại-hội-dồng họp, đại-biểu Nhật không đến dự, đại-hội-dồng đồng-thanh quyết-nghị đặt một hội-dồng tư-vấn để xem xét tình-thế ở Viễn-dông.

* * *

Hội-dồng tư-vấn do đại-hội-dồng Hội Vạn-quốc lập ra để xem xét việc phân-tranh Trung Nhật, đã họp hội-dồng do M. Hymans chủ-tịch. Theo như lời quyết-nghị của đại-hội-dồng, thì hội-dồng đã mời Hoa-kỳ và nước Nga hiệp-tác với hội-dồng.

M. EDEN có bày tỏ mọi lẽ để hội-đồng rõ việc cấm chở khí-giới sang Viễn-đông, mà hiện chính-phủ Anh đương điều-đinh với các nước có quan-hệ về việc ấy. Hiện chưa quyết nghị ra làm sao. Còn đợi các đại-biểu của Hoa-kỳ và nước Nga. Song đại-biểu Trung-hoa đã tỏ tình phản-đối việc cấm chở khí-giới, nói rằng Trung-hoa đã được Hội Vạn-quốc công-nhận cho mình có quyền bảo-toàn lấy bờ cõi của mình, thì không có lẽ nào lại cấm các nước bán khí-giới cho mình.

Nhật tỏ tình bất-phục lời quyết-nghị của hội-đồng 19 viên. — Vừa mới rồi đã công-bố bản cáo-trạng của phái-bộ Nhật-bản, bày tỏ cái ý-kiến của chính-phủ Nhật đối với chương thứ V trong điều thứ XV. Trong bài ấy nhắc lại các việc xảy ra từ trước đến đây, rồi kể những điều cho là sự lầm lẫn của hội-đồng 19 viên.

Những đoạn chính có thể tóm tắt như sau này: 1^o Cứ như phần thứ ba về tờ trình của hội-đồng 19 viên, thì hình như hội-đồng cố giữ lấy cái điều ngộ-nhận rằng Trung-hoa ngày nay là một nước thống-nhất, có tổ-chức. Cái điều ngộ-nhận ấy, chẳng qua là vì liệt-cường có cái mê-mộng rằng Trung-hoa một ngày kia sẽ khôi-phục được cuộc thống-nhất. Trong mấy năm trước đây, Nhật-bản đã hết sức theo đuổi cái tôn-chỉ ấy, và về các việc không quan-hệ, Nhật-bản vẫn sẵn lòng theo đuổi cái tôn-chỉ ấy. Các nước khác có chân trong Hội Vạn-quốc, không có quyền-lợi lớn-lao ở Trung-hoa, chứ như Nhật-bản thì có những quyền-lợi cốt-tử ở Trung-hoa, nhất là ở xứ Mãn-châu, vậy Nhật phải xem xét những tình-thế dich-thực, mà xử-tri, chớ không thể mơ-mộng những tư-tưởng hảo-huyền được.

2^o Hội-đồng 19 viên cho việc Trung-hoa đề-chế Nhật-bản là một việc đối-

phó với việc xảy ra ngày 18 *Septembre*, thì thực là gieo mầm những nỗi khó-khăn sau này cho những nước có quyền-lợi ở Trung-hoa. Liệt-cường đều có trú-binh ở Trung-hoa để phòng bị mọi sự có thể xảy ra. Nếu nước nào có việc cần phải dụng-binh, mà nước Trung-hoa cũng đề-chế để báo thù, như vậy cái cường quyền không biết thế nào là giới-hạn nữa.

3^o Trong tờ cáo-trạng có nói nên đặt cuộc trọng-tài, vậy muốn đặt cuộc trọng-tài tất phải là một nước có tổ-chức, có một chính-phủ có quyền quản-trị tất cả bờ cõi trong nước mới được.

4^o Trong bản cáo-trạng không chịu công-nhận cho nước Nhật dụng-binh trong đêm ngày 18 *Septembre* là thi-hành cái quyền tự-vệ của mình và hình như không công-nhận cho các quan võ Nhật có quyền tự-vệ vậy. Hội-đồng chỉ theo cái ý-kiến của hội-đồng *Lytton*, mà không xét đến mọi lời của chính-phủ Nhật bày tỏ, và không xét đến cái ý-kiến của các quan võ Nhật là những người có mặt ở Trung-hoa trong khi xảy ra mọi việc ấy. Cái quyền tự-vệ là một cái quyền bất-khả tiêu-diệt, chỉ có nước nào có lợi-hại mật-thiết vào đấy, mới có thể xét đoán.

Về việc ấy nước Nhật đã viện đến các khoản lãnh-trừ của nước Pháp, và Hoa-kỳ trong khi lập hiệp-ước *Paris*, ấy thế mà trong bản cáo-trạng không nói gì đến các khoản lãnh-trừ ấy.

5^o Trong bản cáo-trạng lại nói việc Mãn-châu-quốc tuyên-bố độc-lập không phải là một việc tự-nhiên mà có, việc ấy Nhật-bản đã hết sức phản-đối, mà hội-đồng 19 viên vẫn công-nhận mọi lời kết-luận của hội đồng *Lytton*.

Nhật-bản lại kể đến những sự lợi của Mãn-châu-quốc được hưởng về

cuộc độc-lập, và nói người Trung-hoa vẫn tìm cách chống cự ở Nhiệt-hà kia khác.

6^o Trong tờ bá-cáo có khuyên liệt-cường nên hiệp-tác để tu-phục lại Trung-hoa, nếu thi hành lời khuyên ấy thì liệt-cường phải can-thiệp vào việc nước Trung-hoa, mà làm như vậy, thì lại trái với hòa-ước của chín nước. Việc ấy chứng rằng đối với một nước như nước Trung-hoa thì bản giao-ước của chín nước và bản hiệp-ước của Hội Vạn-quốc, phải thi-hành một cách rộng-rãi mới được.

Nhật cho rằng các điều-khoản của Hội Vạn-quốc không thể thi-hành được. — Trong lời tuyên-bố của Nhật-bản lại nói rằng những điều-khoản của hội-đồng 19 viên không thể thi-hành được, là vì những lẽ sau này :

1^o Đối với một nước có cái tình-thế khác thường như nước Trung-hoa, thì không thể thi-hành đúng các tôn-chỉ trong hiệp-ước của Hội Vạn-quốc và giao-ước ký ở Paris được.

2^o Việc quân Nhật đóng ở ngoài miền hỏa-xa, không có điều gì là trái luật-pháp, vì cái quyền tự-vệ nó bắt buộc Nhật phải cho quân đến đóng ở miền ấy ; vả lại theo như một bản giao-ước của Nhật-bản ký với Mãn-châu-quốc, thì quân Nhật phải chịu trách-nhiệm giữ-gìn bình-an và trật-tự ở Mãn-châu-quốc.

3^o Kể từ năm 1916 đến giờ, xét ra Trung-hoa không có chủ-quyền ở Mãn-châu nữa. Trung-hoa không đủ sức mà bảo-hộ quyền-lợi cho Nhật-bản, cùng là giữ-gìn cuộc bình-yên ở Viễn-đông.

4^o Như lời của Nhật-bản đã tuyên-bố ở Hội Vạn-quốc tháng *Novembre* mới rồi, Nhật-bản ký giao-ước với Mãn-châu-quốc tức là đã thi-hành một vài tôn-chỉ trong tờ bá cáo *Lytton*.

Còn như muốn theo đúng chín điều thứ nhất trong bản bá-cáo ấy, nhất là từ điều thứ sáu đến điều thứ chín, hễ nước Trung-hoa hễ còn là một nước rối-loạn không có trật-tự, thì không sao theo các tôn-chỉ ấy được.

5^o Việc hội-đồng muốn đặt một ban ủy-viên để giúp cho hai bên điều-đinh với nhau, là một việc trái ý muốn của nước Nhật, vì nước Nhật không ưng để cho một nước nào can-thiệp vào vấn đề Mãn-châu.

6^o Trong tờ bá-cáo của hội-đồng 19 viên lại nói những nước có chân trong Hội Vạn-quốc không nên công-nhận cái tình-thế bây giờ. Các nước ký hiệp-ước *Paris* và giao-ước chín cường-quốc mà không có chân trong Hội Vạn-quốc cũng nên theo cái ý-tưởng ấy. Nhật-bản cho hội-đồng tuyên-bố như thế là quá các quyền hạn của hội-đồng, theo như điều thứ 15 trong hiệp-ước.

Nhật cho là mình làm phải, không có điều gì là trái phép. — Sau cùng bài tuyên-bố của Nhật có đoạn kết-luận như sau này :

Chính-phủ Nhật xét ra binh-gia Nhật không làm quá cái quyền-hạn của mình ; Mãn-châu quốc sở dĩ lập nên, là do cái ý muốn tự-nhiên của dân Mãn-châu ; vậy không có điều gì là phạm đến giao-ước quốc-tế cả.

Cái vấn-đề này là một cái vấn-đề đặc-biệt, không thể lấy những phương-pháp thường mà giải-quyết được. Nếu có thể thi-hành các phương-pháp thường nữa, mà theo như cái chương-trình của hội-đồng 19 viên, thì liệt-quốc thành ra phải can-thiệp vào những cái mà hội-đồng gọi là chủ-quyền của Trung-hoa. Hội-đồng thì chỉ theo những lý-thuyết không đầu, chứ như Nhật-bản thì cần phải xét những điều thực-tế chắc-chắn mà xử-tri mới được.

(Trích báo *Trung-Bắc*)

Việc trong nước

(Từ mồng 1 đến 28 tháng
hai năm 1933)

Quan Thống-sứ đi kinh-lý. — Ngày mồng 1 và mồng 2 tháng hai này, quan Thống-sứ PAGÈS cùng quan Phó-văn-phòng GRIMALD đi kinh-lý miền Cao-bằng, Nguyên-binh, Tĩnh-túc, Đông-dăng, Na-cham và Lạng-sơn. Ở Cao-bằng quan Thống-sứ có khen cái tài rất mẫn-cán của quan đại-tá CAU thủ-lĩnh đạo quan binh thứ nhì. Ở Tĩnh-túc quan Thiệu-tá BENOIT D'AURIAC trình bày Ngài rõ về các công-việc hiện-thời khai mỏ thiếc và *Wolfram* ở thượng-du. Lại đi thăm đồn-diên Đông-dăng, đồn-diên Na-cham rồi đến tòa sứ Lạng-sơn. Ngài tỏ ý khen các công-việc và đường-sá đều tốt cả, cùng khen những sự mẫn-cán của quan Công-sứ Lạng-sơn.

Ngày mồng 5, quan Thống-sứ đi kinh-lý tỉnh Vĩnh-yên, có quan Chánh-văn-phòng ERARD đi theo hầu. Ngài thăm miền dân-thủy nhập-diên có khen sự sáng-kiến của quan Công-sứ LOTZER và quan Tuần-phủ VŨ TUÂN giúp sức, lại khen những công-trình nhân-dân khơi những máy nước và khơi được cái cống ngầm Vouzi.

Ngày mồng 9, quan Thống-sứ đi thăm khu dân-thủy nhập-diên ở miền nam Thái-binh, có quan Đổng-lý BARY nguyên công-sứ Thái-binh, quan Công-sứ COLAS và hai quan kỹ-sư BICORGNE và COUTEAUD đi theo, Ngài đi thăm ba cái cống lớn ở Nguyệt-lâm, Dương-liêu và Đa-cốc về mặt sông Soc-giang. Đến chỗ sông-đào Bắc-trạch Ngài dừng lại xem công-việc khai sông khó-nhoc vì làm ở giữa nơi đất sét quánh. Chỗ này làm xong là hết công-việc dân-thủy nhập-diên ở miền nam sông Trà-lý.

Sau cùng Ngài do con đường số 39 đi đến thăm huyện-ly Tiên-hải, cùng

thăm đê duyên-hải, bãi bễ Hoàng-mô và bãi bễ Nho-lâm.

Chức Khâm-sứ Trung-kỳ. — Có tin Paris rằng quan Khâm-sứ CHÂTEL sắp về Pháp nghỉ, quan Cai-trị hạng nhất THIBAudeau thanh-tra chính-trị Công-sứ Bình-định sẽ lên quyền chức Khâm-sứ Trung-kỳ.

Trung-kỳ đã đúc tiền đồng mới. — Xứ Trung-kỳ nay đã bắt đầu đúc hai hạng tiền đồng mới: Hạng lớn và hạng nhỏ. Sở Tài-chính định trong hạn 5 năm thì phát ra lưu-hành 10 triệu rưỡi đồng hạng lớn và 17 triệu rưỡi đồng hạng nhỏ.

Đòi huyện làm phủ. — Nay có nghị-định đòi huyện Nông-cống (thuộc Thanh-hóa) làm phủ Nông-cống, vì hạt ấy dân nhiều đất rộng.

Hội-đồng cổ-văn Bắc-kỳ. — Ngày mồng 8, hội-đồng Cổ-văn đã họp tại phủ Thống-sứ Hà-nội, do quan Thống-sứ PAGÈS chủ-tọa, bàn về vấn-đề di-dân lên miền Trung-du và vấn-đề điều-thở.

Người Bắc-kỳ tại xứ Tân-đảo Nouvelles-Hébrides. — Cứ báo «*Néo Hébridais*» đăng thì hiện nay người Bắc-kỳ còn ở bên Tân-đảo chừng 1.750 người. Đến tháng 10 năm nay những người hết hạn mộ sẽ tãi về Bắc-kỳ một chuyến, thì ở Tân-đảo bấy giờ chỉ còn độ vài trăm người Bắc-kỳ nữa thôi.

Xử việc hội kin Hải-dương. — Ngày 11 tháng 2 này, tòa Nam-án Hải-dương đã họp phiên tòa bất-thường, do quan Chánh-sứ DOMEQ chủ-tọa, quan cai-trị GILLON và quan Tổng-đốc NGUYỄN HUY-TƯỜNG bồi-thăm, để xử các việc hội-kin ở Cẩm-giăng Nam-sách, Chí-linh và Kim-thành. Bị-cáo-nhân cả thảy 59 người. Quan tòa thẩm-vấn từ 10 giờ

sáng đến 10 giờ đêm hôm 11 thì xong. Đến 10 giờ sáng ngày 14 mới luận tội và tuyên-án như sau này :

2 người bị 20 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc :

Vũ Vát tức Khóa Vát can tội trong năm 1929-1932 lập chi-bộ hội-kín ở Lai-vu, sai người đưa đảng-viên sang Tàu, lại lập chi-bộ Tạ-xá và chi-bộ Huệ-tri, tổ-chức tổng-chi-bộ và liên-tỉnh-bộ ; lại can tội đeo thẻ tùy thân của người khác, đáng xử cho điều luật 66, nhưng vì già yếu, nên buộc cho điều luật thứ 321 luật Hình.

Phạm Huy-Tuyển tức Tổng Tuyển, can tội đứng chi-bộ-trưởng Tế-băng (ở Cẩm-giang), tỉnh-bộ-trưởng và liên-tỉnh-bộ-trưởng, cũng phạm điều 321 trong luật Hình.

3 người bị 10 năm khổ sai 20 năm quản-thúc :

Vương Văn-Thuyết tức Đồng-lĩnh, giữ ban giao thông cho đảng, dự chi-bộ tỉnh-bộ, thường ở ngoại-quốc về dò xét công việc trong nước để xui dân làm loạn ;

Đỗ Văn-Tế, dự chi-bộ Tạ-xá, tỉnh-bộ và liên-tỉnh-bộ, họp hội đồng ở nhà mình ;

Bùi Văn-Sử, dự chi-bộ Tế-băng, cho Khóa Vát trốn ở nhà mình, và cho đảng 100\$ để mua súng lục ; cả ba người đều phạm điều 66 và 321 luật Hình.

1 người bị 7 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc :

Phạm Văn-Nhự tức Tổng Nhự, chỉ là Việt-Nam Quốc-dân-đảng, không dự chi-bộ nào, đứng chủ-trương ban tài-chính cho đảng, và hai lần dự hội-đồng cách-mệnh ở nhà Đỗ Văn-Tế ở xã Ninh-kê, phủ Nam-sách, cũng phạm điều 66 và 321 luật Hình.

5 người bị 5 năm khổ-sai 20 năm quản-thúc :

Mạc Văn-Diệm, ở chi-bộ Tạ-xá, tỉnh-bộ và liên-tỉnh-bộ ;

Nguyễn Văn-Đại, thư-ký của chi-bộ Tế-băng, trong kỳ hội-đồng cách-mệnh ngày 19 *Septembre* 1932 đọc diển-văn ở Ninh-kê, và trong lúc bị bắt có giữ bản chương-trình làm bom của đảng ;

Vũ Văn-Tôn tức giáo Minh, dự hội-đồng cách-mệnh ngày 19 *Septembre* ở Ninh-kê ;

Lê Tầm, cũng dự buổi hội-đồng ấy và mua thẻ cho khóa Vát dùng ;

Lê Văn-Kỳ, dự chi-bộ Phả-lại năm 1930 định đánh Phả-lại ; cả 5 người đều phạm điều 66 và 321 luật Hình.

3 người bị 5 năm tù, 5 năm quản-thúc :

Trần Văn-Thân, có chi-bộ Tạ-xá, dự hội-đồng ở nhà Đỗ Văn-Tế ;

Vũ Thị-Vy, có chi-bộ Cam-thượng và sang Tàu có họp hội-đồng ;

Trịnh Giác, đứng giao-thông cho đảng ở Tàu và ta ; cả ba người đều phạm điều 71 trong luật Hình trị người có đảng kín.

3 người bị 3 năm tù, 5 năm quản-thúc :

Lê Quý-Niệm tức giáo Niệm, có chi-bộ Huệ-tri, hai lần họp hội-đồng ở Hàm-ếch và Cẩm-giang ;

Phạm Hữu-Tông, đồng-phạm như giáo Niệm ;

Phạm Xuân-Độ, có chi-bộ Tế-băng, tuyên-truyền cho tên Tuyên và tên Phú vào đảng ; ba người cùng phạm điều 71 luật Hình.

1 người bị 1 năm tù :

Lưu Kiến, đem thẻ của chú bán cho khóa Vát, phạm điều 154, 49 và 50 trong luật Hình.

1 người bị 6 tháng tù

Phạm Huy-Lực là người biết có đảng khả-nghi trong làng mà không trình báo, phạm điều 103 và 322.

1 người bị 5 năm tù án treo và
5 năm quản-thúc.

Dương Xuân-Cơ tức Thành-Nam dự
hội-đồng ở Trại-tường, được bầu làm
tổng-thư-ký nhưng không nhận.

1 người bị 3 năm tù án treo

Nguyễn Đình-Sơ tức Cai-Sơ, cai lệ
huyện Cẩm-giang, biết đảng hội-hợp ở
Tế-bằng mà không trình báo, phạm
điều 103 và 322,

4 người bị 2 năm tù án treo

Phạm Thế-Nha, Bùi Văn - Thái,
Nguyễn Cương và Nguyễn Văn-Phú
đều phạm điều 322. (Cương và Phú lại
phải thêm 5 năm quản-thúc).

Còn 34 người được trắng án,

*Chương-trình hành-động của đảng
Cộng-sản Đông-dương.* — Ngộ-báo có
thuật theo báo « *Avénir du Tonkin* »
như sau này :

Paris. — Từ khi bài diễn-văn của
quan Toàn-quyền PASQUIER đọc ở Hà-
nội tại phiên Hội-đồng Chính-phủ ngày
17 *Décembre* sang tới Pháp thì các
báo ở Paris có đăng nhiều sự-kiện về
cái chương-trình của đảng Cộng-sản
Đông-dương. Trong bài diễn-văn ấy,
ngài nói rõ-ràng về những phong-trào
biến-động tự năm 1930 đến năm 1931.
Cái chương-trình mà các báo bên Paris
công-bố ra là rút ở trong một tờ báo,
cơ-quan của Tiểu-ban Hành-chính quốc-
tế cộng-sản xuất-bản tại Moscow, tên
là : « *Kommunistitchesky Interna-
tional* ». Chương-trình ấy dài tới chín
trang giấy đặc chữ. Sau đây là tóm-tắt
một ít nói về mục-đích của đảng ấy tại
Đông-dương.

Chương-trình của đảng Cộng-sản
Đông-dương làm tại Moscow, sau khi
Nga, Pháp ký một hiệp-ước bất-xâm-
phạm trong có những khoản cấm can-
thiệp đến việc nội-trị của nhau, cấm
cả cuộc tuyên-truyền cách-mệnh tại

các thuộc-địa và cấm giúp những tay
phiến-động ở thuộc-địa.

Vậy ta hãy thử xem chương-trình
của đảng Cộng-sản tại Đông-dương
như thế nào.

Mục-đích đảng ấy tại Đông-dương
là :

1') Mưu hoàn-toàn độc-lập về đường
chính-trị và kinh-tế cho Đông-dương ;
bỏ quyền cai-trị của nước Pháp ; bỏ
hết thủy-quân, bộ-quân, không-quân
và sự tuần-phòng của người Pháp ở
Đông-dương ;

2') Đánh đổ hết các nhà vua bản-xứ,
các quan-trưởng và tịch-biên tất cả
của-cải.

3') Lập thành Chính-phủ lao-nông
Tô-Nga ; tổ chức một đạo quân cách-
mệnh lao-nông ; cấp khi-giới cho hết
thầy các dân lao-động.

4') Quốc-hóa tất cả các ngân-hàng
và các xưởng công-nghệ, các đồn-diền,
các đường xe-lửa, các tàu thủy, sông
mãng của người Pháp hay người ngoại-
quốc ;

5') Tịch-biên hết thầy các nhà cửa,
đất-cát, rừng-rú của bọn « đế-quốc »,
của đạo Gia-tô, của các điền chủ, các
chủ nợ, các người trong hoàng-phái,
các quan-lại và các hào-mục.

6') Những đất cát, ruộng-nương sẽ
đem chia cho các thợ thuyền, dân quê
nghèo hay đủ ăn để làm lụng. Trả lại
cho dân lao-động những đất ruộng
công đã chiếm trước.

7') Bỏ hết những tờ thế chấp và
những tờ hợp-đồng bắt các thợ-thuyền
làm tội-mọi cho các ngân-hàng và các
chủ nợ. Bỏ hết tất cả những món nợ
vay của các ngân-hàng và các nhà tư-
bản Pháp.

Lập một cuộc liên-hiệp bác ái cho
tất cả các giống người ở cõi Đông-
dương.

8') Mỗi ngày làm việc tám giờ, chỉnh-
đốn lại cách làm việc, lập những hội

bảo-trợ để phòng khi bệnh tật, già yếu, thất-nghiệp hay bị nạn lao-động.

9') Cho phụ nữ Đông-dương được ngang quyền với đàn-ông về chính-trị.

10') Giao-hiệu với nước Trung-hoa cách mệnh lao-động và với đảng Cách-mệnh Ấn-độ.

Ngự giá Nam-tuần lần thứ hai. -- Ngày 14 tháng 2 này, đức Bảo-đại lại ngự-giá nam-tuần lần nữa để xem-xét nổi mẩy lính về phía nam Trung-kỳ. Có quan Khâm-sứ CHATEL cùng đi với Ngài. Các quan hộ-giá tùy-tùng thì có quan Thủ-tướng NGUYỄN HỮU-BÀI, quan Đồng-lý PHẠM QUỲNH, quan thượng Vương Tứ-Đại, ông HOÀNG TÙNG-ĐỆ, quan SOGNY chánh Liêm-phóng Trung-kỳ, quan GAUTHIER hội-lý Nội-các, và quan HAELEWYN chánh văn-phòng tòa Khâm. Ngày 15 ngự thăm đồn lính khố xanh Bình hồ, thăm trại nuôi giống vật, đồn-điền *Genaud* và các làng thực-dân An-Nam ở *Pleiku*; lại ngự thăm các đồn-điền *Catska*, *Sapdo* và đồn-điền chè, buổi tối thì tới *Kontoum*. Ngày 16 quan Công-sứ GUILLEMINET có tờ bày cái công-lao của các nhà thực-dân Pháp Nam đã mở-mang xứ *Kontoum*. Đức Bảo-đại có gấn huy-chương cho nhiều người. Quan Khâm-sứ có làm lễ trao eò cho đạo lính khố-xanh và thay mặt quan Giám-quốc Pháp gấn đệ-ngũ-hạng Bắc-đầu hội-tinh cho viên quản khố-xanh BUIRON và hội-tinh khố-xanh cho viên Giám-binh DERAYMEZ. Rồi ngự thăm giáo đường, các trường học và nhà thương. Ngày 17 ngự đi *Banmethuot* tới địa-hạt lĩnh *Darlac* có dừng lại thăm các dân làng người *Djarais*. Đến đồn *Buonho* thăm các dân mọi *Indur*. Khi tới *Banmethuot* thì vào thăm dinh quan Quản-đạo, thăm trại khố-xanh cùng trường học dạy trẻ con *Rhadés* và trại lính *Rhadé-Djarais*. Chiều ngày 18, Ngự đi Khánh-hòa có thăm đồn-điền *Auger* và trại lính *Mdrack*. Ngày 19, Ngự thăm

trường Pháp-Việt Nha-trang, viện *Pasteur*, sở cá, rồi thẳng tới tòa-sứ Nha-trang, lại đi thăm tháp *Ponagar* của người Chăm, nhà thương, đồn-điền Suối-dầu của viện *Pasteur*. Ngày 20, Ngự đi Phan-rang, thăm nhà thương, các trường học và sở muối *Cana*, Ngự đi khánh-thành nhà chò thuốc ở Long-hương rồi tới Phan-thiết. Ngày 21, Ngự đi khánh-thành bia kỷ-niệm công-đức của dân tỉnh Bình-định giúp Như-tây học-hội ở Huế, thăm các trường học, nhà thương và sở muối sở làm nước mắm ở Bình-thuận, rồi Ngự đi *Dalat*. Ngày 22 tại *Dalat* ngự thăm các trường học, nhà thương, trại khố-xanh, trường Trung-học Tây và thăm khắp thành-phố *Dalat*, rồi đi thăm đồn-điền trồng chè. Ngày 23, quan Khâm-sứ cùng các quan Thủ-tướng, quan Đồng-lý, quan chánh Liêm-phóng, quan Hội-lý cùng quan chánh văn-phòng tòa Khâm đều trở về Huế, đức Bảo-đại còn ở lại *Dalat* mấy hôm rồi mới về Huế.

Đức Bảo-đại đối với hội Tế-bần Hà-nội. -- Đức Bảo-đại thấy hội Tế-bần ở Hà-nội lập Dạ-lữ-viện cho những người cùng nghèo trú đêm. Ngài có gửi cho Hội một trăm đồng bạc để cấp cho Dạ-lữ-viện.

Lê Văn-Phan và Nguyễn Công-Huy đã bị xử tử. -- Lê Văn-Phan 35 tuổi, quán làng Xuân-bồ, huyện Nam-đàn Nghệ-an can tội có chân trong một hội kín ngoại-quốc, ở lâu năm bên Tàu, học ở các trường vũ-bị, đã làm sĩ-quan trong một vài đạo binh Trung-hoa, Phan lại đứng đầu tổ-chức nhiều vụ ám-sát, có tính-cách chính-trị; Nguyễn Công-Huy 25 tuổi, quán làng Xuân-duong, huyện Thanh-chương, có chân trong hội-kín ở trong nước, hết sức tiến-hành các công-việc, lâu dần có địa-vị, cũng đã gây nhiều cuộc đổ máu, Hai tên này năm ngoài bị tòa-án Vinh kết tội tử-hình, nay án mới thi-hành

dem hai tên ấy ra bản ở trường hình Vinh.

Hội-đồng thóc gạo họp lần thứ nhất ở Sài-gòn. — Hội-đồng do nghị-định ngày 22 *Décembre* 1932 cử để xét vấn-đề thóc gạo đã họp hôm thứ năm 16 *Février* hồi 9 giờ tại phòng hội đồng Tư-mật, do quan Thống-dốc KRAU-THEIMER chủ-tích, hội-viên đông-dủ, quan Thống-dốc tuyên-đọc đạo nghị-định cử hội-đồng.

Viên thư-ký đọc chương-trình các công-việc của hội-đồng. Bàn luận xong, hội-đồng cử ba tiểu-ban :

a) Tiểu-ban chuyên-môn nghiên cứu về : 1) Chương-trình thực-dân, việc dẫn-thủy và trị-thủy, các thứ đất mặn ; 2) Việc sản-xuất nhân-công, chất bón, gia-súc, họp-đồng lĩnh-trương, các thuế-mả ; 3) Thị-trường : có thể tiêu-thụ đi được bao nhiêu thóc gạo, đặt thành hạng,

b) Tiểu-ban thương-mại xét :

1) Kho lúa, trữ lúa, hội chuyên-nghiệp bán thóc, việc vận-tải, máy làm thóc.

2) Việc buôn-bán trong xứ, người môi-giới tiền lãi.

3) Việc xuất-cảng : giá ở Sài-gòn, giá ở ngoài giấy chứng chỉ bảo-lĩnh.

c) Tiểu-ban tài-chính xét :

1) Tình-thế tài-chính các điền-chủ và nông-gia.

2) Có thể bảo-đảm được đến thế nào.

3) Số dự-tiêu mới, số dự-tiêu thuộc-địa.

Tất cả hội-đồng đều đồng-ý nên làm công-việc cho nhanh-chóng, mà sao

cho được chắc-chắn và ích-lợi. Hội-đồng giải-tán, các tiểu-ban định thứ sáu 17 *Février* lại họp làm việc.

Thuế thân ở Bắc-kỳ năm nay được giảm mười phần trăm. — Do viện Dân-biểu Bắc-kỳ thỉnh-cầu, ngày 24 tháng 2, nghị-định quan Thống-sứ Bắc-kỳ đã ưng giảm thuế thân cùng các khoản ngoại-phụ thuế thân An-Nam thu vào ngân sách các tỉnh và các thành-phố thuộc Bắc-kỳ tạm giảm cho dân mười phần trăm (10%) về năm 1933.

Nam-Phong tùng-thư

(Bán ở Đông-kinh ấn-quán, mỗi quyển giá 4 hào hay 5 hào, ở xa tiền cước ngoài).

Mới xuất-bản :

Tục-ngữ ca-dao. PHẠM QUỲNH soạn và tập. — giá 4 hào.

Xuất-bản từ trước :

- | | |
|-------------------------------------|--------|
| 1. — Văn-minh-luận | 4 hào. |
| 2. — Ba tháng ở Paris | 4 hào. |
| 3. — Văn-học nước Pháp : | 4 hào. |
| 4. — L'idéal du Sage | 4 hào. |
| 5. — Chính-trị nước Pháp, | |
| Quyển thứ I | 4 hào. |
| Quyển thứ II | 5 hào. |
| 6. — Khảo về tiều-thuyết | 4 hào. |
| 7. — Lịch-sử thế-giới | 4 hào. |
| 8. — Le Paysan Tonkinois | 4 hào. |
| 9. — Lịch-sử và học-thuyết VOLTAIRE | 4 hào. |
| 10. — Phật-giáo đại-quan. | |
| (In lần thứ hai). | 5 hào. |
| 11. — La Poésie annamite. | 4 hào. |

Sắp xuất-bản :

12. — Tuồng Lôi-xích và tuồng Hòa-lạc.

QUỐC-NGŨ ĐÌNH-NGOA (1)

II

Trủ	Trủ giò (đem giò gà mà cúng để xem bói).	Trun	Trun ngăn lại.
Chua	Chua cay, chua thích.	Chún	Chún cổ đi, bệnh úi-chún bề cả thân mình.
Chùa	Đình chùa.	Trún	Trún nước ra nơi lỗ miệng.
Chúa	Vua chúa, công-chúa.	Chung	Chung thủy (trước sau), chung cục, chung-ái (thương vào một người) chung tình, chung riêng, chung chạ, một cái chung (đựng rượu).
Chuân	Chu-chuân (khăn vó).	Trung	Trung hiếu, trung tín, trung nghĩa, trung ái, trung cần, trung-độ, trung-tâm-diêm, xử Trung-kỳ.
Truân	Truân-chiên, truân-kiên, gian-truân, truân sợi dây lại (cho đều nhau).	Chùng	Chùng lên, ăn chùng.
Chuẩn	Chuẩn-thẳng (dây mực), tiêu-chuẩn, chuẩn cho, chuẩn-y, chuẩn-trừ, chuẩn món tiền lại.	Trùng	Trùng-độc, vi-trùng, trùng-kiến, trùng-điệp, trùng-phúc, trùng-triềng.
Truất	Truất giáng, truất-trắc, truất chức đi.	Chúng	Chúng-nhân, chúng kiến, công-chúng.
Truật	Hách-truật, vị thuốc bạch-truật.	Trúng	Bắn trúng, nói trúng lý, trúng độ, trúng thực, trúng bệnh, thí trúng (thi đậu).
Chuầy	Chuầy mắt dằm nguyên trước.	Chủng	Chủng-loại, chủng-tộc, chủng-tử (đức con), chủng chẳng (không vắng lời).
Chúc	Chúc-tụng, di-chúc, chúc-thư, chúc-văn, chúc lên chúc xuống.	Trúng	Quan trúng-tê.
Trúc	Cây trúc, trúc nghiêng, trúc nhào.	Chuồn	Con chim chuồn-chuồn
Chục	Trăm chục.	Chuộc	Chuộc lại, mua chuộc.
Trục	Khu-trục (lúa đuôi), cái trục quay.	Chôi	Cái chuôi (đầu mút).
Chui	Chui lồn, chui lủi.	Chuối	Đám chuối xuống, chuối vào.
Chùi	Chùi quét.	Chưởi	Cây chưởi.
Trùi	Trùi mũi.	Chuối	Chuối hột, nhiều trái nhỏ chuối xuống.
Chúi	Chúi đầu xuống, lúi chúi.	Chuôm	Cái chuôm bĩa cá, quả chuôm-chuôm.
Chụi	Chụi nước mắt.	Chuôm	Chuôm gai lại (tức rào lại).
Trụi	Trụi lông trọc trụi, hết trụi cả.	Chuôn	Con chuôn chuôn.
Trủi	Trủi bọt lên.	Chuông	Cái chuông, tiếng nói chuông.
Chum	Cái chum (đựng nước).		
Chùm	Một chùm bông, nắm chùm-hum.		
Trùm	Chè trùm, ông trùm xóm.		
Chúm	Cười chúm-chím.		
Chũm	Cái chũm cau.		
Chun	Chun vào (trong chỗ hẹp).		

(1) Xem Nam-Phong từ số 180.

Truong	Cái truong (đường đi giữa), eo truong.	11°	
Chuồng	Cái chuồng nuôi súc-vật.	Chư	Chư-tương, chư-quân, chư-hầu, chư chất, chư cho lớn.
Trưởng	Trần-trưởng.	Tru	Tru tru (cách giữ chặt).
Trưởng	Trưởng nổi xuống, trưởng ngôi đi.	Trừ	Trừ-khử, tẩy-trừ, tiêu-trừ, khấu-trừ, thừa-trừ, trừ-tịch (hôm ba mươi tết).
Chuộng	Kính chuộng, yêu chuộng, tham chuộng.	Chứ	Chứ không hề... chứ không phải...
Chuốt	Chuốt cạo, trau chuốt, chải chuốt.	Trứ	Trứ-danh, trứ thuật (làm sách vở).
Truốt	Mất truốt, hồng truốt, truốt lá đi.	Trự	Trự tiền (tức chữ tiền).
Chuột	Con chuột.	Chữ	Chữ tiền, chữ trong sách, tên chữ.
Truột	Trơn truột, nuốt truột, cách truột.	Trữ	Trích trữ, lưu-trữ, tàng-trữ.
Chúp	Lúp chúp (cách nhà nhỏ).	Chưa	Chưa xong, chưa hề.
Chụp	Chụp ảnh, chụp bắt lấy, lụp chụp.	Trưa	Buổi trưa, ruộng trưa.
Chút	Một chút, chút đỉnh, chút chít (tiếng ợa con) nhỏ lút chút.	Chừa	Chừa khôn, chừa phần lại.
Chuyên	Chuyên-môn, chuyên quyền, chuyên - sung, chuyên - chế, chuyên chở, chính chuyên.	Chứa	Chứa đựng, cái bọc chứa, chứa chan, gá chứa, chứa người gian.
Chuyên	Dây chuyên, chuyên bên này qua bên kia.	Chữa	Thai chữa, chữa hề.
Truyền	Truyền vị, truyền chỉ, truyền bá, truyền báo, truyền lệnh.	Chữa	Chữa bệnh, chữa nhà cháy, chữa máy hư.
Chuyển	Một chuyển tàu, một chuyển vác.	Chửi	Chửi mắng (tức chưởi mắng).
Chuyện	Nói chuyện, thuật chuyện, chuyện trò, chim chuyện chuyện.	Chước	Mưu-chước, moi-chước (mối-dong) bắt chước, chước giãm đi, châm-chước.
Truyện	Kinh truyện, ngoại-truyện, tiểu-truyện.	Trước	Trước sau, trước vào bộ, hàm trước-trác.
Chuyển	Chuyển-dộng, chuyển-vận, chuyển-bát, chuyển-di, lay chuyển.	Chưởi	Chưởi ứa, chưởi ra ngoài, chưởi té xuống.
Chuyết	Chuyết tác (bài văn dở) chuyết khê (lời khiêm với bạn), thô chuyết, diễm-chuyết, chuyết giảng (nghỉ học).	Trươn	Trươn vào (cho lọt qua chỗ hẹp hòi).
		Chương	Chương - trình, văn - chương, báo-chương, huy-chương. (cái mẽ-day) chương thứ nhất.
		Trương	Trương mắt, trương cung, phò trương, trương hoàng, chủ trương, một trương giấy.
		Chường	Chường phải, chán chường.

Trường Đại-trường, tiểu-trường, can-trường, học-trường, thí-trường, đàn-trường, quan trường, chiến-trường, dặm trường.

Chương Chương kỳ, ương chương, chương ế, chương tế, chương độc, lam chương.

Trường Mản trường, bức trường, trù-trường (thương xót), bành-trường, trường to ra.

Trường Nhạc - trường (ông nhạc) ông trường (chồng cô, dì, tức là ông giượng), nghi-trường, ngũ trường (năm thước là ngũ, mười thước là trường).

Chương Quan chương thân, quan quyền chương, quan chương ấn.

Trường Trường-thượng, tôn - trường, tộc - trường, lý-trường, bộ-trường, quốc-trường, trường-giả (kẻ lớn) trường-thành.

II.— S. X.

12°
Sa Sa cơ, sa sút, mù sa, sa-trường, sa mạc (đám cát lớn), sô sa.
Xa Xa mã (xe ngựa), cái xa đánh chỉ, xa xôi, xa xề, xa phí, xa sát, xấu xa, xót xa.
Sà Sà sà (cách máy bay).
Xà Xà yết (rắn và bọ cạp), rường xà, tinh khí xê xà.
Sá Đường sá, quả sá, không sá gì.
Xá Quán xá, thứ-xá, khoan xá, ân xá, vái xá, xá-đệ (em nhà tôi, lời nói khiêm với người ta), xá-muội (em gái tôi).
Sạ Suồng sạ.
Xạ (Bắn), xạ kỵ (bắn tên và cưỡi ngựa), ánh sáng xạ thẳng xuống, vị xạ-hương.
Sả Đem gậy sả xuống, con chim sả cánh xuống, chim cà sả, cây sả.
Xả Xả tóc xuống, bỏ xả đi.
Xã Xã-hội, xã-thôn, xã-trưởng, thu-xã.
Sác Tần sác, cái sác (chỗ có cả nước cả cây), đi sác đường.
Xác Xác người, xác-tạc, đích-xác, xác-tín, xác-luận, xác-kiến, xơ-xác, vị chỉ-xác.

Sách Sách vở, sách giá, sách-nhiều, yêu-sách.
Xách Xách lên, xóc-xách (cách xóc tiền, bán hàng xách).
Sạch Sạch sẽ, tinh sạch, sọc-sạch (tiếng bụng sôi), sạch-sành-sanh.
Xạch Xọc xạch (còn lỏng chưa được chặt).
Sai Sai khiến, sai suất, sai ngộ, sai lầm, sai sử, sai phái, tính sai phân.
Xai Xai-nghi, dất xai đi, đi té xuống xai, xai chân lại.
Sài Đơn sài, sơ-sài, sài lang (loài chó sói), vị sài-hồ, bệnh sài-ghe.
Xài Lài xài (ăn bận không chỉnh-đốn), tiêu xài, xài-xạc, xơ-xài.
Sái Sái khớp xương, lời nói sái, tiêu sái (cách thanh-nhân).
Xái Xái nha-phiến, không xái chi điều ấy.
Sải Một sải (kể cả hai tay nhăng ra).
Sãi Người sãi chùa.
Sam Con sam (ở dưới nước), rau sam.
Xam Xấp xam (không được đều đặn).
Sàm Sàm trầm (gièm chê), sàm-sữa.

Xàm	Làm xàm (không được tốt).	Xao	Xao-xác, xôn-xao, xanh-xao, lao-xao, thối-xao (cách làm vẩn rộng từ).
Sám	Sám-hối, nắng sám mặt.	Sào	Cây sào, mẫu sào, yển sào, sào-huyệt.
Xám	Sắc xám, sắc xam-xám.	Xào	Xào-xác (cách xộn-rộn) chiên xào.
Sạm	Nước da đen sạm.	Sáo	Cựu-sáo, gia-sáo, chim sao-sáo, bừc sáo vễ.
Xảm	Xảm thuyền (cho khỏi chảy nước vào).	Xáo	Xáo bậy, xáo xiển không thứ-tự) bán hàng xáo.
San	San-hô, san sê, san bột ra, san dọn lại, giang-san (núi sông).	Xạo	Lạo-xạo (cách rợn-ràng).
Sàn	Sàn sàn (không tốt không xấu).	Sảo	Cái sảo (như cái đũa mà lớn hơn và thưa hơn).
Sán	Sùng sán (ở trong bụng), bàng sán (gièm chê).	Xảo	Xảo-quyệt, diệu-xảo, tinh-xảo, tri-xảo, đấu-xảo.
Xán	Xán-lạn (rực-rỡ), xán một hòn đá.	Sáp	Sáp ong, đèn sáp, gian sáp (khó-khăn).
Sạn	Đá sạn.	Xáp	Lúa xáp (không có gạo như trấu).
Sản	Sinh-sản, thổ-sản, sản-vật, sản-nghiệp.	Sạp	Tấm sạp (trong thuyền).
Sang	Sang-trọng, sang bên kia, phát sang.	Sát	Sát sao, sát nhân (giết người), quan-sát xem xét) sát vào trong da, sát trùng, quan án-sát.
Xang	Thuyền chày xang ra khơi, xênh-xang, xú xang.	Xát	Cà xát, xa xát.
Sàng	Cái sàng (để sàng gạo), sàng-tịch.	Sạt	Sàn-sạt (tiếng chày hay tiếng quăng cái gì).
Xàng	Xàng xê, liu họ xê xàng.	Sau	Trước sau.
Sáng	Sáng tối, sáng láng, sáng-khởi, sáng-kiến, sáng-thuyết, sáng-tạo.	Xàu	Mặt xàu (không tươi-tĩnh).
Sảng	Sảng - sốt, thanh - sảng, sảng-khoái.	Sáu	Sáu, bảy.
Xảng	Xang-xảng, (cách dối cãi trá) cái xảng (đựng-gạo).	Xấu	Lầu-xấu cách lật đật).
Sanh	Song-sanh, sạch-sánh-sanh.	Sậu	(Tức là lúa ngô) cái mặt sậu-sậu (giọng nhiếc mắng).
Xanh	Sắc xanh, cái xanh (nấu đồ ăn) xanh trì (chống chổi).	Xấu	Xấu mặt lại (không tươi vui), lá cây xấu xuống.
Sành	Đồ sành, người sành-sỏi, quả cam sành.	Sạy	Sạy rượu, sạy mê.
Sánh	Sánh dối, sánh vai, so-sánh.	Xay	Xay lúa, xay xố.
Sảnh	Sảnh tai (là cái tai-nạn rủi-ro) sảnh-đường (nhà hông các quan ra khách), sông-sảnh.	Xáy	Xáy vào giữa mặt (như muốn nhiếc mắng).
Sao	Ngôi sao, gõ sao, sao lục, sao chế, làm sao?	Sẩy	Diên sẩy (lúa gạo) sẩy mặt.
		Xẩy	Nói xảm xi xảm xẩy.

13°		Săm	Săm uất, núi Săm-son.
Sắc	Sắc gái, sắc đỏ, sắc chỉ, sắc thần, sắc thuốc bắc, phong sắc (hơn và kém).	Xăm	Chạy xăm vào, đâm xăm.
Xắc	Xắc lắc (tính không vững vàng), xúc xắc (cách người hèn yếu chỉ làm được một đôi việc).	Sấm	Sấm sét, sách sấm ký.
Sặc	Sặc huyết ra, sặc đờm ra, sảng sặc (cách lạ quở luôn) nghe sặc những mùi rượu.	Sằm	Màu sằm-sằm.
Xăm	Bắt xăm (tức bắt thăm) chạy lăm xăm, xăm bậy ra.	Xằm	Xằm mắt (mắt mù-tối), xăm-xoan, trò hát xăm, xăm vớ được gây.
Sấm	Sấm sửa, sấm sanh.	Sàn	Cái sàn (trước mặt nhà).
Xấm	Lấm xấm (toan ngồi xuống).	Sần	Sương sần, (cách thẹn hồ), nước da sần, quả sần đi (không lớn nữa), nhai sần-sật.
Sần	Sần bần, sần sóc, sởi chỉ sần.	Sấn	Sấn vào (để đánh lộn), sấn sớt, chữ này sấn với chữ kia, lễ sấn (quần quan tài lại).
Xăn	Xăn quần lên, xắn xo (toan hong ra đánh ai).	Sấp	Nằm sấp, sấp ngửa, sấp cật.
Sấn	Khoai sấn.	Xấp	Xấp tóc đi, một xấp sách, nhân xấp hai lên.
Xấn	Đào xắn (hai bên đường).	Sập	Sập cửa xuống, cái bẫy sập cộp, cái sập nằm
Sấn	Sấn sàng, sấn của ấu tiêu.	Sật	Nhai cái gì nghe «sần-sật».
Sảng	Sảng gõ.	Sâu	Sâu cạn, sâu hiểm, sâu sắc, con sâu bọ, sâu mọt.
Xảng	Xung xảng, chạy lảng xảng, làm xảng bộn (không thứ-tự), dầu xảng.	Xâu	Xâu tiền vào (nơi chuôi), xâu xé nhau, tên đầu xâu, bắt xâu (khi đánh bạc).
Xảng	Làm xảng (tức làm bậy).	Sầu	Sầu buồn, sầu-não, cây sầu đầu.
Sảng	Sốt sảng	Sấu	Sấu trúc (gậy ốm), con cá sấu.
Xảng	Màu xảng (của nước mắm) nói, xảng (không phép tắc), xủng xảng.	Xấu	Xấu xa, xấu hổ.
Sấp	Sấp sửa, sấp đặt, sấp đi (đã gần đi).	Sây	Sây trái (được nhiều trái).
Sắt	Sắt quánh, đàn sắt.	Xây	Xây đắp, xây tường, xây xa, quả địa-cầu xây.
Xắt	Xắt ra từng nhát.	Sậy	Một cây sậy.
Sắt	Cây sắt.	Sậy	Sậy tay, sậy mắt.
14°		Xậy	Xậy ra một việc gì khác, lấy cái đao mà xậy ra.
Xắc	Xắc xao, xắc ngược.	15°	
Sâm	Sâm nhung, sâm thương (hai ngôi sao), sâm hiệp, con hải-sâm (vật ăn), màu sâm-sằm.	Se	Se da, se mình, phơi nắng đã se rồi.
Xâm	Xâm lẩn, xâm chiếm, xâm-phạm, máu xâm.	Xe	Xe ngựa, bánh xe, xe sợi chỉ, xe duyên.
		Sè	Sò sè (cách dờm kéo trong cờ).

Xé	Xé rách ra, lòi xé.	Xếp	Thu xếp, xếp đặt, xếp đôi lại.
Sẻ	Sẻ sàng, chim sẻ sẻ.	Xẹp	Bẹp xếp (cách ngồi xấu).
Xẻ	Xẻ hai ra.	Sếu	Sếu sáo (cách ông già nhai cơm).
Xem	Xem ngó, xem xem (đơn sơ),		
Sóm	Nặng sóm da.	17°	
Sen	Hoa sen.	Si	Ngu-si, si-tinh (mê trai gái).
Xen	Xen lộn, xen vào.	Xi	Gia-xi (của nhà).
Xén	Xén bớt đi.	Sì	Đen sì, đen sì sì.
Sén	Bỏn sén.	Xì	Xì hơi ra, xì tiếng ra, xì nước ra, xì mối ra.
Xèng	Xèng xèng (tiếng đồng la kêu).	Xì	Kỳ xì, nhà xì.
Seo	Đuôi seo (của con gà).	Sỉ	Sỉ nhục, liêm sỉ, vô sỉ (không biết xấu).
Xeo	Xeo nạy, người đầu xeo (trong làng).	Sĩ	Sĩ-nhân, vãn-sĩ, hiền-sĩ, nữ-sĩ, hiệp-sĩ.
Xèo	Xèo xèo (tiếng mỡ rán trên lửa).	Xỉ	Xỉ mạ (chửi mắng) xỉ nhục (nhỉếc mắng) bất-xỉ (không ai thêm kẻ).
Séo	Con chim séo, đòi ăn như séo,	Sĩa	Sâu sĩa.
Xéo	Cái xéo đựng gạo, xéo mắt rồi (tức trốn mắt).	Sĩa	Sĩa chân xuống nước.
Xẹo	Xiên xẹo, cái hình xẹo.	Sĩa	Cái sĩa (như cái nống mà thừa lỗ).
Sẻo	Cái sẻo (cái vit trong mình).	Xĩa	Xĩa răng, cái xĩa, cái cuốc xĩa.
Xẻo	Xẻo thịt.	Xích	Xích-thăng (sợi dây dỏ) xích-tử (con mới sinh nước da còn đỏ) xê xích ra, xúc-xích (không ngang ngạnh một rập), dây xúc-xích, lấy dây mà xích lại.
Xếp	Bụng xếp, lúa xếp, xếp lép (không được đầy).	Sịch	Chạy sầm sịch.
Xẹp	Xẹp lép (phía trong không được đầy), xếp đi rồi (không trôi lên được nữa).	Xịch	Xục xịch (tiếng máy chạy trong xe hay trong tàu).
Sét	Sấm sét, sét ăn hư sắt.	Siếc	Câu nói siếc (muốn nói mà không dám nói rõ).
Xét	Xét đoán, dò xét, xem xét, cứu xét.	Xiếc	Làm trò xiếc (tức trò rối).
16°		Xiêm	Xiêm áo, nước Xiêm (tức nước Tiêm-la).
Xê	Xê ra, xê xích (gần gần đúng).	Siễm	Siễm nịnh (hay a dua).
Xề	Tinh khí xề xà, cười xề xề.	Xiên	Xiên xéo, xiên xẹo.
Xể	Mặt trời xể, bóng xể, xể xể (không được chính giữa).	Siêng	Siêng năng.
Xề	Rách xề xười, đường sá lở xề.		
Xếch	Xếch méo, xiển xếch.		
Xệch	Xệch xạc (không tề chỉnh).		
Sên	Con sên (loài sấu).		
Xênh	Xênh xang (cách đi đứng tự do).		

Xiềng	Cái xiềng (đeo cho người có tội).	Soái	Quan nguyên-soái.
Siềng	Cái siềng (bỏ đồ).	Xoàm	Hoàm xoàm (cách lỏng lá nhiều).
Xiết	Xiết nhà (mà lấy đồ chi đó) kê không xiết, xiết bao.	Xoang	Xoang tay áo ra.
Siêu	Siêu-quần (hơn cả đoàn), siêu độ (vớt hồn), cái siêu nấu nước.	Xoàng	Xuềnh xoàng (dáng say rượu), làng xoàng (ăn bận sơ sài).
Xiêu	Bỏ xiêu, xiêu lòng, xiêu theo lời nói.	Xoay	Xoay vắn, xoay đầu người nào xuống đất.
Xin	Xin mây, kêu xin.	Soát	Soát nhà, kiểm soát, sút soát.
Sinh	Sinh đẻ, sinh sự, sinh lợi, sinh sản, sinh-nhai, sinh-lý, sinh-hoạt.	Xoắt	Miệng nói xoắt xoắt, lắt xoắt (cách cho đồ gì mỗi khi một ít, không được nhiều).
Xính	Xính tốt, xính tươi.	Sóc	Gió sóc, sóc com vào cổ, con sóc.
Sinh	Trưởng sinh lên.	Xóc	Xóc vác, xóc xách, cái đòn xóc, đánh xóc-xĩa, chạy lóc-xóc.
Sính	Sính nghề, sinh lễ (lễ cưới), sinh-yật (đồ cưới).	Sọc	Sọc sạch (tiếng cái gì lay động trong hộp), da con cạp có sọc.
Sít	Sít với nhau.	Soi	Soi xét, soi tỏ, sút soi, một soi đất.
Xít	Nghe hơi xấm xít, cou bọ xít.	Xoi	Xoi đào, xoi móc, xoi tách.
Sịt	Sịt mũi, khóc sụt sụt, đen sụt.	Sói	Sói đầu, con chó sói.
Xịt	Xịt hơi ra, xịt nước ra.	Xói	Đánh cho một xói giữa mặt.
Xiủ	Xiủ mặt lại (không tươi tỉnh).	Sỏi	Sành sỏi.
18^e		Sòm	Om sòm.
So	So sánh, so đo, con so (con đầu lòng).	Son	Son phấn, lòng son, son sè.
Xo	Xăn xo, ốm xo, xo xương, cái lo-xe.	Xon	Chạy lon-xon.
Sò	Ho sò sè, con sò (loài ốc).	Song	Cửa song, sông đờng (hai cha mẹ), đi đều song song, song sinh (để sinh đôi), cây mây song.
Xó	Cái xó (một góc trong nhà) bỏ xó.	Xong	Xong xoài, làm xong việc.
Sọ	Cái sọ dừa (cái đầu người chết).	Sòng	Sòng sạ (tinh mau mắn), sòng cờ bạc.
Xỏ	Xỏ lỗ, xỏ xiên, xỏ lá, xỏ chân vào.	Sóng	Sóng gió, sóng dọ.
Xóa	Xóa đi (không tính nữa), xóa bỏ những chữ đã viết rồi.	Sông	Sông-sảnh (cách bụng chén rượu dâng lên), nhảy lỏng-sông.
Xoác	Trắng xoác, con chim bay xoác qua.	Sót	Bỏ sót, quên sót.
Xoai	Cửa nhà điều xoai.		
Xoài	Quả xoài.		

Xót	Xót xáy, xót xa, thương xót, chua xót, xót gạo, nhảy lớt xót.	20°	
Sọt	Cái sọt (như cái bội, để đựng cỏ) sọt sẹt.	Sơ	Đơn sơ, sơ sài, thân sơ, hồ-sơ, sơ-học, sơ-lược, sơ-suất.
19°		Xơ	Xơ xài (cách tiêu-điều) xơ xác, cái xơ (áo con trẻ) cái xơ mít.
Sò	Sò sa.	Sờ	Đứng sờ sờ.
Xò	Xò dầy.	Xờ	Xù xờ.
Xốc	Xốc vào (cách con trâu bạng liều, hay con người đánh nhau liều).	Sớ	Tấu sớ, sớ sết (cách không điềm-đạm).
Sộc	Sôi sồng sộc, sộc máu ra.	Xớ	Bớt xớ.
Xộc	Xông-xộc (cách chạy mau).	Sợ	Sợ hãi.
Sôi	Nước sôi, bụng sôi.	Sở	Cơ sở, sở dĩ... nước Sở.
Xôi	Nấu xôi (tức là cơm nếp), xôi thịt, xa xôi.	Xở	Xở đất ra (cho rộng thêm).
Xối	Xối nước xuống, cái xối hứng nước.	Xơ<i>i</i>	Xơ <i>i</i> cơm,
Xởi	Ấu xởi (không chừa phần lại), con gái quá xởi.	Xớ<i>i</i>	xớ <i>i</i> cơm (ra nơi đĩa) đào xớ <i>i</i> .
Xồm	Lông lá bồm xồm, xồm xoàm.	Sợ<i>i</i>	Sợ <i>i</i> chỉ, vải sợ <i>i</i> .
Xỗm	Ngồi xỗm xuống, lồm xỗm (cách ngồi xuống đứng dậy không yên).	Xờm	Tóc tai xờm xờm, bồm xờm.
Xôn	Xôn xao (cách loạn-lạc không được yên), miệng thế xôn-xao.	Sớ<i>m</i>	Buổi sớm.
Xổn	Xổn-xáo trong lòng (cách đau bụng).	Sơn	Sơn đỏ, sơn thép, giang-sơn (tức giang san).
Xộn	Lộn xộn.	Xơn	Nói xơn lên (là tung lên cho cao), ngọt xơn xớt.
Sông	Núi sông.	Sờn	Sờn lòng, sờn chí, chưa sờn một chút nào.
Xông	Nấu nước mà xông, xông vào để đánh nhau, xông-pha tên đạn.	Sớ<i>n</i>	Sớ <i>n</i> sắc (cách vô lễ).
Sống	Sống chết, sống chín, cái xương sống.	Xớ<i>n</i>	Xớ <i>n</i> xác (cách run sợ, không yên tâm).
Xống	Áo xông.	Xợp	Đầu tóc bợp-xợp.
Xốp	Xốp nỏi, xốp xốp, củ khoai xốp, (không đặc, không chắc cho lắm).	Xớt	Ăn vào nghe ngọt xớt, lưỡi dao xớt nhảm
Sốt	Sốt sảng, không có gì sốt.	21°	
Sột	Quéo qua nghe « sồn-sột ».	Xu	Xu-nịnh, xu-hướng, xu-bộ, bôn-xu, xu cơ, một đồng xu.
		Sù	Vẫu-chương sù (là vãn chương giỏi).
		Xù	Hình dáng xù xù, lù xù, xù xì, (cách bộ rừ rờ), xù xờ.
		Xụ	Xụ lòng xuống

Xử	Xử áo, xử màn xuống.	Súng	Khẩu súng.
Sua	Cái sua nón (về nón đàn bà thuở xưa).	Sủng	Sủng ái (thương yêu), đặc sủng (được người trên thương), thất sủng (không được người trên thương nữa).
Xua	Xua đuổi.	Xủng	Xủng xảng (cách nói hỗn hào).
Xuân	Mùa xuân, xuân xanh.	Sụp	Sụp chân xuống, sụp mình xuống, sụp hãm.
Xuẩn	Ngu-xuẩn.	Sút	Sút giầy ra, sa sút, sút soát (cách gần ngang nhau).
Suất	Suất-lược, sơ-suất, chia ra từng suất.	Xút	Xút chó ra cắn.
Xuất	(là ra), xuất tiền ra, xuất nhập, xuất-cảng, xuất-chúng.	Xuốc	Xuốc quét.
Xuây	Xuây tròn, bàn xoay.	Xuôi	Xuôi dòng, xuôi nước.
Súc	Súc-tích, uần-súc (học vấn sâu xa), đình-súc (chứa lại, không chảy đi), sảng súc, giấy súc, súc miệng, giống lục-súc, cái ống súc.	Suối	Cái suối (nước chảy), chín suối (ở âm phủ).
Xúc	Xúc bức, xúc-động, xúc giục, xúc-nộ, cảm-xúc, xúc cộm, dây xúc xích.	Xuội	Mệt xuội, xuôi xuội (vẫn trơn tru mà không hay).
Xuệnh	Xuệnh xoảng (làm văn trái mất ý đề).	Suôn	Suôn lời, suôn mạch, suôn suốt, suôn sẻ.
Sui	Sui mòn.	Suông	Lấy suông đi (không trả tiền), uống rượu suông, (không có đồ nhắm).
Xui	Xui giục, xui xút, xui dãn làm loạn.	Suồng	Suồng sã (không hay thu giấu).
Sùi	Khóc sùi sụt, sụt sùi.	Xuồng	Chiếc xuồng (chiếc thuyền con).
Xúi	Xúi vào (nói xúi vào).	Xuống	Lên xuống, bước xuống.
Xúi	Xúi mả (là tảo mộ).	Xuồng	Cái xuồng, xuồng bơi.
Sum	Sum vầy, xum nghiêm, sum hiệp.	Suốt	Thông suốt, suôn suốt, suốt cả ngày đêm.
Xum	Xum nhau lại (mà nói chuyện).	Suy	Suy đồi, suy loạn, suy bại, suy nghĩ, suy tính.
Sùm	Um sùm (cây cối tốt).	Xuy	Xuy vàng (vào phía ngoài cái hộp), xuy bạc.
Xúm	Xúm nhau lại, xúm xít (ngồi khít nhau).	Súy	Tướng súy (là các binh quan quan nguyên-súy).
Súm	Súm hãm.	Xúy	Xúy xóa (là bỏ đi không kể).
Sung	Sung sướng, sung mãn, sung túc, sung vào chức gì, cây sung.	Suyên	Sơn xuyên, (núi sông) xuyên tạc (nói đặt điều) đào xuyên.
Xung	Xung ấu (thơ đại), xung đột, xung khắc, xung gan.	Suyễn	Sai-suyễn, bệnh ho suyễn.
Sùng	Sùng trọng, sùng bái, con sùng (hay ăn khoai).		

Xuyết	Xuyết nữa (chỉ một chốc nữa thì...)	Sữa	Sữa của trẻ bú, sữa bò.
22°		Sức	Sức lực, trang sức, phục sức.
Sư	Sư đệ (thầy trò), sư sinh (thầy trò), tiên-sư, quân-sư, con sư-tử.	Xức	Xức nước thơm, xúc cho xa.
Sử	Sử-quân (ông hoàng thái-tử); sử-nhị (ông hoàng thái-tử) sử-bị (đề-dành).	Sực	Sực nhớ lại.
Sứ	Sứ-thần, sứ-giả, đồ sứ (chén bát v. v., quả chuối sứ).	Xước	Xước ngược, xước móng tay ra.
Sử	Sử-sở, xử-xang.	Xười	Bười xười (cách người không chỉnh đốn).
Sự	Sự-tích, chính-sự, đa-sự, sự-nghiệp, lịch-sự (từng trải).	Sưởi	Bệnh sưởi, lò sưởi.
Sử	Sách sử, lịch-sử, sử-quán, sai-sử.	Xườn	Xương sườn, bộ sườn nhà.
Xử	Phân-xử, khu-xử, xử-tội, xử-nữ (con gái trinh tiết).	Sương	Sương mù, sương tuyết, sương ganh, sương phụ (bà góa).
Xưa	Đời xưa, xưa nay.	Xương	Xương thịt, xương xóc, quân Nam-xương.
Sửa	Con sửa dưới bề.	Sương	Sung sương.
Sửa	Sửa sang, sắm sửa, sửa đổi, sửa sẵn.	Xương	Xương-ca, ca-xương, thủ-xương, đề-xương (nói ra đầu hết) khởi-xương.
		Sượng	Sượng sần, sượng sùng.
		Xưởng	Công-xưởng (cái nhà làm thợ).
		Suru	Công-suru, suru-tầm (tìm mọc).
		Sửu	Năm ất-sửu.

III.—D. Gi. R.

23°			(xô tai họa cho người khác chịu) cái giá gác đồ, giá phồng mà..)
Da	Nước da, cây da, cành lá dum da.	Rá	Cái rá (đựng cơm) hột ca rá.
Gia	Gia thêm, gia giảm, gia-quyển, gia-nghiêm (cha tôi), gia-từ (mẹ tôi), gia-huynh (anh tôi), gia-trưởng, quốc gia (nhà nước).	Dạ	Dạ vâng, hôn dạ (đêm tối) bụng dạ, một tấm dạ, dạ soa (con quỉ).
Ra	Ra vào.	Giạ	Chiếc giạ.
Già	Già cả, già yếu, già giần, già non	Dã	Dã-man, sơn dã, phác dã (quê mùa).
Rà	Rà lại (bởi nước chảy) rầy rà, con ma rà.	Giả	Giả dối, giả-trá, giả-mạo, giả-gạo, học-giả (người đi học) tác-giả (người làm văn) độc-giả (người đọc sách).
Dá	Võng dá	Giã	Giã giã, giã độc ra, giã cho lạt bột đi.
Giá	Danh-giá, phẩm-giá, hóa-giá, giá-trị, giá sắc, giá thú, giá họa	Rã	Rom rã, rã rời, rã tay ra.

Dác	Phía ngoài của khúc gỗ (chưa vào tới dòng).	Giám	Giám-định, giám-lâm, quốc-tử-giám, giám-sinh.
Giác	Cảm-giác, tri-giác, giác - quan (cái phần việc tri giác trong thân thể) bát giác, giác khâu, đồng bạc giác, lộc giác giao.	Dạm	Dạm vợ.
Rác	Rác ghét, rom rác, rã rác, rác tai.	Rạm	Con rạm (tức con dam).
Dạc	Bông lá dạc xuống.	Giảm	Giảm bớt, giảm phân, gia giảm.
Giạc	Vóc giạc, giạc chùng, giạc chai ra.	Rảm	Ăn nói nhiều câu rảm, chuyện rảm.
Rạc	Rời rạc.	Dan	Dan-diêu (không rời nhau được) dan tay.
Rách	Rách áo, rách rưới, rách-rách (tiếng nước chảy).	Gian	Gian-tế, gian-tham, gian-dâm, thời-gian (cuộc gian-nan trong đời) khoản buổi gian-nan, gian-truân, một gian nhà, thế-gian, trần-gian.
Rạch	Rạch hai, rạch rời.	Ran	Tiếng sấm ran, ran đất, nước ran ra.
Dai	Nói dai, dẻo dai.	Dàn	Dàn ra (cho có thứ lớp) dàn dả.
Giai	Giai-nhân (người đàn bà tốt) giai-tế (rễ tốt) giai-ngâu (đôi lúa tốt) giai-tác (bài văn hay) giai-vị (món đồ ngon) giai-cấp, thê-giai.	Giàn	Cái giàn bí, giàn bầu.
Dài	Dài ngắn.	Ràn	Cái ràn trâu.
Dái	Hòn dái.	Dán	Dán lại (cho dính nhau).
Rái	Con rái (ở nước hay ăn cá) đầu rái.	Gián	Gián-cách, gián-đoạn, can gián, một con gián.
Dại	Dại dột, khôn dại.	Rán	Rán bằng mỡ, bánh rán, rán sức, rán hơi.
Dải	Cái dải áo.	Dạn	Dạn gan, bạo dạn.
Giải	Treo giải, giải-nguyên, giải-ngạch, phân giải, giải-quyết, giải-thoát, giải phiền.	Rạn	Dấu rạn, (là dấu nứt đá rạn (đá ngầm dưới nước)).
Rải	Lải rải (cách thông-thả) rải rác, rủng rải, rải khắp nơi.	Giản	Giản-dị, giản-tiện, giản - ước, đơn-giản, lưu-giản (để bài thư lại khi ra đi).
Giãi	Phơi giãi, giãi nắng, giãi giầu.	Dang	Nói dang ra, thuyền chạy dang ra khơi.
Dam	Con dam (hình như con cua mà nhỏ).	Giang	Giang-sơn, giang-hà, giang-giải (đóng gong mà giải) giang nắng, cây giang.
Giám	Giám cấm.	Rang	Rang trên lửa, nở như bắp rang, tiếng nói rang rảng.
Ram	Thịt ram.	Dàng	Dễ dàng, dịu dàng.
Ràm	Ràm gió, ràm nói.	Giàng	Cái giàng (để mà bắn).
Dám	Dám cả gan, không dám.	Ràng	Chàng ràng, ràng buộc, ràng rịt, con cạp dã có ràng.

Dáng	Hình dáng, dáng dấp, làm dáng.	Giảo	Gian-giảo, giảo-trá, giảo-tử (chết thối cổ).
Giáng	Cách giáng, giáng hạ, giáng trần (xuống trần thế) cây hương giáng.	Rảo	Rảo quanh, xảo bước.
Ráng	Cái ráng (hé ra một phía trời) mây ráng.	Giáp	Giáp-giới, giáp-công (hai bên đánh lại) giáp mặt, cái áo giáp. năm giáp-tí, giáp-ất, giáp-lich.
Dạng	Hình dạng, bộ dạng.	Ráp	Ráp nói, ráp đánh, gà ráp trội, may ráp lại.
Rạng	Tổ rạng, rạng đông.	Rạp	Cái rạp (tức cái nhà mà không có bốn vách), rạp hát.
Giảng	Giảng-giải, giảng thuyết, giảng nghĩa.	Rát	Rát cho tôi lăm, roi đánh vào rát da.
Rảng	Giọng nói rang-rảng, chuông kêu rang-rảng.	Dạt	Trôi dạt, dạt ra cho mỏng.
Danh	Danh-giá, danh-lợi, công-danh, danh-thiếp.	Rạt	Ăn nói sát rạt, ngồi sát rạt.
Gianh	Con sông Gianh.	Rau	Rau cỏ.
Ranh	Ma ranh, ranh rấp.	Dầu	Sắc mặt dầu lại (không tươi).
Dành	Đề dành lại.	Giàu	Giàu sang.
Giành	Tranh giành, quả giành (tức sử-quân-tử).	Rầu	Rầu luôn (là hối hỏa luôn).
Rành	Rành rồi, rành nghề, dạy bảo rành-rành, cây rành-rành.	Giậu	Cái giậu hoa.
Giảnh	Giống-giảnh (làm cách làm bộ).	Rầu	Cầu rầu (nói giọng giận).
Rảnh	Rảnh việc, rảnh mình, rảnh róm, rảnh hai vai.	Day	Day động, gió day cành cây.
Rãnh	Cái rãnh (nước chảy).	Dày	Dày mỏng.
Dao	Dao-viền, dao-dịch, miễu dao, con dao, lời ca-dao.	Giày	Giày giép, giày bừa, giày đạp.
Giao	Giao-tróc, giao-ngôn, giao-kết, giao-thông, giao-thiếp, giao-hòa, giao-chiến, giao-dã (ngoài nội) xứ Giao-chỉ, đất Giao-châu, con giao (loài rồng).	Rày	Ngày rày, từ rày về sau.
Rao	Truyền rao, bán rao.	Dạy	Dạy bảo, dạy-dỗ.
Dào	Dồi-dào, một trận mưa dào.	Dãy	Một dãy núi, một dãy nhà.
Rào	Cái rào (tức cái sông) hàng rào, chào rào.	Rẫy	Rẫy đi (không cho dính vào).
Giáo	Giáo-dục, giáo-hóa, giáo-mác, giáo lá (cách sửa-soạn trước).	24°	
Ráo	Khô-ráo, riết-ráo, làm ráo việc.	Rắc	Rắc-rối, mưa lắc-rắc, rắc ra từng hột.
Đạo	Đi dạo chơi, một dạo (như một lần).	Dặc	Dài dặc, dài dằng-dặc.
		Giặc	Giặc nguy, giặc-giã.
		Rặc	Rặc nước, cười răng-rặc.
		Dấm	Dấm báy (cũng như năm báy).
		Giảm	Cái giảm giảm (là một cái mụn tre hay gỗ rất nhỏ).
		Răm	Răm đánh nhau (là sắp đánh nhau).

(Còn nữa)